

**Tạng Luật
Vinaya Pitaka
Tiểu Phẩm**

**Cullavagga
Tỳ kheo Indachanda
Nguyệt Thiên dịch**

----oOo----

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 27-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Phần Giới Thiệu

I. Chương Hành Sự (Kammakkhandhakaṃ)

1. Hành sự khiển trách (Tajjanīyakammaṃ)
2. Hành sự chỉ dạy (Niyassakammaṃ)
3. Hành sự xua đuổi (Pabbājanīyakammaṃ)
4. Hành sự hòa giải (Paṭisāraṇīyakammaṃ):

II. Chương Hành Parivāsa (Parivāsikkhandhakaṃ)

1. Phận sự của vị hành Parivāsa (Parivāsikavattaṃ)
2. Phận sự của vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu (Mūlāya paṭikassanārahavattaṃ)
3. Phận sự của vị xứng đáng hành mātta (Mānattārahavattaṃ)
4. Phận sự của vị thực hành Mātta (Mānattacārikavattaṃ)

III. Chương Tích Lũy Tội (Samuccayakkhandhakaṃ)

IV. Chương Dàn Xếp (Samathakkhandhakaṃ)

1. Hành xử Luật với sự hiện diện (Sammukhāvinayo)
2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ (Sativinayo)
3. Hành xử Luật khi không diện cuồng (Amūḷhavinayo)
4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận (Paṭiññātakaraṇaṃ)
5. Thuận theo số đông (Yebhuyyasikā)
6. Theo tội của vị ấy (Tassapāpiyasikā)
7. Cách dùng cỏ che lấp (Tiṇavatthāraṇaṃ)
8. Sự tranh tụng

TẬP HAI

V. Chương các Tiểu Sự (Khuddakavattthukkhandhakaṃ)

VI. Chương Sàng tọa (Senāsanakkhandhakaṃ)

1. Tụng Phẩm thứ nhất

VII. Chương Chia Rẽ Hội Chúng (Saṅghabhedakkhandhakaṃ)

1. Tụng phẩm thứ nhất

VIII. Chương Phận Sự (Vattakkhandhakaṃ)

1. Phận sự của tỳ-kheo vắng lai (Āgantuka)

2. Phận sự của tỳ-kheo thường trú (Āvāsika)
 3. Phận sự của vị xuất hành (Gamika)
 4. Phận sự tùy hỷ
 5. Phận sự ở chỗ thọ thực
 6. Phận sự của vị đi khát thực
 7. Phận sự của vị ngụ ở rừng
 8. Phận sự ở nơi cư ngụ
 9. Phận sự ở nhà tắm
 10. Phận sự ở nhà vệ sinh
 11. Phận sự đối với thầy tế độ
 12. Phận sự đối với đệ tử (saddhivihārika)
 13. Phận sự đối với thầy dạy học
- IX. Chương Đỉnh Chỉ Giới bốn Pātimokkha (Pātimokkhatthapanakkhandhakaṃ)
- X. Chương Tỳ-Kheo Ni (Bhikkhunīkhandhakaṃ)
- XI. Chương Liên Quan Năm Trăm Vị (Pañcasatikakkhandhakaṃ)
- XII. Chương Liên Quan Bảy Trăm Vị (Sattasatikkkhandhakaṃ)

---o0o---

Phần Giới Thiệu

Tạng Luật (Vinayaṭaka) thuộc về Tam Tạng (Tipiṭaka) là những lời dạy và quy định của đức Phật đến các tỳ-kheo về các vấn đề có liên quan đến cuộc sống và sự sinh hoạt của các thành viên cũng như các công việc của hội chúng, trong đó chủ yếu đề cập đến các tỳ-kheo, một phần dành cho tỳ-kheo ni, đồng thời cũng tìm thấy được một số vấn đề có thể áp dụng cho hàng tại gia cư sĩ.

Tạng Luật được chia làm 5 bộ:

1. Pārājika: Giới thiệu việc ngài Sāriputta thỉnh cầu đức Phật quy định về giới ở chương Verañja và phân phân tích giới bốn Pātimokkha của tỳ-kheo gồm có 4 Pārājika (Bất cộng trụ), 13 Saṅghādisesa (Tăng tàng), 2 Aniyata (Bất định), và 30 Nissaggiya Pācittiya (Ứng xả đối trị).

2. Pācittiya: Phân tích phần giới Pātimokkha còn lại của tỳ-kheo gồm có 92 Pācittiya (Ứng đối trị), 4 Pāṭidesanīya (Ứng phát lộ), 75 Sekhiya (Ứng học pháp), và 7 Adhikaraṇasamatha (Pháp diệt tránh) và giới bốn Pātimokkha của tỳ-kheo ni.

Hai bộ Pārājika và Pācittiya còn được gọi chung là Suttavibhaṅga.

3. Mahāvagga (Đại Phẩm): gồm 10 chương, mở đầu là sự chứng ngộ đạo quả của đức Phật, kể đến là các nhiệm vụ quan trọng của các tỳ-kheo như lễ xuất gia, lễ Uposatha (Bố Tát), việc an cư mùa mưa, lễ Pavāraṇā (Tự Tứ), v.v...

4. Cullavagga (Tiểu Phẩm): gồm 12 chương đề cập đến việc hành xử các tỳ-kheo phạm tội, giải quyết các sự tranh tụng, việc chia rẽ hội chúng, và các vấn đề khác liên quan đến đời sống xuất gia (xin xem chi tiết ở phần mục lục). Đặc biệt chương 10 đề cập việc xuất gia của tỳ-kheo ni và hai chương cuối 11 và 12 nói về hai lần kết tập Tam Tạng đầu tiên ở Ấn Độ.

Hai bộ Mahāvagga và Cullavagga còn được gọi chung là Khandhaka.

5. Parivāra (Phẩm Linh Tinh): phân tích về Giới và Luật theo các tiêu đề và được trình bày dưới dạng vấn đáp, có thể được xem như là cuốn cẩm nang hướng dẫn việc hành xử Luật.

Tam Tạng ở Thái Lan trình bày tạng Luật dưới dạng 5 bộ và in thành tám cuốn:

1. Mahāvibhaṅgo (1): Đại Phân Tích I
2. Mahāvibhaṅgo (2): Đại Phân Tích II. Hai cuốn trên phân tích đầy đủ Giới Bôn Pāṭimokkha của tỳ-kheo.
3. Bhikkhunīvibhaṅgo: Phân tích giới bôn Pāṭimokkha của tỳ-kheo ni.

So sánh với sự trình bày ở trên, ba cuốn này tức là Suttavibhaṅga, hoặc là hai bộ Pārājika và Pācittiya.

4. Mahāvaggo (1)
5. Mahāvaggo (2). Hai cuốn này tức là Đại Phẩm được phân làm hai.
6. Cullavaggo (1)
7. Cullavaggo (2). Hai cuốn này tức là Tiểu Phẩm được phân làm hai.
8. Parivāro (cũng như ở trên).

Như vậy Tạng Luật có thể được phân tích theo ba, theo năm, hoặc theo tám tùy theo sự trình bày.

Bản dịch của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pali La tinh từ Compact Disk BUDSIR IV của trường đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Phần mục lục chúng tôi thực hiện theo các chữ số đánh dấu ở đầu mỗi vấn đề; trình bày theo cách này sẽ giúp quý vị tiết kiệm được thời gian trong việc xác định vấn đề cần tham khảo.

Bản dịch này được hoàn thành là một sự nỗ lực học tập của bản thân và việc mạnh dạn giới thiệu đến quý vị không ngoài mục đích là hy vọng sẽ nhận được những lời chỉ dạy của các bậc cao minh và các sự khuyến khích góp ý của quý độc giả. Tuy đã nỗ lực xem xét lại lần thứ ba nhưng chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, chỉ mong sao có thể giúp được quý vị độc giả phần nào kiến thức về Phật học dựa vào nguồn tài liệu gốc đã được kết tập lại vì lợi ích của nhiều người, vì lợi ích của chư thiên và nhân loại. Rất mong nhận được ý kiến của quý vị. Xin email về: dinda@u.washington.edu

Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng Toạ Tiến Sĩ Bửu Chánh về CD Tam Tạng BUDSIR IV, Ven. Bodhinando (Canada), Đại Đức Hộ Phạm, Đại Đức Giác Hạnh, và Đại Đức Tâm An về CD Tam Tạng Chaṭṭha Saṅgāyana và các bản dịch Anh ngữ cũng như những sự động viên và ý kiến đóng góp trong thời gian chúng tôi thực hiện bản dịch này.

Công đức này xin dâng đến Hòa Thượng trụ trì và chư Tăng chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật Pháp trong thời gian qua.

Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh Pháp.

Colombo, ngày 15 tháng 09 năm 2003
Bhikkhu Indacanda
(Trương Đình Dũng)

-----oOo-----

I. Chương Hành Sự (Kammakkhandhakam)

1. Hành sự khiến trách (*Tajjanīyakammaṃ*)

[1] Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Xá Vệ (Sāvatti), Kỳ Viên (Jetavana), tu viện của ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Chính vào lúc bấy giờ, bản thân các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại đi đến các tỳ-kheo khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, nói như vậy:

- Nè các ngài, đừng có chịu thua. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, khôn ngoan hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà.

Chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, khiêm tốn, thận trọng, ưa thích các học giới, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì có gì mà bản thân các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại đi đến các tỳ-kheo khác, cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, nói rằng: "Nè các ngài, đừng có chịu thua. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, khôn ngoan hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà." Chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa?"

Rồi các tỳ-kheo ấy đã trình bày sự kiện ấy lên đức Thế Tôn.

[2] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy liền triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói bản thân các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại đi đến các tỳ-kheo khác, cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, nói rằng: "Nè các ngài, đừng có chịu thua. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các

ngài trí tuệ hơn, khôn ngoan hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà." Chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa; có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỷ-kheo, việc làm của những kẻ rò đại ấy là không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, là sai trái, không nên làm. Nay các tỷ-kheo, tại sao bản thân những kẻ rò đại ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng lại đi đến các tỷ-kheo khác, cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, nói rằng: "Nè các ngài, đừng có chịu thua. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, khôn ngoan hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà"? Chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa. Nay các tỷ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Hơn nữa, nay các tỷ-kheo, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

[3] Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Bằng nhiều phương thức, ngài đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự thân thiện, sự không gom góp, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã thuyết Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỷ-kheo rồi bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỷ-kheo, vì lý do này hội chúng hãy thực thi hành sự khiển trách đối với các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Và nay các tỷ-kheo, nên thực thi như vậy: Trước hết, các tỷ-kheo Paṇḍuka và Lohitaka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội rồi, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bản thân các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại đi đến các tỳ-kheo khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, nói rằng: "Nè các ngài, đừng có chịu thua. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, khôn ngoan hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà." Chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bản thân các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, lại đi đến các tỳ-kheo khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, nói rằng: "Nè các ngài, đừng có chịu thua. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, khôn ngoan hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà." Chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa. Hội chúng thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, lại đi đến các tỳ-kheo khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, nói rằng: "Nè các ngài, đừng có chịu thua. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, khôn ngoan hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà." Chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa. Hội chúng thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào thỏa thuận với việc

thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, lại đi đến các tỳ-kheo khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng, nói rằng: "Nè các ngài, đừng có chịu thua. Các ngài hãy mạnh dạn và lớn tiếng phản bác lại. Các ngài trí tuệ hơn, khôn ngoan hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe với các ngài mà." Chính vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh càng phát triển nhiều hơn nữa. Hội chúng thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự khiển trách đối với các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[4] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi thiếu sự hiện diện [*], được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi do sự không thừa nhận (appaṭiññāya kataṃ). Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[*] Chú giải giải thích: được thực hiện không có đủ sự hiện diện của hội chúng, của Pháp, của Luật, và vị bị khiển trách.

[5] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được [*], được thực thi với tội đã được thú nhận. Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[*] là tội Bất cộng trụ (Pārājika) hoặc Tăng tàng (Saṅghādisesa).

[6] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[7] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[8] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[9] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[10] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[11] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một

hành sự khiển trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[12] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội đã được thú nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[13] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[14] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[15] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

Dứt Mười hai hành sự không đúng Pháp.

[16] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận (*paṭiññāya kataṃ*). Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiển trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[17] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được thú nhận. Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[18] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[19] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[20] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[21] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[22] Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tử-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[23] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[24] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội chưa được thú nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[25] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[26] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[27] Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự khiến trách hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

Dứt Mười hai hành sự đúng Pháp.

[28] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiến trách đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột,

cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[29] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, là vị bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, là vị bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[30] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị chê bai Phật, là vị chê bai Pháp, là vị chê bai Tăng. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[31] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với ba hạng tỳ-kheo: hạng thường gây nên sự xung đột, ...(như trên)..., và tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; hạng năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[32] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[33] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng chê bai Phật, hạng chê bai Pháp, hạng chê bai Tăng. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự khiển trách đối với ba hạng tỳ-kheo này.

Dứt Sáu điều mong muốn.

[34] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo thực thi hành sự khiển trách nên làm phạm sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phạm sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên; không nên ban cho phép nương nhờ; không nên để sa-di phục vụ; không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni; không nên giảng dạy tỳ-kheo ni dầu đã được chỉ định; không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự khiển trách; hoặc tội tương tự; hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy; không nên chỉ trích hành sự; không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự; không nên đình chỉ lễ Bố Tát (Uposatha); (hoặc) không nên đình chỉ lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) của vị tỳ-kheo trong sạch; không nên sai bảo; không nên cáo tội; không nên bảo tránh lỗi đi; không nên quở trách; không nên nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

Dứt Mười tám phạm sự thuộc hành sự khiển trách.

[35] Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách đối với các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Các vị ấy khi được hội chúng thực thi hành sự khiển trách đã làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, rồi đi đến gặp các tỳ-kheo và nói như vậy:

- Bạch chư đại đức, chúng tôi khi được hội chúng thực thi hành sự khiển trách đã làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, giờ nên tiến hành như thế nào đối với chúng tôi?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình bày sự kiện ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỳ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka.

[36] Nay các tỳ-kheo, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy ban phép tu lên bậc trên, vị ấy ban cho phép nương nhờ, vị ấy bảo sa-di phục vụ, vị ấy chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, vị ấy giảng dạy tỳ-kheo ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ-kheo, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[37] Nay các tỳ-kheo, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy chỉ trích hành sự, vị ấy chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các

tỷ-kheo, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[38] Nay các tỷ-kheo, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy hành lễ Bồ Tát (Uposatha), (hoặc) hành lễ Tỳ Tứ (Pavāraṇā) chung với vị tỷ-kheo trong sạch, vị ấy sai bảo, vị ấy cáo tội, vị ấy bảo tránh lối đi, vị ấy quở trách, vị ấy nhắc nhở (vị tỷ-kheo trong sạch), vị ấy tạo bè phái với các tỷ-kheo. Nay các tỷ-kheo, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Mười tám trường hợp không nên thu hồi.

[39] Nay các tỷ-kheo, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy không ban phép tu lên bậc trên, vị ấy không ban cho phép nương nhờ, vị ấy không bảo sa-di phục vụ, vị ấy không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỷ-kheo ni, vị ấy không giảng dạy tỷ-kheo ni cho dù đã được chỉ định. Nay các tỷ-kheo, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[40] Nay các tỷ-kheo, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy không chỉ trích hành sự, vị ấy không chỉ trích các vị thực thi hành sự, Nay các tỷ-kheo, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[41] Nay các tỷ-kheo, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy không hành lễ Bồ Tát (Uposatha), (hoặc) không hành lễ Tỳ Tứ (Pavāraṇā) chung với vị tỷ-kheo trong sạch, vị ấy không sai bảo, vị ấy không cáo tội, vị ấy không bảo tránh lối đi, vị ấy không quở trách, vị ấy không nhắc nhở (vị tỷ-kheo trong sạch), vị ấy không tạo bè phái với các tỷ-kheo. Nay các tỷ-kheo, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Mười tám trường hợp nên thu hồi.

[42] Và nay các tỷ-kheo, nên thu hồi như vậy: Nay các tỷ-kheo, các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỷ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, chúng tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, chúng tôi cầu xin sự thu hồi hành sự khiển trách.

Nên cầu xin thêm lần thứ nhì. Nên cầu xin thêm lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi...(như trên)... Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự khiển trách, các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự khiển trách đối với các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự khiển trách đối với các tỷ-kheo nhóm Paṇḍuka và Lohitaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Hành sự khiển trách là phần thứ nhất.

---o0o---

2. Hành sự chỉ dạy (Niyassakammaṃ)

[43] Vào lúc bấy giờ, đại đức Seyyasaka là vị là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng, là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục; hơn nữa, các tỷ-kheo bị mệt mỗi khi cho vị ấy hành phạt parivāsa [*], rồi cho hành phạt lại từ đầu, xong còn cho hành phạt mānatta [*], rồi cho giải tội [*]. Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ... (như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Seyyasaka là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng, là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục, lại khiến các tỷ-kheo bị mệt mỗi khi cho vị ấy hành phạt parivāsa, rồi cho hành phạt lại từ đầu, xong còn cho hành phạt mānatta, rồi cho giải tội nữa?

[*] Parivāsa đã được các vị tiên bối dịch là: phép sống riêng, hoặc biệt trú, v.v... Theo thiện ý, chúng tôi muốn giữ nguyên vì đây là từ có tính cách chuyên môn, khó tìm được từ tương đương. Hơn nữa, nhớ được các từ chuyên môn này sẽ có ích lợi khi giao tiếp với các vị học giả học Phật người nước ngoài.

- Từ mānatta đã được dịch là: phép hoan hỷ, hoặc tự hồi, v.v...

- Khi đề cập đến việc sám hối tội Saṅghādisesa, ba từ chuyên môn cần ghi nhớ: parivāsa, mānatta, abbhāna (đã được dịch là giải tội, hoặc phục vị, v.v... Chúng tôi tạm sử dụng từ giải tội để ghi nhận sự kết thúc việc sám hối tội).

Rồi các tỷ-kheo ấy đã trình bày sự kiện ấy lên đức Thế Tôn.

[44] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy liền tập họp các tỷ-kheo lại hỏi rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo Seyyasaka là kẻ ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng, là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục, khiến các tỳ-kheo bị mệt mỗi khi cho vị ấy hành phạt parivāsa, rồi cho hành phạt lại từ đầu, xong còn cho hành phạt mānatta, rồi cho giải tội nữa, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, việc làm của những kẻ rồ dại ấy là không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, là sai trái, không nên làm. Nay các tỳ-kheo, tại sao kẻ rồ dại ấy là kẻ ngu si, khờ khạo, phạm nhiều tội, thiếu khả năng, là kẻ năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục, lại khiến các tỳ-kheo bị mệt mỗi khi cho vị ấy hành phạt parivāsa, rồi cho hành phạt lại từ đầu, xong còn cho hành phạt mānatta, rồi cho giải tội nữa? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì lý do này, hội chúng hãy thực thi hành sự chỉ dạy đối với tỳ-kheo Seyyasaka: "Người cần phải thực hành sự nương nhờ." Và nay các tỳ-kheo, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỳ-kheo Seyyasaka cần được quả trách, sau khi quả trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở rồi mới nên xác định tội; sau khi xác định tội rồi, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng, là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục, khiến các tỳ-kheo bị mệt mỗi khi cho vị ấy hành phạt parivāsa, rồi cho hành phạt lại từ đầu, xong còn cho hành phạt mānatta, rồi cho giải tội nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với tỳ-kheo Seyyasaka: "Người cần phải thực hành sự nương nhờ." Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng, là vị năng thân

cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục, khiến các tỳ-kheo bị mệt mỏi khi cho vị ấy hành phạt parivāsa, rồi cho hành phạt lại từ đầu, xong còn cho hành phạt mānatta, rồi cho giải tội nữa. Hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy đối với tỳ-kheo Seyyasaka: "Người cần phải thực hành sự nương nhờ." Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự chỉ dạy đối với đại đức Seyyasaka: "Người cần phải thực hành sự nương nhờ," xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi ...(như trên)..., xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục; khiến các tỳ-kheo bị mệt mỏi khi cho vị ấy hành phạt parivāsa, rồi cho hành phạt lại từ đầu, xong còn cho hành phạt mānatta, rồi cho giải tội nữa. Hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy đối với tỳ-kheo Seyyasaka: "Người cần phải thực hành sự nương nhờ." Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự chỉ dạy đối với đại đức Seyyasaka: "Người cần phải thực hành sự nương nhờ," xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự chỉ dạy đối với đại đức Seyyasaka: "Người cần phải thực hành sự nương nhờ," đã được thực thi bởi hội chúng. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[45] Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi do sự không thừa nhận (*appaṭiññāya kataṃ*). Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[46] Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được thú nhận. Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[47] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[48] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[49] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ do ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[50] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ do ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[51] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ do ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[52] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ do ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một

hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[53] Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ do ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội đã được thú nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[54] Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ do ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[55] Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ do ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[56] Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

Dứt Mười hai hành sự không đúng Pháp.

[57] Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận (paṭiññāya kataṃ). Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[58] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được thú nhận. Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[59] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[60] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[61] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[62] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[63] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[64] Nay các tử-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được

thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[65] Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội chưa được thú nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[66] Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[67] Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[68] Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự chỉ dạy hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

Dứt Mười hai hành sự đúng Pháp.

[69] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[70] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, là vị bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, là vị bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[71] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị chê bai Phật, là vị chê bai Pháp, là vị chê bai Tăng. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[72] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ-kheo: hạng thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; hạng năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[73] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[74] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng chê bai Phật, hạng chê bai Pháp, hạng chê bai Tăng. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ-kheo này.

Dứt Sáu điều mong muốn.

[75] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo thực thi hành sự chỉ dạy nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên; không nên ban cho phép nương nhờ; không nên để sa-di phục vụ; không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni; không nên giảng dạy tỳ-kheo ni dầu đã được chỉ định; không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy; hoặc tội tương tự;

hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy; không nên chỉ trích hành sự; không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự; không nên hành lễ Bồ Tát (Uposatha); (hoặc) không nên hành lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) chung với vị tỳ-kheo trong sạch; không nên sai bảo; không nên cáo tội; không nên bảo tránh lối đi; không nên quở trách; không nên nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

Dứt Mười tám phạm sự thuộc hành sự chỉ dạy.

[76] Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự chỉ dạy đối với tỳ-kheo Seyyasaka: "Người cần phải thực hành sự nương nhờ." Khi được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, vị ấy đã thân cận, quan hệ, gần gũi bạn tốt, khiến họ đọc tụng, đặt câu hỏi, nghe nhiều, thành thạo kinh điển, nắm giữ Pháp, nắm giữ Luật, rành rẽ các đầu đề, trở nên trí tuệ, kinh nghiệm, thông minh, khiêm tốn, thận trọng, ưa thích các học giới. Vị ấy làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, rồi đến gặp các tỳ-kheo nói như vậy:

- Bạch chư đại đức, khi được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tôi đã làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, giờ nên tiến hành như thế nào đối với tôi?

Các tỳ-kheo đã trình bày sự kiện ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ-kheo Seyyasaka.

[77] Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy ban phép tu lên bậc trên, vị ấy ban cho phép nương nhờ, vị ấy bảo sa-di phục vụ, vị ấy chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, vị ấy giảng dạy tỳ-kheo ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[78] Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy chỉ trích hành sự, vị ấy chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[79] Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy hành lễ Bố Tát (Uposatha), (hoặc) hành lễ Tỳ Tứ (Pavāraṇā) chung với vị tỳ-kheo trong sạch, vị ấy sai bảo, vị ấy cáo tội, vị ấy bảo tránh lối đi, vị ấy quở trách, vị ấy nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch), vị ấy tạo bè phái với các tỳ-kheo.

Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Mười tám trường hợp không nên thu hồi.

[80] Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy không ban phép tu lên bậc trên, vị ấy không ban cho phép nương nhờ, vị ấy không bảo sa-di phục vụ, vị ấy không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, vị ấy không giảng dạy tỳ-kheo ni mặc dù đã được chỉ định. Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[81] Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy không chỉ trích hành sự, vị ấy không chỉ trích các vị thực thi hành sự, Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[82] Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy không hành lễ Bố Tát (Uposatha), (hoặc) không hành lễ Tỳ Tứ (Pavāraṇā) chung với vị tỳ-kheo trong sạch, vị ấy không sai bảo, vị ấy không cáo tội, vị ấy không bảo tránh lối đi, vị ấy không quở trách, vị ấy không nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch), vị ấy không tạo bè phái với các tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Mười tám trường hợp nên được thu hồi.

[83] Và nay các tỳ-kheo, nên thu hồi như vậy: Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo Seyyasaka ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tôi làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phận để sửa đổi, tôi cầu xin sự thu hồi hành sự chỉ dạy.

Nên cầu xin thêm lần thứ nhì. Nên cầu xin thêm lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tỷ-kheo Seyyasaka này làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỷ-kheo Seyyasaka. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tỷ-kheo Seyyasaka này làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỷ-kheo Seyyasaka. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỷ-kheo Seyyasaka, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tỷ-kheo Seyyasaka này làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỷ-kheo Seyyasaka. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỷ-kheo Seyyasaka, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự chỉ dạy, tỷ-kheo Seyyasaka này làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỷ-kheo Seyyasaka. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỷ-kheo Seyyasaka, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự chỉ dạy đối với tỷ-kheo Seyyasaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Hành sự chỉ dạy là phần thứ nhì.

---o0o---

3. Hành sự xua đuổi (*Pabbājanīyakammaṃ*)

[84] Vào lúc bấy giờ, các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng núi Kīṭā là những tỷ-kheo tỳ, không biết hổ thẹn. Họ thực hiện những hành động xấu xa như sau: họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình tràng hoa kết một mặt, tràng hoa kết hai mặt, thảm hoa, vòng hoa, vòng hoa đội đầu, vòng hoa đeo tai, vòng hoa che ngực. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chiếu, nằm chung trên một giường, nằm chung trên một nệm, nằm chung trên một khăn trải, nằm chung trên một nệm có phủ khăn. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xúc nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ đàn địch, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang đánh đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang giỡn hớt. Họ còn tiêu khiển cờ tám quân, cờ mười quân, họ ném lên trên không trung, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò ước lượng khoảng cách, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đổ chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ

chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ làm bộ giận dữ, họ siết tay nhau, họ vật lộn, họ dùng tay đánh nhau. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: "Này cô em, hãy nhảy ở đây này;" họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ thực hiện những hành động xấu xa bằng nhiều cách.

[85] Vào lúc bảy giờ, có một vị tỷ-kheo sống qua mùa an cư ở xứ Kāsi. Khi đang đi đến thành Xá Vệ (Sāvatti) để diện kiến đức Thế Tôn, vị ấy đã trú tại vùng núi Kīṭā. Vào lúc bình minh, vị tỷ-kheo ấy khoác y, mang y bát, đi vào vùng núi Kīṭā để khát thực. Vị ấy có phong cách chững chạc, mắt nhìn xuống, với vẻ chăm chú khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi. Dân chúng thấy vị tỷ-kheo ấy mới nói rằng:

- Người này là ai mà trông giống như một kẻ ngu trong nhóm người ngu, giống như một kẻ khờ trong nhóm người khờ, giống như một kẻ ngớ ngẩn trong nhóm người ngớ ngẩn vậy? Khi gã đi đến, ai mà chịu bố thí đồ ăn đây? Trong khi các ngài thuộc nhóm Assaji và Punabbasuka của chúng ta thì lịch thiệp, thân thiện, nói năng hoà nhã, luôn cười xã giao, luôn mời mọc đến thăm viếng, không có hờn hĩnh, khuôn mặt lại rạng rỡ, luôn mở đầu câu chuyện, nhờ vậy các ngài mới có đồ khát thực cúng dường.

Rồi một cận sự nam đã thấy vị tỷ-kheo nọ đang đi khát thực ở vùng núi Kīṭā. Thấy vậy liền đi đến gần; khi đến gần rồi đã chào hỏi vị tỷ-kheo ấy và nói như sau:

- Bạch đại đức, đồ khát thực có nhận được chưa vậy?
- Này đạo hữu, đồ khát thực chưa có nhận được.
- Vậy xin thỉnh đại đức, chúng ta sẽ đi về nhà.

Sau đó, người cận sự nam đã dẫn vị tỷ-kheo ấy về nhà, dâng thức ăn, và nói như sau:

- Bạch đại đức, ngài sẽ đi đâu?
- Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi thành Xá Vệ (Sāvatti) để diện kiến đức Thế Tôn.
- Như thế, bạch đại đức, xin ngài đánh lễ bằng đầu ở chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy trình thế này: "Bạch ngài, sự sinh

sống ở vùng núi Kīṭā đã bị hủ hoá. các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng núi Kīṭā là những tỷ-kheo tồ, không biết hổ thẹn. Họ thực hiện những hành động xấu xa như sau: họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình tràng hoa kết một mặt, tràng hoa kết hai mặt, thảm hoa, vòng hoa, vòng hoa đội đầu, vòng hoa đeo tai, vòng hoa che ngực. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chiếu, nằm chung trên một giường, nằm chung trên một nệm, nằm chung trên một khăn phủ, nằm chung trên một nệm có phủ khăn. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ đàn địch, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang đánh đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang giỡn hớt. Họ còn tiêu khiển cờ tám quân, cờ mười quân, họ ném lên trên không trung, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò ước lượng khoảng cách, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đổ chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ làm bộ giận dữ, họ siết tay nhau, họ vật lộn, họ dùng tay đánh nhau. Họ trái y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: "Này cô em, hãy nhảy ở đây này," họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ thực hiện những hành động xấu xa bằng nhiều cách. Bạch đại đức, những người trước đây sùng đạo, có niềm tin, bây giờ không còn sùng đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỷ-kheo tốt ra đi, còn các tỷ-kheo tồ cư ngụ. Bạch đại đức, lành thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các tỷ-kheo đến vùng núi Kīṭā, như vậy sự sinh sống ở vùng núi Kīṭā có thể tồn tại."

- Được rồi, này đạo hữu.

Vị tỷ-kheo ấy sau khi lắng nghe cận sự nam đó đã rời chỗ ngồi đứng dậy đi về hướng thành Xá Vệ (Sāvatti). Thấm thoát, đến thành Xá Vệ (Sāvatti), vị ấy liền đi đến Kỳ Viên (Jetavana), tu viện của ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) nơi đức Thế Tôn đang ngụ. Đến nơi, vị ấy đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

[86] Thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các tỷ-kheo đi đến. Rồi đức Thế Tôn đã nói với vị tỷ-kheo ấy như sau:

- Này tỷ-kheo, mọi việc có tốt đẹp không? Việc khát thực có dễ dàng không? Đi đường xa chắc ngại không phải là ít mệt? Và này tỷ-kheo, ngại từ đâu đến vậy?

- Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Việc khát thực được dễ dàng. Đi đường xa, bạch Thế Tôn, con không mệt lắm. Như vậy, bạch Thế Tôn, con sống qua mùa an cư ở xứ Kāsi. Khi đang đi đến thành Xá Vệ (Sāvatti) để diện kiến đức Thế Tôn, con đã trú tại vùng núi Kīṭā. Bạch Thế Tôn, vào lúc bình minh, con khoác y, mang y bát, đi vào vùng núi Kīṭā để khát thực. Rồi một cận sự nam đã thấy con đang đi khát thực ở vùng núi Kīṭā; thấy vậy liền đến gần, khi đến gần rồi đã chào hỏi con và nói như sau: "Bạch đại đức, đồ khát thực có nhận được chưa vậy?" "Này đạo hữu, đồ khát thực chưa có nhận được." "Vậy xin thỉnh đại đức, chúng ta sẽ đi về nhà." Sau đó, người cận sự nam đã dẫn con về nhà, dâng thức ăn, và nói như sau: "Bạch đại đức, ngài sẽ đi đâu?" "Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi thành Xá Vệ (Sāvatti) để diện kiến đức Thế Tôn." "Như thế, bạch đại đức, xin ngài đánh lễ bằng đầu ở chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy trình thế này: "Bạch ngài, sự sinh sống ở vùng núi Kīṭā đã bị hủ hoá. các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng núi Kīṭā là những tỷ-kheo tội, không biết hổ thẹn. Họ thực hiện những hành động xấu xa như sau: họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(như trên)... Họ thực hiện những hành động xấu xa bằng nhiều cách. Bạch đại đức, những người trước đây sùng đạo, có niềm tin, bây giờ không còn sùng đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỷ-kheo tốt ra đi, còn các tỷ-kheo tội cư ngụ. Bạch đại đức, lành thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các tỷ-kheo đến vùng núi Kīṭā, như vậy sự sinh sống ở vùng núi Kīṭā có thể tồn tại." Con từ xứ đó đi đến, bạch Thế Tôn.

[87] Rồi đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy liền tập họp các tỳ-kheo lại hỏi rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng núi Kīṭā là những tỳ-kheo tội, không biết hổ thẹn. Họ thực hiện những hành động xấu xa như sau: họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ... (như trên) ... ; họ thực hiện những hành động xấu xa bằng nhiều cách. Những người trước đây sùng đạo, có niềm tin, bây giờ không còn sùng đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỳ-kheo tốt ra đi, còn các tỳ-kheo tội cư ngụ, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, việc làm của những kẻ rồ dại ấy là không đúng đắn, ... (như trên) ... Nay các tỳ-kheo, tại sao những kẻ rồ dại ấy lại thực hiện những hành động xấu xa như vậy: họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình tràng hoa kết một mặt, tràng hoa kết hai mặt, thảm hoa, vòng hoa, vòng hoa đội đầu, vòng hoa đeo tai, vòng hoa che ngực. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chiếu, nằm chung trên một giường, nằm chung trên một nệm, nằm chung trên một khăn phủ, nằm chung trên một nệm có phủ khăn. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xúc nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ đàn địch, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang đánh đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang giỡn hót. Họ còn tiêu khiển cờ tám quân, cờ mười quân, họ ném lên trên không trung, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi

ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò ước lượng khoảng cách, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đổ chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ làm bộ giận dữ, họ siết tay nhau, họ vật lộn, họ dùng tay đánh nhau. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: "Này cô em, hãy nhảy ở đây này," họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ thực hiện những hành động xấu xa bằng nhiều cách. Những người trước đây sùng đạo, có niềm tin, bây giờ không còn sùng đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỷ-kheo tốt ra đi, còn các tỷ-kheo tồi cư ngụ. Này các tỷ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo Xá Lợi Phất (Sāriputta) và Mục Kiền Liên (Moggallāna) rằng:

- Này Xá Lợi Phất (Sāriputta) và Mục Kiền Liên (Moggallāna), hai người hãy đi đến vùng núi Kīṭā rồi hãy thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng núi Kīṭā đối với các tỷ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka, họ đã từng ngụ chung trú xá với các người.

- Bạch ngài, các tỷ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka thì dữ tợn và thô lỗ, làm thế nào chúng con lại thực thi hành sự xua đuổi các tỷ-kheo ấy ra khỏi vùng núi Kīṭā được?

- Như vậy, này Xá Lợi Phất (Sāriputta) và Mục Kiền Liên (Moggallāna), hai người hãy đi cùng với nhiều tỷ-kheo.

- Thưa vâng, bạch ngài. Xá Lợi Phất (Sāriputta) và Mục Kiền Liên (Moggallāna) đã trả lời với đức Thế Tôn.

[88] Và này các tỷ-kheo, nên thực thi như vậy: Trước hết, các tỷ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở rồi cần xác định tội; sau khi xác định tội rồi, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được đồn đãi nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được đồn đãi nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng núi Kīṭā đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: "Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng núi Kīṭā." Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được đồn đãi nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được đồn đãi nữa. Hội chúng thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng núi Kīṭā đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: "Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng núi Kīṭā." Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng núi Kīṭā đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: "Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng núi Kīṭā," xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được đồn đãi nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được đồn đãi nữa. Hội chúng thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng núi Kīṭā đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: "Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng núi Kīṭā." Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng núi Kīṭā đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: "Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng núi Kīṭā," xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được đồn đãi nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được đồn đãi nữa.

Hội chúng thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng núi Kīṭā đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: "Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng núi Kīṭā." Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng núi Kīṭā đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: "Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng núi Kīṭā," xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự xua đuổi ra khỏi vùng núi Kīṭā đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: "Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng núi Kīṭā" đã được thực thi bởi hội chúng. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[89] Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi do sự không thừa nhận (*appaṭiññāya kataṃ*). Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[90] Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được thú nhận. Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[91] Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[92] Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)... được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)... được thực thi

do sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... được thực thi với tội đã được thú nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm ...(như trên)... được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Đây các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

Dứt Mười hai hành sự không đúng Pháp.

[93] Đây các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận (paṭiññāya kataṃ). Đây các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[94] Đây các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được thú nhận. Đây các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[95] Đây các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. ...(như trên)...

[96] Đây các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp ...(như trên)...

[97] Nay các tử-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp ...(như trên)...

[98] Nay các tử-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp ...(như trên)...

[99] Nay các tử-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp...(như trên)...

[100] Nay các tử-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp ...(như trên)...

[101] Nay các tử-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội chưa được thú nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp ...(như trên)...

[102] Nay các tử-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp ...(như trên)...

[103] Nay các tử-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp ...(như trên)...

[104] Nay các tử-kheo, một hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tử-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba

điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

Dứt Mười hai hành sự đúng Pháp.

[105] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[106] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, là vị bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, là vị bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[107] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị chê bai Phật, là vị chê bai Pháp, là vị chê bai Tăng. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[108] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị có sự đùa giỡn bằng thân, là vị có sự đùa giỡn bằng khẩu, là vị có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[109] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị có sở hành sai trái bằng thân, là vị có sở hành sai trái bằng khẩu, là vị có sở hành sai trái bằng thân và khẩu. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[110] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị gây sự tổn hại bằng

thân (kāyikena upaghātikena samannāgato hoti), là vị gây sự tổn hại bằng khẩu, là vị gây sự tổn hại bằng thân và khẩu. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[111] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị có sự nuôi mạng không chân chánh bằng thân, là vị có sự nuôi mạng không chân chánh bằng khẩu, là vị có sự nuôi mạng không chân chánh bằng thân và khẩu. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[112] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo: hạng thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; hạng năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[113] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[114] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng chê bai Phật, hạng chê bai Pháp, hạng chê bai Tăng. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[115] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng có sự đùa giỡn bằng thân, hạng có sự đùa giỡn bằng khẩu, hạng có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[116] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng có sở hành sai trái bằng thân,

hạng có sở hành sai trái bằng khẩu, hạng có sở hành sai trái bằng thân và khẩu. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[117] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng gây sự tổn hại bằng thân (kāyikena upaghātikena samannāgato hoti), hạng gây sự tổn hại bằng khẩu, hạng gây sự tổn hại bằng thân và khẩu. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[118] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng có sự nuôi mạng không chân chánh bằng thân, hạng có sự nuôi mạng không chân chánh bằng khẩu, hạng có sự nuôi mạng không chân chánh bằng thân và khẩu. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ-kheo này.

Dứt Mười bốn điều mong muốn.

[119] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo thực thi hành sự xua đuổi nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên; không nên ban cho phép nương nhờ; không nên để sa-di phục vụ; không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni; không nên giảng dạy tỳ-kheo ni dầu đã được chỉ định; không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi; hoặc tội tương tợ; hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy; không nên chỉ trích hành sự; không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự; không nên hành lễ Bố Tát (Uposatha); (hoặc) không nên hành lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) chung với vị tỳ-kheo trong sạch; không nên sai bảo; không nên cáo tội; không nên bảo tránh lối đi; không nên quở trách; không nên nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

Dứt Mười tám phận sự thuộc hành sự xua đuổi.

[120] Sau đó, hội chúng tỳ-kheo dẫn đầu là Sāriputta và Moggallāna đã đi đến vùng núi Kīṭā và đã thực thi hành sự xua đuổi đối với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka: : "Các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng núi Kīṭā." Khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, các vị ấy không làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bốn phận để sửa đổi, không làm cho các tỳ-kheo hài

lòng, họ mắng chửi, họ nói xấu, họ bị rơi vào lẽ thói ham muốn, lẽ thói sân hận, lẽ thói si mê, lẽ thói sợ hãi, họ bỏ đi, họ hoàn tục. Rồi các tỳ-kheo ấy đã trình bày sự kiện ấy lên đức Thế Tôn.

[121] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka không làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bốn phạm để sửa đổi, không làm cho các tỳ-kheo hài lòng, họ mắng chửi, họ nói xấu, họ bị rơi vào lẽ thói ham muốn, lẽ thói sân hận, lẽ thói si mê, lẽ thói sợ hãi, họ bỏ đi, họ hoàn tục, có đúng không vậy?

-Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, thật không đúng đắn, ...(như trên)... Vì sao những kẻ rồ dại ấy khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, lại không làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bốn phạm để sửa đổi, không làm cho các tỳ-kheo hài lòng, họ lại mắng chửi, họ lại nói xấu, lại bị rơi vào lẽ thói ham muốn, lẽ thói sân hận, lẽ thói si mê, lẽ thói sợ hãi, lại bỏ đi, lại hoàn tục? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự xua đuổi.

[122] Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy ban phép tu lên bậc trên, vị ấy ban cho phép nương nhờ, vị ấy bảo sa-di phục vụ, vị ấy chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, vị ấy giảng dạy tỳ-kheo ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[123] Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội

ấy, vị ấy chỉ trích hành sự, vị ấy chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[124] Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy hành lễ Bố Tát (Uposatha), (hoặc) hành lễ Tỳ Tứ (Pavāraṇā) chung với vị tỳ-kheo trong sạch, vị ấy sai bảo, vị ấy cáo tội, vị ấy bảo tránh lối đi, vị ấy quở trách, vị ấy nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch), vị ấy tạo bè phái với các tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.

[125] Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy không ban phép tu lên bậc trên, vị ấy không ban cho phép nương nhờ, vị ấy không bảo sa-di phục vụ, vị ấy không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, vị ấy không giảng dạy tỳ-kheo ni mặc dù đã được chỉ định. Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[126] Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy chỉ trích hành sự, vị ấy chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[127] Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy không hành lễ Bố Tát (Uposatha), (hoặc) không hành lễ Tỳ Tứ (Pavāraṇā) chung với vị tỳ-kheo trong sạch, vị ấy không sai bảo, vị ấy không cáo tội, vị ấy không bảo tránh lối đi, vị ấy không quở trách, vị ấy không nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch), vị ấy không tạo bè phái với các tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Mười tám trường hợp nên thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.

[128] Và nay các tỳ-kheo, nên thu hồi như vậy: Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đã được thực thi hành sự xua đuổi ấy nên đi đến hội chúng, đáp thượng y

một bên vai, đánh lễ ở chân các tỷ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, tôi cầu xin sự thu hồi hành sự xua đuổi.

Nên cầu xin thêm lần thứ nhì. Nên cầu xin thêm lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, vị tỷ-kheo này tên (như vậy) làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự xua đuổi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị tỷ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, vị tỷ-kheo này tên (như vậy) làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đối với tỷ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự xua đuổi đối với tỷ-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, vị tỷ-kheo này tên (như vậy) làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đối với tỷ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự xua đuổi đối với tỷ-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự xua đuổi đối với vị tỷ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Hành sự xua đuổi là phần thứ ba.

----oOo----

4. Hành sự hòa giải (*Paṭisāraṇīyakammaṃ*):

[129] Vào lúc bấy giờ, đại đức Sudhamma là vị cư ngụ, vị trông nom công trình mới, và là vị thường xuyên thọ thực trong nhà của gia chủ Citta ở làng Macchikāsaṇḍa. Mỗi khi gia chủ Citta có ý muốn thỉnh mời hội chúng, một nhóm, hoặc cá nhân, gia chủ không thỉnh mời hội chúng, một nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của đại đức Sudhamma. Vào lúc bấy giờ, có nhiều tỳ-kheo trưởng lão: đại đức Sāriputta, đại đức Mahāmoggallāna, đại đức Mahākaccāna, đại đức Mahākoṭṭhika, đại đức Mahākappina, đại đức Mahācunda, đại đức Anuruddha, đại đức Revata, đại đức Upāli, đại đức Ānanda, đại đức Rāhula đang đi du hành trong xứ Kāsī và đã đến ngụ tại Macchikāsaṇḍa.

[130] Gia chủ Citta đã nghe được rằng: "Nghe nói các tỳ-kheo trưởng lão đã đi đến Macchikāsaṇḍa." Khi ấy, gia chủ Citta đã đi đến gặp các tỳ-kheo trưởng lão, sau khi đến đã đánh lễ các tỳ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Đại đức Sāriputta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Citta đang ngồi một bên bằng bài thuyết Pháp. Khi ấy, gia chủ Citta sau khi được đại đức Sāriputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài thuyết Pháp đã nói với các tỳ-kheo trưởng lão điều này:

- Bạch các ngài, xin các trưởng lão hãy nhận lời con về bữa ăn dành cho các vị khách vào ngày mai.

Các vị tỳ-kheo trưởng lão đã nhận lời bằng cách im lặng.

[131] Sau đó, khi hiểu được sự nhận lời của các tỳ-kheo trưởng lão, gia chủ Citta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ các tỳ-kheo trưởng lão, hướng vai phải nhiều quanh rồi đã đi đến gặp đại đức Sudhamma; sau khi đến đã đánh

lễ đại đức Sudhamma rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, gia chủ Citta đã nói với đại đức Sudhamma rằng:

- Bạch ngài, xin ngài Sudhamma nhận lời con về bữa ăn cùng với các vị trưởng lão vào ngày mai.

Khi ấy, đại đức Sudhamma (nghĩ rằng): "Trước đây, gia chủ Citta này mỗi khi có ý muốn thỉnh mời hội chúng, một nhóm, hoặc cá nhân, gia chủ không thỉnh mời hội chúng, một nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của ta. Giờ đây, ông ta không hỏi ý ta mà đã thỉnh mời các tỷ-kheo trưởng lão; giờ đây, gia chủ Citta này đã hư hỏng, hờ hững, ngó bộ không còn gắn bó với ta nữa," nên đã nói với gia chủ Citta rằng:

- Đủ rồi, này gia chủ, ta không nhận lời.

Đến lần thứ nhì, gia chủ Citta đã nói với đại đức Sudhamma rằng:

- Bạch ngài, xin ngài Sudhamma nhận lời con về bữa ăn cùng với các vị trưởng lão vào ngày mai.

- Đủ rồi, này gia chủ, ta không nhận lời.

Đến lần thứ ba, gia chủ Citta đã nói với đại đức Sudhamma rằng:

- Bạch ngài, xin ngài Sudhamma nhận lời con về bữa ăn cùng với các vị trưởng lão vào ngày mai.

- Đủ rồi, này gia chủ, ta không nhận lời.

Khi ấy, gia chủ Citta (nghĩ rằng): "Điều gì sẽ ảnh hưởng đến ta khi ngài Sudhamma nhận lời hay không nhận lời?" nên đã đánh lễ đại đức Sudhamma, hướng vai phải nhiều quanh rồi ra đi.

[132] Sau khi đêm ấy trôi qua, gia chủ Citta đã cho người chuẩn bị thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm cho các tỷ-kheo trưởng lão. Khi ấy, đại đức Sudhamma (nghĩ rằng): "Có lẽ ta nên xem qua sự chuẩn bị cho các tỷ-kheo trưởng lão của gia chủ Citta thế nào?" nên vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của gia chủ Citta, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được sắp đặt. Khi ấy, gia chủ Citta đã đi đến gặp đại đức Sudhamma, sau khi

đến đã đánh lễ đại đức Sudhamma rồi ngồi xuống một bên. Đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên rằng:

- Này gia chủ, thức ăn loại cứng loại mềm này đã được người chuẩn bị thật là đầy đủ. Còn một thứ ở đây chưa có đó là bánh mè.

- Bạch ngài, trong khi rất nhiều điều được tìm thấy trong lời dạy cao quý của đức Phật, vậy mà ngài Sudhamma chỉ nói đến một điều đó là "Bánh mè." Bạch ngài, trong thời quá khứ, các thương buôn người phương nam đã đi đến xứ sở phía đông để buôn bán. Từ xứ ấy, họ đã đem đi một con gà mái. Khi ấy, bạch ngài, con gà mái ấy đã được cho ở chung với một con quạ. Nó đã tạo ra một con gà con. Bạch ngài, khi con gà con ấy muốn kêu tiếng kêu của con quạ thì nó kêu: "quạ quạ tục tục;" khi nào nó muốn kêu tiếng kêu của con gà mái thì nó kêu: "tục tục quạ quạ." Bạch ngài, cũng tương tự như thế, trong khi rất nhiều điều được tìm thấy trong lời dạy quý báu của đức Phật, vậy mà ngài Sudhamma chỉ nói đến một điều đó là "Bánh mè."

- Này gia chủ, người mắng nhiếc ta. Này gia chủ, người nói xấu ta. Này gia chủ, đây là chỗ ở của người, ta sẽ bỏ đi.

- Bạch ngài, con không có mắng nhiếc, không có nói xấu ngài Sudhamma. Bạch ngài, xin ngài Sudhamma hãy cư ngụ ở làng Macchikāsaṇḍa, trong khu rừng xoài khả ái. Con sẽ ra sức cho ngài Sudhamma về vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men khi bị bệnh.

Đến lần thứ nhì, đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta rằng:

- Này gia chủ, người mắng nhiếc ta. Này gia chủ, người nói xấu ta. Này gia chủ, đây là chỗ ở của người, ta sẽ bỏ đi.

- Bạch ngài, con không có mắng nhiếc, không có nói xấu ngài Sudhamma. Bạch ngài, xin ngài Sudhamma hãy cư ngụ ở làng Macchikāsaṇḍa, trong khu rừng xoài khả ái. Con sẽ ra sức cho ngài Sudhamma về vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men khi bị bệnh.

Đến lần thứ ba, đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta rằng:

- Này gia chủ, người mắng nhiếc ta. Này gia chủ, người nói xấu ta. Này gia chủ, đây là chỗ ở của người, ta sẽ bỏ đi.

- Bạch ngài, ngài Sudhamma sẽ đi đâu?

- Nay gia chủ, ta sẽ đi đến Sāvatti để gặp đức Thế Tôn.

- Bạch ngài, như vậy thì ngài hãy kể cho đức Thế Tôn tất cả điều gì ngài đã nói và điều gì con đã nói. Bạch ngài, việc ngài Sudhamma sẽ trở lại Macchikāsanda một lần nữa là điều không có gì lạ thường cả.

[133] Khi ấy, đại đức Sudhamma đã dọn dẹp chỗ ngụ rồi cầm y bát đi đến Sāvatti. Tuần tự, đại đức Sudhamma đã đi đến Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, gặp rồi đã đánh lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sudhamma đã kể cho đức Thế Tôn tất cả điều gì bản thân đã nói và điều gì gia chủ Citta đã nói.

[134] Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay kẻ rò dại, thật là không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, là sai trái, không nên làm. Nay kẻ rò dại, tại sao người lại chỉ trích một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có đức tin, có sự hoan hỷ, là người thí chủ, là người thực hiện sự hộ độ cho hội chúng? Nay kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỷ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự hòa giải đối với tỷ-kheo Sudhamma rằng: "Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi." Và nay các tỷ-kheo, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỷ-kheo Sudhamma cần được quả trách; sau khi quả trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở rồi cần xác định tội; sau khi xác định tội rồi, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Sudhamma này chỉ trích một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có đức tin, có sự hoan hỷ, là người thí chủ, là người thực hiện sự hộ độ cho hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự hòa giải đối với tỷ-kheo Sudhamma rằng: "Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi." Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Sudhamma này chỉ trích một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có đức tin, có sự hoan hỷ, là người thí chủ, là người thực hiện sự hộ độ cho hội chúng. Hội chúng thực thi hành sự hòa giải đối với tỷ-kheo Sudhamma rằng: "Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi." Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự hòa giải đối với tỷ-kheo Sudhamma rằng: "Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi," xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Sudhamma này chỉ trích một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có đức tin, có sự hoan hỷ, là người thí chủ, là người thực hiện sự hộ độ cho hội chúng. Hội chúng thực thi hành sự hòa giải đối với tỷ-kheo Sudhamma rằng: "Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi." Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự hòa giải đối với tỷ-kheo Sudhamma rằng: "Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi," xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự hòa giải đối với tỷ-kheo Sudhamma rằng: "Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi," đã được thực thi bởi hội chúng. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[135] Nay các tỷ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi do sự không thừa nhận (*appaṭiññāya kaṭaṃ*). Nay các tỷ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[136] Nay các tỷ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được thú nhận. Nay các tỷ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[137] Nay các tỷ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác

nữa: được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[138] Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[139] Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[140] Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[141] Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[142] Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[143] Đây các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội đã được sám hối, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Đây các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[144] Đây các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Đây các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[145] Đây các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Đây các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[146] Đây các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Đây các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

Dứt Mười hai hành sự không đúng Pháp trong hành sự hòa giải.

[147] Đây các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận (paṭiññāya kataṃ). Đây các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[148] Đây các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được thú nhận. Đây các tỳ-kheo, một hành

sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[149] Nay các tỳ-kheo, . . .(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này . . .(như trên)...

[150] Nay các tỳ-kheo, . . .(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này . . .(như trên)...

[151] Nay các tỳ-kheo, . . .(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này . . .(như trên)...

[152] Nay các tỳ-kheo, . . .(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này . . .(như trên)...

[153] Nay các tỳ-kheo, . . .(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này . . .(như trên)...

[154] Nay các tỳ-kheo, . . .(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này . . .(như trên)...

[155] Nay các tỳ-kheo, . . .(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội chưa được sám hối, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này . . .(như trên)...

[156] Nay các tỳ-kheo, . . .(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội

chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[157] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này ...(như trên)...

[158] Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự hòa giải hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

Dứt Mười hai hành sự đúng Pháp trong hành sự hòa giải.

[159] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự hòa giải đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm đặc tính: là vị ra sức làm cho các gia chủ bị mất lợi lộc, là vị ra sức làm cho các gia chủ bị mất lợi ích, là vị ra sức làm cho các gia chủ bị mất chỗ ở, là vị mắng nhiếc hoặc nói xấu gia chủ, là vị chia rẽ các gia chủ với các gia chủ. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự hòa giải đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm đặc tính này.

[160] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự hòa giải đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm đặc tính khác nữa: là vị chê bai Phật đến các gia chủ, là vị chê bai Pháp đến các gia chủ, là vị chê bai Tăng đến các gia chủ, là vị chỉ trích các gia chủ một cách thậm tệ và khinh bỉ các gia chủ một cách thậm tệ, là vị không thực hiện điều đã được thỏa thuận một cách hợp lý đối với các gia chủ. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự hòa giải đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm đặc tính này.

[161] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự hòa giải đối với năm hạng tỳ-kheo: hạng ra sức làm cho các gia chủ bị mất lợi lộc, hạng ra sức làm cho các gia chủ bị mất lợi ích, hạng ra sức làm cho các gia chủ bị mất chỗ ở, hạng mắng nhiếc hoặc nói xấu gia chủ, hạng chia rẽ các gia chủ với các gia chủ. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự hòa giải đối với năm hạng tỳ-kheo này.

[162] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự hòa giải đối với năm hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng chê bai Phật đến các gia chủ, hạng chê bai Pháp đến các gia chủ, hạng chê bai Tăng đến các gia chủ, hạng chỉ trích các gia chủ một cách thậm tệ và khinh bỉ các gia chủ một cách thậm tệ, hạng không thực hiện điều đã được thỏa thuận một cách hợp lý đối với các gia chủ. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự hòa giải đối với năm hạng tỳ-kheo này.

Dứt Bốn điều mong muốn.

[163] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo thực thi hành sự hòa giải nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên; không nên ban cho phép nương nhờ; không nên để sa-di phục vụ; không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni; không nên giảng dạy tỳ-kheo ni dầu đã được chỉ định; không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự hòa giải; hoặc tội tương tự; hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy; không nên chỉ trích hành sự; không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự; không nên hành lễ Bô Tát (Uposatha); (hoặc) không nên hành lễ Tụ Tứ (Pavāraṇā) chung với vị tỳ-kheo trong sạch; không nên sai bảo; không nên cáo tội; không nên bảo tránh lỗi đi; không nên quở trách; không nên nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

Dứt Mười tám phận sự thuộc hành sự hòa giải.

[164] Sau đó, hội chúng tỳ-kheo đã thực thi hành sự hòa giải đối với tỳ-kheo Sudhamma rằng: "Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi." Khi được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, vị ấy đã đi đến Macchikāsaṇḍa nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vị ấy đã quay trở lại Sāvatti lần nữa. Các tỳ-kheo đã nói như vậy:

- Nay sư đệ Sudhamma, sư đệ đã yêu cầu gia chủ Citta đã thứ lỗi chưa?

- Các đại đức ơi, trong trường hợp này, tôi đã đi đến Macchikāsaṇḍa nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.

Các tỳ-kheo ấy đã trình bày sự kiện ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy cho sứ giả cùng đi với tỳ-kheo Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Và này các tỳ-kheo, nên ban cho

như vậy: Trước tiên, vị tỳ-kheo nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho sứ giả cùng đi với tỳ-kheo Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng cho tỳ-kheo tên (như vậy) làm sứ giả cùng đi với tỳ-kheo Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Đại đức nào thỏa thuận với việc cho tỳ-kheo tên (như vậy) làm sứ giả cùng đi với tỳ-kheo Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tỳ-kheo tên (như vậy) là sứ giả cùng đi với tỳ-kheo Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi đã được hội chúng cho phép. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[165] Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo Sudhamma ấy và tỳ-kheo sứ giả cùng đi nên đi đến Macchikāsaṇḍa và nên yêu cầu gia chủ Citta rằng:

- Nay gia chủ, hãy thứ lỗi. Tôi đang làm cho người hoan hỷ.

Nếu nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi thì đó là điều tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỳ-kheo sứ giả cùng đi nên nói rằng:

- Nay gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị tỳ-kheo này. Vị ấy đang làm cho người hoan hỷ.

Nếu nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi thì đó là điều tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỳ-kheo sứ giả cùng đi nên nói rằng:

- Nay gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị tỳ-kheo này. Tôi đang làm cho người hoan hỷ.

Nếu nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi thì đó là điều tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỳ-kheo sứ giả cùng đi nên nói rằng:

- Nay gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị tỳ-kheo này vì lời nói của hội chúng.

Nếu nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi thì đó là điều tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỷ-kheo sứ giả cùng đi không nên dẫn tỷ-kheo Sudhamma đi khỏi tầm nhìn, không nên dẫn đi khỏi tầm nghe của gia chủ Citta, nên bảo đáp thương y một bên vai, bảo ngồi chồm hõm, bảo chấp tay lên, và bảo sám hối tội ấy.

[166] Sau đó, đại đức Sudhamma và sứ giả cùng đi đã đi đến Macchikāsaṇḍa và yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vị ấy đã làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, rồi đến gặp các tỷ-kheo nói như vậy:

- Bạch chư đại đức, khi được hội chúng thực thi hành sự khiển trách tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, giờ nên tiến hành như thế nào đối với tôi?

Các tỷ-kheo đã trình bày sự kiện ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự hòa giải đối với tỷ-kheo Sudhamma.

[167] Nay các tỷ-kheo, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy ban phép tu lên bậc trên, vị ấy ban cho phép nương nhờ, vị ấy bảo sa-di phục vụ, vị ấy chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỷ-kheo ni, vị ấy giảng dạy tỷ-kheo ni khi đã được chỉ định. Nay các tỷ-kheo, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[168] Nay các tỷ-kheo, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy chỉ trích hành sự, vị ấy chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỷ-kheo, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[169] Nay các tỷ-kheo, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy hành lễ Bố Tát (Uposatha), (hoặc) hành lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) chung với vị tỷ-kheo trong sạch, vị ấy sai bảo, vị ấy cáo tội, vị ấy bảo tránh lỗi đi, vị ấy quở trách, vị ấy nhắc nhở (vị tỷ-kheo trong sạch), vị ấy tạo bè phái với các tỷ-kheo. Nay các tỷ-kheo, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Mười tám trường hợp không nên thu hồi trong hành sự hòa giải.

[170] Nay các tỳ-kheo, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy không ban phép tu lên bậc trên, vị ấy không ban cho phép nương nhờ, vị ấy không bảo sa-di phục vụ, vị ấy không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, vị ấy không giảng dạy tỳ-kheo ni mặc dù đã được chỉ định. Nay các tỳ-kheo, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[171] Nay các tỳ-kheo, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy không chỉ trích hành sự, vị ấy không chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỳ-kheo, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[172] Nay các tỳ-kheo, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy không hành lễ Bố Tát (Uposatha), (hoặc) không hành lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) chung với vị tỳ-kheo trong sạch, vị ấy không sai bảo, vị ấy không cáo tội, vị ấy không bảo tránh lối đi, vị ấy không quở trách, vị ấy không nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch), vị ấy không tạo bè phái với các tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Mười tám trường hợp nên được thu hồi trong hành sự hòa giải.

[173] Và nay các tỳ-kheo, nên thu hồi như vậy: Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo Sudhamma ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, tôi cầu xin sự thu hồi hành sự hòa giải.

Nên cầu xin thêm lần thứ nhì. Nên cầu xin thêm lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, tỳ-kheo Sudhamma này làm bốn phạm một cách nghiêm

chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự hòa giải. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ-kheo Sudhamma. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, tỳ-kheo Sudhamma này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ-kheo Sudhamma. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ-kheo Sudhamma, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, tỳ-kheo Sudhamma này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ-kheo Sudhamma. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ-kheo Sudhamma, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự hòa giải, tỳ-kheo Sudhamma này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ-kheo Sudhamma. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ-kheo Sudhamma, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự hòa giải đối với vị tỳ-kheo Sudhamma đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Hành sự hòa giải là phần thứ tư.

5. Hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội
(Āpattiyā adassane ukkhepanīyakammaṃ):

[174] Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội?

Rồi các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[175] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã tụ họp hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Thật không đúng đắn, ...(như trên)... Này các tỳ-kheo, tại sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena). Và này các tỳ-kheo, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỳ-kheo Channa cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội rồi, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena). Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ-

kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam-saṅghena), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỷ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam-saṅghena). Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỷ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam-saṅghena), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỷ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam-saṅghena) đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Và này các tỷ-kheo, hãy thông báo cho tất cả các trú xứ rằng:

- Tỷ-kheo Channa đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam-saṅghena).

[176] Nay các tỷ-kheo, một hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi do sự không thừa nhận (appaṭiññāya kataṃ). Nay các tỷ-kheo, một hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[177] Nay các tỷ-kheo, một hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được thú nhận. ...(như trên)...

[178] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quả trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. ...(như trên)...

[179] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[180] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[181] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[182] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[183] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[184] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội đã được thú nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[185] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quả trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[186] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[187] Nay các tử-kheo, một hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một

hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

Dứt Mười hai hành sự không đúng Pháp

thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.

[188] Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận (paṭiññāya kataṃ). Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[189] Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được thú nhận. ... (như trên)...

[190] Nay các tỳ-kheo, ... (như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. ... (như trên)...

[191] Nay các tỳ-kheo, ... (như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ... (như trên)...

[192] Nay các tỳ-kheo, ... (như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ... (như trên)...

[193] Nay các tỳ-kheo, ... (như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ... (như trên)...

[194] Nay các tỳ-kheo, ... (như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ... (như trên)...

[195] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[196] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội chưa được sám hối, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[197] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[198] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[199] Nay các tử-kheo, ...(như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tử-kheo, một hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

Dứt Mười hai hành sự đúng Pháp thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.

[200] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[201] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, là vị bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, là vị bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng

nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỷ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[202] Nay các tỷ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỷ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị chê bai Phật, là vị chê bai Pháp, là vị chê bai Tăng. Nay các tỷ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỷ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[203] Nay các tỷ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỷ-kheo: hạng thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; hạng năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tỷ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỷ-kheo này.

[204] Nay các tỷ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỷ-kheo khác nữa: hạng bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tỷ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỷ-kheo này.

[205] Đối với ba hạng tỷ-kheo khác nữa, nay các tỷ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với hạng tỷ-kheo hội đủ ba đặc tính: hạng chê bai Phật, hạng chê bai Pháp, hạng chê bai Tăng. Nay các tỷ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỷ-kheo này.

Dứt Sáu điều mong muốn thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.

[206] Nay các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên; không nên ban cho phép nương nhờ; không nên để sa-di phục vụ; không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỷ-kheo ni; không nên giảng dạy tỷ-kheo ni dầu đã được chỉ định; không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội; hoặc tội tương tự; hoặc tội

ng nghiêm trọng hơn tội ấy; không nên chỉ trích hành sự; không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự; không nên thừa nhận sự đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ-kheo trong sạch; không nên chê bai vị tỳ-kheo trong sạch (pakatatto bhikkhu) với sự hư hỏng về giới; không nên chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sở hành; không nên chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về tri kiến; không nên chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sự nuôi mạng; không chia rẽ các tỳ-kheo với các tỳ-kheo; không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia; không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo; không nên phục vụ các ngoại đạo; nên phục vụ các tỳ-kheo; nên học tập các học giới của tỳ-kheo; không nên cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ trong chỗ ở chung một mái che; không nên cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che; không nên cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở chung một mái che; khi thấy vị tỳ-kheo trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy; không nên sĩ nhục vị tỳ-kheo trong sạch dẫu ở trong tu viện hay ở ngoài; không nên đình chỉ lễ Bố Tát (Uposatha); (hoặc) không nên đình chỉ lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) của vị tỳ-kheo trong sạch; không nên sai bảo; không nên cáo tội; không nên bảo tránh lối đi; không nên quở trách; không nên nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

Dứt Bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.

[207] Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỳ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena). Vị ấy khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đã đi từ trú xứ ấy đến một trú xứ khác. Tại đó, các tỳ-kheo đã không đánh lễ, không đứng dậy, không chấp tay, không làm phận sự thích hợp, không tôn trọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Vị ấy, khi không được các tỳ-kheo tôn trọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến một trú xứ khác. Tại nơi đó, các tỳ-kheo cũng đã không đánh lễ, không đứng dậy, không chấp tay, không làm phận sự thích hợp, không tôn trọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Vị ấy, khi không được các tỳ-kheo tôn trọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến một trú xứ khác. Tại nơi đó, các tỳ-kheo cũng đã không đánh lễ, không đứng dậy, không chấp tay, không làm phận sự thích hợp, không tôn trọng, không cung kính, không

sùng bái, không cúng dường. Vị ấy, khi không được các tỷ-kheo tôn trọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã quay trở về lại Kosambī. Vị ấy làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, rồi đến gặp các tỷ-kheo nói như vậy:

- Bạch chư đại đức, khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, giờ nên tiến hành như thế nào đối với tôi?

Các tỷ-kheo ấy đã trình bày sự kiện ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỷ-kheo Channa.

[208] Nay các tỷ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy ban phép tu lên bậc trên, vị ấy ban cho phép nương nhờ, vị ấy bảo sa-di phục vụ, vị ấy chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỷ-kheo ni, vị ấy giảng dạy tỷ-kheo ni khi đã được chỉ định. Nay các tỷ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[209] Nay các tỷ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy chỉ trích hành sự, vị ấy chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỷ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[210] Nay các tỷ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy thừa nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phạm sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỷ-kheo trong sạch. Nay các tỷ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[211] Nay các tỷ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỷ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy thừa nhận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giế chùi chân,

sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ-kheo trong sạch. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[212] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy chê bai vị tỳ-kheo trong sạch (pakatatto bhikkhu) với sự hư hỏng về giới; chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sở hành; chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về tri kiến; chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sự nuôi mạng; chia rẽ các tỳ-kheo với các tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[213] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy đeo vật biểu hiện của người tại gia; đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo; phục vụ các ngoại đạo; không phục vụ các tỳ-kheo; không học tập các học giới của tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[214] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ trong chỗ ở chung một mái che; cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che; cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che; từ chỗ ngồi không đứng dậy khi thấy vị tỳ-kheo trong sạch; sĩ nhục vị tỳ-kheo trong sạch đầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[215] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy đình chỉ lễ Bồ Tát (Uposatha); hoặc đình chỉ lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) của vị tỳ-kheo trong sạch; vị ấy sai bảo; vị ấy cáo tội; vị ấy bảo tránh lối đi; vị ấy quở trách; vị ấy nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); vị ấy tạo bè phái với các tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.

[216] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy không ban phép tu lên bậc trên, vị ấy không ban cho phép nương nhờ, vị ấy không bảo sa-di phục vụ, vị ấy không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, vị ấy không giảng dạy tỳ-kheo ni mặc dù đã được chỉ định. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[217] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy không chỉ trích hành sự, vị ấy không chỉ trích các vị thực thi hành sự, Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[218] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không thừa nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỳ-kheo trong sạch. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[219] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không thừa nhận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ-kheo trong sạch. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[220] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không chê bai vị tỳ-kheo trong sạch (pakatatto bhikkhu) với sự hư hỏng về giới; không chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sở hành; không chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về tri kiến; không chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sự nuôi mạng; không chia rẽ các tỳ-kheo với các tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[221] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không đeo vật biểu hiện của người tại gia; không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo; không phục vụ các ngoại đạo; vị ấy phục vụ các tỳ-kheo; học tập các học giới của tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[222] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ trong chỗ ở chung một mái che; không cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che; không cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che; từ chỗ ngồi đứng dậy khi thấy vị tỳ-kheo trong sạch; không sĩ nhục vị tỳ-kheo trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[223] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy không đình chỉ lễ Bố Tát (Uposatha); (hoặc) không đình chỉ lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) của vị tỳ-kheo trong sạch; vị ấy không sai bảo; vị ấy không cáo tội; vị ấy không bảo tránh lỗi đi; vị ấy không quở trách; vị ấy không nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); vị ấy không tạo bè phái với các tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.

[224] Và nay các tỳ-kheo, nên thu hồi như vậy: Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo Channa ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, tôi cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội.

Nên cầu xin thêm lần thứ nhì. Nên cầu xin thêm lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, tỷ-kheo Channa này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỷ-kheo Channa. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, tỷ-kheo Channa này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỷ-kheo Channa. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỷ-kheo Channa, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, tỷ-kheo Channa này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỷ-kheo Channa. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với tỷ-kheo Channa, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị tỷ-kheo Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội là phần thứ năm.

6. Hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi
(Āpattiyā appatīkamme ukkhepanīyakammaṃ):

[225] Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Các tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi?

Sau đó, các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Rồi đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã tụ họp hội chúng tỷ-kheo lại và hỏi các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói tỷ-kheo Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Thật không đúng đắn, ...(như trên)... Nay các tỷ-kheo, tại sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi? Nay các tỷ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ...(như trên)... ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỷ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỷ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena).

[226] Và nay các tỷ-kheo, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỷ-kheo Channa cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội rồi, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỷ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỷ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena). Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỷ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỷ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena). Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỷ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỷ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena) đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Và này các tỷ-kheo, hãy thông báo cho tất cả các trú xứ rằng:

- Tỷ-kheo Channa đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena).

[227] Nay các tỷ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi do sự không thừa nhận (appaṭiññāya kataṃ). Nay các tỷ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[228] Nay các tử-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được thú nhận. ...(như trên)...

[229] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quả trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. ...(như trên)...

[230] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[231] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[232] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[233] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[234] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[235] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội đã được sám hối, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[236] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quả trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[237] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[238] Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: khác nữa: được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

Dứt Mười hai hành sự không đúng Pháp thuộc hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.

[239] Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận (*appaṭiññāya kaṭaṃ*). Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[240] Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được thú nhận. Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[241] Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[242] Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng

theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[243] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[244] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[245] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[246] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[247] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội chưa được thú nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[248] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[249] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[250] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

Dứt Mười hai hành sự đúng Pháp thuộc hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.

[251] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[252] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, là vị bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, là vị bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[253] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị chê bai Phật, là vị chê bai Pháp, là vị chê bai Tăng. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[254] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tử-kheo: hạng thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; hạng năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tử-kheo này.

[255] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tử-kheo khác nữa: hạng bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tử-kheo này.

[256] Đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa, này các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính: hạng chê bai Phật, hạng chê bai Pháp, hạng chê bai Tăng. Này các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ-kheo này.

Dứt Sáu điều mong muốn thuộc hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.

[257] Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên; không nên ban cho phép nương nhờ; không nên để sa-di phục vụ; không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni; không nên giảng dạy tỳ-kheo ni dầu đã được chỉ định; không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi; hoặc tội tương tự; hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy; không nên chỉ trích hành sự; không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự; không nên thừa nhận sự đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giế chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ-kheo trong sạch; không nên chê bai vị tỳ-kheo trong sạch (pakatatto bhikkhu) với sự hư hỏng về giới; không nên chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sở hành; không nên chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về tri kiến; không nên chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sự nuôi mạng; không nên chia rẽ các tỳ-kheo với các tỳ-kheo; không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia; không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo; không nên phục vụ các ngoại đạo; nên phục vụ các tỳ-kheo; nên học tập các học giới của tỳ-kheo; không nên cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ trong chỗ ở chung một mái che; không nên cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ nơi không phải là chỗ ở chung một mái che; không nên cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở chung một mái che; khi thấy vị tỳ-kheo trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy; không nên sĩ nhục vị tỳ-kheo trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài; không nên đình chỉ lễ Bố Tát (Uposatha); (hoặc) không nên đình chỉ lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) của vị tỳ-kheo trong sạch; không nên sai bảo; không nên cáo tội; không nên bảo tránh lối đi; không nên quở trách; không nên nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

Dứt Bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.

[258] Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ-kheo Channa: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena). Vị ấy khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đã đi từ trú xứ ấy đến một trú xứ khác. Tại đó, các tỳ-kheo đã không đánh lễ, không đứng dậy, không chấp tay, không làm phận sự thích hợp, không tôn trọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Vị ấy, khi không được các tỳ-kheo tôn trọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến một trú xứ khác. Tại nơi đó, các tỳ-kheo cũng đã không đánh lễ, không đứng dậy, không chấp tay, không làm phận sự thích hợp, không tôn trọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Vị ấy, khi không được các tỳ-kheo tôn trọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến một trú xứ khác. Tại nơi đó, các tỳ-kheo cũng đã không đánh lễ, không đứng dậy, không chấp tay, không làm phận sự thích hợp, không tôn trọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Vị ấy, khi không được các tỳ-kheo tôn trọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, (cảm thấy) không được tôn trọng nên đã quay trở về lại Kosambī. Vị ấy làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phận để sửa đổi, rồi đến gặp các tỳ-kheo nói như vậy:

- Bạch chư đại đức, khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, tôi làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phận để sửa đổi, giờ nên tiến hành như thế nào đối với tôi?

Các tỳ-kheo ấy đã trình bày sự kiện ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ-kheo Channa.

[259] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy ban phép tu lên bậc trên, vị ấy ban cho phép nương nhờ, vị ấy bảo sa-di phục vụ, vị ấy chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, vị ấy giảng dạy tỳ-kheo ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[260] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy tái

phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy chỉ trích hành sự, vị ấy chỉ trích các vị thực thi hành sự. ...(như trên)...

[261] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị ấy thừa nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỳ-kheo trong sạch. ...(như trên)...

[262] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị ấy thừa nhận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ-kheo trong sạch. ...(như trên)...

[263] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị ấy chê bai vị tỳ-kheo trong sạch (pakatatto bhikkhu) với sự hư hỏng về giới; chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sở hành; chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về tri kiến; chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sự nuôi mạng; chia rẽ các tỳ-kheo với các tỳ-kheo. ...(như trên)...

[264] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị ấy đeo vật biểu hiện của người tại gia; đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo; phục vụ các ngoại đạo; vị ấy không phục vụ các tỳ-kheo; không học tập các học giới của tỳ-kheo. ...(như trên)...

[265] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị ấy cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ trong chỗ ở chung một mái che; cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che; cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngụ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che; từ chỗ ngồi không đứng dậy khi thấy vị tỳ-kheo trong sạch; sĩ nhục vị tỳ-kheo trong sạch đầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[266] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy đình chỉ lễ Bố Tát (Uposatha); (hoặc) đình chỉ lễ Tự Tử (Pavāraṇā) của vị tỳ-kheo trong sạch; vị ấy sai bảo; vị ấy cáo tội; vị ấy bảo tránh lối đi; vị ấy quở trách; vị ấy nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); vị ấy tạo bè phái với các tỳ-kheo. Nay các tỳ-

kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.

[267] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy không ban phép tu lên bậc trên, vị ấy không ban cho phép nương nhờ, vị ấy không bảo sa-di phục vụ, vị ấy không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, vị ấy không giảng dạy tỳ-kheo ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[268] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy không chỉ trích hành sự, vị ấy không chỉ trích các vị thực thi hành sự. ...(như trên)...

[269] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không thừa nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỳ-kheo trong sạch. ...(như trên)...

[270] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không thừa nhận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ-kheo trong sạch. ...(như trên)...

[271] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không chê bai vị tỳ-kheo trong sạch (pakatatto bhikkhu) với sự hư hỏng về giới; không chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sở hành; không chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về tri kiến; không chê bai vị tỳ-kheo trong sạch với sự hư hỏng về sự nuôi mạng; không chia rẽ các tỳ-kheo với các tỳ-kheo. ...(như trên)...

[272] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không đeo vật biểu hiện của người tại gia; không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo; vị ấy không phục vụ các ngoại đạo; phục vụ các tỳ-kheo; học tập các học giới của tỳ-kheo. ...(như trên)...

[273] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngũ trong chỗ ở chung một mái che; không cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngũ nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che; không cùng với vị tỳ-kheo trong sạch ngũ trong chỗ ở hoặc nơi không phải là chỗ ở nhưng chung một mái che; từ chỗ ngồi đứng dậy khi thấy vị tỳ-kheo trong sạch; không sĩ nhục vị tỳ-kheo trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[274] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy không đình chỉ lễ Bố Tát (Uposatha); (hoặc) không đình chỉ lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) của vị tỳ-kheo trong sạch; vị ấy không sai bảo; vị ấy không cáo tội; vị ấy không bảo tránh lỗi đi; vị ấy không quở trách; vị ấy không nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); vị ấy không tạo bè phái với các tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Bốn mươi ba trường hợp nên thu hồi trong hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.

[275] Và nay các tỳ-kheo, nên thu hồi như vậy: Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo Channa ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, tôi cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi.

Nên cầu xin thêm lần thứ nhì. Nên cầu xin thêm lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, tỳ-kheo Channa này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi. Nếu là thời

điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ-kheo Channa. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, tỳ-kheo Channa này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ-kheo Channa. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ-kheo Channa, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi, tỳ-kheo Channa này làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ-kheo Channa. Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ-kheo Channa, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ-kheo Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi là phần thứ sáu.

7. Hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác
(Pāpikāya ditṭhiyā appaṭinissagge ukkhepanīyakammaṃ):

[276] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo tên Aritṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: "Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành." Nhiều vị tỳ-kheo đã nghe được rằng:

- Nghe nói tỳ-kheo tên Aritṭha đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: "Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành."

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã đi đến gặp tỳ-kheo Aritṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, sau khi đến đã nói với tỳ-kheo Aritṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, điều này:

- Nay đại đức Aritṭha, nghe nói đại đức đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: "Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành," có đúng không vậy?

- Đúng như thế, này các đại đức, theo như tôi hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.

- Nay đại đức Aritṭha, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn như thế. Bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Nay đại đức Aritṭha, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chương ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành. Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là một bộ xương nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là một miếng thịt ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là một cây đuốc cỏ ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là một hồ than cháy rực ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là một giấc mơ ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là vật vay mượn ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là trái trên cây ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là một lò sát sanh ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là mũi lao nhọn ...(như trên)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Khi được các tỳ-kheo ấy nói như thế, tỳ-kheo Aritṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng, do có sự ngoan cố, chấp giữ, và bảo thủ tà kiến ác ấy nên vẫn phát biểu giống như thế:

- Theo như tôi hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.

Như thế, các tỳ-kheo ấy không thể giúp cho tỳ-kheo Aritṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng, thoát khỏi tà kiến ác ấy. Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, đến rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[277] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã tụ họp hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi tỳ-kheo Aritṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng rằng:

- Này Aritṭha, nghe nói tà kiến ác đã sanh khởi ở ngươi như vậy: "Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành," có đúng không vậy?

- Bạch ngài, như vậy là con hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành.

- Này kẻ rò dại, vì sao ngươi lại hiểu Pháp được ta thuyết giảng là như thế? Này kẻ rò dại, không phải ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chương ngại có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành? Dục tình đã được ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được ta giảng giải như là một bộ xương nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được ta giảng giải như là một miếng thịt ... (như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là một cây đuốc cỏ ... (như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là một hồ than cháy rực ... (như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là một giấc mơ ... (như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là vật vay mượn ... (như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là trái trên cây ... (như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là một lò sát sanh ... (như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là mũi lao nhọn ... (như trên)... Dục tình đã được ta giảng giải như là đầu rắn độc nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Hơn nữa, này kẻ rò dại, ngươi không những vu không ta do sự hiểu biết sai lại của bản thân mà ngươi còn làm tổn hại chính bản thân và tích lũy vô số điều bất thiện nữa. Này kẻ rò dại, chính điều ấy sẽ đem lại cho ngươi sự thất

bại và khổ đau lâu dài. Nay kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ...(như trên)... ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ-kheo Ariṭṭha: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena).

[278] Và nay các tỳ-kheo, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỳ-kheo Ariṭṭha cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội rồi, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Ariṭṭha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: "Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn giảng giải thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành." Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Ariṭṭha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: "Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn giảng giải thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành." Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena). Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Ariṭṭha này trước đây là người huấn luyện chim ưng đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: "Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chương ngại cho người thực hành." Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỷ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam-saṅghena). Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỷ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam-saṅghena), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỷ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam-saṅghena) đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Và này các tỷ-kheo, hãy thông báo cho tất cả các trú xứ rằng: Tỷ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam-saṅghena).

[279] Này các tỷ-kheo, một hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi do sự không thừa nhận (appaṭiññāya kataṃ). Này các tỷ-kheo, một hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[280] Này các tỷ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi với tội đã được thú nhận. ...(như trên)...

[281] Này các tỷ-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quở trách, được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi khi chưa xác định tội. ...(như trên)...

[282] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[283] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[284] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự không thừa nhận, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[285] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội không vi phạm, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[286] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[287] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội đã được sám hối, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[288] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa quả trách, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[289] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa nhắc nhở, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. ...(như trên)...

[290] Nay các tử-kheo, một hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm. Nay các tử-kheo, một hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

Dứt Mười hai hành sự không đúng Pháp thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

[291] Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi do sự thừa nhận (paṭiññāya kataṃ). Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[292] Nay các tỳ-kheo, một hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi với tội chưa được thú nhận. ... (như trên)...

[293] Nay các tỳ-kheo, ... (như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi sau khi đã xác định tội. ... (như trên)...

[294] Nay các tỳ-kheo, ... (như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ... (như trên)...

[295] Nay các tỳ-kheo, ... (như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ... (như trên)...

[296] Nay các tỳ-kheo, ... (như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi do sự thừa nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ... (như trên)...

[297] Nay các tỳ-kheo, ... (như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ... (như trên)...

[298] Nay các tỳ-kheo, ... (như trên) ... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội vi phạm đưa đến việc sám hối được, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ... (như trên)...

[299] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi với tội chưa được thú nhận, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[300] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã quở trách, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[301] Nay các tử-kheo, ...(như trên)... ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã nhắc nhở, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. ...(như trên)...

[302] Nay các tử-kheo, một hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi đã xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp. Nay các tử-kheo, một hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

Dứt Mười hai hành sự đúng Pháp thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

[303] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[304] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, là vị bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, là vị bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[305] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị chê bai Phật, là vị chê bai Pháp, là vị chê bai Tăng. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[306] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tử-kheo: hạng thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; hạng năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tử-kheo này.

[307] Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tử-kheo khác nữa: hạng bị khiếm khuyết về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị khiếm khuyết về hạnh thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị khiếm khuyết về tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tử-kheo này.

[308] Đối với ba hạng tử-kheo khác nữa, nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tử-kheo hội đủ ba đặc tính: hạng chê bai Phật, hạng chê bai Pháp, hạng chê bai Tăng. Nay các tử-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tử-kheo này.

Dứt Sáu điều mong muốn thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

[309] Nay các tử-kheo, vị tử-kheo thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên; không nên ban cho phép nương nhờ; không nên để sa-di phục vụ; không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tử-kheo ni; không nên giảng dạy tử-kheo ni dầu đã được chỉ định; không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác; hoặc tội tương tự; hoặc tội

ng nghiêm trọng hơn tội ấy; không nên chỉ trích hành sự; không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự; không nên đình chỉ lễ Bồ Tát (Uposatha); (hoặc) không nên đình chỉ lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) của vị tỳ-kheo trong sạch; không nên sai bảo; không nên cáo tội; không nên bảo tránh lối đi; không nên quở trách; không nên nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

Dứt Mười tám phạm sự thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

[310] Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng: Không được đồng lợi hành với hội chúng (asambhogam- saṅghena). Vị ấy khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đã hoàn tục. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục?

Rồi các tỳ-kheo ấy đã trình bày sự kiện ấy lên đức Thế Tôn.

[311] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhận sự kiện ấy đã tụ họp hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các vị tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, nghe nói tỳ-kheo Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- ...(như trên)... Này các tỳ-kheo, tại sao kẻ rồ dại ấy khi được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

[312] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy ban phép tu lên bậc trên, vị ấy ban cho phép nương nhờ, vị ấy bảo sa-di phục vụ, vị ấy chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, vị ấy giảng dạy tỳ-kheo ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[313] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy chỉ trích hành sự, vị ấy chỉ trích các vị thực thi hành sự. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[314] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy đình chỉ lễ Bố Tát (Uposatha); (hoặc) vị ấy đình chỉ lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) của vị tỳ-kheo trong sạch; vị ấy sai bảo; vị ấy cáo tội; vị ấy bảo tránh lối đi; vị ấy quở trách; vị ấy nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); vị ấy tạo bè phái với các tỳ-kheo. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

[315] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: Vị ấy không ban phép tu lên bậc trên, vị ấy không ban cho phép nương nhờ, vị ấy không bảo sa-di phục vụ, vị ấy không chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, vị ấy không giảng dạy tỳ-kheo ni dầu đã được chỉ định. Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[316] Nay các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện khác nữa: Vị ấy không

tái phạm tội đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, vị ấy không chỉ trích hành sự, vị ấy không chỉ trích các vị thực thi hành sự, Đây các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện này.

[317] Đây các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện: Vị ấy không đình chỉ lễ Bố Tát (Uposatha); vị ấy không đình chỉ lễ Tỳ Tứ (Pavāraṇā) của vị tỳ-kheo trong sạch; vị ấy không sai bảo; vị ấy không cáo tội; vị ấy không bảo tránh lỗi đi; vị ấy không quở trách; vị ấy không nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch); vị ấy không tạo bè phái với các tỳ-kheo. Đây các tỳ-kheo, hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện này.

Dứt Mười tám trường hợp nên thu hồi thuộc hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

[318] Và đây các tỳ-kheo, nên thu hồi như vậy: Đây các tỳ-kheo, tỳ-kheo đã được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch chư đại đức, được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, tôi làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, và làm bốn phạm để sửa đổi, tôi cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

Nên cầu xin thêm lần thứ nhì. Nên cầu xin thêm lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, vị tỳ-kheo này tên (như vậy) làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, tử-kheo này tên (như vậy) làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tử-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tử-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Được hội chúng thực thi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, tử-kheo này tên (như vậy) làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ cầu xin sự thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tử-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc thu hồi hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tử-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tử-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Phần thứ bảy - Hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

Dứt Chương Hành Sự là chương thứ nhất.

Trong chương này có bảy sự kiện.

Tóm lược chương này:

[319]

Các tử-kheo thuộc nhóm
tên là Paṇḍuka
và Lohitaka,
bản thân tạo xung đột,
lại đi đến các vị

có sở hành như thế,
và gây ra xung đột
chưa sanh, họ tạo nên,
đã sanh, làm lớn chuyện.
Thiện tử-kheo, thiếu dục,
phản nản bậc Pháp Chủ,
vị duy trì Chánh Pháp,
đức Phật bậc tự tại,
bậc Tối Thượng cho phép
làm hành sự khiến trách
ở thành Sāvatti,
ngài là bậc Chiến Thắng.
Việc ấy được thực thi
thiếu đi sự hiện diện,
khi chưa được tra hỏi,
do sự không thừa nhận.
Việc ấy được thực thi
khi không có phạm tội,
tội không sám hối được,
tội đã được thú nhận.
Việc ấy được thực thi
khi chưa được quở trách,
khi chưa được nhắc nhở,
khi chưa xác định tội.
Việc ấy được thực thi
thiếu đi sự hiện diện,
không theo đúng phương thức,
và chính bởi phe nhóm.
Việc ấy được thực thi
khi chưa được tra hỏi,
không theo đúng phương thức,
và chính bởi phe nhóm.
Việc ấy được thực thi
do sự không thừa nhận,
không theo đúng phương thức,
và chính bởi phe nhóm.
Việc ấy được thực thi
khi không có phạm tội,
không theo đúng phương thức,
và chính bởi phe nhóm.

Việc ấy được thực thi
tội không sám hối được,
không theo đúng phương thức,
và chính bởi phe nhóm.
Và cũng như thế ấy
với tội đã thú nhận,
không theo đúng phương thức,
và chính bởi phe nhóm.
Và cũng như thế ấy
khi chưa được quở trách,
không theo đúng phương thức,
và chính bởi phe nhóm.
Và cũng như thế ấy
khi chưa được nhắc nhở,
không theo đúng phương thức,
và chính bởi phe nhóm.
Và cũng như thế ấy
khi chưa xác định tội,
không theo đúng phương thức,
và chính bởi phe nhóm.
Với trường hợp không đúng,
đúng cách được nghiệm ra.
Khi hội chúng thích hợp
nên thực thi hành sự
khiển trách đến vị ấy,
vị thường gây xung đột,
ngu si, sông chung đụng.
Hội chúng nên thực thi
về hành sự khiển trách
vị thiếu tăng thượng giới,
thiếu tăng thượng sở hành,
và kiến thức sai quấy.
Hội chúng nên thực thi
về hành sự khiển trách
tỷ-kheo chê bai Phật,
Giáo Pháp, và Tăng-già.
Hội chúng nên thực thi
về hành sự khiển trách
hạng thường gây xung đột,
ngu si, sông chung đụng.

Cũng y như thế ấy
hạng thiếu tăng thượng giới,
thiếu tăng thượng sở hành,
và kiến thức sai quấy,
hạng chê bai đức Phật,
Giáo Pháp, và Tăng-già.
Bị hành sự khiển trách,
các phận sự đúng đắn
phải làm là như vậy:
Vị thực thi hành sự
không ban phép cụ túc,
không cho sự nương nhờ,
không sa-di phục vụ,
không giáo giới các ni
cho dù được chỉ định,
không phạm lại tội ấy,
tội tương tự như vậy,
hoặc nghiêm trọng hơn thế,
không chỉ trích hành sự,
và các vị kết tội,
không được phép đình chỉ
lễ Uposatha,
lễ Pavāraṇā
của tỷ-kheo trong sạch,
sai bảo, việc cáo tội,
nhường lối đi, quở trách,
nhắc nhở, tạo bè phái,
các việc như thế ấy
là không được thực hành.
Không thu hồi hành sự
với năm điều kiện này:
Vị ban phép cụ túc,
cho phép sự nương nhờ,
để sa-di phục vụ,
giáo giới tỷ-kheo ni
cho dù được chỉ định,
vị phạm lại tội ấy,
tội tương tự như vậy,
hoặc nghiêm trọng hơn thế,
vị chỉ trích hành sự,

luôn các vị thực thi
thì không nên thu hồi.
Vị nào mà đình chỉ
lễ Uposatha,
lễ Pavāraṇā,
sai bảo, việc cáo tội,
nhường lối đi, quở trách,
nhắc nhở, tạo bè phái,
vi phạm tám điều này,
không nên thu hồi lại
hành sự khiển trách được.
Vớ trường hợp không đúng,
đúng cách được nghiệm ra.
Seyyaso ngu si,
là vị phạm nhiều tội,
lại còn sống chung đưng.
Vị Chánh Đẳng Chánh Giác
là bậc đại hiền triết
đã cho phép thực thi
về hành sự chỉ dạy.
Các tử-kheo thuộc nhóm
của Assaji và
Punabbasukā
ở vùng núi Kīṭā
không thu thúc, còn làm
việc sai trái các loại.
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
ban hành sự xua đuổi,
ngài là đấng Chiến Thắng
ở thành Sāvatti.
Vị Sudhamma ở
Macchikāsaṇḍa
thường trú của Citta.
Sudhamma mắng nhiếc
đến gia chủ Citta.
Vị câu chuyện sanh ra,
đấng Thiện Thệ cho phép
làm hành sự hòa giải.
Bậc Chiến Thắng tối thượng
đã cho phép án treo

trong việc không thấy tội
với tỷ-kheo Channa
ở thành Kosambī
do không nhìn nhận tội.
Channa không sửa đổi
với chính tội lỗi ấy,
vị lãnh đạo cho phép
về hành sự án treo
trong việc không sửa chữa.
Ariṭṭha đã khởi
tà kiến ác, thiếu trí,
bậc Chiến Thắng cho phép
về hành sự án treo
do không bỏ ác kiến.
Giống hành sự chỉ dạy,
xua đuổi, và hòa giải,
không nhìn nhận, sửa chữa,
không từ bỏ tà kiến.
Việc đùa giỡn sai trái,
sở hành làm tổn hại,
và nuôi mạng sái quấy,
các điều phụ trội này
thuộc hành sự xua đuổi.
Mất lợi lộc, chê bai
tức là hai nhóm năm,
có tên "hai nhóm năm,"
các điều phụ trội này
thuộc hành sự hòa giải.
Việc khiển trách, nương nhờ,
thuộc hai hành sự ấy
được qui định tương tự.
Trong xua đuổi, hòa giải,
là có điều phụ trội.
Ba hành sự án treo,
được phân tích tương tự.
Theo đúng ở phương thức
của hành sự khiển trách,
các hành sự còn lại
như vậy được nghiệm ra.

II. Chương Hành Parivāsa (Parivāsikakkhandhakam)

1. Phận sự của vị hành Parivāsa (Parivāsikavattam)

[320] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo hành parivāsa tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch (pakatattānam- bhikkhūnam). Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo hành parivāsa lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch?

Rồi các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[321] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã tụ họp hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo hành parivāsa lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, tại sao các tỳ-kheo hành parivāsa lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy các tỳ-kheo hành parivāsa không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch. Vị nào tiếp nhận thì phạm tội tác ác (dukkata).

Này các tỳ-kheo, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, việc chấp tay, việc làm phận sự thích hợp, việc sửa soạn chỗ ngồi, việc sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, việc tiếp rước y bát, việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ-kheo hành parivāsa với nhau tính theo thâm niên.

Này các tỳ-kheo, ta cho phép năm sự việc: lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, y tắm mưa, vật cúng dường, bữa ăn của các tỳ-kheo hành parivāsa được tính theo thâm niên. Nay các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ-kheo hành parivāsa, các tỳ-kheo hành parivāsa nên thực hành theo như thế.

[322] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa nên thực hành phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên để sa-di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, không nên giảng dạy tỳ-kheo ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng đã cho hành parivāsa, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, không nên hành lễ Bồ Tát (Uposatha), (hoặc) không nên hành lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) chung với tỳ-kheo trong sạch, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên bảo tránh lối đi, không nên quở trách, không nên nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch), không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

[323] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ-kheo trong sạch. Nên cho đến vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên chấp nhận việc ấy. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa không nên đi đến các gia đình với vị tỳ-kheo trong sạch làm vị sa-môn đi trước hoặc làm sa-môn thị giả, không nên thọ trì pháp cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): "Chớ để họ biết về mình."

[324] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa là vị khách (đi đến) nên trình báo (về hành phạt đang thọ), nên trình báo đến vị tỳ-kheo khách, nên trình báo trong lễ Uposatha, nên trình báo trong lễ Pavāraṇā (về hành phạt đang thọ). Nếu vị ấy bị bệnh, người đại diện nên trình báo giùm.

[325] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ và không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[326] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có

nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[327] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi

đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

[328] Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che cùng với vị tỳ-kheo trong sạch. Khi thấy vị tỳ-kheo trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Nên mời vị tỳ-kheo trong sạch (ngồi) chỗ ngồi ấy. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ-kheo trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ-kheo trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên

đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[329] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hành parivāsa cùng với vị tỳ-kheo thâm niên hơn cũng là vị hành parivāsa ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo đang thực hành mānatta... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội, không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[330] Nay các tỳ-kheo, nếu vị thứ tư là vị đang hành parivāsa thì (hội chúng ấy) không thể ban cho hành phạt parivāsa, không thể cho (thực hành) trở lại từ đầu, không thể cho hành phạt mānatta, nếu là vị thứ hai mươi thì (hội chúng ấy) không thể giải tội; việc làm ấy không phải là hành sự và không nên thực hành.

Đứt Chín mươi bốn phạm sự của vị hành parivāsa (Parivāsika).

[331] Lúc bảy giờ, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, vị tỳ-kheo hành parivāsa có bao nhiêu (lý do bị) đứt đêm?

- Nay Upāli, vị tỳ-kheo hành parivāsa có ba (lý do bị) đứt đêm: sự cư ngụ chung (với các hạng tỳ-kheo đã nêu trong phân phạm sự ở trên), sự cư ngụ riêng rẽ (chỉ có một mình), sự không trình báo (cho các tỳ-kheo đi đến biết) [*]. Nay Upāli, đây là ba (lý do bị) đứt đêm của vị tỳ-kheo hành parivāsa.

[*] Lời giải thích trong ngoặc đơn dựa vào chú giải Samantapāsādikā của Buddhaghosa.

[332] Vào lúc bảy giờ, một hội chúng tỳ-kheo đông đảo đã tụ hội tại Sāvatti. Các tỳ-kheo hành parivāsa không thể hoàn thành hành phạt parivāsa. Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ngưng hành phạt parivāsa. Và nay các tỳ-kheo, nên ngưng như vậy: Vị tỳ-kheo hành parivāsa nên đi đến một vị tỳ-kheo, đắp y thượng y một bên vai, rồi ngồi chòm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy: "Tôi ngưng hành phạt parivāsa." Hành phạt parivāsa đã được ngưng lại. "Tôi ngưng (thực hành) phạt sự." Hành phạt parivāsa đã được ngưng lại.

[333] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ở Sāvatti đã ra đi nơi này nơi nọ. Các tỳ-kheo hành parivāsa có thể hoàn thành hành phạt parivāsa. Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thọ trì lại hành phạt parivāsa. Và nay các tỳ-kheo, nên thọ trì lại như vậy: Vị tỳ-kheo hành parivāsa nên đi đến một vị tỳ-kheo, đắp y thượng y một bên vai, rồi ngồi chòm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy: "Tôi thọ trì lại hành phạt parivāsa." Hành phạt parivāsa đã được thọ trì lại. "Tôi thọ trì lại phạt sự." Hành phạt parivāsa đã được thọ trì lại.

Dứt phạt sự của vị hành parivāsa.

---o0o---

2. Phận sự của vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu (Mūlāya paṭikassanārahavattaṃ)

[334] Vào lúc bảy giờ, các vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch (pakatattānam- bhikkhūnaṃ). Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phân nân, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch?

Rồi các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[335] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã tụ họp hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, tại sao các tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch. Vị nào tiếp nhận thì phạm tội tác ác (dukkata).

Này các tỳ-kheo, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, ...(như trên)..., việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu với nhau tính theo thâm niên. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép năm sự việc: lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, y tắm mưa, vật cúng dường, bữa ăn của các tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu được tính theo thâm niên.

Này các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, các tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu nên thực hành theo như thế.

[336] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu nên thực hành phạt sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phạt sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên để sa-di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, không nên giảng dạy tỳ-kheo ni dầu đã được

chỉ định, vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, không nên hành lễ Bố Tát (Uposatha), (hoặc) không nên hành lễ Tụ Tứ (Pavāraṇā) chung với tỳ-kheo trong sạch, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên bảo tránh lỗi đi, không nên quở trách, không nên nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch), không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

[337] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ-kheo trong sạch. Nên cho đến vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên chấp nhận việc ấy. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu không nên đi đến các gia đình với vị tỳ-kheo trong sạch làm vị sa-môn đi trước hoặc làm sa-môn thị giả, không nên thọ trì pháp cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): "Chớ để họ biết về mình."

[338] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ và không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến chỗ

trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[339] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[340] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không

phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

[341] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che cùng với vị tỳ-kheo trong sạch. Khi thấy vị tỳ-kheo trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Nên mời vị tỳ-kheo trong sạch (ngồi) chỗ ngồi ấy. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ-kheo trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ-kheo trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[342] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu cùng với vị tỳ-kheo hành parivāsa ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu nhưng thâm niên hơn ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo đang thực hành mānatta ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ-kheo trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[343] Nay các tỳ-kheo, nếu vị thứ tư là vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu thì (hội chúng ấy) không thể ban cho hành phạt parivāsa, không thể cho (thực hành) trở lại từ đầu, không thể cho hành phạt mānatta, nếu là vị thứ hai mươi thì (hội chúng ấy) không thể giải tội; việc làm ấy không phải là hành sự và không nên thực hành.

Dứt phạm sự của vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu.

3. Phận sự của vị xứng đáng hành m \bar{a} natta (*M \bar{a} natt \bar{a} rahavattaṃ*)

[344] Vào lúc bấy giờ, các vị t \bar{y} -kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phận sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các t \bar{y} -kheo trong sạch (pakatatt \bar{a} nam- bhikkh \bar{u} naṃ). Các t \bar{y} -kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các t \bar{y} -kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các t \bar{y} -kheo trong sạch?

Sau đó, các vị t \bar{y} -kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các t \bar{y} -kheo, nghe nói các t \bar{y} -kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các t \bar{y} -kheo trong sạch, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các t \bar{y} -kheo, tại sao các t \bar{y} -kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các t \bar{y} -kheo trong sạch? Nay các t \bar{y} -kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các t \bar{y} -kheo rằng:

- Nay các t \bar{y} -kheo, như vậy các t \bar{y} -kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các t \bar{y} -kheo trong sạch. Vị nào tiếp nhận thì phạm tội tác ác (dukkata).

Nay các t \bar{y} -kheo, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, ...(như trên)... việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các t \bar{y} -kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta với

nhau tính theo thâm niên. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép năm sự việc: lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, y tắm mưa, vật cúng dường, bữa ăn của các tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta được tính theo thâm niên. Nay các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta, các tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta nên thực hành theo như thế.

[345] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta nên thực hành phạt sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phạt sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên để sa-di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, không nên giảng dạy tỳ-kheo ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng đã cho (thực hành) trở lại từ đầu, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, không nên hành lễ Bồ Tát (Uposatha), (hoặc) không nên hành lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) chung với tỳ-kheo trong sạch, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên bảo tránh lỗi đi, không nên quở trách, không nên nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch), không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

[346] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ-kheo trong sạch. Nên cho đến vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên chấp nhận việc ấy. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta không nên đi đến các gia đình với vị tỳ-kheo trong sạch làm vị sa-môn đi trước hoặc làm sa-môn thị giả, không nên thọ trì pháp cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): "Chớ để họ biết về mình."

[347] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta là vị khách (đi đến) nên trình báo (về hành phạt đang thọ), nên trình báo đến vị tỳ-kheo khách, nên trình báo trong lễ Uposatha, nên trình báo trong lễ Pavāraṇā (về hành phạt đang thọ). Nếu vị ấy bị bệnh, người đại diện nên trình báo giùm.

[348] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ và không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành mānatta ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc

nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành m^ānatta ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[349] Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành m^ānatta ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[350] Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... nơi không phải

là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ...(như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

[351] Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che cùng với vị tỳ-kheo trong sạch. Khi thấy vị tỳ-kheo trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Nên mời vị tỳ-kheo trong sạch (ngồi) chỗ ngồi ấy. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ-kheo trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ-kheo trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[352] Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta cùng với vị tỳ-kheo hành parivāsa ...(như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ...(như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta nhưng thâm niên hơn ...(như trên)... cùng với vị tỳ-kheo đang thực hành m \bar{a} natta ...(như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong

khi vị kia) ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ-kheo trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[353] Nay các tỳ-kheo, nếu vị thứ tư là vị đang xứng đáng hành m \bar{a} natta thì không thể cho hành phạt pariv \bar{a} sa, không thể cho trở lại (hành phạt) từ đầu, không thể cho hành phạt m \bar{a} natta, nếu là vị thứ hai mươi thì không thể giải tội, việc làm ấy không phải là hành sự và không nên thực hành.

Dứt phạm sự của vị xứng đáng hành m \bar{a} natta.

---o0o---

4. Phạm sự của vị thực hành M \bar{a} natta (M \bar{a} nattac \bar{a} rikavattam)

[354] Vào lúc bảy giờ, các vị tỳ-kheo đang thực hành m \bar{a} natta tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, sự làm phạm sự thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch (pakatatt \bar{a} nam- bhikkh \bar{u} nam). Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo đang thực hành m \bar{a} natta lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch?

Rồi các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[355] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã tụ họp hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo đang thực hành m \bar{a} natta lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, tại sao các tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)... sự kỳ cộ lung trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy các tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cộ lung trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch. Vị nào tiếp nhận thì phạm tội tác ác (dukkata).

Nay các tỳ-kheo, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, ...(như trên)... việc kỳ cộ lung trong khi tắm giữa các tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta với nhau tính theo thâm niên. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép năm sự việc: lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, y tắm mưa, vật cúng dường, bữa ăn của các tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta được tính theo thâm niên. Nay các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta, các tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta nên thực hành theo như thế.

[356] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta nên thực hành phạt sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phạt sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên để sa-di phục vụ, không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni, không nên giảng dạy tỳ-kheo ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng cho hành phạt m^ānatta, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực thi hành sự, không nên hành lễ Bồ Tát (Uposatha), (hoặc) không nên hành lễ Tự Tứ (Pavāraṇā) chung với tỳ-kheo trong sạch, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên bảo tránh lỗi đi, không nên quở trách, không nên nhắc nhở (vị tỳ-kheo trong sạch), không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

[357] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ-kheo trong sạch. Nên cho đến vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên chấp nhận việc ấy. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta không nên đi đến các gia đình với vị tỳ-kheo trong sạch làm vị sa-môn đi trước hoặc làm sa-môn thị giả, không nên thọ trì pháp cư ngụ ở trong

rừng, không nên thọ trì pháp hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): "Chớ để họ biết về mình."

[358] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang hành m^ānatta là vị khách (đi đến) nên trình báo (về hành phạt đang thọ), nên trình báo đến vị tỳ-kheo khách, nên trình báo trong lễ Uposatha, nên trình báo trong lễ Pavāraṇā, nên trình báo mỗi ngày. Nếu vị ấy bị bệnh, người đại diện nên trình báo giùm.

[359] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ và không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ mà không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[360] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta ở nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ nhưng có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo nhưng các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

[361] Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta ở nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta ở chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

[362] Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m^ānatta không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che cùng với vị tỳ-kheo trong sạch. Khi thấy vị tỳ-kheo trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Nên mời vị tỳ-kheo trong sạch (ngồi) chỗ ngồi ấy. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ-kheo trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi

(trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ-kheo trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[363] Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo đang thực hành m \bar{a} natta cùng với vị tỳ-kheo hành pariv \bar{a} sa ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng hành m \bar{a} natta ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo đang thực hành m \bar{a} natta nhưng thâm niên hơn ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ-kheo trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[364] Này các tỳ-kheo, nếu vị thứ tư là vị thực hành m \bar{a} natta thì (hội chúng ấy) không thể ban cho hành phạt pariv \bar{a} sa, không thể cho (thực hành) trở lại từ đầu, không thể cho hành phạt m \bar{a} natta, nếu là vị thứ hai mươi thì (hội chúng ấy) không thể giải tội; việc làm ấy không phải là hành sự và không nên thực hành.

[365] Lúc bấy giờ, đại đức Up \bar{a} li đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Up \bar{a} li đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, vị tỳ-kheo đang thực hành m \bar{a} natta có bao nhiêu (lý do bị) dứt đêm?

- Này Up \bar{a} li, vị tỳ-kheo đang thực hành m \bar{a} natta có bốn (lý do bị) dứt đêm: sự cư ngụ chung (với các hạng tỳ-kheo đã nêu trong phần phạn sự ở trên), sự cư ngụ riêng rẽ (chỉ có một mình), sự không trình báo (cho các tỳ-kheo đi đến biết), sự thực hành ở nhóm thiếu (nhân sự). Này Up \bar{a} li, đây là bốn (lý do bị) dứt đêm của vị tỳ-kheo đang thực hành m \bar{a} natta.

[366] Vào lúc bấy giờ, một hội chúng tỳ-kheo đông đảo đã tụ hội tại Sāvatti. Các tỳ-kheo đang thực hành mánatta không thể hoàn thành hành phạt mánatta. Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ngưng hành phạt mánatta. Và nay các tỳ-kheo, nên ngưng như vậy: Vị tỳ-kheo đang thực hành mánatta nên đi đến một vị tỳ-kheo, đắp y thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: "Tôi ngưng hành phạt mánatta." Hành phạt mánatta đã được ngưng lại. "Tôi ngưng (thực hành) phạt sự." Hành phạt mánatta đã được ngưng lại.

[367] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở Sāvatti đã ra đi nơi này nơi nọ. Các tỳ-kheo đang thực hành mánatta có thể hoàn thành hành phạt mánatta. Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thọ trì lại hành phạt mánatta. Và nay các tỳ-kheo, nên thọ trì lại như vậy: Vị tỳ-kheo đang thực hành mánatta nên đi đến một vị tỳ-kheo, đắp y thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: "Tôi thọ trì lại hành phạt mánatta." Hành phạt mánatta đã được thọ trì lại. "Tôi thọ trì lại phạt sự." Hành phạt mánatta đã được thọ trì lại.

Dứt phạt sự của vị thực hành mánatta.

5. Phạt sự của vị xứng đáng sự giải tội (Abbhānārahavattaṃ):

[368] Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch (pakatattānam- bhikkhūnaṃ). Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch?

Rồi các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[369] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã tụ họp hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, tại sao các tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội lại tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy các tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội không nên tiếp nhận sự đánh lễ, sự đứng dậy, ...(như trên)..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ-kheo trong sạch. Vị nào tiếp nhận thì phạm tội tác ác (dukkata).

Nay các tỳ-kheo, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, ...(như trên)... việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội với nhau tính theo thâm niên. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép năm sự việc: lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, y tắm mưa, vật cúng dường, bữa ăn của các tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội được tính theo thâm niên. Nay các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội, các tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội nên thực hành theo như thế.

[370] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội nên thực hành phạt sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phạt sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên để sa-di phục vụ, ...(như trên)... (Phạt sự của vị xứng đáng hành mānatta, của vị hành mānatta, của vị xứng đáng sự giải tội được giải thích giống như phạt sự của vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu), không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

[371] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ-kheo trong sạch. Nên cho đến vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên chấp nhận việc ấy. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội

không nên đi đến các gia đình với vị tỳ-kheo trong sạch làm vị sa-môn đi trước hoặc làm sa-môn thị giả, không nên thọ trì pháp cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): "Chớ để họ biết về mình."

[372] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ và không có tỳ-kheo trừ phi đi cùng với vị tỳ-kheo trong sạch, trừ phi có nguy hiểm...(như trên)... (Nên giải thích tương tự như ở phần dưới).

Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội ở chỗ trú ngụ có tỳ-kheo có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo ... (như trên)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ-kheo và các tỳ-kheo ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu vị ấy biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

[373] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che cùng với vị tỳ-kheo trong sạch. Khi thấy vị tỳ-kheo trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Nên mời vị tỳ-kheo trong sạch (ngồi) chỗ ngồi ấy. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ-kheo trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ-kheo trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[374] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội cùng với vị tỳ-kheo hành parivāsa ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội nhưng thâm niên hơn ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo đang thực hành mātta ... (như trên)... cùng với vị tỳ-kheo xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung trong chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ chung trong nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên cư ngụ trong

chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (trong khi vị kia) ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ-kheo trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

[375] Nay các tỳ-kheo, nếu vị thứ tư là vị xứng đáng sự giải tội thì thì (hội chúng ấy) không thể ban cho hành phạt parivāsa, không thể cho (thực hành) trở lại từ đầu, không thể cho hành phạt mānatta, nếu là vị thứ hai mươi thì (hội chúng ấy) không thể giải tội; việc làm ấy không phải là hành sự và không nên thực hành.

Dứt Phận sự của vị xứng đáng sự giải tội.

Dứt Chương Hành Biệt Trú là chương thứ hai.
Trong chương này có năm sự kiện.

Tóm lược chương này:

[376]

Các vị (bị phạm tội)
hành parivāsa
tiếp nhận sự đánh lễ,
sự đứng dậy, chấp tay,
sự thực hành đúng đắn,
sắp xếp chỗ ngồi, nằm,
nước rửa chân, ghé kê,
giẻ chùi, sự nhận bát,
kỳ cọ lưng khi tắm
của tỳ-kheo trong sạch,
các vị tốt phiền não,
vị tiếp nhận tác ác.
Có năm điều khác nữa
được tính theo thâm niên:
lễ Uposatha,
lễ Pavāraṇā,
y tắm, vật cúng dường,

bữa ăn (là thứ năm).
Phận sự cần nghiêm chỉnh,
khi vị ấy đi cùng
vị tỷ-kheo trong sạch.
Là điều bị hạn chế:
không (sa môn) đi trước
hay thị giả đi sau,
cư ngụ ở trong rừng,
việc đem lại thức ăn,
trình báo đến vị khách,
lễ Uposatha,
lễ Pavāraṇā,
và nhờ vị sứ giả.
Vị ấy có thể đi
nơi nào có tỷ-kheo,
không ngụ chung mái che,
đứng dậy, và mời thỉnh,
và cũng y như thế
chỗ ngồi phải thấp hơn,
luôn cả lối kinh hành.
Đối với vị thâm niên,
kinh hành trên mặt đất,
không đi lối kinh hành.
Không là việc thực hành,
những lúc bị đứt đêm,
và vì sự toàn hảo,
việc ngưng, thọ trì lại.
Phận sự vị (phạm tội)
hành parivāsa,
vị hành lại từ đầu,
vị xứng mātta,
vị hành mātta,
vị xứng đáng phục chức,
được phân tích tương tự
theo như phương pháp ấy.
Còn có ba điều nữa
cho vị (bị phạm tội)
hành parivāsa,
bốn điều cho các vị
thực hành mātta,

không thực hành đúng đắn,
và các sự đứt đẽm.
Phải trình báo hàng ngày
cho vị m̄natta.
Hai hành phạt còn lại
cũng thực hành tương tợ
như ba hành phạt kia.

----oOo----

III. Chương Tích Lũy Tội (Samuccayakkhandhakam)

[377] Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội cố ý xuất tinh, không có che giấu. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt m̄natta sáu đẽm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyi. Và này các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy:

[378] Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chõm hõm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt m̄natta sáu đẽm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt m̄natta sáu đẽm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu lần thứ nhì.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu lần thứ ba.

[379] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyī này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyī. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyī này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyī. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyī, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyī này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyī. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyī, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyī này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyī. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyī, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho t \bar{y} -kheo Ud \bar{a} y \bar{i} . Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[380] Khi đã hoàn tất hành phạt m \bar{a} natta, vị ấy đã trình với các t \bar{y} -kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tôi hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đã hoàn tất hành phạt m \bar{a} natta, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị t \bar{y} -kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các t \bar{y} -kheo, như vậy thì hội chúng hãy giải tội cho t \bar{y} -kheo Ud \bar{a} y \bar{i} .

[381] Và nay các t \bar{y} -kheo, nên giải tội như vậy: Nay các t \bar{y} -kheo, t \bar{y} -kheo Ud \bar{a} y \bar{i} ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các t \bar{y} -kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tôi hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã hoàn tất hành phạt m \bar{a} natta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tôi hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã hoàn tất hành phạt m \bar{a} natta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội lần thứ nhì.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tôi hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch

các ngài, tôi đã hoàn tất hành phạt mánatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội lần thứ ba.

[382] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mánatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mánatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận sự giải tội cho tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mánatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận sự giải tội cho tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hành phạt mánatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mánatta giờ cầu xin hội

chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận sự giải tội cho tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tỳ-kheo Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[383] Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội cố ý xuất tinh, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi.

[384] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[385] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỷ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỷ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỷ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỷ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đã được hội chúng ban cho tỷ-kheo Udāyi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[386] Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, vị ấy đã trình với các tỷ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi. Tôi đã hoàn thành hành phạt parivāsa, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỷ-kheo Udāyi.

[387] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi. Bạch các ngài, tôi đã hoàn thành hành phạt parivāsa, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[388] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hành phạt parivāsa, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hành phạt parivāsa, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh

có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hành phạt parivāsa, giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đã được hội chúng ban cho tỳ-kheo Udāyi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[389] Khi đã hoàn tất hành phạt mānatta, vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho tôi hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đã hoàn tất hành phạt mānatta, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy giải tội cho tỳ-kheo Udāyi.

[390] Và này các tỳ-kheo, nên giải tội như vậy: Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hỏm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho tôi hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Bạch các ngài, tôi đã hoàn tất hành phạt mānatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội.

...(như trên)..., tôi cầu xin hội chúng sự giải tội lần thứ nhì.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho tôi hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Bạch các ngài, tôi đã hoàn tất hành phạt mānatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội lần thứ ba.

[391] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-

kheo Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận sự giải tội cho tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận sự giải tội cho tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tỳ-kheo Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[392] Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội cố ý xuất tinh, đã được che giấu hai ngày....(như trên)... đã được che giấu ba ngày....(như trên)... đã được che giấu bốn ngày....(như trên)... đã được che giấu năm

ngày. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ-kheo Udāyi.

[393] Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[394] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt parivāsa năm ngày

của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho tỳ-kheo Udāyi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[395] Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy cho tỳ-kheo Udāyi đang ở vào giai đoạn giữa chừng được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

[396] Và này các tỳ-kheo, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đáp thượng y một bên

vai, đánh lễ ở chân các tỷ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[397] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỷ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỷ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỷ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội

chúng cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào thỏa thuận việc (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào thỏa thuận việc (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[398] Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mātta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng

sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

[399] Và nay các tỳ-kheo, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[400] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỷ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng cho tỷ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào thỏa thuận việc (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỷ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[401] Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đã hoàn thành hành phạt parivāsa; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi.

[402] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, giờ tôi đã hoàn thành hành phạt parivāsa, tôi cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[403] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tử-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tử-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự

cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã hoàn thành hành phạt parivāsa giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã hoàn thành hành phạt parivāsa giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho tỳ-kheo Udāyi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[404] Trong khi thực hành m \ddot{a} ṇatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã trình với các t \ddot{y} -kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt m \ddot{a} ṇatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt m \ddot{a} ṇatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho đến tôi hành phạt m \ddot{a} ṇatta sáu đêm của ba tội. Trong khi thực hành m \ddot{a} ṇatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị t \ddot{y} -kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các t \ddot{y} -kheo, như vậy thì hội chúng hãy cho t \ddot{y} -kheo Udāyi dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi mới ban hành phạt m \ddot{a} ṇatta sáu đêm.

[405] Và nay các t \ddot{y} -kheo, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: Nay các t \ddot{y} -kheo, t \ddot{y} -kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các t \ddot{y} -kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Hội chúng

đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho đến tôi hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[406] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy

đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho vị ấy, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu được. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[407] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm như vậy: Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày...(như trên)... Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho đến tôi hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của ba tội. Trong khi thực hành m \bar{a} natta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được trở lại (từ đầu) của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi cầu xin hội chúng hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[408] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày...(như trên)... Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành m \bar{a} natta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu

xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày...(như trên)... Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, đã được hội chúng ban đến tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[409] Khi đã hoàn tất hành phạt mānatta và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày....(như trên)... Khi đã hoàn tất hành phạt m \bar{a} natta và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị t \bar{y} -kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các t \bar{y} -kheo, như vậy thì hội chúng hãy cho t \bar{y} -kheo Ud \bar{a} y \bar{i} , dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi mới ban hành phạt m \bar{a} natta sáu đêm.

[410] Và này các t \bar{y} -kheo, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: ... (như trên)...

[411] Và này các t \bar{y} -kheo, nên ban cho hành phạt m \bar{a} natta như vậy: ... (như trên)...

(Hội chúng) ban cho ... (như trên)...

Hành phạt sáu đêm m \bar{a} natta của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho t \bar{y} -kheo Ud \bar{a} y \bar{i} , dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[412] Khi hoàn tất hành phạt m \bar{a} natta, vị ấy đã trình với các t \bar{y} -kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày....(như trên)... Tôi đã hoàn tất hành phạt m \bar{a} natta, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị t \bar{y} -kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các t \bar{y} -kheo, như vậy thì hội chúng hãy giải tội cho t \bar{y} -kheo Ud \bar{a} y \bar{i} .

[413] Và này các t \bar{y} -kheo, nên giải tội như vậy: Này các t \bar{y} -kheo, t \bar{y} -kheo Ud \bar{a} y \bar{i} ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các t \bar{y} -kheo trưởng lão, rồi ngồi ch \bar{o} m h \bar{o} m, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tôi. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi đã hoàn tất hành phạt mānatta và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã hoàn tất hành phạt mānatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[414] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã hoàn thành hành phạt parivāsa và đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Khi đã hoàn tất hành phạt mānatta và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai

đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày...(như trên)... Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận sự giải tội của tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hội chúng đã giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[415] Vào lúc bảy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội cố ý xuất tinh, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ-kheo Udāyi.

[416] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[417] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỷ-kheo Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỷ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỷ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đã được hội chúng ban cho tỷ-kheo Udāyi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[418] Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã trình với các tỷ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban

cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì sau khi đã cho (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, hội chúng hãy ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây.

[419] Và này các tỳ-kheo, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[420] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội

chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu ở vào giai đoạn nửa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đại đức nào thỏa thuận việc tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...

Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[421] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho sự parivāsa kết hợp (samodhānaparivāsa) với tội trước đây như vậy: Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban

cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[422] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ-

kheo Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban đến tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[423] Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng...(như trên)... Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì sau khi cho (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, hội chúng hãy ban cho

tỷ-kheo Udāyi, đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây.

[424] Và này các tỷ-kheo, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: ... (như trên)...

[425] Và này các tỷ-kheo, nên ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây như vậy: ... (như trên)...

(Hội chúng) ban cho ... (như trên)...

Hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban đến tỷ-kheo Udāyi, đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[426] Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, vị ấy đã trình với các tỷ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng ... (như trên)... Tôi đã hoàn thành hành phạt parivāsa, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỷ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỷ-kheo Udāyi.

[427] Và này các tỷ-kheo, nên ban cho như vậy: Này các tỷ-kheo, tỷ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỷ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng ... (như trên)... Bạch các ngài, tôi đã hoàn thành hành phạt parivāsa giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[428] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng...(như trên)... Vị ấy đã hoàn thành hành phạt parivāsa giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng...(như trên)... Vị ấy đã hoàn thành hành phạt parivāsa giờ cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho tỳ-kheo Udāyi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[429] Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng...(như trên)... Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì sau khi cho (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, sau khi ban cho hành

phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây, hội chúng hãy ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm.

[430] Và này các tỳ-kheo, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: ... (như trên)...

[431] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây như vậy: ... (như trên)...

[432] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho hành phạt mānatta sáu đêm như vậy: ... (như trên)...

(Hội chúng) ban cho ... (như trên)...

Hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, có che giấu năm ngày, đã được hội chúng ban đến tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[433] Khi hoàn tất hành phạt mānatta và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng... (như trên)... Khi hoàn tất hành phạt mānatta và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, như vậy thì sau khi cho (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, sau khi ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây, hội chúng hãy ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm.

[434] Và này các tỳ-kheo, nên cho (thực hành) trở lại từ đầu như vậy: ... (như trên)...

[435] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây như vậy: ...(như trên)...

[436] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho hành phạt mānatta sáu đêm như vậy...(như trên)...

(Hội chúng) ban cho ...(như trên)...

Hành phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban đến tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[437] Khi hoàn tất hành phạt mānatta, vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng...(như trên)... Tôi đã hoàn tất hành phạt mānatta, vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy giải tội cho tỳ-kheo Udāyi.

[438] Và này các tỳ-kheo, nên giải tội như vậy: Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội

xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tôi. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Khi hoàn tất hành phạt mānatta và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho

tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho tôi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi đã hoàn tất hành phạt mānatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[439] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỷ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỷ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho tỷ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỷ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa và xứng đáng hành phạt mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã

cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hành phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ-kheo Udāyi. Trong khi thực hành mānatta, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Khi hoàn tất hành phạt mānatta và xứng đáng sự giải tội, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, được (thực hành) trở lại từ đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Khi hoàn thành hành phạt parivāsa, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý,

đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho tỳ-kheo Udāyi, dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, hành phạt mānatta sáu đêm của của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng...(như trên)... Vị ấy đã hoàn tất hành phạt mānatta giờ cầu xin hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Đại đức nào thỏa thuận sự giải tội của tỳ-kheo Udāyi, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hội chúng đã giải tội cho tỳ-kheo Udāyi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

----oOo----

Tội xuất tinh được đầy đủ.

[440] Vào lúc bảy giờ, có một vị tỳ-kheo đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa (Tăng tàng): một tội đã được che giấu một ngày, một tội đã được che giấu hai ngày, một tội đã được che giấu ba ngày, một tội đã được che giấu bốn ngày, một tội đã được che giấu năm ngày, một tội đã được che giấu sáu ngày, một tội đã được che giấu bảy ngày, một tội đã được che giấu tám ngày, một tội đã được che giấu chín ngày, một tội đã được che giấu mười ngày. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)..., một tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến vị tỳ-kheo ấy.

[441] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chễm hễm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)..., một tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[442] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)..., một tội đã được che giấu mười ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)..., một tội đã được che giấu mười ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[443] Vào lúc bấy giờ, có một vị tỳ-kheo đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, hai tội đã được che giấu hai ngày, ba tội đã được che giấu ba ngày, bốn tội đã được che giấu bốn ngày, năm tội đã được che giấu năm ngày, sáu tội đã được che giấu sáu ngày, bảy tội đã được che giấu bảy ngày, tám tội đã được che giấu tám ngày, chín tội đã được che giấu chín ngày, mười tội đã được che giấu mười ngày. Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)..., mười tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến vị tỳ-kheo ấy.

[444] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)..., mười tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[445] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)..., mười tội đã được che giấu mười ngày. Vị ấy cầu xin hội

chúng hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, ...(như trên)..., mười tội đã được che giấu mười ngày. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[446] Vào lúc bấy giờ, có một vị tỳ-kheo đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu

hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng."

Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Tôi đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi. Pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi trong khi thực hành parivāsa: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng;" vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị tỳ-kheo ấy.

[447] Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hỏm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Tôi đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu

hai tháng đến tôi. Trong khi tôi thực hành parivāsa, pháp hỏ thẹn đã xuất hiện: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hỏ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng." Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[448] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo này tên (như vậy) đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy hành parivāsa, pháp hỏ thẹn đã xuất hiện: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hỏ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng đến tỷ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị tỳ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị tỳ-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên)...

Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị tỳ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Này các tỳ-kheo, sau khi xác định điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nên hành parivāsa hai tháng.

[449] Này các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được

che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ-kheo, sau khi xác định điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nên hành parivāsa hai tháng.

[450] Này các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội vị ấy biết, một tội vị ấy không biết. Tội mà vị ấy biết, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, vị ấy biết được tội kia. Vị ấy nghĩ như vậy: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội ta biết, một tội ta không biết. Tội mà ta biết, ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi thực hành parivāsa, ta biết được tội kia. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ-kheo, sau khi xác định điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nên hành parivāsa hai tháng.

[451] Này các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội vị ấy nhớ, một tội vị ấy không nhớ. Tội mà vị ấy nhớ, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã

được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, vị ấy nhớ được tội kia. Vị ấy nghĩ như vậy: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội ta nhớ, một tội ta không nhớ. Tội mà ta nhớ, ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi thực hành parivāsa, ta nhớ được tội kia. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ-kheo, sau khi xác định điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nên hành parivāsa hai tháng.

[452] Này các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội không có nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không có nghi ngờ, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, tội kia không còn nghi ngờ. Vị ấy nghĩ như vậy: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội không có nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không có nghi ngờ, ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi thực hành parivāsa, tội kia không còn nghi ngờ. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ-kheo, sau khi xác định điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nên hành parivāsa hai tháng.

[453] Này các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu có chủ tâm, một tội đã được che giấu không có chủ tâm. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho

hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang hành parivāsa, có một tỳ-kheo khác đi đến là vị đa văn, thông thạo các bộ kinh, vị nắm giữ Pháp, vị nắm giữ Luật, vị thuộc lòng các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là vị ưa thích các học giới. Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Nay đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm hai tội Saṅghādisesa che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu có chủ tâm (ekā āpatti jānapaticchannā), một tội đã được che giấu không có chủ tâm (ekā āpatti ajānapaticchannā). Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tội nào đã được che giấu có chủ tâm, việc ban cho hành phạt parivāsa của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tội nào đã được che giấu không có chủ tâm, việc ban cho hành phạt parivāsa của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các đại đức, vị tỳ-kheo xứng đáng hành phạt mānatta của tội kia (đã được che giấu có chủ tâm).

[454] Nay các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không có ghi nhớ. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang hành parivāsa, có một tỳ-kheo khác đi đến là vị đa văn, thông thạo các bộ kinh, vị nắm giữ Pháp, vị nắm giữ Luật, vị thuộc lòng các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là vị ưa thích các học giới. Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Nay đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không có ghi nhớ. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tội nào đã được che giấu có ghi nhớ, việc ban cho hành phạt parivāsa của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tội nào đã được che giấu không có ghi nhớ, việc ban cho hành phạt parivāsa của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các đại đức, vị tỳ-kheo xứng đáng hành phạt mānatta của tội kia (đã được che giấu có ghi nhớ).

[455] Nay các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu không có nghi ngờ, một tội đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang hành parivāsa, có một tỳ-kheo khác đi đến là vị đa văn, thông thạo các bộ kinh, vị nắm giữ Pháp, vị nắm giữ Luật, vị thuộc lòng các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là vị ưa thích các học giới. Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Nay đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tội đã được che giấu không có nghi ngờ, một tội đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay

đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tội nào đã được che giấu không có nghi ngờ, việc ban cho hành phạt parivāsa của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tội nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hành phạt parivāsa của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các đại đức, vị tỳ-kheo xứng đáng hành phạt mānatta của tội kia (đã được che giấu không có nghi ngờ).

[456] Nay các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng."

Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Tôi đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tôi. Trong khi tôi thực hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý

rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hỏ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng;" vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị tỳ-kheo ấy.

[457] Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hỏ, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Tôi đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tôi. Trong khi tôi thực hành parivāsa, pháp hỏ thẹn đã xuất hiện: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hỏ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng." Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[458] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy hành parivāsa, pháp hỏ thẹn đã xuất hiện: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hỏ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy hành parivāsa, pháp hỏ thẹn đã xuất hiện: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hỏ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội

chúng hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc ban cho hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tỳ-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tỳ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên xác định trước và thực hành parivāsa hai tháng.

[459] Này các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy nghĩ như vậy: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng." Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi ta thực hành parivāsa, pháp hồ thẹn đã xuất hiện. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa một tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên xác định trước và thực hành parivāsa hai tháng.

[460] Này các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng thì vị ấy biết, tháng kia thì vị ấy không biết. Tháng mà vị ấy biết, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng ấy, là tháng mà vị ấy biết, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, vị ấy biết được tháng kia. Vị ấy nghĩ như vậy: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng thì ta biết, tháng kia thì ta không biết. Tháng mà ta biết, ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng ấy, là tháng mà ta biết, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi thực hành parivāsa, ta biết được tháng kia. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên xác định trước và thực hành parivāsa hai tháng.

[461] Này các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng thì vị ấy nhớ, tháng kia thì vị ấy không nhớ. Tháng mà vị ấy nhớ, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng ấy, là tháng mà vị ấy nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, vị ấy nhớ được tháng kia. Vị ấy nghĩ như vậy: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng thì ta nhớ, tháng kia thì ta không nhớ. Tháng mà ta nhớ, ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng ấy, là tháng mà ta nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi thực hành parivāsa, ta nhớ được tháng kia. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên xác định trước và thực hành parivāsa hai tháng.

[462] Này các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng vị ấy không có nghi ngờ, một tháng vị ấy có nghi ngờ. Tháng vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng ấy, là tháng vị ấy không có nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi thực hành parivāsa, vị ấy không còn nghi ngờ về tháng kia. Vị ấy nghĩ như vậy: "Ta đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng ta không có nghi ngờ, một tháng ta có nghi ngờ. Tháng ta không có nghi ngờ, ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng ấy, là tháng ta không có nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta. Trong khi thực hành parivāsa, ta không còn nghi ngờ về tháng kia. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng." Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa tháng còn lại của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên xác định trước và thực hành parivāsa hai tháng.

[463] Này các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu có chủ tâm, một tháng đã được che giấu không có chủ tâm. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang hành parivāsa, có một tỳ-kheo khác đi đến là vị đa văn, thông thạo các bộ kinh, vị nắm giữ Pháp, vị nắm giữ Luật, vị thuộc lòng các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là vị ưa thích các học giới. Vị ấy nói như vậy:

- Này các đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Nay đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu có chủ tâm, một tháng đã được che giấu không có chủ tâm. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tháng nào đã được che giấu có chủ tâm, việc ban cho hành phạt parivāsa của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không có chủ tâm, việc ban cho hành phạt parivāsa của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các đại đức, vị tỳ-kheo xứng đáng hành phạt mānatta của tháng kia (đã được che giấu có chủ tâm).

[464] Nay các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu có ghi nhớ (saramānapaticchanno), một tháng đã được che giấu không có ghi nhớ. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang hành parivāsa, có một tỳ-kheo khác đi đến là vị đa văn, thông thạo các bộ kinh, vị nắm giữ Pháp, vị nắm giữ Luật, vị thuộc lòng các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là vị ưa thích các học giới. Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Nay đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không có ghi nhớ. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tháng nào đã được che giấu có ghi nhớ, việc ban cho hành phạt parivāsa của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không có ghi nhớ, việc ban cho hành phạt parivāsa của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các đại đức, vị tỳ-kheo xứng đáng hành phạt mānatta của tháng kia (đã được che giấu có ghi nhớ).

[465] Nay các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu không có nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Trong khi vị ấy đang hành parivāsa, có một tỳ-kheo khác đi đến là vị đa văn, thông thạo các bộ kinh, vị nắm giữ Pháp, vị nắm giữ Luật, vị thuộc lòng các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là vị ưa thích các học giới. Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa?

Các vị ấy trả lời như vậy:

- Nay đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm hai tội Saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng; một tháng đã được che giấu không có nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay đại đức, vị tỳ-kheo này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ-kheo này thực hành parivāsa vì các tội ấy.

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tháng nào đã được che giấu không có nghi ngờ, việc ban cho hành phạt parivāsa của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tháng nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hành phạt parivāsa của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại

kết quả. Nay các đại đức, vị tỳ-kheo xứng đáng hành phạt mānatta của tháng kia (đã được che giấu không có nghi ngờ).

[466] Vào lúc bấy giờ, có một vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Vị ấy không biết số lượng của các tội, vị ấy không biết số lượng của các đêm (đã dẫu), vị ấy không nhớ số lượng của các tội, vị ấy không nhớ số lượng của các đêm (đã dẫu), vị ấy có nghi ngờ về số lượng của các tội, vị ấy có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã dẫu). Vị ấy đã trình với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Tôi không biết số lượng của các tội, tôi không biết số lượng của các đêm (đã dẫu), tôi không nhớ số lượng của các tội, tôi không nhớ số lượng của các đêm (đã dẫu), tôi có nghi ngờ về số lượng của các tội, tôi có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã dẫu); vậy tôi nên thực hành như thế nào?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch (suddhantaparivāsa) của các tội ấy đến vị tỳ-kheo ấy.

[Bản dịch Anh ngữ của Rhydavis và Oldenberg chú thích rằng: Buddhaghosa giải thích số lượng đêm thực hành suddhantaparivāsa nên tính từ lúc tu lên bậc trên đến ngày hôm ấy. Cách thức đang được áp dụng là xác định thời gian được trong sạch sau ngày tu lên bậc trên rồi thực hành suddhantaparivāsa cho thời gian còn lại. Lỗi giải thích này phù hợp với ý nghĩa của từ suddhanta = suddha + anta = thời điểm cuối khi được trong sạch].

[467] Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hóm, chắp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Tôi không biết số lượng của các tội, tôi không biết số lượng của các đêm (đã dẫu), tôi không nhớ số lượng của các tội, tôi không nhớ số lượng của các đêm (đã dẫu), tôi có nghi ngờ về số lượng của các tội, tôi có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã dẫu). Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

[468] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Vị ấy không biết số lượng của các tội, vị ấy không biết số lượng của các đê (đã dẫu), vị ấy không nhớ số lượng của các tội, vị ấy không nhớ số lượng của các đê (đã dẫu), vị ấy có nghi ngờ về số lượng của các tội, vị ấy có nghi ngờ về số lượng của các đê (đã dẫu). Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Vị ấy không biết số lượng của các tội, vị ấy không biết số lượng của các đê (đã dẫu), vị ấy không nhớ số lượng của các tội, vị ấy không nhớ số lượng của các đê (đã dẫu), vị ấy có nghi ngờ về số lượng của các tội, vị ấy có nghi ngờ về số lượng của các đê (đã dẫu). Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc ban cho hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hội chúng đã ban cho hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch của các tội ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[469] Nay các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch nên được ban cho như vậy; hành phạt parivāsa nên được ban cho như vậy.

Và nay các tỳ-kheo, thế nào là hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch nên được ban cho?

(Nếu) vị ấy không biết số lượng của các tội, (nếu) vị ấy không biết số lượng của các đê-m (đã dẫu), (nếu) vị ấy không nhớ số lượng của các tội, (nếu) vị ấy không nhớ số lượng của các đê-m (đã dẫu), (nếu) vị ấy có nghi ngờ về số lượng của các tội, (nếu) vị ấy có nghi ngờ về số lượng của các đê-m (đã dẫu) thì hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

(Nếu) vị ấy biết số lượng của các tội, (nếu) vị ấy không biết số lượng của các đê-m (đã dẫu), (nếu) vị ấy nhớ số lượng của các tội, (nếu) vị ấy không nhớ số lượng của các đê-m (đã dẫu), (nếu) vị ấy không có nghi ngờ về số lượng của các tội, (nếu) vị ấy có nghi ngờ về số lượng của các đê-m (đã dẫu) thì hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

(Nếu) vị ấy biết một phần số lượng của tội, một phần vị ấy không biết; (nếu) vị ấy không biết số lượng của đê-m; (nếu) vị ấy nhớ một phần số lượng của tội, một phần vị ấy không nhớ; (nếu) vị ấy không nhớ số lượng của đê-m; (nếu) vị ấy có nghi ngờ về một phần số lượng của tội, một phần không có nghi ngờ; (nếu) vị ấy có nghi ngờ về số lượng của đê-m thì hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

(Nếu) vị ấy không biết số lượng của các tội; (nếu) vị ấy biết một phần số lượng của đê-m, một phần vị ấy không biết; (nếu) vị ấy không nhớ số lượng của các tội; (nếu) vị ấy nhớ một phần số lượng của đê-m, một phần vị ấy không nhớ; (nếu) vị ấy có nghi ngờ về số lượng của các tội; (nếu) vị ấy có nghi ngờ về một phần số lượng của đê-m, một phần vị ấy không có nghi ngờ thì hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

(Nếu) vị ấy biết số lượng của các tội; (nếu) vị ấy biết một phần số lượng của đê-m, một phần vị ấy không biết; (nếu) vị ấy nhớ số lượng của các tội; (nếu) vị ấy nhớ một phần số lượng của đê-m, một phần vị ấy không nhớ; (nếu) vị ấy không có nghi ngờ về số lượng của các tội; (nếu) vị ấy có nghi ngờ về một phần số lượng của đê-m, một phần vị ấy không có nghi ngờ thì hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

(Nếu) vị ấy biết một phần số lượng của tội, một phần vị ấy không biết; (nếu) vị ấy biết một phần số lượng của đê-m, một phần vị ấy không biết; (nếu) vị ấy nhớ một phần số lượng của tội, một phần vị ấy không nhớ; (nếu) vị ấy nhớ một phần số lượng của đê-m, một phần vị ấy không nhớ; (nếu) vị ấy có nghi ngờ về một phần số lượng của tội, một phần vị ấy không có nghi ngờ; (nếu) vị ấy có nghi ngờ về một phần số lượng của đê-m, một phần vị ấy

không có nghi ngờ thì hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch nên được ban cho.

Này các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch nên được ban cho như thế.

[470] Và này các tỳ-kheo, thế nào là hành phạt parivāsa nên được ban cho?

(Nếu) vị ấy biết số lượng của các tội, (nếu) vị ấy biết số lượng của các đê (đã dẫu), (nếu) vị ấy nhớ số lượng của các tội, (nếu) vị ấy nhớ số lượng của các đê (đã dẫu), (nếu) vị ấy không có nghi ngờ về số lượng của các tội, (nếu) vị ấy không có nghi ngờ về số lượng của các đê (đã dẫu) thì hành phạt parivāsa nên được ban cho.

(Nếu) vị ấy không biết số lượng của các tội, (nếu) vị ấy biết số lượng của các đê (đã dẫu), (nếu) vị ấy không nhớ số lượng của các tội, (nếu) vị ấy nhớ số lượng của các đê (đã dẫu), (nếu) vị ấy có nghi ngờ về số lượng của các tội, (nếu) vị ấy không có nghi ngờ về số lượng của các đê (đã dẫu) thì hành phạt parivāsa nên được ban cho.

(Nếu) vị ấy biết một phần số lượng của tội, một phần vị ấy không biết; (nếu) vị ấy biết số lượng của các đê (đã dẫu); (nếu) vị ấy nhớ một phần số lượng của tội, một phần vị ấy không nhớ; (nếu) vị ấy nhớ số lượng của các đê (đã dẫu); (nếu) vị ấy có nghi ngờ về một phần số lượng của tội, một phần vị ấy không có nghi ngờ; (nếu) vị ấy không có nghi ngờ về số lượng của các đê (đã dẫu) thì hành phạt parivāsa nên được ban cho.

Này các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa nên được ban cho như thế.

Dứt Hành phạt Parivāsa.

[471] Vào lúc bảy giờ, có một vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đã hoàn tục. Vị ấy đã trở lại và cầu xin sự tu lên bậc trên. Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[472] Này các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa lại hoàn tục. Này các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa không có tác dụng đối với vị đã hoàn tục. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành

parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn, nên thực hành parivāsa phần còn lại.

[473] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa lại xuống sa-di. Nay các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa không có tác dụng đối với vị sa-di. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn, nên thực hành parivāsa phần còn lại.

[474] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa lại bị điên. Nay các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa không có tác dụng đối với vị bị điên. Nhưng nếu vị ấy hết bị điên, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn, nên thực hành parivāsa phần còn lại.

[475] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa bị loạn trí. Nay các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa không có tác dụng đối với vị bị loạn trí. Nhưng nếu vị ấy hết bị loạn trí, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn, nên thực hành parivāsa phần còn lại.

[476] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa bị thọ khổ hành hạ (vedanaṭṭo). Nay các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa không có tác dụng đối với vị bị thọ khổ hành hạ. Nhưng nếu vị ấy hết bị thọ khổ hành hạ, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn, nên thực hành parivāsa phần còn lại.

[477] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa lại bị án treo về việc không nhìn nhận tội. Nay các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa không có tác dụng đối với vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách

đúng đắn, phần đã thực hành parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn, nên thực hành parivāsa phần còn lại.

[478] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa lại bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. Nay các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa không có tác dụng đối với vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn, nên thực hành parivāsa phần còn lại.

[479] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa lại bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa không có tác dụng đối với vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn, nên thực hành parivāsa phần còn lại.

[480] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu lại hoàn tục. Nay các tỳ-kheo, hành phạt parivāsa không có tác dụng đối với vị hoàn tục. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn, vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[481] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu lại xuống sa-di ...(như trên)... bị điên ...(như trên)... bị loạn trí ...(như trên)... bị thọ khổ hành hạ ...(như trên)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội ...(như trên)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi ...(như trên)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ-kheo, sự (thực hành) trở lại từ đầu không có tác dụng đối với vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn, vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[482] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo xứng đáng hành phạt m \bar{a} natta lại hoàn tục. Nay các tỳ-kheo, hành phạt m \bar{a} natta không có tác dụng đối với vị hoàn tục. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt pariv \bar{a} sa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt pariv \bar{a} sa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành pariv \bar{a} sa xong (là đã được) thực hành pariv \bar{a} sa một cách đúng đắn. Hành phạt m \bar{a} natta nên ban đến cho vị ấy.

[483] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo xứng đáng hành phạt m \bar{a} natta lại xuống sa-di ... (như trên)... bị điên ... (như trên)... bị loạn trí ... (như trên)... bị thọ khổ hành hạ ... (như trên)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội ... (như trên)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi ... (như trên)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ-kheo, hành phạt m \bar{a} natta không có tác dụng đối với vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt pariv \bar{a} sa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt pariv \bar{a} sa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành pariv \bar{a} sa xong (là đã được) thực hành pariv \bar{a} sa một cách đúng đắn. Hành phạt m \bar{a} natta nên ban đến cho vị ấy.

[484] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị đang thực hành hành phạt m \bar{a} natta lại hoàn tục. Nay các tỳ-kheo, việc thực hành hành phạt m \bar{a} natta không có tác dụng đối với vị hoàn tục. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt pariv \bar{a} sa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt pariv \bar{a} sa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành pariv \bar{a} sa xong (là đã được) thực hành pariv \bar{a} sa một cách đúng đắn. Hành phạt m \bar{a} natta nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành m \bar{a} natta đã được hoàn tất (là đã được) hoàn tất một cách đúng đắn, nên thực hành phần còn lại.

[485] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị đang thực hành hành phạt m \bar{a} natta lại xuống sa-di ... (như trên)... bị điên ... (như trên)... bị loạn trí ... (như trên)... bị thọ khổ hành hạ ... (như trên)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội ... (như trên)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi ... (như trên)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ-kheo, việc thực hành hành phạt m \bar{a} natta không có tác dụng đối với vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt pariv \bar{a} sa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt pariv \bar{a} sa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành pariv \bar{a} sa xong (là đã được) thực hành pariv \bar{a} sa một cách đúng đắn. Hành phạt m \bar{a} natta nào đã

được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành mānatta đã được hoàn tất (là đã được) hoàn tất một cách đúng đắn, nên thực hành phần còn lại.

[486] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng sự giải tội lại hoàn tục. Nay các tỳ-kheo, sự giải tội không có tác dụng đối với vị hoàn tục. Nhưng nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn. Hành phạt mānatta nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành mānatta đã được hoàn tất (là đã được) hoàn tất một cách đúng đắn. Vị tỳ-kheo ấy nên được giải tội.

[487] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng sự giải tội lại xuống sa-di ... (như trên)... bị điên ... (như trên)... bị loạn trí ... (như trên)... bị thọ khổ hành hạ ... (như trên)... bị án treo về việc không nhìn nhận tội ... (như trên)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi ... (như trên)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ-kheo, sự giải tội không có tác dụng đối với vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hành phạt parivāsa trước đây được áp dụng lại cho vị ấy. Hành phạt parivāsa nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành parivāsa xong (là đã được) thực hành parivāsa một cách đúng đắn. Hành phạt mānatta nào đã được ban cho (là đã được) ban cho một cách đúng đắn, phần đã thực hành mānatta đã được hoàn tất (là đã được) hoàn tất một cách đúng đắn. Vị tỳ-kheo ấy nên được giải tội.

----oOo----

Bốn mươi trường hợp được đầy đủ.

[488] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định (parimāṇāyo), không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[489] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định (parimāṇāyo), không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành)

trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[490] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định (parimāṇāyo), có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[491] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa chưa được xác định (aparimāṇāyo), không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[492] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa chưa được xác định, có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[493] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa chưa được xác định có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[494] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và chưa được xác định, không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[495] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và chưa được xác định, có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[496] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và

chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[497] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo xứng đáng hành phạt mānatta ... (như trên)...

[498] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo đang thực hành mānatta ... (như trên)...

[499] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng sự giải tội và đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[500] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng sự giải tội và đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[501] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng sự giải tội và đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[502] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng sự giải tội và đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa chưa được xác định (aparimāṇāyo), không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[503] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng sự giải tội và đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa chưa được xác định, có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[504] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng sự giải tội và đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa chưa được xác

định, có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[505] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng sự giải tội và đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và chưa được xác định, không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[506] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng sự giải tội và đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và chưa được xác định, có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[507] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo là vị xứng đáng sự giải tội và đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và chưa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

Ba mươi sáu trường hợp được đầy đủ.

[508] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa, không có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ-kheo, hành phạt mānatta nên ban cho đến vị tỳ-kheo ấy.

[509] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa, không có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[510] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[511] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[512] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội đã giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy không giấu giếm; các tội đã không giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy cũng không giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[513] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội đã giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy không giấu giếm; các tội đã không giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[514] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội đã giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy cũng giấu giếm; các tội đã không giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy cũng không giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[515] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội đã giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy cũng giấu giếm; các tội đã không giấu giếm trước đây, về sau này vị ấy giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[516] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy biết, một số tội vị ấy không biết. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy biết. Các tội vị ấy không biết vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy biết và không giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[517] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy biết, một số tội vị ấy không biết. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy biết. Các tội vị ấy không biết vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy biết và giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[518] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy biết, một số tội vị ấy không biết. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy biết. Các tội vị ấy không biết vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy biết và không giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[519] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy biết, một số tội vị ấy không biết. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy biết. Các tội vị ấy không biết vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy biết và giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[520] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy nhớ. Các tội vị ấy không nhớ vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[521] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy nhớ. Các tội vị ấy không nhớ vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[522] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy nhớ. Các tội vị ấy không nhớ vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[523] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy nhớ. Các tội vị ấy không nhớ vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy nhớ và giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[524] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy không có nghi ngờ. Các tội vị ấy có nghi ngờ vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[525] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy không có nghi ngờ. Các tội vị ấy có nghi ngờ vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[526] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy không có nghi ngờ. Các tội vị ấy có nghi ngờ vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm. Nay các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[527] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Vị ấy đã giấu giếm các tội vị ấy không có nghi ngờ. Các tội vị ấy có nghi ngờ vị ấy đã không giấu giếm. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm.

Này các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

[528] Này các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo sau khi phạm nhiều tội Saṅghādisesa, đã che giấu, rồi xuống sa-di ... (như trên)... bị điên ... (như trên)... bị loạn trí ... (như trên)... (nên giải thích giống như dưới đây) ... (như trên)... bị thọ khổ hành hạ ... (như trên)... Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu ... (như trên)... Một số tội vị ấy biết, một số tội vị ấy không biết ... (như trên)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ ... (như trên)... Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ vị ấy đã giấu giếm các tội ấy. Các tội vị ấy có nghi ngờ vị ấy đã không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi đã trở lại hết bị thọ khổ hành hạ, các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm... (như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm... (như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm. Này các tỳ-kheo, sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như nhóm các tội đã được che giấu trong thời gian trước đây và thời gian sau này, rồi mới nên ban cho hành phạt mānatta đến vị tỳ-kheo ấy.

Dứt Một trăm trường hợp mānatta.

[529] Này các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa, đã không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu.

[530] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa, đã không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[531] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa, đã che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[532] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa, đã che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[533] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Các tội của vị ấy có che giấu, và không có che giấu. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm sau này vị ấy không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm sau này vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[534] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Các tội của vị ấy có che giấu, và không có che giấu. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm sau này vị ấy không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[535] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Các tội của vị ấy có che giấu, và không có che giấu. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm sau này vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[536] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Các tội của vị ấy có che giấu, và không được che giấu. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm sau này vị ấy giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[537] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy biết, một số tội vị ấy không biết. Các tội nào vị ấy biết vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không biết vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy biết và đã giấu giếm sau này vị ấy biết và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy không biết và đã không giấu giếm sau này vị ấy biết và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[538] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy biết, một số tội vị ấy không biết. Các tội nào vị ấy biết vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không biết vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy biết và đã giấu giếm sau này vị ấy biết và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy không biết và đã không giấu giếm sau này vị ấy biết và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[539] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy biết, một số tội vị ấy không biết. Các tội nào vị ấy biết vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không biết vị ấy đã không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy biết và đã giấu giếm sau này vị ấy biết và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy không biết và đã không giấu giếm sau này vị ấy biết và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[540] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy biết, một số tội vị ấy không biết. Các tội nào vị ấy biết vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không biết vị ấy đã không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy biết và đã giấu giếm sau này vị ấy biết và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy không biết và đã không giấu giếm sau này vị ấy biết và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[541] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[542] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm sau này vị ấy nhớ và giấu giếm các

tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[543] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ vị ấy đã không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm sau này vị ấy nhớ và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm sau này vị ấy nhớ và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[544] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ vị ấy đã không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm sau này vị ấy nhớ và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm sau này vị ấy nhớ và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[545] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[546] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy

không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[547] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ vị ấy đã không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[548] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa. Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ vị ấy đã không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm các tội ấy; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[549] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa, đã che giấu, rồi xuống sa-di ... (như trên)... bị điên ... (như trên)... bị loạn trí ... (như trên)... bị thọ khổ hành hạ ... (như trên)... Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu (nên giải thích giống như ở phần dưới đây) ... (như trên)... Một số tội vị ấy biết, một số tội vị ấy không biết ... (như trên)... Một số tội vị ấy

nhớ, một số tội vị ấy không nhớ ... (như trên)... Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ vị ấy đã giấu giếm các tội ấy. Các tội vị ấy có nghi ngờ vị ấy đã không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi đã trở lại hết bị thọ khổ hành hạ, các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm... (như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm... (như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm... (như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm. Vị tử-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[550] Nay các tử-kheo, ở đây vị tử-kheo xứng đáng hành phạt mānatta ... (như trên)...

[551] Nay các tử-kheo, ở đây vị tử-kheo là vị đang thực hành hành phạt mānatta ... (như trên)...

[552] Nay các tử-kheo, ở đây vị tử-kheo là vị xứng đáng sự giải tội và đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa, đã che giấu, rồi hoàn tục ... (như trên)... (Vị xứng đáng hành phạt mānatta, vị thực hành hành phạt mānatta, vị xứng đáng giải tội nên được giải thích như đã giải thích ở phần của vị hành parivāsa).

[553] Nay các tử-kheo, ở đây vị tử-kheo là vị xứng đáng sự giải tội và đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa, đã che giấu, rồi xuống sa-di ... (như trên)... bị điên ... (như trên)... bị loạn trí ... (như trên)... bị thọ khổ hành hạ ... (như trên)... Các tội của vị ấy có che giấu và không có che giấu ... (như trên)... Một số tội vị ấy biết, một số tội vị ấy không biết ... (như trên)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội vị ấy không nhớ ... (như

trên)... Một số tội vị ấy không có nghi ngờ, một số tội vị ấy có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không có nghi ngờ vị ấy đã giấu giếm các tội ấy. Các tội vị ấy có nghi ngờ vị ấy đã không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi đã trở lại hết bị thọ khổ hành hạ, các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ thì không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm...(như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm...(như trên)... Các tội nào trước đây vị ấy không có nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này vị ấy không có nghi ngờ và giấu giếm. Vị tỷ-kheo ấy nên được cho (thực hành) trở lại từ đầu; và theo như các tội đã được che giấu, hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây nên được ban cho vị ấy.

[554] Nay các tỷ-kheo, ở đây vị tỷ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, đã che giấu, rồi hoàn tục ...(như trên)... chưa được xác định, đã không che giấu, rồi hoàn tục ...(như trên)... cùng một tội danh, đã không che giấu, rồi hoàn tục ...(như trên)... khác tội danh, đã không che giấu, rồi hoàn tục ...(như trên)... cùng nhóm phân loại (sabhāgā), đã không che giấu, rồi hoàn tục ...(như trên)... khác nhóm phân loại (visabhāgā), đã không che giấu, rồi hoàn tục ...(như trên)... riêng biệt (vavatthitā), đã không che giấu, rồi hoàn tục ...(như trên)... có liên quan (sambhinnā), đã không che giấu,, rồi hoàn tục ...(như trên)...

[Các tội Saṅghādisesa 1, 5, 12, 13 là vavatthitā. Các nhóm tội (2, 3, 4), (6, 7, 8), (9, 10, 11) là sambhinnā. Sabhāgā và visabhāgā cũng tương tự tùy theo phương pháp phân loại.]

[555] Hai vị tỷ-kheo phạm tội Saṅghādisesa. Hai vị có quan điểm là tội Saṅghādisesa trong tội Saṅghādisesa. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội tác ác (dukkataṃ). Và

sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy, rồi nên ban cho hành phạt mānatta đến cả hai vị.

[556] Hai vị tỳ-kheo phạm tội Saṅghādisesa. Hai vị có nghi ngờ là tội Saṅghādisesa. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội tác ác (dukkataṃ). Và sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy, rồi nên ban cho hành phạt mānatta đến cả hai vị.

[557] Hai vị tỳ-kheo phạm tội Saṅghādisesa. Hai vị có quan điểm là tội lẫn lộn (missakadiṭṭhino) trong tội Saṅghādisesa. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội tác ác (dukkataṃ). Và sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy, rồi nên ban cho hành phạt mānatta đến cả hai vị.

[558] Hai vị tỳ-kheo phạm tội lẫn lộn. Hai vị có quan điểm là tội Saṅghādisesa trong tội lẫn lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội tác ác (dukkataṃ). Và sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy, rồi nên ban cho hành phạt mānatta đến cả hai vị.

[559] Hai vị tỳ-kheo phạm tội lẫn lộn. Hai vị có quan điểm là tội lẫn lộn trong tội lẫn lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội tác ác (dukkataṃ). Và sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy, rồi nên ban cho hành phạt mānatta đến cả hai vị.

[560] Hai vị tỳ-kheo phạm tội nhẹ (suddhakaṃ). Hai vị có quan điểm là Saṅghādisesa trong tội nhẹ. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội tác ác (dukkataṃ). Cả hai vị nên được xử trí theo Pháp.

[561] Hai vị tỳ-kheo phạm tội nhẹ (suddhakaṃ). Hai vị có quan điểm là tội nhẹ trong tội nhẹ. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội tác ác (dukkataṃ). Cả hai vị nên được xử trí theo Pháp.

[562] Hai vị tỳ-kheo phạm tội Saṅghādisesa. Hai vị có quan điểm là tội Saṅghādisesa trong tội Saṅghādisesa. Một vị (nghĩ rằng): "Ta sẽ sám hối;"

vị kia (nghĩ rằng): "Ta sẽ không sám hối." Vị ấy giấu giếm canh thứ nhất, giấu giếm canh thứ nhì, giấu giếm canh thứ ba; khi hừng đông đã hiện ra thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội tác ác (dukkataṃ). Và sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy, rồi nên ban cho hành phạt mānatta đến cả hai vị.

[563] Hai vị tỳ-kheo phạm tội Saṅghādisesa. Hai vị có quan điểm là tội Saṅghādisesa trong tội Saṅghādisesa. Hai vị trong khi đi (bàn bạc rằng): "Chúng ta sẽ sám hối." Trên đường đi, pháp giả dối sanh khởi ở một vị (nghĩ rằng): "Ta sẽ không sám hối." Vị ấy giấu giếm canh thứ nhất, giấu giếm canh thứ nhì, giấu giếm canh thứ ba; khi hừng đông đã hiện ra thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội tác ác (dukkataṃ). Và sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy, rồi nên ban cho hành phạt mānatta đến cả hai vị.

[564] Hai vị tỳ-kheo phạm tội Saṅghādisesa. Hai vị có quan điểm là tội Saṅghādisesa trong tội Saṅghādisesa. Hai vị bị điên. Về sau, khi hai vị hết bị điên, một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội tác ác (dukkataṃ). Và sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy, rồi nên ban cho hành phạt mānatta đến cả hai vị.

[565] Hai vị tỳ-kheo phạm tội Saṅghādisesa. Trong khi giới bốn Pātimokkha được ôn đọc lại, hai vị phát biểu như vậy:

- Cho đến hôm nay chúng tôi mới biết được rằng: "Nghe nói Giáo Pháp này được truyền lại từ kinh (suttāgato), được chứa đựng trong kinh (suttapariyāpanno) và được ôn đọc lại mỗi nửa tháng."

Hai vị nhận thức được tội Saṅghādisesa trong tội Saṅghādisesa. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy sám hối tội tác ác (dukkataṃ). Và sau khi ban cho hành phạt parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy, rồi nên ban cho hành phạt mānatta đến cả hai vị.

[566] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, cùng một tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại (sabhāgā), khác nhóm phân loại (visabhāgā), riêng biệt (vavatthitā), và có liên quan (sambhinnā). Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết

hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định (parimāṇāyo), không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta không đúng Pháp, giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy không được trong sạch bởi các tội ấy.

[567] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, cùng một tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta không đúng Pháp, giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy không được trong sạch bởi các tội ấy.

[568] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, cùng một tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta không đúng Pháp, giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy không được trong sạch bởi các tội ấy.

[569] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, cùng một tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa không được xác định, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta không đúng Pháp, giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy không được trong sạch bởi các tội ấy.

[570] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, cùng một tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa không được xác định, có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta không đúng Pháp, giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy không được trong sạch bởi các tội ấy.

[571] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, cùng một tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa không được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban

cho hành phạt m \bar{a} natta không đúng Pháp, giải tội không đúng Pháp. Nay các t \bar{y} -kheo, vị t \bar{y} -kheo ấy không được trong sạch bởi các tội ấy.

[572] Nay các t \bar{y} -kheo, ở đây vị t \bar{y} -kheo phạm nhiều tội Sa $\bar{ṅ$ ghādisesa được xác định, chưa được xác định, cùng một tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Sa $\bar{ṅ$ ghādisesa được xác định và không được xác định, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt m \bar{a} natta không đúng Pháp, giải tội không đúng Pháp. Nay các t \bar{y} -kheo, vị t \bar{y} -kheo ấy không được trong sạch bởi các tội ấy.

[573] Nay các t \bar{y} -kheo, ở đây vị t \bar{y} -kheo phạm nhiều tội Sa $\bar{ṅ$ ghādisesa được xác định, chưa được xác định, cùng một tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Sa $\bar{ṅ$ ghādisesa được xác định và không được xác định, có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt m \bar{a} natta không đúng Pháp, giải tội không đúng Pháp. Nay các t \bar{y} -kheo, vị t \bar{y} -kheo ấy không được trong sạch bởi các tội ấy.

[574] Nay các t \bar{y} -kheo, ở đây vị t \bar{y} -kheo phạm nhiều tội Sa $\bar{ṅ$ ghādisesa được xác định, chưa được xác định, cùng một tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Sa $\bar{ṅ$ ghādisesa được xác định và không được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực

hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta không đúng Pháp, giải tội không đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy không được trong sạch bởi các tội ấy.

Dứt Chín trường hợp không được trong sạch từ gốc.

[575] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, ...(như trên)... riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và không có che giấu. ...(như trên)... được xác định và có che giấu. ...(như trên)... được xác định, có che giấu và không có che giấu...(như trên)... Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta đúng Pháp, giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy được trong sạch bởi các tội ấy.

[576] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, ...(như trên)... riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa không được xác định và không có che giấu. ...(như trên)... không được xác định và có che giấu. ...(như trên)... không được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta đúng Pháp, giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy được trong sạch bởi các tội ấy.

[577] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, ...(như trên)... riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và không được xác định, không có che giấu. ...(như trên)... được xác định và không được xác định, có che giấu. ...(như trên)... được xác định và không được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta đúng Pháp, giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy được trong sạch bởi các tội ấy.

Dứt Chín trường hợp được trong sạch từ gốc.

[578] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, ...(như trên)..., riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành parivāsa," và đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, vị ấy nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác. Vị ấy (suy nghĩ) như sau: "Ta đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, ...(như trên)..., riêng biệt, và có liên quan. Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy đến ta. Ta trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng đã cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội

đến ta đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành parivāsa," và đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, ta nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (cầu xin) hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, (cầu xin) và sự giải tội đúng Pháp." Đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội của các tội trước đây và các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (cầu xin) hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, và (cầu xin) sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng cho vị ấy được (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy được trong sạch với các tội ấy.

[579] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, ... (như trên) ..., riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định và có che giấu.... (như trên) ... được xác định, có che giấu và không có che giấu. Đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy đầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành parivāsa," và đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, vị ấy nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác. Vị ấy (suy nghĩ) như sau: "Ta đã phạm nhiều tội

Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, ... (như trên)..., riêng biệt, và có liên quan. Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy đến ta. Ta trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Ta đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Hội chúng đã cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng đến ta, đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành parivāsa," và đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đã phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, có che giấu và không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, ta nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (cầu xin) hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, và (cầu xin) sự giải tội đúng Pháp." Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội của các tội trước đây và các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (cầu xin) sự hành parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, và (cầu xin) sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng ban cho vị ấy sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo ấy được trong sạch với các tội ấy.

[580] Nay các tỷ-kheo, ở đây vị tỷ-kheo phạm nhiều tội Saṅghādisesa được xác định, chưa được xác định, cùng một tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Saṅghādisesa không được xác định không có che giấu... (như trên)... không được xác định có che giấu... (như trên)... không được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng

sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành parivāsa,"...(như trên)... ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp, ban cho hành phạt mānatta đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy được trong sạch với các tội ấy.

[581] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định, chưa được xác định, ...(như trên)..., riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định và không được xác định, không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Vị ấy, trong khi biết rằng: "Ta đang hành parivāsa" ...(như trên)... Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp, ban cho hành phạt mānatta đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy được trong sạch với các tội ấy.

[582] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định, chưa được xác định, ...(như trên)..., riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định và không được xác định, có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành parivāsa," và đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định và không được xác định, có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, vị ấy nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác. Vị ấy (suy nghĩ) như sau: "Ta đã phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định, chưa được xác định, ...(như trên)..., riêng biệt, và có liên quan. Ta đã cầu

xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy đến ta. Ta trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng đã phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định và không được xác định, có che giấu. Ta đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Hội chúng đã cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng đến ta, đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành parivāsa," và đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đã phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định và không được xác định, có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, ta nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (cầu xin) hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, và (cầu xin) sự giải tội đúng Pháp." Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội của các tội trước đây và các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (cầu xin) sự hành parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, và (cầu xin) sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng ban cho vị ấy sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy được trong sạch với các tội ấy.

[583] Nay các tỳ-kheo, ở đây vị tỳ-kheo phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định, chưa được xác định, ... (như trên) ..., riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội đến vị ấy. Vị ấy trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng lại phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định và không được xác định, có che giấu và không có che giấu. Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội. Hội chúng cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đến vị ấy dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có

thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành parivāsa," và đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy lại phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định và không được xác định, có che giấu và không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, vị ấy nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác. Vị ấy (suy nghĩ) như sau: "Ta đã phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định, không được xác định, ...(như trên)..., riêng biệt, và có liên quan. Ta đã cầu xin hội chúng hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hành phạt parivāsa kết hợp của các tội ấy đến ta. Ta trong lúc thực hành parivāsa đang ở vào giai đoạn giữa chừng đã phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định và không được xác định, có che giấu và không có che giấu. Ta đã cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng. Hội chúng đã cho (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng đến ta, đã ban cho hành phạt parivāsa kết hợp không đúng Pháp bằng hành sự không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành parivāsa," và đang ở vào giai đoạn giữa chừng, ta đã phạm nhiều tội Sa□ghādisesa được xác định và không được xác định, có che giấu và không có che giấu. Tồn tại trên nền tảng đó, ta nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và nhớ lại các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác. Như vậy thì ta nên cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (cầu xin) hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, và (cầu xin) sự giải tội đúng Pháp." Dầu đang ở vào giai đoạn giữa chừng, vị ấy cầu xin hội chúng sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội của các tội trước đây và các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, (cầu xin) sự hành parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (cầu xin) hành phạt mānatta đúng Pháp, và (cầu xin) sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng ban cho vị ấy sự (thực hành) trở lại từ đầu của các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội trước đây và các tội đang ở vào giai đoạn giữa chừng của các tội khác, ban cho hành phạt parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, ban cho hành phạt mānatta đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy được trong sạch với các tội ấy.

Dứt Chương Tích Lũy Tội là chương thứ ba.

Tóm lược chương này:

[584]

Không che giấu một ngày,
hai ngày, rồi ba ngày,
bốn ngày, và năm ngày,
nửa tháng, hoặc mười ngày,
bậc ân sĩ thuyết tội,
trong sạch, và hoàn tục,
các tội được xác định.

Có hai vị tỷ-kheo
trường hợp này suy nghĩ
cả hai đều nghi ngờ,
có quan điểm lẫn lộn,
lẫn lộn và không lẫn,
một vị nghĩ tội nặng,
vị kia nghĩ tội nhẹ,
rồi một vị giấu giếm,
vị kia không giấu giếm,
và rồi pháp giả dối,
bị điên và sám hối,
mười tám lại từ đầu,
và rồi được trong sạch.

Các lời thuyết giảng này
để tồn tại Chánh Pháp
chính là sự ban cho
của các giáo thọ sư
của nhóm Vibhajja
là các vị thường trú
Mahāvihāra
đảo Tambapaṇṇi
(là Tích Lan) xinh đẹp.

-----oOo-----

IV. Chương Dàn Xếp (Samathakkhandhakaṃ)

1. Hành xử Luật với sự hiện diện (Sammukhāvinayo)

[585] Thuở ấy, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã thực thi các hành sự: khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo. Đối với các vị tỳ-kheo không có hiện diện. Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Lục Sư lại thực thi các hành sự: khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo. Đối với các tỳ-kheo không có hiện diện?

Sau đó, các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo nhóm Lục Sư thực thi các hành sự: khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo đối với các tỳ-kheo không có hiện diện, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế-tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, việc làm của những kẻ rò đại ấy là không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, là sai trái, không nên làm. Nay các tỳ-kheo, tại sao những kẻ rò đại ấy lại thực thi các hành sự: khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo đối với các tỳ-kheo không có hiện diện? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, không nên thực thi hành sự: khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo đối với các tỳ-kheo không có hiện diện. Vị nào thực thi thì phạm tội tác ác (dukkata).

[586] Một người nói sai Pháp, nhiều người nói sai Pháp, hội chúng nói sai Pháp. Một người nói đúng Pháp, nhiều người nói đúng Pháp, hội chúng nói đúng Pháp.

[587] Một người nói sai Pháp thuyết phục một người nói đúng Pháp, khiến cho (người nói đúng Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho

thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Một người nói sai Pháp thuyết phục nhiều người nói đúng Pháp, khiến cho (nhiều người nói đúng Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Một người nói sai Pháp thuyết phục hội chúng nói đúng Pháp, khiến cho (hội chúng nói đúng Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói sai Pháp thuyết phục một người nói đúng Pháp, khiến cho (người nói đúng Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói sai Pháp thuyết phục nhiều người nói đúng Pháp, khiến cho (nhiều người nói đúng Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói sai Pháp thuyết phục hội chúng nói đúng Pháp, khiến cho (hội chúng nói đúng Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói sai Pháp thuyết phục một người nói đúng Pháp, khiến cho (người nói đúng Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói sai Pháp thuyết phục nhiều người nói đúng Pháp, khiến cho (nhiều người nói đúng Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói sai Pháp thuyết phục hội chúng nói đúng Pháp, khiến cho (hội chúng nói đúng Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết không đúng Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Dứt Chín trường hợp của nửa phần tối.

[588] Một người nói đúng Pháp thuyết phục một người nói sai Pháp, khiến cho (người nói sai Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Một người nói đúng Pháp thuyết phục nhiều người nói sai Pháp, khiến cho (nhiều người nói sai Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Một người nói đúng Pháp thuyết phục hội chúng nói sai Pháp, khiến cho (hội chúng nói sai Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật,

đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói đúng Pháp thuyết phục một người nói sai Pháp, khiến cho (người nói sai Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói đúng Pháp thuyết phục nhiều người nói sai Pháp, khiến cho (nhiều người nói sai Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Nhiều người nói đúng Pháp thuyết phục hội chúng nói sai Pháp, khiến cho (hội chúng nói sai Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói đúng Pháp thuyết phục một người nói sai Pháp, khiến cho (người nói sai Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói đúng Pháp thuyết phục nhiều người nói sai Pháp, khiến cho (nhiều người nói sai Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Hội chúng nói đúng Pháp thuyết phục hội chúng nói sai Pháp, khiến cho (hội chúng nói sai Pháp) nhận thức được, khiến cho thấy được, khiến cho thấy rõ, khiến cho hiểu được, khiến cho hiểu rõ: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy chấp nhận điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Dứt Chín trường hợp của nữa phần sáng.

---o0o---

2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ (Sativinayo)

[589] Thuở ấy, đức Phật Thế Tôn ngụ tại Rājagaha, Trúc Lâm (Veluvana), nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, phạm vi A La Hán đã được đại đức Dabba Mallaputta chứng đạt vào lúc bảy tuổi. Vị ấy đã thành đạt tất cả những gì một vị đệ tử cần chứng đạt. Và vị ấy không còn bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc thêm vào (các việc) vị ấy đã làm.

[590] Khi ấy, trong khi an trú thiền ở nơi thanh vắng, một ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi đến đại đức Dabba Mallaputta: "Phạm vi A La Hán đã được ta chứng đạt vào lúc bảy tuổi. Ta đã thành đạt tất cả những gì một vị đệ tử cần chứng đạt. Và ta không còn bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc thêm vào (các việc) ta đã làm. Vậy ta nên thực hiện phận sự gì cho hội chúng?" Rồi điều này đã khởi đến cho đại đức Dabba Mallaputta: "Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?"

[591] Sau đó, vào buổi tối, đại đức Dabba Mallaputta đã xuất thiền và đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Dabba Mallaputta đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, ở nơi đây, khi an trú thiền ở nơi thanh vắng, một ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi đến con: "Phạm vi A La Hán đã được ta chứng đạt vào lúc bảy tuổi. Ta đã thành đạt tất cả những gì một vị đệ tử cần chứng đạt. Và ta không còn bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc thêm vào (các việc) ta đã làm. Vậy ta nên thực hiện phận sự gì cho hội chúng?" Rồi bạch ngài, điều này đã khởi đến cho con: "Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?" Bạch ngài con muốn phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng.

- Này Dabba, tốt lắm, tốt lắm! Này Dabba, như vậy thì người hãy phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp bữa ăn cho hội chúng.

- Thừa vâng, bạch ngài. Đại đức Dabba Mallaputta đã trả lời đức Thế Tôn.

[592] Rồi đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự việc ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, hội chúng hãy chỉ định Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ ngụ và là vị sắp xếp bữa ăn. Và này các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước hết, Dabba cần được yêu cầu. Sau khi đã yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ ngụ và là vị sắp xếp bữa ăn. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ ngụ và là vị sắp xếp bữa ăn. Đại đức nào thỏa thuận với việc chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ ngụ và là vị sắp xếp bữa ăn, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Đại đức Dabba Mallaputta đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ ngụ và là vị sắp xếp bữa ăn. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[593] Và khi đã được chỉ định, đại đức Dabba Mallaputta đã phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỳ-kheo cùng nhóm. Vị ấy phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỳ-kheo chuyên về Kinh (nghĩ rằng): "Các vị sẽ tụng đọc Kinh với nhau." Vị ấy phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỳ-kheo thông thạo về Luật (nghĩ rằng): "Các vị sẽ xác định Luật với nhau." Vị ấy phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỳ-kheo chuyên giảng Pháp (nghĩ rằng): "Các vị sẽ thảo luận về Pháp với nhau." Vị ấy phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỳ-kheo chuyên thiền định (nghĩ rằng): "Các vị sẽ không quấy rầy lẫn nhau." Vị ấy phân bố chỗ ngụ chung một khu vực cho các tỳ-kheo chuyên nói chuyện thế tục, sinh hoạt có nhiều sự năng động về thân (nghĩ rằng): "Các đại đức này cũng sẽ yên ổn với thú vui ấy." Đối với các tỳ-kheo đi đến vào buổi tối, vị ấy đã nhập thiền đề mục ánh sáng và đã phân bố chỗ ngụ với chính ánh sáng ấy; cho nên các tỳ-kheo cố ý đi đến

vào buổi tối (nghĩ rằng): "Chúng ta sẽ chứng kiến sự kỳ diệu về thần thông của đại đức Dabba Mallaputta." Sau khi đi đến gặp đại đức Dabba Mallaputta, các vị ấy nói như vậy:

- Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ cho chúng tôi.

Đại đức Dabba Mallaputta đã nói với các vị ấy rằng:

- Các đại đức thích chỗ nào? Tôi sẽ phân bố chỗ nào?

Các vị ấy đề cập chỗ ở xa vì có chủ đích:

- Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở núi Gijjhakūṭa cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở khe núi Kê Cướp (Corappapāte) cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở sườn núi isigili, chỗ tảng đá Đen cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở sườn núi Vebhāra, hang Sattapaṇṇi cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở rừng Sīta, động Sappasonḍika cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở hẻm núi Gomāṭa cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở hẻm núi Tiṇḍuka cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở hẻm núi Kapota cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở khu vườn Tapoda cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở vườn xoài của Jīvaka cho chúng tôi. Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ ngụ ở Maddakucchi, nơi vườn nai cho chúng tôi.

Đại đức Dabba Mallaputta đã nhập thiền đề mục ánh sáng thấp sáng ở ngón tay và đi phía trước. Còn các vị ấy đi ở phía sau đại đức Dabba Mallaputta nhờ chính ánh sáng ấy. Đại đức Dabba Mallaputta đã phân bố chỗ ngụ cho các vị ấy như vậy:

- Đây là giường, đây là ghế, đây là nệm, đây là gối, đây là nhà tiêu, đây là chỗ tiểu, đây là nước uống, đây là nước rửa, đây là gậy chống, đây là qui định của hội chúng: "Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra."

Đại đức Daba Mallaputta sau khi phân bố chỗ ngụ cho các vị ấy như thế rồi đã quay trở về lại Trúc Lâm (Veḷuvana).

[594] Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka chỉ là các vị mới tu và phước báu ít ỏi. Các vị ấy thường nhận được những chỗ trú ngụ

kém và những bữa ăn tồi. Vào lúc bấy giờ, dân chúng ở Rājagaha muốn cúng dường đến các tỷ-kheo trưởng lão thức ăn được sắp đặt trước gồm có: Bơ, dầu, phần ăn ngon; và chỉ dâng đến các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka vật bình thường theo khả năng gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. Các vị ấy khi đi thọ thực về sau bữa ăn đã hỏi các tỷ-kheo trưởng lão rằng:

- Bạch chư đại đức, trong nhà ăn các vị đã có thức gì? Các vị đã không có thức gì?

Một số trưởng lão trả lời như vậy:

- Nay các đại đức, chúng tôi có bơ, có dầu, có phần ăn ngon.

Các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nói như vậy:

- Bạch chư đại đức, chúng tôi đã không được gì cả, chỉ là vật bình thường theo khả năng gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua.

[595] Vào lúc bấy giờ, có một gia chủ là người có bữa ăn ngon thường cúng dường đến hội chúng bữa ăn gồm bốn phần là bữa ăn thường lệ. Vị ấy cùng vợ và các con thường hiện diện và phục vụ ở nhà ăn; họ dâng các vị này cơm, dâng các vị kia canh, dâng các vị nọ dầu ăn, và dâng các vị khác nữa phần ăn ngon.

[596] Vào lúc bấy giờ, bữa ăn vào ngày hôm sau của vị gia chủ có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka. Hôm ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện bởi một công việc cần làm gì đó. Vị ấy đã đi đến đại đức Dabba Mallaputta, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Dabba Mallaputta rồi ngồi xuống một bên. Đại đức Dabba Mallaputta bằng bài Pháp thoại đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi vị gia chủ có bữa ăn ngon đang ngồi một bên. Sau khi đã được đại đức Dabba Mallaputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã nói với đại đức Dabba Mallaputta điều này:

- Bạch đại đức, bữa ăn vào ngày mai ở nhà chúng tôi được sắp xếp cho vị nào?

- Nay gia chủ, bữa ăn vào ngày mai ở nhà gia chủ được sắp xếp cho các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Khi ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã không được phần khởi (nghĩ rằng): "Vì sao các tỷ-kheo tồ tộ lại thọ thực ở nhà của chúng ta?" rồi đã đi về nhà và dặn dò người tớ gái rằng:

- Hãy xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho cho các vị đến thọ thực vào ngày mai và dâng cho họ cơm tấm và món thứ hai là cháo chua.

- Xin vâng, thưa chủ nhân. Người tớ gái ấy đã đáp lại vị gia chủ có bữa ăn ngon.

Khi ấy, các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka (nghĩ rằng): "Này các đại đức, hôm qua bữa ăn của gia chủ có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho chúng ta. Vào ngày mai, vị gia chủ có bữa ăn ngon cùng vợ và các con sẽ hiện diện và phục vụ chúng ta; họ dâng các vị này cơm, dâng các vị kia canh, dâng các vị nọ dầu ăn, và dâng các vị khác nữa phần ăn ngon." Do chính tâm vui mừng ấy, đêm ấy các vị đã không ngủ được như ý. Rồi vào lúc sáng sớm, các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của vị gia chủ có bữa ăn ngon. Cô tớ gái ấy đã thấy các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đang đi lại từ đằng xa, thấy rồi đã xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho, và nói với các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Bạch các ngài, xin thỉnh các ngài ngồi.

Khi ấy, các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka khởi ý rằng: "Chấn hấn đến giờ này bữa ăn vẫn chưa hoàn tất nên chúng ta mới được cho ngồi ở nhà kho như thế này!" Sau đó, cô tớ gái ấy đã trở lại với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua, (nói rằng):

- Bạch các ngài, xin thỉnh các ngài ăn.

- Nay chị, chúng tôi là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ.

- Tôi biết các ngài là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ. Và lại, chính ngày hôm qua tôi đã được gia chủ đích thân bảo rằng: "Hãy xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho cho các vị đến thọ thực vào ngày mai và dâng cho họ cơm tấm và món thứ hai là cháo chua." Bạch các ngài, xin thỉnh các ngài ăn.

Khi ấy, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka (bàn bạc rằng): "Này các đại đức, hôm qua vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện gặp Dabba Mallaputta. Chắc chắn rằng chúng ta đã bị Dabba Mallaputta ly gián với vị gia chủ." Chính vì tâm bực bội ấy khiến các vị đã không thọ thực được như ý. Rồi sau bữa ăn, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka, từ chỗ thọ thực đi trở về lại tu viện, đã bỏ y bát xuống, ngồi xếp chân ở trên y hai lớp (sa□ghāṭi) ở bên ngoài công ra vào của tu viện, im lặng, xấu hổ, rút vai lại, mặt cúi xuống, trầm ngâm, không nói năng.

Khi ấy, tỳ-kheo ni Mettiyā đi đến gặp các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka, đến rồi đã nói với các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Tôi xin chào các ngài.

Được nói vậy, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

Đến lần thứ nhì, ... (như trên)...

Đến lần thứ ba, tỳ-kheo ni Mettiyā đã nói với các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

- Tôi xin chào các ngài.

Lần thứ ba, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

- Tôi đã làm các ngài phật lòng điều gì? Tại sao các ngài không nói chuyện với tôi?

- Này cô ni, bởi vì cô vẫn đứng dung trong lúc chúng tôi bị Dabba Mallaputta làm tổn hại.

- Bạch các ngài, tôi làm được điều gì?

- Này cô ni, nếu cô chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay đức Thế Tôn có thể trực xuất đại đức Dabba Mallaputta.

- Bạch các ngài, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì?

- Này cô ni, cô hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, đến rồi hãy hỏi với đức Thế Tôn như vậy: "Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch ngài, chính ở quốc độ có sự an toàn, không tai hoạ, không sâu khô thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai hoạ, và có sâu khô; từ nơi nào gió lộng đi thì từ nơi ấy có bão tố; con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ngài Dabba Mallaputta làm ô uest."

- Bạch các ngài, xin vâng ạ.

Tỷ-kheo ni Mettiyā đã nghe theo các tỷ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, tỷ-kheo ni Mettiyā đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch ngài, chính ở quốc độ có sự an toàn, không tai hoạ, không sâu khô thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai hoạ, và có sâu khô; từ nơi nào gió lộng đi thì từ nơi ấy có bão tố; con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ngài Dabba Mallaputta làm ô uest.

[597] Rồi đức Thế-tôn nhân lý do ấy, nhân sự việc ấy liền tập họp chúng tỷ-kheo lại và đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã hành động giống như điều tỷ-kheo ni này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế-tôn biết rõ mà.

Lần thứ nhì, đức Thế-tôn đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã hành động giống như điều tỷ-kheo ni này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế-tôn biết rõ mà.

Lần thứ ba, đức Thế-tôn đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã hành động giống như điều tỷ-kheo ni này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế-tôn biết rõ mà.

- Này Dabba, giòng họ Dabba không phủ nhận như thế. Nếu người có làm, hãy nói: "Có làm;" nếu không làm, hãy nói: "Không làm."

- Bạch ngài, từ khi con được sanh ra, con không bao giờ thấy mình là kẻ tầm cầu việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.

Sau đó, đức Thế-tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, như vậy thì các người hãy trục xuất tỳ-kheo ni Mettiyā và tra hỏi các tỳ-kheo này.

Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào trú xá.

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trục xuất tỳ-kheo ni Mettiyā. Khi ấy, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nói điều này:

- Bạch chư đại đức, xin đừng trục xuất tỳ-kheo ni Mettiyā, cô ta không làm tội lỗi gì. Vì chúng tôi nổi giận, không vừa ý, có ý định hạ nhục nên xúi giục cô ta thôi.

- Này các đại đức, có phải các vị bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ?

- Bạch chư đại đức, đúng vậy.

Các tỳ-kheo ít ham muốn, ... (như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka lại bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ?

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka bôi nhọ Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ-kheo, vị Dabba Mallaputta ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch chư đại đức, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch chư đại đức, tôi là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ giờ cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba:

- Bạch chư đại đức, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch chư đại đức, tôi là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ giờ cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ lần thứ ba.

[598] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Đại đức Dabba Mallaputta, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Đại đức Dabba Mallaputta, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào thỏa thuận việc

ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Đại đức Dabba Mallaputta, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[599] Nay các tỳ-kheo, đây là năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Vị tỳ-kheo được trong sạch, không có phạm tội, các vị (khác) vu cáo vị ấy, vị ấy cầu xin, hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị ấy với sự hòa hợp đúng Pháp. Nay các tỳ-kheo, đây là năm sự ban cho đúng Pháp cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

---o0o---

3. Hành xử Luật khi không điên cuồng (Amūḥavinayo)

[600] Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo Gagga là vị bị điên và bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Các tỳ-kheo khiển trách tỳ-kheo Gagga với tội đã thực hiện khi vị ấy bị điên và bị thay đổi tâm tính:

- Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?

Vị ấy nói như vậy:

- Nay các đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Tôi đã làm điều ấy khi bị điên cuồng.

Dù được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng:

- Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?

Các tỳ-kheo ít ham muốn, ... (như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo lại khiển trách tỳ-kheo Gagga với tội đã được thực hiện khi vị ấy bị điên và bị thay đổi tâm tính: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Tôi đã làm điều ấy khi bị điên cuồng." Dù được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?"?

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo ... (như trên)..., có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ-kheo Gagga khi không bị điên cuồng. Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo Gagga ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Các tỳ-kheo đã khiển trách tôi với tội đã được

thực hiện khi bị điên và bị thay đổi tâm tính: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Tôi nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Tôi đã làm điều ấy khi bị điên cuồng." Dù được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Bạch chư đại đức, giờ không điên cuồng tôi cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba:

Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Các tỷ-kheo đã khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên và bị thay đổi tâm tính: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Tôi nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Tôi đã làm điều ấy khi bị điên cuồng." Dù được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Bạch chư đại đức, giờ không điên cuồng tôi cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng lần thứ ba.

[601] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Gagga này bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính vị ấy khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Các tỷ-kheo đã khiển trách tỷ-kheo Gagga với tội đã được thực hiện khi bị điên và bị thay đổi tâm tính: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Tôi đã làm điều ấy khi bị điên cuồng." Dù được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Giờ không điên cuồng, vị ấy cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỷ-kheo Gagga khi không bị điên cuồng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo Gagga này bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính vị ấy khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Các tỷ-kheo đã khiển trách tỷ-kheo Gagga với tội đã được thực hiện khi bị điên và bị thay đổi tâm tính: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Tôi đã làm điều ấy khi bị điên cuồng." Dù được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Giờ không điên cuồng, vị ấy cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỷ-kheo Gagga khi không bị điên cuồng. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỷ-kheo Gagga khi không bị điên cuồng, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được hội chúng ban đến tỷ-kheo Gagga khi không bị điên cuồng. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[602] Nay các tỷ-kheo, đây là ba sự ban cho không đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Thế nào là ba sự ban cho không đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng?

Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này là vị tỷ-kheo phạm tội. Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Vị ấy đầu có nhớ, vẫn nói như vậy: " Bạch chư đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là không đúng Pháp.

[603] Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này là vị tỷ-kheo phạm tội. Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Vị ấy đầu có nhớ, vẫn nói như vậy:

"Bạch chư đại đức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vậy." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là không đúng Pháp.

[604] Nay các tỳ-kheo, trong trường hợp này là vị tỳ-kheo phạm tội. Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Vị ấy, là vị không bị điên, (giả vờ) hành động trên cơ sở bị điên (nói rằng): "Tôi làm như thế. Các vị cũng làm như thế. Đối với tôi, điều ấy là đúng đắn. Điều ấy cũng đúng đắn đối với các vị." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là không đúng Pháp.

Đây là ba sự ban cho không đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

[605] Thế nào là ba sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng?

Nay các tỳ-kheo, trong trường hợp này là vị tỳ-kheo bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Vị ấy không nhớ được nên nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi không nhớ được là đã vi phạm tội như thế." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

[606] Nay các tỳ-kheo, trong trường hợp này là vị tỳ-kheo bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Vị ấy không nhớ được nên nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vậy." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

[607] Nay các tỳ-kheo, trong trường hợp này là vị tỳ-kheo bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Đại đức có nhớ đã vi

phạm tội như thế này không?" Vị ấy là vị bị điên, hành động trên cơ sở bị điên (nói rằng): "Tôi làm như thế. Các vị cũng làm như thế. Đối với tôi, điều ấy là đúng đắn. Điều ấy cũng đúng đắn đối với các vị." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

---o0o---

4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận (*Paṭiññātakaraṇa* □)

[608] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư thực thi các hành sự: khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, và án treo đến các tỳ-kheo chưa chịu thừa nhận. Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Lục Sư lại thực thi các hành sự: khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, và án treo đến các tỳ-kheo chưa chịu thừa nhận?

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, hoặc án treo không nên thực thi đến các tỳ-kheo chưa chịu thừa nhận. Vị nào thực thi thì phạm tội tác ác (*dukkata*).

[609] Nay các tỳ-kheo, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thế này gọi là không đúng Pháp, như thế này gọi là đúng Pháp.

Nay các tỳ-kheo, thế nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp?

Vị tỳ-kheo phạm tội *pārājika* (Bất cộng trụ). Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải đại đức đã vi phạm tội *pārājika*

(Bất cộng trụ)?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi không phạm tội pārājika, tôi đã phạm tội Sa□ghādisesa (Tăng tàng)." Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội Sa□ghādisesa. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ-kheo phạm tội pārājika (Bất cộng trụ). Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải đại đức đã vi phạm tội pārājika?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi không phạm tội pārājika, tôi đã phạm trọng tội (thullaccaya). Hội chúng hành sự cho vị ấy với trọng tội. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ-kheo phạm tội pārājika (Bất cộng trụ). Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải đại đức đã vi phạm tội pārājika?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi không phạm tội pārājika, tôi đã phạm tội ung đối trị (pācittiya). Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội ung đối trị. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ-kheo phạm tội pārājika (Bất cộng trụ). Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải đại đức đã vi phạm tội pārājika?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi không phạm tội pārājika, tôi đã phạm tội ung phát lộ (pāṭidesanīya). Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội ung phát lộ. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ-kheo phạm tội pārājika (Bất cộng trụ). Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải đại đức đã vi phạm tội pārājika?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi không phạm tội pārājika, tôi đã phạm tội tác ác (dukkata). Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội tác ác. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ-kheo phạm tội pārājika (Bất cộng trụ). Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải đại đức đã vi phạm tội pārājika?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi không phạm tội pārājika, tôi đã phạm tội ác khẩu (dubbhāsita). Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội ác khẩu. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ-kheo phạm tội Sa□ghādisesa ...(như trên)... trọng tội (thullaccaya) ...(như trên)... tội ung đối trị (pācittiya) ...(như trên)... tội ung phát lộ

(pāṭidesanīya) ... (như trên)... tội tác ác (dukkata) ... (như trên)... tội ác khẩu (dubbhāsita). Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải đại đức đã vi phạm tội ác khẩu (dubbhāsita)?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi không phạm tội ác khẩu (dubbhāsita), tôi đã phạm tội pārājika." Hội chúng hành sự cho vị ấy tội pārājika. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Vị tỳ-kheo phạm tội ác khẩu (dubbhāsita). Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải đại đức đã vi phạm tội ác khẩu (dubbhāsita)?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi không phạm tội ác khẩu (dubbhāsita), tôi đã phạm tội Sa□ghādisesa... (như trên)... trọng tội (thullaccaya) ... (như trên)... tội ung đối trị (pācittiya) ... (như trên)... tội ung phát lộ (pāṭidesanīya) ... (như trên)... tội tác ác (dukkata)." Hội chúng hành sự cho vị ấy tội tác ác (dukkata). Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là không đúng Pháp.

Này các tỳ-kheo, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thế gọi là không đúng Pháp.

[610] Này các tỳ-kheo, thế nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp?

Vị tỳ-kheo phạm tội pārājika (Bất cộng trụ). Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải đại đức đã vi phạm tội pārājika?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi đã phạm tội pārājika." Hội chúng hành sự cho vị ấy tội pārājika. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp.

Vị tỳ-kheo phạm tội Sa□ghādisesa ... (như trên)... trọng tội (thullaccaya) ... (như trên)... tội ung đối trị (pācittiya) ... (như trên)... tội ung phát lộ (pāṭidesanīya) ... (như trên)... tội tác ác (dukkata) ... (như trên)... tội ác khẩu (dubbhāsita). Hội chúng hoặc nhiều vị hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Có phải đại đức đã vi phạm tội ác khẩu (dubbhāsita)?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi đã phạm tội ác khẩu (dubbhāsita)." Hội chúng hành sự cho vị ấy tội ác khẩu (dubbhāsita). Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp.

Này các tỳ-kheo, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thế gọi là đúng Pháp.

---o0o---

5. Thuận theo số đông (Yebhuyyasikā)

[611] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo sinh hoạt trong hội chúng đã gây ra các sự xung đột, gây gỗ, đưa đến tranh cãi, và làm tổn thương lẫn nhau bằng các vũ khí miệng lưỡi. Họ đã không thể giải quyết sự tranh tụng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng như thế thuận theo số đông. Vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện nên được chỉ định làm vị phân phát thẻ (salākaggāhāpako): là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích; là vị không thể bị chi phối bởi sự sân hận; là vị không thể bị chi phối bởi sự si mê; là vị không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi; và vị ấy biết (thẻ) đã được nhận hay không được nhận.

Và nay các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ-kheo cần được yêu cầu; sau khi đã yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân phát thẻ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân phát thẻ. Đại đức nào thỏa thuận với việc chỉ định tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân phát thẻ, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tỳ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[612] Nay các tỳ-kheo, đây là mười sự phân phát thẻ không đúng Pháp, mười (sự phân phát thẻ) đúng Pháp.

Thế nào là mười sự phân phát thẻ không đúng Pháp?

Khi sự tranh tụng là việc nhỏ nhặt, chưa đến mức phải xử lý, không được nhớ lại hoặc làm cho nhớ lại, vị phân phát thẻ biết rằng: "Các vị nói sai Pháp nhiều hơn," (vị ấy nghĩ rằng): "Có lẽ các vị nói sai Pháp nhiều hơn," vị ấy biết rằng: "Hội chúng sẽ bị chia rẽ," (vị ấy nghĩ rằng): "Có lẽ hội chúng sẽ bị chia rẽ," các vị nhận lãnh thẻ không được hợp lệ, các vị có sự chia phe nhóm khi nhận lãnh thẻ, các vị nhận lãnh không theo quan điểm (của bản thân).

Đây là mười sự phân phát thẻ không đúng Pháp.

[613] Thế nào là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp?

Khi sự tranh tụng không phải là việc nhỏ nhặt, đã đến mức phải xử lý, được nhớ lại hoặc được làm cho nhớ lại, vị phân phát thẻ biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp nhiều hơn," (vị ấy nghĩ rằng): "Có lẽ các vị nói đúng Pháp nhiều hơn," vị ấy biết rằng: "Hội chúng sẽ không bị chia rẽ," (vị ấy nghĩ rằng): "Có lẽ hội chúng sẽ không bị chia rẽ," các vị nhận lãnh thẻ một cách hợp lệ, các vị có sự hòa hợp khi nhận lãnh thẻ, các vị nhận lãnh theo quan điểm (của bản thân).

Đây là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp.

---o0o---

6. Theo tội của vị ấy (Tassapāpiyasikā)

[614] Vào lúc bảy giờ, tỳ-kheo Upavāla trong khi được tra hỏi các tội trước hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, đã tránh né tội ấy bằng một tội khác, đã nói điều dối trá có chủ ý. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ-kheo Upavāla trong khi được tra hỏi các tội trước hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, đã tránh né tội ấy bằng một tội khác, đã nói điều dối trá có chủ ý?

Rồi các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ-kheo Upavāḷa. Và nay các tỳ-kheo, nên thực thi như vậy: Trước hết, tỳ-kheo Upavāḷa cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở rồi cần được xác định tội; sau khi được xác định tội rồi, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Upavāḷa này trong khi được tra hỏi các tội trước hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, đã tránh né tội ấy bằng một tội khác, đã nói điều dối trá có chủ ý. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ-kheo Upavāḷa. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-kheo Upavāḷa này trong khi được tra hỏi các tội trước hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, đã tránh né tội ấy bằng một tội khác, đã nói điều dối trá có chủ ý. Hội chúng thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ-kheo Upavāḷa. Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ-kheo Upavāḷa, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực thi đến tỳ-kheo Upavāḷa. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[615] Nay các tỳ-kheo, đây là năm sự thực thi đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy: Vị ấy không trong sạch, không có hồ thẹn, có sự khiển trách, hội chúng thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến vị ấy đúng Pháp, có sự hòa hợp.

Nay các tỳ-kheo, đây là năm sự thực thi đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy.

[616] Nay các tỳ-kheo, một hành sự theo tội của vị ấy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi thiếu sự hiện diện, được thực thi thiếu sự tra hỏi, được thực thi với sự không thừa nhận (appaṭiññāya kata□). Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất. ... (như trên)... Nay các tỳ-kheo, một hành sự theo tội của vị ấy là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi khi chưa xác định tội, được thực thi không theo Pháp, được thực thi bởi phe nhóm.

Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba điều kiện này là hành sự không đúng Pháp, là hành sự không đúng Luật, khó được hoàn tất.

[617] Nay các tỳ-kheo, một hành sự theo tội của vị ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện: được thực thi với sự hiện diện, được thực thi từ sự tra hỏi, được thực thi với sự thừa nhận (paṭiññāya kata□). Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp. ... (như trên)... Nay các tỳ-kheo, một hành sự theo tội của vị ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp khi hội đủ ba điều kiện khác nữa: được thực thi sau khi xác định tội, được thực thi đúng theo Pháp, được thực thi bởi hội chúng hòa hợp.

Nay các tỳ-kheo, một hành sự xua đuổi hội đủ ba điều kiện này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, được hoàn tất tốt đẹp.

[618] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính: là vị thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhằm nhí, và sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; là vị năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[619] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính khác nữa: là vị không thành tựu giới thuộc tăng thượng giới, là vị không thành tựu hạnh thuộc tăng thượng hạnh, là vị không thành tựu tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tỳ-kheo, ... (như trên)... ba đặc tính này.

[620] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba đặc tính khác nữa: là vị chê bai Phật, là vị chê bai Pháp, là vị chê bai Tăng. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ-kheo hội đủ ba đặc tính này.

[621] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ-kheo: hạng thường gây nên sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, thiếu khả năng; hạng năng thân cận giới tục gia, sống không nghiêm chỉnh lẫn lộn cùng người thế tục. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[622] Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng không thành tựu giới thuộc tăng thượng giới, hạng không thành tựu hạnh thuộc tăng thượng hạnh, hạng không thành tựu tri kiến thuộc tăng thượng tri kiến. Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba hạng tỳ-kheo này.

[623] Nay các tỳ-kheo, ...(như trên)... ba hạng tỳ-kheo khác nữa: hạng chê bai Phật, hạng chê bai Pháp, hạng chê bai Tăng. Nay các tỳ-kheo, nếu mong muốn hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ-kheo này.

[624] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo thực thi hành sự theo tội của vị ấy nên làm phận sự một cách nghiêm chỉnh. Trong trường hợp này, các phận sự nghiêm chỉnh ấy là: không nên ban phép tu lên bậc trên; không nên ban cho phép nương nhờ; không nên để sa-di phục vụ; không nên chấp nhận sự chỉ định giảng dạy tỳ-kheo ni; không nên giảng dạy tỳ-kheo ni dầu đã được chỉ định; ...(như trên)...; không nên tạo bè phái với các tỳ-kheo.

Sau đó, hội chúng đã thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ-kheo Upavāḷa.

---o0o---

7. Cách dùng cỏ che lấp (Tiṇavatthāraka□)

[625] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gỗ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Khi ấy, điều này đã sanh khởi đến các tỳ-kheo ấy: "Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gỗ, đưa đến tranh cãi, và nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lung củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Vậy chúng ta nên thực hành như thế nào đây?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[626] Nay các tỳ-kheo, trong trường hợp các tỳ-kheo trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gỗ, đưa đến tranh cãi, và nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Ở đây, nếu các tỳ-kheo (nghĩ) như vậy: "Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gỗ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lung củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Vậy chúng ta nên thực hành như thế nào đây?" Nay các tỳ-kheo, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế bằng cách dùng cỏ che lấp.

[627] Và nay các tỳ-kheo, nên giải quyết như vậy: Tất cả nên tụ họp lại một chỗ; sau khi tụ họp lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gỗ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lung củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng [*] và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.

[*] Trường hợp tỳ-kheo phạm tội Pārājika và Saṅghādisesa (tức là Bất cộng trụ và Tăng tàng).

Một vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực của các tỳ-kheo thuộc về cùng một phe nên thông báo đến phe của mình rằng:

- Xin chư đại đức hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gổ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lung củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi sẽ sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp tội của chư đại đức và tội của tôi trước hội chúng chính vì sự lợi ích của chư đại đức và vì lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.

[628] Khi ấy, một vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực của các tỷ-kheo thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng:

- Xin chư đại đức hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gổ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lung củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi sẽ sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp tội của chư đại đức và tội của tôi trước hội chúng chính vì sự lợi ích của chư đại đức và vì lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.

[629] Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi một vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực của các tỷ-kheo thuộc về một phe rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gổ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lung củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp tội của các đại đức ấy và tội của tôi trước hội chúng chính vì sự lợi ích của các đại đức ấy và vì lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gổ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này

có thể đưa đến lòng củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Chính vì sự lợi ích của các đại đức ấy và vì lợi ích của tôi, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp tội của các đại đức ấy và tội của tôi trước hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào thỏa thuận việc sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp các tội ấy của chúng tôi trước hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Các tội ấy của chúng tôi đã được sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp trước hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[630] Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi một vị tử-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực của các tử-kheo thuộc về phe kia rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gỗ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lòng củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp tội của các đại đức ấy và tội của tôi trước hội chúng chính vì sự lợi ích của các đại đức ấy và vì lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gỗ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lòng củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Chính vì sự lợi ích của các đại đức ấy và vì lợi ích của tôi, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp tội của các đại đức ấy và tội của tôi trước hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào thỏa thuận việc sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp các tội ấy của chúng tôi trước hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Các tội ấy của chúng tôi đã được sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp trước hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[631] Và này các tỳ-kheo, như thế các tỳ-kheo ấy đã được thoát khỏi các tội ấy, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, ngoại trừ (các vị) có quan điểm khác về hành sự này, ngoại trừ các vị không hiện diện ở đó.

----oOo----

8. Sự tranh tụng

[632] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo tranh cãi với các tỳ-kheo ni, các tỳ-kheo ni cũng tranh cãi với các tỳ-kheo. Tỳ-kheo Channa sau khi theo phe các tỳ-kheo ni cũng tranh cãi với các tỳ-kheo và được xem là thuộc phe các tỳ-kheo ni. Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ-kheo Channa sau khi theo phe các tỳ-kheo ni lại tranh cãi với các tỳ-kheo và được xem là thuộc phe các tỳ-kheo ni?

Rồi các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, đây là bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

[633] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là thế nào? Này các tỳ-kheo, trong trường hợp này, các tỳ-kheo tranh cãi rằng: "Đây là Pháp," "Đây không phải là Pháp," "Đây là Luật," "Đây không phải là Luật," "Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến," "Điều ấy đã không được

đăng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến," "Điều ấy đã được đăng Thiện Thệ thực hiện," "Điều ấy đã không được đăng Thiện Thệ thực hiện," "Điều ấy đã được đăng Thiện Thệ quy định," "Điều ấy đã không được đăng Thiện Thệ quy định," "Điều ấy là phạm tội," "Điều ấy là không phạm tội," "Điều ấy là tội nhẹ," "Điều ấy là tội nặng," "Tội sám hối được," "Tội không sám hối được," "Tội xấu xa," hoặc "Tội không xấu xa." Ở đây, việc nào là xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, đặt tên cho một sự việc mới được thành tựu đưa đến gây gổ (vipaccatāya vohāro medhagam-), việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

[634] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là thế nào? Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này, các tỷ-kheo khiển trách một vị tỷ-kheo với sự hư hỏng vì giới, hoặc với sự hư hỏng về sở hành, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ở đây, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc (amusampava□katā), sự xúi giục (abbhussahanatā), sự kích động (anubalappadānam-), việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

[635] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tội là thế nào? Năm nhóm tội [*] là sự tranh tụng liên quan đến tội, và bảy nhóm tội [*] là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tội.

[*] Năm nhóm tội là: Pārājika, Sa□ghādisesa, Nissaggiya pācittiya, Pācittiya, và Dukkaṭa (tức là Bất cộng trụ, Tăng tàng, Ứng xử đối trị, Ứng đối trị, và Tác ác. Thêm vào Thullaccaya và Dubbhāsita là bảy (tức là Trọng tội và Ác khẩu).

[636] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là thế nào? Việc gì của hội chúng cần phải hoàn thành, cần phải thực thi, là hành sự với sự thỏa thuận (apalokanakammam-), hành sự với lời thông báo, hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư. Việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

[637] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là gì? Có sáu nguyên nhân tranh cãi là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Có ba nguyên nhân không tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và ba nguyên nhân tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Sáu nguyên nhân tranh cãi nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

Này các tỷ-kheo, trong trường hợp này vị tỷ-kheo trở nên giận dữ có sự hằn học. Này các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vị ấy sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng Pháp; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng hội chúng (Tăng); vị ấy có sự thực hành không trọn vẹn các học giới. Này các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo nào sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư, ...(như trên)... Pháp, ...(như trên)... hội chúng (Tăng)..., có sự thực hành không trọn vẹn các học giới, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng là sự tranh cãi không đem lại lợi ích cho nhiều người không đem lại an lạc cho nhiều người, không đem lại sự tấn hóa cho nhiều người, không đem lại lợi ích mà đem lại khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các tỷ-kheo, nếu các người nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, trong trường hợp này, này các tỷ-kheo, các người nên nỗ lực đạt đến sự chấm dứt chính cái nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Này các tỷ-kheo, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, trong trường hợp này, này các tỷ-kheo, các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính cái nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

[638] Này các tỷ-kheo, còn có điều khác nữa: Có vị tỷ-kheo trở nên đạo đức giả và dối trá, ...(như trên)..., trở nên đố kỵ và bòn xén, trở nên mưu mẹo và xảo trá, trở nên ác độc và tà kiến, trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Này các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng Pháp; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng hội chúng (Tăng); vị ấy có sự thực hành không trọn vẹn các học giới. Này các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo nào sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư, ...(như trên)... Pháp, ...(như trên)... hội chúng (Tăng)..., có sự thực hành không trọn vẹn các học giới, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng là sự tranh cãi không đem lại lợi ích cho nhiều người không đem lại an lạc cho nhiều người, không đem lại sự tấn hóa cho nhiều người, không đem lại lợi ích mà đem lại khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các tỷ-kheo, nếu các người nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, trong trường hợp này, này các tỷ-kheo, các người nên nỗ lực đạt đến

sự chấm dứt chính cái nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Nay các tỷ-kheo, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, trong trường hợp này, nay các tỷ-kheo, các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính cái nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

Sáu nguyên nhân tranh cãi này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

[639] Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

Này các tỷ-kheo, trong trường hợp này các tỷ-kheo tranh cãi do tâm tham lam, tranh cãi do tâm xấu xa, tranh cãi do tâm mê muội rằng: "Đây là Pháp," "Đây không phải là Pháp," "Đây là Luật," "Đây không phải là Luật," "Điều ấy đã được đáng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến," "Điều ấy đã không được đáng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến," "Điều ấy đã được đáng Thiện Thệ thực hiện," "Điều ấy đã không được đáng Thiện Thệ thực hiện," "Điều ấy đã được đáng Thiện Thệ quy định," "Điều ấy đã không được đáng Thiện Thệ quy định," "Điều ấy là phạm tội," "Điều ấy là không phạm tội," "Điều ấy là tội nhẹ," "Điều ấy là tội nặng," "Tội sám hối được," "Tội không sám hối được," "Tội xấu xa," hoặc "Tội không xấu xa." Ba nguyên nhân không tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

[640] Ba nguyên nhân tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

Này các tỷ-kheo, trong trường hợp này các tỷ-kheo tranh cãi không do tâm tham lam, tranh cãi không do tâm xấu xa, tranh cãi không do tâm mê muội rằng: "Đây là Pháp," "Đây không phải là Pháp," ...(như trên)... "Tội xấu xa," hoặc "Tội không xấu xa." Ba nguyên nhân tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

[641] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là gì? Có sáu nguyên nhân khiển trách là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Có ba nguyên nhân không tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có ba nguyên nhân tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cơ thể (thân) cũng là nguyên

nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và lời nói (khẩu) cũng là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

[642] Sáu nguyên nhân khiển trách nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

Này các tỷ-kheo, trong trường hợp này vị tỷ-kheo trở nên giận dữ có sự hằn học. Này các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vị ấy sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng Pháp; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng hội chúng (Tăng); vị ấy có sự thực hành không trọn vẹn các học giới. Này các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo nào sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư, ...(như trên)... Pháp, ...(như trên)... hội chúng (Tăng)..., có sự thực hành không trọn vẹn các học giới, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng là sự khiển trách không đem lại lợi ích cho nhiều người không đem lại an lạc cho nhiều người, không đem lại sự tấn hóa cho nhiều người, không đem lại lợi ích mà đem lại khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các tỷ-kheo, nếu các người nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, trong trường hợp này, này các tỷ-kheo, các người nên nỗ lực đạt đến sự chấm dứt chính cái nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Này các tỷ-kheo, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, trong trường hợp này, này các tỷ-kheo, các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính cái nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

[643] Này các tỷ-kheo, còn có điều khác nữa: Có vị tỷ-kheo trở nên đạo đức giả và dối trá, ...(như trên)..., trở nên đố kỵ và bòn xén, trở nên mưu mẹo và xảo trá, trở nên ác độc và tà kiến, trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Này các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng Pháp; vị ấy sống không cung kính, không phục tùng hội chúng (Tăng); vị ấy có sự thực hành không trọn vẹn các học giới. Này các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo nào sống không cung kính, không phục tùng bậc Đạo Sư, ...(như trên)... Pháp, ...(như trên)... hội chúng (Tăng)..., có sự thực hành không trọn vẹn các học giới, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng là sự khiển trách không đem lại lợi ích cho nhiều người không đem lại an lạc cho nhiều người,

không đem lại sự tấn hóa cho nhiều người, không đem lại lợi ích mà đem lại khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nay các tỷ-kheo, nếu các người nhận thức được nguyên nhân khiến trách có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, trong trường hợp này, nay các tỷ-kheo, các người nên nỗ lực đạt đến sự chấm dứt chính cái nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy. Nay các tỷ-kheo, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân khiến trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, trong trường hợp này, nay các tỷ-kheo, các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính cái nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

Sáu nguyên nhân khiến trách này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách.

[644] Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách?

Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này các tỷ-kheo khiến trách một vị tỷ-kheo do tâm tham lam, khiến trách do tâm xấu xa, khiến trách do tâm mê muội với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về sở hành, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng.

Ba nguyên nhân không tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách.

[645] Ba nguyên nhân tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách? Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này các tỷ-kheo khiến trách một vị tỷ-kheo không do tâm tham lam, khiến trách không do tâm xấu xa, khiến trách không do tâm mê muội với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về sở hành, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng.

Ba nguyên nhân tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách.

[646] Cơ thể (thân) như thế nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách? Trong trường hợp này, có vị có màu da tối, có vóc dáng xấu xí, dị dạng (okotimako), nhiều bệnh: hoặc là chột mắt, hoặc là chân bị tật, hoặc bị què, hoặc bị liệt, các vị khiến trách vị kia về điều ấy. Cơ thể

(thân) như thế ấy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

[647] Lời nói (khẩu) như thế nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Trong trường hợp này, có vị có giọng nói gắt gỏng, có tật cà lăm, có giọng nói khàn khàn, các vị khiển trách vị kia về điều ấy. Lời nói (khẩu) như thế ấy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

[648] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội là gì? Sáu nguồn gốc sanh khởi sự phạm tội là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội. Có sự phạm tội sanh khởi từ thân, không phải từ lời nói, không phải từ ý nghĩ. Có sự phạm tội sanh khởi từ lời nói, không phải từ thân, không phải từ ý nghĩ. Có sự phạm tội sanh khởi từ thân và từ lời nói, không phải từ ý nghĩ. Có sự phạm tội sanh khởi từ thân và từ ý nghĩ, không phải từ lời nói. Có sự phạm tội sanh khởi từ lời nói và từ ý nghĩ, không phải từ thân. Có sự phạm tội sanh khởi từ thân, từ lời nói, và từ ý nghĩ.

Sáu nguồn gốc sanh khởi sự phạm tội này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội.

[649] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là gì? Có một nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là: Hội chúng.

[650] Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tốt, là xấu, hay là không tốt không xấu?

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

[651] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là xấu là như thế nào? Nay các tỳ-kheo, trong trường hợp này, các tỳ-kheo tranh cãi do tâm bất thiện: "Đây là Pháp," "Đây không phải là Pháp," ...(như trên)... "Tội xấu xa," hoặc "Tội không xấu xa." Ở đây, việc nào là xung đột, gây gỗ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, đặt tên cho một sự việc mới được thành tựu đưa đến gây gỗ (vipaccatāya vohāro medhagam-), việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được gọi là xấu.

[652] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tốt là như thế nào? Nay các tỳ-kheo, trong trường hợp này, các tỳ-kheo tranh cãi do tâm thiện: "Đây

là Pháp," "Đây không phải là Pháp," ...(như trên)... "Tội xấu xa," hoặc "Tội không xấu xa." Ở đây, việc nào là xung đột, gây gỗ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, đặt tên cho một sự việc mới được thành tựu đưa đến gây gỗ (vipaccatāya vohāro medhagam-), việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được gọi là tốt.

[653] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là không tốt không xấu là như thế nào? Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này, các tỷ-kheo tranh cãi do tâm vô ký: "Đây là Pháp," "Đây không phải là Pháp," ...(như trên)... "Tội xấu xa," hoặc "Tội không xấu xa." Ở đây, việc nào là xung đột, gây gỗ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, đặt tên cho một sự việc mới được thành tựu đưa đến gây gỗ (vipaccatāya vohāro medhagam-), việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được gọi là không tốt không xấu.

[654] Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tốt, là xấu, hay là không tốt không xấu?

Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

[655] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là xấu là như thế nào? Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này, các tỷ-kheo do tâm bất thiện khiển trách một vị tỷ-kheo với sự hư hỏng vì giới, với sự hư hỏng về sở hành, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ở đây, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc (amusampava□katā), sự xúi giục (abbhussahanatā), sự khích động (anubalappadānam-), việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được gọi là xấu.

[656] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tốt là như thế nào? Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này, các tỷ-kheo do tâm thiện khiển trách một vị tỷ-kheo với sự hư hỏng vì giới, với sự hư hỏng về sở hành, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ở đây, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc (amusampava□katā), sự xúi giục (abbhussahanatā), sự khích động (anubalappadānam-), việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được gọi là tốt.

[657] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là không tốt không xấu là như thế nào? Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này, các tỷ-kheo do tâm vô ký khiển trách một vị tỷ-kheo với sự hư hỏng vì giới, với sự hư hỏng về sở hành, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ở đây, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc (amusampava□katā), sự xúi giục (abbhussahanatā), sự khích động (anubalappadānam-), việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được gọi là không tốt không xấu.

[658] Sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt, là xấu, hay là không tốt không xấu?

Sự tranh tụng liên quan đến tội có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu, không có sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt.

[659] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tội là xấu là như thế nào? Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này, (vị tỷ-kheo) biết, nhận thức được, rồi cố ý làm tội, và vi phạm; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tội được gọi là xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tội là không tốt không xấu là như thế nào? Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này, (vị tỷ-kheo) không biết, không nhận thức được, không cố ý làm tội, và vi phạm; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tội được gọi là không tốt không xấu.

[660] Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tốt, là xấu, hay là không tốt không xấu?

Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

[661] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là xấu là như thế nào? Hành sự nào hội chúng thực thi với tâm bất thiện: là hành sự với sự thỏa thuận (apalokanakammam-), hành sự với lời thông báo, hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai, (hay là) hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được gọi là xấu.

[662] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tốt là như thế nào? Hành sự nào hội chúng thực thi với tâm tâm thiện: là hành sự với sự thỏa thuận (apalokanakammam-), hành sự với lời thông báo, hành sự với lời

thông báo đến lần thứ hai, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được gọi là tốt.

[663] Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là không tốt không xấu là như thế nào? Hành sự nào hội chúng thực thi với tâm vô ký: là hành sự với sự thỏa thuận (apalokanakammam-), hành sự với lời thông báo, hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được gọi là không tốt không xấu.

[664] (Một việc có thể) là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, là sự tranh cãi không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là sự tranh cãi, vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi (hay không)?

(Một việc) có thể là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có thể là sự tranh cãi không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là sự tranh cãi, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

[665] Ở đây, việc nào là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này các tỷ-kheo tranh cãi rằng: "Đây là Pháp," "Đây không phải là Pháp," ...(như trên)... "Tội xấu xa," hoặc "Tội không xấu xa." Ở đây, việc nào là xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, đặt tên cho một sự việc mới được thành tựu đưa đến gây gổ (vipaccatāya vohāro medhagam-); việc ấy là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Ở đây, việc nào là sự tranh cãi không là sự tranh tụng? Mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh em trai tranh cãi với anh em trai, anh em trai tranh cãi với chị em gái, chị em gái tranh cãi với anh em trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; việc ấy là sự tranh cãi không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là sự tranh cãi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; việc ấy là sự tranh tụng không là sự tranh cãi.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

[666] (Một việc có thể) là sự khiển trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, là sự khiển trách không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là sự khiển trách, vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách (hay không)?

(Một việc) có thể là sự khiển trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có thể là sự khiển trách không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là sự khiển trách, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

[667] Ở đây, việc nào là sự khiển trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách?

Này các tỷ-kheo, trong trường hợp này các tỷ-kheo khiển trách một vị tỷ-kheo với sự hư hỏng vì giới, với sự hư hỏng về sở hành, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về sự nuôi mạng. Ở đây, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc (amusampava□katā), sự xúi giục (abbhussahanatā), sự khích động (anubalappadānam-); việc ấy là sự khiển trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Ở đây, việc nào là sự khiển trách nào không là sự tranh tụng? Mẹ khiển trách con trai, con trai khiển trách mẹ, cha khiển trách con trai, con trai khiển trách cha, anh em trai khiển trách anh em trai, anh em trai khiển trách chị em gái, chị em gái khiển trách anh em trai, bạn bè khiển trách bạn bè; việc ấy là sự khiển trách không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là sự khiển trách? Sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; việc ấy là sự tranh tụng không là sự khiển trách.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

[668] (Một việc có thể) là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tội, là sự phạm tội không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là sự phạm tội, vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội (hay không)?

(Một việc) có thể là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tội, có thể là sự phạm tội không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là sự phạm tội, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội.

[669] Ở đây, việc nào là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến phạm tội? Năm nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội, và bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tội.

Ở đây, việc nào là āpatti (sự phạm tội) không là sự tranh tụng? Quả vị Nhập Luru (Sotāpatti), sự thành đạt (samāpatti) (đây là nghệ thuật chơi chữ với từ āpatti); việc ấy là āpatti (sự phạm tội) không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là sự phạm tội? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; việc ấy là sự tranh tụng không là sự phạm tội.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội? Sự tranh tụng liên quan đến tội vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội.

[670] (Một việc có thể) là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, là nhiệm vụ không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là nhiệm vụ, vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ (hay không)?

(Một việc) có thể là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có thể là nhiệm vụ không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là nhiệm vụ, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

[671] Ở đây, việc nào là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này, Việc nào của hội chúng cần phải hoàn thành, cần phải thực thi, là hành sự với sự thỏa thuận (apalokanakammam-), hành sự với lời thông báo, hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư; việc ấy là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Ở đây, việc nào là nhiệm vụ không là sự tranh tụng? Nhiệm vụ của thầy giáo thọ, nhiệm vụ của thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy giáo thọ; việc ấy là nhiệm vụ không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là nhiệm vụ? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy là sự tranh tụng không là nhiệm vụ.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

9. Chỉ định cách dàn xếp một sự tranh tụng:

[672] - Một sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

- Một sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách thuận theo số đông.

- Nếu có sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không đạt được một cách dàn xếp là thuận theo số đông, thì có thể làm yên ổn bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện hay không?

- Nên giải thích cho vị ấy rằng: "Có thể." Như vậy là thế nào? Nay các tỷ-kheo, trong trường hợp này các tỷ-kheo tranh cãi: "Đây là Pháp," "Đây không phải là Pháp," "Đây là Luật," "Đây không phải là Luật," "Điều ấy đã được đáng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến," "Điều ấy đã không được đáng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến," "Điều ấy đã được đáng Thiện Thệ thực hiện," "Điều ấy đã không được đáng Thiện Thệ thực hiện," "Điều ấy đã được đáng Thiện Thệ quy định," "Điều ấy đã không được đáng Thiện Thệ quy định," "Điều ấy là phạm tội," "Điều ấy là không phạm tội," "Điều ấy là tội nhẹ," "Điều ấy là tội nặng," "Tội sám hối được," "Tội không sám hối được," "Tội xấu xa," hoặc "Tội không xấu xa." Nay các tỷ-kheo, nếu các tỷ-kheo ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy, nay các tỷ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? Cần nhiều tỷ-kheo có khả năng cho các hành sự và các vị ấy đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gọi sự tùy thuận đã được đem lại, trong khi hiện diện các vị không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? Pháp nào, Luật nào, lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư giải quyết sự tranh tụng ấy; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch của sự kiện đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Nay các tỷ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu có vị

làm khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya); nếu vị đã gởi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[673] Nay các tỳ-kheo, nếu các tỳ-kheo ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy tại trú xứ ấy, nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ấy nên đi đến một trú xứ có nhiều tỳ-kheo hơn. Nay các tỳ-kheo, trong lúc đang đi trên đường đến trú xứ kia, nếu các tỳ-kheo ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; nay các tỳ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? Cần nhiều tỳ-kheo có khả năng cho các hành sự và các vị ấy đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gởi sự tùy thuận đã được đem lại, trong khi hiện diện các vị không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? Pháp nào, Luật nào, lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư giải quyết sự tranh tụng ấy; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch của sự kiện đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Nay các tỳ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu có vị làm khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya); nếu vị đã gởi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[674] Nay các tỳ-kheo, trong lúc đang đi trên đường đến trú xứ kia, nếu các tỳ-kheo ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy; nay các tỳ-kheo, sau khi đi đến trú xứ kia, các tỳ-kheo ấy nên nói các tỳ-kheo thường trú như vậy: "Bạch chư đại đức, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vậy, đã diễn tiến như vậy, lành thay xin các đại đức hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo sư, như thế ấy sự tranh tụng này có thể được giải quyết một cách tốt đẹp." Nay các tỳ-kheo, nếu các tỳ-kheo thường trú thâm niên hơn và các tỳ-kheo đi đến là kém thâm niên, nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo thường trú nên nói với các tỳ-kheo đi đến như vậy: "Nay các đại đức, các vị hãy chờ ở một bên trong chốc lát để chúng tôi còn hội ý." Nay các tỳ-kheo, nếu các tỳ-kheo thường trú kém thâm niên và các tỳ-kheo đi đến là thâm niên hơn, nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo thường trú nên nói với các tỳ-kheo đi đến như vậy: "Bạch chư đại đức, như vậy thì xin các vị hãy chờ ở đây trong chốc lát để chúng tôi còn hội ý."

Này các tỳ-kheo, nếu các tỳ-kheo thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vậy: "Chúng ta không thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo sư được," các tỳ-kheo thường trú không nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy. Này các tỳ-kheo, nếu các tỳ-kheo thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vậy: "Chúng ta có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo sư được," các tỳ-kheo thường trú ấy nên nói với các tỳ-kheo đi đến như vậy: "Này các đại đức, nếu các vị trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào và đã diễn tiến như thế nào, thì chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách mà theo cách ấy (sự tranh tụng này) sẽ được giải quyết tốt đẹp; như thế chúng tôi sẽ nhận lãnh sự tranh tụng này. Này các đại đức, nếu các vị không trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào và đã diễn tiến như thế nào, thì chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách mà theo cách ấy (sự tranh tụng này) sẽ không được giải quyết tốt đẹp. Như vậy thì chúng tôi sẽ không nhận lãnh sự tranh tụng này." Này các tỳ-kheo, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các tỳ-kheo thường trú nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy.

Này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo đi đến ấy nên nói với các tỳ-kheo thường trú như vậy: "Chúng tôi sẽ trình bày sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào và đã diễn tiến như thế nào. Nếu các đại đức có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong giới hạn chừng ấy thời gian (ettakena vā ettakena vā antarena), như thế ấy (sự tranh tụng) sẽ được giải quyết một cách tốt đẹp; như vậy, chúng tôi sẽ giao phó sự tranh tụng này cho các đại đức. Nếu các đại đức không thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong giới hạn chừng ấy thời gian, như thế ấy, (sự tranh tụng) sẽ không được giải quyết một cách tốt đẹp; như vậy, chúng tôi sẽ không giao phó sự tranh tụng này cho các đại đức. Chính chúng tôi sẽ là người chủ trì sự tranh tụng này." Này các tỳ-kheo, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các tỳ-kheo đi đến nên giao phó sự tranh tụng ấy cho các tỳ-kheo thường trú.

Này các tỳ-kheo, nếu các tỳ-kheo ấy có thể giải quyết cuộc tranh tụng ấy, này các tỳ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự...(như trên)... Này các tỳ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu có vị làm khởi lại sự tranh tụng, vị khởi lại ấy phạm tội ưng đối trị

(pācittiya); nếu vị đã gởi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ung đốị trị (pācittiya).

[675] Nay các tỳ-kheo, nếu trong khi các tỳ-kheo ấy phán xét sự tranh tụng ấy, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không một lời phát biểu nào có ý nghĩa; nay các tỳ-kheo, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng như thế ấy theo lối đại biểu (ubbāhikāya). Theo lối đại biểu, cần chỉ định một vị tỳ-kheo hội đủ mười điều kiện: (là vị) có giới hạnh, sống thu thúc theo sự hạn chế của giới bốn Pātimokkha, thành tựu trong lãnh vực tánh hạnh, thấy được sự nguy hiểm trong những tội lỗi nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các học giới; là vị đa văn, nắm giữ và tích lũy các điều đã được nghe, các Pháp nào là tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, có ý nghĩa, có văn tự, công bố về phạm hạnh thanh tịnh một cách đầy đủ trọn vẹn, các Pháp có hình thức như thế được (vị ấy) nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích; cả hai bộ giới bốn Pātimokkha đã khéo được truyền thừa từng chi tiết đến vị ấy, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được phán xét theo từng bài kinh, theo từng ý nghĩa; vị ấy thiện xảo trong Luật không có bối rối; là vị có năng lực để làm cho cả hai phe đối địch của sự kiện phải tin tưởng, suy nghĩ lại, hiểu được, thấy được, và làm cho hoan hỷ; khéo léo giải quyết sự tranh tụng đã được diễn tiến; hiểu được sự tranh tụng; hiểu được nguyên có của sự tranh tụng; biết được sự chấm dứt của sự tranh tụng; biết được đường lối thực hành để chấm dứt sự tranh tụng. Và nay các tỳ-kheo, ta cho phép chỉ định theo lối đại biểu một vị tỳ-kheo hội đủ mười điều kiện này.

[676] Và nay các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ-kheo ấy cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phán xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không một lời phát biểu nào có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phán xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không một lời phát biểu nào có ý nghĩa. Hội chúng chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đại đức nào thỏa thuận với việc chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) để

giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Vị tỳ-kheo tên (như vậy) và tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[677] Nay các tỳ-kheo, nếu các tỳ-kheo ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; nay các tỳ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự... (như trên)... Nay các tỳ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu có vị làm khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya); nếu vị đã gởi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[678] Nay các tỳ-kheo, trong khi các vị ấy đang phán xét sự tranh tụng ấy, nếu ở đó, có vị tỳ-kheo là vị Pháp sư nhưng kiến thức của vị ấy không được truyền thừa và sự phân tích không có phương pháp; trong khi không xem xét ý nghĩa ẩn sau các văn tự, vị ấy lại phủ nhận ý nghĩa. Các tỳ-kheo ấy cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Xin các đại đức hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị Pháp sư nhưng kiến thức của vị ấy không được truyền thừa và sự phân tích không có phương pháp; trong khi không xem xét ý nghĩa ẩn sau các văn tự, vị ấy lại phủ nhận ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho các đại đức, chúng ta nên loại ra vị tỳ-kheo tên (như vậy) và những người còn lại (chúng ta) sẽ giải quyết sự tranh tụng này.

Nay các tỳ-kheo, nếu sau khi loại tỳ-kheo ấy ra, các vị tỳ-kheo ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; nay các tỳ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự... (như trên)... Nay các tỳ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu có vị làm khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya); nếu vị đã gởi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[679] Nay các tỳ-kheo, trong khi các vị ấy đang phán xét sự tranh tụng ấy, nếu ở đó, có vị tỳ-kheo là vị Pháp sư và kiến thức của vị ấy được truyền thừa nhưng sự phân tích không có phương pháp; trong khi không xem xét ý nghĩa ẩn sau các văn tự, vị ấy lại phủ nhận ý nghĩa. Các tỳ-kheo ấy cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Xin các đại đức hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị Pháp sư và kiến thức của vị ấy được truyền thừa nhưng sự phân tích không có phương pháp; trong khi không xem xét ý nghĩa ẩn sau các văn tự, vị ấy lại phủ nhận ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho các đại đức, chúng ta nên loại ra vị tỳ-kheo tên (như vậy) và những người còn lại (chúng ta) sẽ giải quyết sự tranh tụng này.

Này các tỳ-kheo, nếu sau khi loại tỳ-kheo ấy ra, các vị tỳ-kheo ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các tỳ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự...(như trên)... Này các tỳ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu có vị làm khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ưng đối trị (pācittiya); nếu vị đã gởi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ưng đối trị (pācittiya).

[680] Nay các tỳ-kheo, nếu các vị tỳ-kheo ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy theo lời đại biểu, này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ấy nên giao lại sự tranh tụng ấy cho hội chúng:

- Bạch chư đại đức, chúng tôi không thể giải quyết sự tranh tụng này theo lời đại biểu, chính hội chúng hãy giải quyết sự tranh tụng này.

Này các tỳ-kheo, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng như thế thuận theo số đông. Nên chỉ định vị phân phát thẻ (salākaggāhāpako) là vị tỳ-kheo hội đủ năm điều kiện: là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích; vị không thể bị chi phối bởi sự sân hận; vị không thể bị chi phối bởi sự si mê; vị không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi; và vị ấy biết (thẻ) đã được nhận hay không được nhận.

...(như trên)...

Tỷ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Các thẻ nên được vị tỷ-kheo phân phát thẻ phân phát ra. Khi có đông hơn các tỷ-kheo là các vị nói đúng Pháp lên tiếng, sự tranh tụng ấy nên được giải quyết như thế ấy. Nay các tỷ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? Cần nhiều tỷ-kheo có khả năng cho các hành sự và các vị ấy đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gọi sự tùy thuận đã được đem lại, trong khi hiện diện các vị không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? Pháp nào, Luật nào, lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư giải quyết sự tranh tụng ấy; ở đây điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch của sự kiện đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong việc thuận theo số đông? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phủ nhận thuộc về hành sự thuận theo số đông; ở đây điều ấy là ở trong việc thuận theo số đông. Nay các tỷ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu có vị làm khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya); nếu vị đã gọi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[681] Vào lúc bấy giờ, ở Sāvatti có một sự tranh tụng đã sanh khởi như vậy và đã diễn tiến như vậy. Khi ấy, các tỷ-kheo không hài lòng với lời giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatti, các vị ấy đã nghe được rằng: "Nghe nói ở một trú xứ nọ, có nhiều trưởng lão cư ngụ là các vị đa văn, thông thạo các bộ kinh, các vị nắm giữ Pháp, các vị nắm giữ Luật, các vị thuộc lòng các đầu đề, là các bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là các vị ưa thích các học giới. Nếu các trưởng lão ấy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư thì như thế sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp." Sau đó, các tỷ-kheo ấy đã đi đến trú xứ nọ và nói với các trưởng lão ấy rằng:

- Bạch các ngài, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vậy và đã diễn tiến như vậy. Bạch các ngài, thật tốt đẹp thay các trưởng lão giải quyết sự tranh tụng

này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như thế sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.

Khi ấy, các trưởng lão ấy (nghĩ rằng): "Sự tranh tụng ở Sāvatti đã được hội chúng giải quyết như thế ấy là đã được giải quyết tốt đẹp," rồi đã giải quyết sự tranh tụng ấy y như vậy.

Khi ấy, các tỳ-kheo kia không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatti, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của nhiều vị trưởng lão, các vị ấy đã nghe được rằng: "Nghe rằng ở một trú xứ nọ, có ba vị trưởng lão cư ngụ...(như trên)...có hai vị trưởng lão cư ngụ...(như trên)... có một vị trưởng lão cư ngụ là vị đa văn, thông thạo các bộ kinh, vị nắm giữ Pháp, vị nắm giữ Luật, vị thuộc lòng các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là vị ưa thích các học giới. Nếu vị trưởng lão ấy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư thì như thế sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp." Khi ấy, các tỳ-kheo ấy đã đi đến trú xứ nọ và nói với vị trưởng lão ấy rằng:

- Bạch ngài, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vậy và đã diễn tiến như vậy. Bạch ngài, thật tốt đẹp thay ngài trưởng lão hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như thế sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.

Khi ấy, vị trưởng lão ấy (nghĩ rằng): "Sự tranh tụng ở Sāvatti đã được hội chúng giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được nhiều vị trưởng lão giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được ba vị trưởng lão giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được hai vị trưởng lão giải quyết như thế ấy là đã được giải quyết tốt đẹp," rồi vị ấy đã giải quyết sự tranh tụng ấy y như vậy.

Khi ấy, các tỳ-kheo kia không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatti, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của nhiều vị trưởng lão, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của ba vị trưởng lão, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hai vị trưởng lão, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của một vị trưởng lão, nên đã đi đến gặp đức Thế Tôn, đến rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, sự tranh tụng ấy đã được dứt điểm, đã được yên lặng, đã được giải quyết, đã được giải quyết tốt đẹp. Nay các tỳ-kheo, vì sự nhận thức rõ ràng của các tỳ-kheo ấy, ta cho phép ba cách phân phát thẻ: lối kín

đáo (gūḷhakam-), với sự nói nhỏ vào tai (sakaṇṇajappakam-), lối công khai (vivaṭakam-).

Này các tỳ-kheo, thế nào là cách phân phát thẻ theo lối kín đáo? Vị tỳ-kheo phân phát thẻ nên làm các thẻ khác nhau rồi đi đến gặp từng tỳ-kheo một và nói như vậy: "Thẻ này là cho vị nói như vậy, thẻ này là cho vị nói như kia. Đại đức thích cái nào thì nhận cái ấy." Khi giao nên nói rằng: "Và chớ cho bất cứ ai thấy." Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn," nên thực hiện lại (nói rằng): "Sự phân phát (thẻ) bị lầm lẫn." Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn," nên công bố (nói rằng): "Sự phân phát thẻ được tốt đẹp." Này các tỳ-kheo, như vậy là sự phân phát thẻ theo lối kín đáo.

Này các tỳ-kheo, thế nào là cách phân phát thẻ với sự nói nhỏ vào tai? Vị tỳ-kheo phân phát thẻ nên nói vào tai của từng tỳ-kheo một rằng: "Thẻ này là cho vị nói như vậy, thẻ này là cho vị nói như kia. Đại đức thích cái nào thì nhận cái ấy." Khi giao nên nói rằng: "Và chớ nói cho bất cứ ai." Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn," nên thực hiện lại (nói rằng): "Sự phân phát (thẻ) bị lầm lẫn." Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn," nên công bố (nói rằng): "Sự phân phát thẻ được tốt đẹp." Này các tỳ-kheo, như vậy là sự phân phát thẻ với sự nói nhỏ vào tai.

Này các tỳ-kheo, thế nào là cách phân phát thẻ theo lối công khai? Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn," chính nhờ vào sự quả quyết nên có thể phân phát thẻ theo lối công khai. Này các tỳ-kheo, như vậy là sự phân phát thẻ theo lối công khai.

Này các tỳ-kheo, đó là ba cách phân phát thẻ.

[682] Một sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

Một sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, bằng cách hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy.

[683] - Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không áp dụng được hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật khi không điên cuồng và quy luật theo tội

của vị ấy thì có thể làm yên ổn theo hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ hay không?

Nên trả lời vị ấy rằng: "Có thể." Như vậy là như thế nào? Nay các tỳ-kheo, trong trường hợp này, các tỳ-kheo bôi nhọ một tỳ-kheo với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Nay các tỳ-kheo, trường hợp vị tỳ-kheo ấy là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ nên được ban cho.

Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, ...(như trên)..., và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch chư đại đức, các tỳ-kheo bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch chư đại đức, tôi là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ giờ cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba:

[684] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo bôi nhọ vị tỳ-kheo tên (như vậy) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Vị ấy, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến tỳ-kheo tên (như vậy) là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ-kheo bôi nhọ vị tỳ-kheo tên (như vậy) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Vị ấy, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, cầu xin hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến tỳ-kheo tên (như vậy) là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến tỳ-kheo tên (như vậy) là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ... (như trên) ...

Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban đến tỳ-kheo tên (như vậy) là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Này các tỳ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự... (như trên)... Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị khiển trách và vị bị vị ấy khiển trách, cả hai phe đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phủ nhận thuộc về hành sự hành xử Luật bằng sự ghi nhớ; ở đây điều ấy là ở trong cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Này các tỳ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu có vị làm khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya); nếu vị đã gởi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[685] - Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không áp dụng được hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ và theo tội của vị ấy thì có thể làm yên ổn theo hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật khi không điên cuồng hay không?

Nên trả lời vị ấy rằng: "Có thể." Như vậy là như thế nào? Này các tỳ-kheo, trong trường hợp này, vị tỳ-kheo bị điên và bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Các tỳ-kheo đã buộc tội vị ấy với tội đã được thực hiện khi bị điên và bị thay đổi tâm tính: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Tôi đã làm điều ấy khi bị điên cuồng." Dù được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?"

Này các tỳ-kheo, nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị tỳ-kheo ấy khi không bị điên cuồng. Và này các tỳ-kheo, nên ban cho như

vậy: Này các tử-kheo, tử-kheo ấy nên đi đến hội chúng, đắp thương y một bên vai, ... (như trên)... và nên trình với hội chúng như vậy:

- Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Các tử-kheo đã khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên và bị thay đổi tâm tính: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Tôi nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Tôi đã làm điều ấy khi bị điên cuồng." Dù được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Bạch chư đại đức, giờ tôi không điên cuồng nên cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba:

[686] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tử-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tử-kheo tên (như vậy) bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính vị ấy khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Các tử-kheo đã khiển trách vị ấy với tội đã được thực hiện khi bị điên và bị thay đổi tâm tính: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Tôi đã làm điều ấy khi bị điên cuồng." Dù được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Giờ vị ấy không điên cuồng nên vị ấy cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tử-kheo tên (như vậy) khi không bị điên cuồng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tử-kheo này tên (như vậy) bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính vị ấy khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Các tử-kheo đã khiển trách vị ấy với tội đã được thực hiện khi bị điên và bị thay đổi tâm tính: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này

không?" Vị ấy nói như vậy: "Bạch chư đại đức, tôi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi chính tôi khi bị điên và bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Tôi đã làm điều ấy khi bị điên cuồng." Dù được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: "Đại đức có nhớ đã vi phạm tội như thế này không?" Giờ vị ấy không điên cuồng và vị ấy cầu xin hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ-kheo tên (như vậy) khi không bị điên cuồng. Đại đức nào thỏa thuận việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ-kheo tên (như vậy) khi không bị điên cuồng, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được hội chúng ban đến tỳ-kheo tên (như vậy) khi không bị điên cuồng. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Này các tỳ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự...(như trên)... Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật khi không điên cuồng? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phủ nhận thuộc về hành sự hành xử Luật khi không điên cuồng; ở đây điều ấy là ở trong cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Này các tỳ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu có vị làm khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ung đố trị (pācittiya); nếu vị đã gởi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ung đố trị (pācittiya).

[687] - Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không áp dụng được hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ và cách hành xử Luật khi không điên cuồng thì có thể làm yên ổn theo hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy hay không?

Nên trả lời vị ấy rằng: "Có thể." Như vậy là như thế nào? Này các tỳ-kheo, trong trường hợp này, vị tỳ-kheo buộc tội một tỳ-kheo với tội nặng: "Đại

đức có nhớ là đã phạm tội nặng như thế này là tội pārājika hoặc gần như là tội pārājika không?" Vị ấy nói như vậy: "Này đại đức tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội pārājika hoặc gần như là tội pārājika." Trong khi vị ấy giải thích, vị kia lại già lý lẽ hơn nữa: "Này đại đức hãy xem kỹ lại đi, xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này là tội pārājika hoặc gần như tội pārājika." Vị ấy nói như vậy: "Này đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội pārājika hoặc gần như là tội pārājika. tôi chỉ nhớ là đã phạm tội nhẹ như thế ấy." Trong khi vị ấy giải thích, vị kia lại già lý lẽ hơn nữa: "Này đại đức, hãy xem kỹ lại đi, xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này là tội pārājika hoặc gần như tội pārājika." Vị ấy nói như vậy: "Này đại đức, khi đã phạm tội nhẹ tôi sẽ chấp nhận dầu không được hỏi đến. Khi đã phạm tội nặng như thế ấy, là tội pārājika hoặc gần như tội pārājika, không lẽ tôi không chấp nhận khi được hỏi đến?" Vị kia nói như vậy: "Này đại đức, chính đại đức khi đã phạm tội nhẹ sẽ không chấp nhận khi không được hỏi đến. Thì khi đã phạm tội nặng như thế ấy, là tội pārājika hoặc gần như tội pārājika, không lẽ đại đức lại chấp nhận khi không được hỏi đến? Này đại đức, hãy xem kỹ lại đi, xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này là tội pārājika hoặc gần như tội pārājika." Vị ấy nói như vậy: "Này đại đức, tôi nhớ ra là đã phạm tội như thế ấy, là tội pārājika hoặc gần như là tội pārājika. Điều tôi nói rằng: "Tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội pārājika hoặc gần như là tội pārājika" là chỉ nói cho vui, nói cho có nói." Này các tỷ-kheo, hành sự theo tội của vị ấy nên được ban đến cho vị tỷ-kheo ấy.

[688] Và này các tỷ-kheo, nên thực thi như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỷ-kheo này tên (như vậy) trong khi được tra hỏi các tội trước hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, đã tránh né tội ấy bằng một tội khác, nói điều dối trá có chủ ý. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỷ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo này tên (như vậy) trong khi được tra hỏi các tội trước hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, đã tránh né tội ấy bằng một tội khác, nói điều dối trá có chủ ý. Hội chúng thực thi hành sự theo tội của vị ấy đến tỷ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc thực thi hành sự theo tội của

vị ấy đến tỳ-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(như trên)...

Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực thi đến tỳ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Này các tỳ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự...(như trên)... Và ở đây, điều gì là ở trong (cách giải quyết) theo tội của vị ấy? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phủ nhận thuộc về hành sự (giải quyết) theo tội của vị ấy; ở đây điều ấy là ở trong (cách giải quyết) theo tội của vị ấy. Này các tỳ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu có vị làm khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya); nếu vị đã gởi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[689] Một sự tranh tụng liên quan đến tội được lắng dịu bởi bao nhiêu cách cách dàn xếp?

Một sự tranh tụng liên quan đến tội được lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và bằng cách dùng cỏ che lấp.

[690] - Nếu sự tranh tụng liên quan đến tội không áp dụng được một cách dàn xếp là dùng cỏ che lấp thì có thể làm yên ổn theo hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận hay không?

Nên trả lời vị ấy rằng: "Có thể." Như vậy là như thế nào? Này các tỳ-kheo, trong trường hợp này, một vị tỳ-kheo phạm tội nhẹ. Này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy nên đi đến gặp một tỳ-kheo, đắp thương y một bên vai, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại, và nên trình với vị ấy như vậy:

- Này đại đức, tôi đã phạm một tội tên (như vậy), tôi xin trình tội ấy.

Vị kia nên được nói rằng:

- Đại đức thấy được (tội) không?

- Thừa có, tôi thấy được.

- Đại đức hãy thu thúc trong tương lai.

Này các tỷ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự...(như trên)... Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị khai báo (tội) và vị chứng minh vị ấy khai báo (tội), cả hai phe đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phủ nhận thuộc về hành sự phán xử theo tội đã được thừa nhận; ở đây điều ấy là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Này các tỷ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu vị ghi nhận (tội) khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Nếu vị ấy chấp nhận như thế, theo đó việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không chấp nhận như thế, này các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo ấy nên đi đến gặp nhiều vị tỷ-kheo, đập thưng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỷ-kheo thâm niên, rồi ngồi chồm hỏm, chấp tay lại, và nên trình với vị ấy như vậy:

- Bạch chư đại đức, tôi đã phạm một tội tên (như vậy), tôi xin trình tội ấy.

Các tỷ-kheo ấy cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Xin chư đại đức hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo này tên (như vậy) nhớ được, bộc lộ ra, nói ra bằng lời, trình ra sự phạm tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, xin các vị hãy thừa nhận sự phạm tội của vị tỷ-kheo tên (như vậy).

Vị ấy nên được nói rằng:

- Đại đức thấy được (tội) không?
- Thưa có, tôi thấy được.
- Đại đức hãy thu thúc trong tương lai.

Này các tỷ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự...(như trên)... Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị khai báo (tội) và vị chứng minh vị ấy khai báo (tội), cả hai phe đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phủ nhận thuộc về hành sự phán xử theo tội đã được thừa nhận; ở đây điều ấy là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Này các tỷ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu vị ghi nhận (tội) khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya).

Nếu vị ấy chấp nhận như thế, theo đó việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không chấp nhận như thế, này các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo ấy nên đi đến hội chúng, đắp thương y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỷ-kheo thâm niên, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với vị ấy như vậy:

- Bạch chư đại đức, tôi đã phạm một tội tên (như vậy), tôi xin trình tội ấy.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỷ-kheo này tên (như vậy) nhớ được, bộc lộ ra, nói ra bằng lời, trình ra sự phạm tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin thừa nhận sự phạm tội của vị tỷ-kheo tên (như vậy).

Vị ấy nên được nói rằng:

- Đại đức thấy được (tội) không?

-Thưa có, tôi thấy được.

- Đại đức hãy thu thúc trong tương lai.

Này các tỳ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự...(như trên)... Này các tỳ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu vị ghi nhận (tội) khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ung đối trị (pācittiya); nếu vị đã gởi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ung đối trị (pācittiya).

[691] - Nếu sự tranh tụng liên quan đến tội không áp dụng được một cách dàn xếp là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận thì có thể làm yên ổn theo hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp hay không?

Nên trả lời vị ấy rằng: "Có thể." Như vậy là như thế nào? Này các tỳ-kheo, trong trường hợp này, các tỳ-kheo trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gỗ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Ở đây, nếu các tỳ-kheo (nghĩ) như vậy: "Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gỗ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lung củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ?"

Và này các tỳ-kheo, nên giải quyết như vậy: Tất cả nên tụ họp lại một chỗ; sau khi tụ họp lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gỗ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lung củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.

Một vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực của các tỷ-kheo thuộc về cùng một phe nên thông báo đến phe của mình rằng:

- Xin chư đại đức hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gổ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lung củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi sẽ sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp tội của chư đại đức và tội của tôi trước hội chúng chính vì sự lợi ích của chư đại đức và vì lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.

[692] Khi ấy, một vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực của các tỷ-kheo thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng:

- Xin chư đại đức hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gổ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lung củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi sẽ sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp tội của chư đại đức và tội của tôi trước hội chúng chính vì sự lợi ích của chư đại đức và vì lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.

[693] Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi một vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực của các tỷ-kheo thuộc về một phe rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gổ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lung củng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp tội của các đại đức ấy và tội của tôi trước hội chúng chính vì sự lợi ích của các đại đức ấy và vì lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sinh hoạt đã nảy sinh các sự xung đột, gây gổ, đưa đến tranh cãi, và có nhiều việc không xứng là sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta lại gây ra cho nhau bằng các tội này, như thế thì sự tranh tụng này có thể đưa đến lòng cứng nội bộ, bất hòa nội bộ, và chia rẽ. Chính vì sự lợi ích của các đại đức ấy và vì lợi ích của tôi, tôi xin sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp tội của các đại đức ấy và tội của tôi trước hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào thỏa thuận việc sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp các tội ấy của chúng tôi trước hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Các tội ấy của chúng tôi đã được sám hối bằng cách dùng cỏ che lấp trước hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng và ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Sau đó, hội chúng ... (như trên)... thuộc về phe kia rằng: ... (như trên)... tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Này các tỷ-kheo, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Và ở đây, điều gì trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? Cần nhiều tỷ-kheo có khả năng cho các hành sự và các vị ấy đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gọi sự tùy thuận đã được đem lại, trong khi hiện diện các vị không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? Pháp nào, Luật nào, lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư giải quyết sự tranh tụng ấy; ở đây điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị khai báo (tội) và vị chứng minh vị ấy khai báo (tội), cả hai phe đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong việc dùng cỏ che lấp? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phủ nhận thuộc về hành sự dùng cỏ che lấp; ở đây điều ấy là ở trong việc dùng cỏ che lấp. Này các tỷ-kheo, khi đã được giải quyết như thế, nếu có vị làm khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại ấy phạm tội ưng đối trị (pācittiya); nếu vị đã gọi sự thỏa thuận mà chỉ trích, vị chỉ trích phạm tội ưng đối trị (pācittiya).

[694] Có bao nhiêu cách dàn xếp làm yên ổn một sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ?

Một sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được lắng dịu bởi một cách dàn xếp: bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện.

Dứt Chương Dàn Xếp là chương thứ tư.

-----oOo-----

TẠNG LUẬT - TIÊU PHẨM

TẬP HAI

Cung kính đức Thế Tôn, bậc A La Hán, đáng Chánh Biến Tri!

V. Chương các Tiêu Sự (Khuddakavatthukkhandaṃ)

[1] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vương Xá (Rājagaha), Trúc lâm (Veḷuvana), nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư cạo sát thân mình, bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây trong lúc tắm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích-tử lại cạo sát thân mình, bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây trong lúc tắm, giống như những võ sĩ đấu vật và giới trẻ ở thôn quê vậy?

Các tỳ-kheo đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Rồi các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự kiện ấy lên đức Thế Tôn. Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại hỏi rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo thuộc nhóm Lục Sư cạo sát thân mình, bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây trong lúc tắm, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tỳ-kheo, việc làm của những kẻ đàn độn ấy là không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, là sai trái, không nên làm. Nay các tỳ-kheo, tại sao những kẻ đàn độn ấy lại cọ xát thân mình, bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây trong lúc tắm? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo không nên cọ xát thân hình vào thân cây trong lúc tắm. Vị nào cọ xát thì phạm tội tác ác (dukkata).

[2] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư cọ xát thân mình, bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào trụ đá trong lúc tắm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích-tử lại cọ xát thân mình, bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào trụ đá trong lúc tắm, giống như những võ sĩ đấu vật và giới trẻ ở thôn quê vậy?

Các tỳ-kheo đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(như trên)... Rồi các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo không nên cọ xát thân hình vào trụ đá trong lúc tắm. Nếu vị nào cọ xát thì phạm tội tác ác (dukkata).

[3] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư cọ xát thân mình, bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào tường nhà trong lúc tắm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích-tử lại cọ xát thân mình, bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào tường nhà trong lúc tắm, giống như những võ sĩ đấu vật và giới trẻ ở thôn quê vậy?

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo không nên cọ xát thân hình vào tường nhà trong lúc tắm. Nếu vị nào cọ xát thì phạm tội tác ác (dukkata).

[4] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục sư tắm ở trên một tấm phản sần sùi (aṭṭhāne). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(như trên) ... Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, không nên tắm ở trên một tấm phản sần sùi. Vị nào tắm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[5] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư tắm với cây kỳ cọ hình giống bàn tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(như trên)... Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên tắm với cây kỳ cọ hình giống bàn tay. Vị nào tắm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[6] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư tắm với chuỗi hạt chà lưng (kuruvindakasutti). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên tắm với chuỗi hạt chà lưng. Vị nào tắm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[7] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư bảo vị khác làm sạch bằng cách cọ xát lẫn nhau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên bảo vị khác làm sạch bằng cách cọ xát lẫn nhau. Vị nào bảo kẻ khác làm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[8] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư tắm với cây chà lưng (mallaka). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên tắm với cây chà lưng. Vị nào tắm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[9] Vào lúc bấy giờ, có tỳ-kheo bị bệnh ngoài da. Vị ấy không được thoải mái khi không có cây chà lưng. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép vị bị bệnh dùng cây chà lưng chưa được chế biến.

[10] Vào lúc bấy giờ, có tỳ-kheo già cả yếu đuối không thể tự kỳ cọ trong khi tắm. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép việc việc dùng dây vải (ukkāsika□).

[11] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ngần ngại lúc làm sạch phần lưng. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép dùng tay như thường lệ.

[12] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đeo hoa tai ...(như trên)... đeo hoa tai dạng chuỗi, đeo râu chuỗi ở cổ, đeo râu chuỗi ở hông, đeo vòng, đeo vòng ở ngực, đeo vòng ở tay, đeo nhẫn ở ngón. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(như trên)... Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đeo hoa tai ...(như trên)... đeo hoa tai dạng chuỗi, đeo dây chuỗi ở cổ, đeo dây chuỗi ở hông, đeo vòng, đeo vòng ở ngực, đeo vòng ở tay, đeo nhẫn ở ngón, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, không nên đeo hoa tai, không nên đeo hoa tai dạng chuỗi, không nên đeo dây chuỗi ở cổ, không nên đeo dây chuỗi ở hông, không nên đeo vòng, không nên đeo vòng ở ngực, không nên đeo vòng ở tay, không nên đeo nhẫn. Vị nào đeo thì phạm tội tác ác (dukkata).

[13] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư để tóc dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên để tóc dài. Vị nào để (tóc dài) thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (để tóc) hai tháng hoặc (để dài) hai lóng tay.

[14] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư chải tóc bằng lược, chải tóc bằng vật giống hình mang rắn, chải tóc bằng tay xoè ra, chải tóc với sáp ong, chải tóc với dầu nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên chải tóc bằng lược, không nên chải tóc bằng vật giống hình mang rắn, không nên chải tóc bằng tay xoè ra, không nên chải tóc với sáp ong, không nên chải tóc với dầu nước. Vị nào chải tóc thì phạm tội tác ác (dukkata).

[15] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư nhìn nét mặt ở gương soi, ở trong chậu nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên nhìn nét mặt ở gương soi, ở trong chậu nước. Vị nào nhìn thì phạm tội tác ác (dukkata).

[16] Vào lúc bấy giờ, một tỳ-kheo nọ có vết thương ở mặt. Vị ấy đã hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Các đại đức ơi, vết thương của tôi ra làm sao?

Các tỳ-kheo đã trả lời như sau:

- Nay đại đức, vết thương của ngài là như thế đó.

Vị ấy không tin. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, do nhân duyên bệnh, ta cho phép nhìn nét mặt ở gương soi, ở trong chậu nước.

[17] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư thoa dầu khuôn mặt, chà xát khuôn mặt, thoa phấn khuôn mặt, tô điểm mặt bằng bột phấn đỏ, vẽ màu ở thân thể, vẽ màu ở mặt, vẽ màu ở thân và mặt. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên thoa dầu khuôn mặt, không nên chà xát khuôn mặt, không nên thoa phấn khuôn mặt, không nên tô điểm mặt bằng bột phấn đỏ, không nên vẽ màu ở thân thể, không nên vẽ màu ở mặt, không nên vẽ màu ở thân và mặt. Vị nào làm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[18] Vào lúc bấy giờ, một tỳ-kheo nọ có bệnh ở mắt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, do nhân duyên bệnh, ta cho phép thoa dầu khuôn mặt.

[19] Vào lúc bấy giờ, tại thành Vương Xá (Rājagaha) có lễ hội ở trên đỉnh núi. Các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã đi xem lễ hội ở trên đỉnh núi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích-tử lại đi xem ca vũ nhạc, giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên đi xem ca vũ nhạc. Vị nào đi thì phạm tội tác ác (dukkata).

[20] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư ngâm nga các bài Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Các sa-môn Thích-tử này ngâm nga bài Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài cũng giống y như chúng ta ca hát vậy.

Các tỳ-kheo đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Lục Sư lại ngâm nga bài Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài?

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói ...(như trên)... có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi thuyết Pháp thoại, ngài đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, có năm điều bất lợi khi ngâm nga bài Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài: Bản thân vị ấy say đắm trong âm điệu, những kẻ khác say đắm trong âm điệu, hàng tại gia phiền não, trong khi cố tâm theo âm điệu thiền định của vị ấy bị phân tán, điều cuối cùng là dân chúng có kiến thức sai trái. Nay các tỳ-kheo, đó năm điều bất lợi khi ngâm nga bài Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài. Nay các tỳ-kheo, không nên ngâm nga bài Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài. Vị nào ngâm nga thì phạm tội tác ác (dukkata).

[21] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ngần ngại trong khi thuyết giảng với giọng có âm điệu. Các vị đã trình sự việc lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép việc thuyết giảng với giọng có âm điệu.

[22] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư mặc áo choàng có phủ lông ở phía ngoài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên mặc áo choàng có phủ lông phía bên ngoài. Vị nào mặc thì phạm tội tác ác (dukkata).

[23] Vào lúc bấy giờ, trong khu vườn của vua Seniya Bimbisāra xứ Ma Kiệt Đà (Magadha), xoài đang ra trái. Vua Seniya Bimbisāra xứ Ma Kiệt Đà (Magadha) đã cho phép rằng:

- Hãy để các tôn sư ăn xoài một cách thoải mái.

Các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã hái luôn cả xoài non rồi ăn đi. Rồi vua Seniya Bimbisāra xứ Ma Kiệt Đà (Magadha) muốn dùng xoài. Khi ấy, vua Seniya Bimbisāra xứ Ma Kiệt Đà (Magadha) ra lệnh cho các tùy tùng rằng:

- Các khanh, hãy đi đến vườn và mang xoài lại.

- Xin vâng, tâu bệ hạ.

Rồi các tùy tùng nghe lệnh vua Seniya Bimbisāra xứ Ma Kiệt Đà (Magadha) đã đi đến vườn và nói với người giữ vườn rằng:

- Nay nhà ngươi, đức vua muốn dùng xoài, nhà ngươi hãy dâng xoài.

- Quý vị ơi, không còn xoài nữa. Các tỳ-kheo đã hái luôn cả xoài non và ăn hết rồi.

Rồi các tùy tùng đã trình sự việc lên vua Seniya Bimbisāra xứ Ma Kiệt Đà (Magadha).

- Nay các khanh, xoài đã được các tôn sư thọ dụng ngon lành, tuy nhiên sự tiết độ là điều đã được đức Thế Tôn ngợi khen cơ mà!

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích-tử không biết tiết độ lại ăn đi xoài của đức vua vậy?

Các tỳ-kheo đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. ... (như trên)... Rồi các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên ăn xoài. Vị nào ăn thì phạm tội tác ác (dukkata).

[24] Vào lúc bấy giờ, một nhóm người khác đã dâng thức ăn đến hội chúng. Các miếng xoài đã được trộn vào trong món xúp. Các tỳ-kheo ngần ngại không thọ lãnh. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thọ dụng) xoài miếng.

[25] Vào lúc bấy giờ, một nhóm người khác đã dâng thức ăn đến hội chúng. Họ đã không biết để làm xoài thành miếng. Ở phòng ăn, họ đã dâng các trái xoài hãy còn nguyên vẹn. Các tỳ-kheo ngần ngại không thọ lãnh. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm cho đúng phép sa-môn theo năm cách: đã được hoại bởi lửa, đã được hoại bởi dao, đã được hoại bởi móng tay, không có hạt, và cách thứ năm là hạt đã được lấy ra. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm cho đúng phép sa-môn theo năm cách này.

[26] Vào lúc bấy giờ, một vị tỳ-kheo bị rắn cắn và đã qua đời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, chắc chắn là vị tỳ-kheo ấy đã không rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa rồi. Nay các tỳ-kheo, bởi vì nếu vị tỳ-kheo ấy đã rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa rồi, nay các tỳ-kheo, do điều ấy vị tỳ-kheo ấy đâu bị rắn cắn cũng không thể chết được. Bốn loài rắn chúa ấy là gì? Loài rắn chúa Virūpakkha, loài rắn chúa Erāpatha, loài rắn chúa Chabyāputta, loài rắn chúa Kaṇhāgotama. Nay các tỳ-kheo, chắc chắn là tỳ-kheo ấy đã không rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này rồi. Nay các tỳ-kheo, bởi vì nếu vị tỳ-kheo ấy đã rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này rồi, nay các tỳ-kheo, do điều này vị tỳ-kheo ấy đâu bị rắn cắn cũng không thể chết được. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này nhằm mục đích gìn giữ bản thân, bảo vệ bản thân, và an toàn cho bản thân. Nay các tỳ-kheo, nên thực hành như vậy:

[27]

Tôi có tâm từ đối với Virūpakkha;
tôi có tâm từ đối với Erāpatha;
tôi có tâm từ đối với Chabyāputta;
và tôi có tâm từ đối với Kaṇhāgotamaka.
Tôi có tâm từ đối với loài không chân;
tôi có tâm từ đối với loài hai chân;
tôi có tâm từ đối với loài bốn chân;
tôi có tâm từ đối với loài nhiều chân.
Loài không chân đừng hãm hại tôi;
loài hai chân đừng hãm hại tôi;
loài bốn chân đừng hãm hại tôi;
loài nhiều chân đừng hãm hại tôi.
Hỡi tất cả chúng sanh, tất cả sinh vật,
và tất cả mọi sanh linh,
xin tất cả hãy thấy được các điều lành,
chớ để điều gì xấu xa xảy đến.
Đức Phật là vô lượng,
đức Pháp là vô lượng,
đức Tăng là vô lượng,
các loài bò sát (như là) các loài rắn,
bọ cạp, rết, nhện, thằn lằn, chuột là có hạn lượng.
Tôi đã thực hiện các sự bảo vệ,
tôi đã thực hiện sự an toàn,
xin các sanh linh hãy tránh xa.
Giờ tôi đánh lễ đức Thế Tôn,
đánh lễ bảy vị Chánh Đẳng Giác.

[28] Vào lúc bấy giờ, có một tỳ-kheo bị quấy nhiễu bởi sự không được thoải mái đã cắt đi dương vật. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, trong khi điều khác cần được đoạn trừ, kể rõ đại ấy lại cắt đi vật khác. Nay các tỳ-kheo, không nên cắt đi dương vật của bản thân. Vị nào cắt thì phạm trọng tội (thullaccaya).

[29] Vào lúc bấy giờ, một nhà đại phú ở thành Vương Xá (Rājagaha) có được một khúc gỗ đàn hương thuộc loại đàn hương rất quý giá. Khi ấy, nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha) đã khởi ý rằng:

- Để ta cho đẽo thành cái bình bát với khúc gỗ đàn hương này mới được. Phần gỗ vụn sẽ là sở hữu của ta, còn cái bát ta sẽ cho đi làm quà biếu.

Rồi nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha) đã cho đẽo thành cái bình bát với khúc gỗ đàn hương ấy, buộc với một sợi dây, rồi bảo treo ở trên ngọn một cây tre, xong buộc nhiều cây tre tiếp nối nhau, và nói như vậy:

- Sa-môn hoặc Bà La Môn (Brāhmaṇa) nào chính là vị A La Hán và lại có thần thông nữa thì hãy lấy quà biếu là cái bình bát xuống.

[30] Lúc bấy giờ, Pūraṇa Kassapa đã đi đến gặp nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha). Đến rồi mới nói với nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha) điều này:

- Nay gia chủ, ta chính là vị A La Hán và lại có thần thông nữa, người hãy dâng cái bình bát cho ta.

- Bạch đại đức, nếu ngài chính là vị A La Hán và lại có thần thông nữa thì ngài hãy lấy quà biếu là cái bình bát xuống đi.

Rồi Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambala, Pakudho Kaccāyana, Sañcaya Belatthaputta, Nigaṇṭha nātaputta [*] đã đi đến gặp nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha). Đến rồi mới nói với nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha) điều này:

- Nay gia chủ, ta chính là vị A La Hán và lại có thần thông nữa, người hãy dâng cái bình bát cho ta.

- Bạch đại đức, nếu ngài chính là vị A La Hán và lại có thần thông nữa thì ngài hãy lấy quà biếu là cái bình bát xuống đi.

[*] Sáu vị đứng đầu sáu nhóm ngoại đạo thời đó.

[31] Vào lúc bấy giờ, đại đức Mahāmoggallāna và đại đức Piṇḍolabhāradvāja vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Vương Xá (Rājagaha) để khát thực. Khi ấy, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã nói với đại đức Mahāmoggallāna điều này:

- Đại đức Mahāmoggallāna chính là vị A La Hán và lại có thần thông nữa. Nay đại đức Mahāmoggallāna, hãy đi và lấy xuống cái bình bát ấy đi. Cái bình bát đó là của đại đức.

Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna cũng đã nói với đại đức Piṇḍolabhāradvāja điều này:

- Đại đức Piṇḍolabhāradvāja chính là vị A La Hán và lại có thần thông nữa. Nay đại đức Piṇḍolabhāradvāja, hãy đi và lấy xuống cái bình bát ấy đi. Cái bình bát đó là của đại đức.

Khi đó, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã bay lên không trung, cầm lấy cái bình bát, và đi (trên không) quanh thành Vương Xá (Rājagaha) ba vòng.

[32] Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha) cùng vợ và con đang đứng ở sân nhà, hai tay chấp lên trán, thành kính làm lễ:

- Bạch đại đức, xin ngài Bhāradvāja hãy ngự đến nhà của chúng tôi ở ngay chỗ này.

Rồi đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã ngự đến nhà của nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha). Lúc ấy, nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha) đã nhận lấy cái bình bát từ tay của đại đức Piṇḍolabhāradvāja, chắt đầy thức ăn thượng hảo hạng rồi dâng lại cho đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Sau đó, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã nhận lại cái bình bát rồi đi về tu viện. Dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha) đã được lấy xuống bởi ngài Piṇḍolabhāradvāja rồi." Các người ấy với âm thanh ồn ào và âm ĩ đã nói đuôi nhau đi phía sau lưng của đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Và đức Thế Tôn đã nghe được âm thanh ồn ào và âm ĩ; nghe rồi, ngài đã nói với đại đức Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, cái âm thanh ồn ào và âm ĩ đó là chuyện gì vậy?

- Bạch ngài, cái bình bát của nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha) đã được lấy xuống bởi đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Và bạch ngài, dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha) đã được lấy xuống bởi ngài Piṇḍolabhāradvāja rồi." Bạch ngài, các người ấy với âm thanh ồn ào và âm ĩ đã nói đuôi nhau đi phía sau lưng của đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Bạch ngài, bạch Thế Tôn, cái âm thanh ồn ào và âm ĩ đó là chuyện như thế.

[33] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự việc ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và đã hỏi đại đức Piṇḍolabhāradvāja rằng:

- Này Bhāradvāja, nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Vương Xá (Rājagaha) đã được nhà người lấy xuống, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này Bhāradvāja, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, là sai trái, không nên làm. Này Bhāradvāja, vì sao người lại để lộ pháp thượng nhân tức là sự huyền diệu của phép thần thông trước hàng tại gia vì mục đích là một cái bình bát gỗ tầm thường! Này Bhāradvāja, giống như một người đàn bà cho xem chỗ kín chỉ vì mục đích là một đồng xu tầm thường; cũng y như thế, này Bhāradvāja, chuyện người để lộ ra pháp thượng nhân tức là sự huyền diệu của phép thần thông trước hàng tại gia vì mục đích là một cái bình bát gỗ tầm thường. Này Bhāradvāja, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, không nên để lộ pháp thượng nhân tức là sự huyền diệu của phép thần thông trước hàng tại gia. Vị nào để lộ thì phạm tội tác ác (dukkata). Này các tỳ-kheo, hãy đập vỡ bình bát ấy, nghiền thành bột vụn, rồi hãy dâng đến các tỳ-kheo làm thuốc thoa mắt. Này các tỳ-kheo, không nên dùng bình bát bằng gỗ. Vị nào dùng thì phạm tội tác ác (dukkata).

[34] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sử dụng nhiều bình bát loại đặc biệt: loại làm bằng vàng, loại làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ... (như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Này các tỳ-kheo, không nên sử dụng bình bát làm bằng vàng, không nên sử dụng bình bát làm bằng bạc, không nên sử dụng bình bát làm bằng ngọc ma-ni, không nên sử dụng bình bát làm bằng đá quý, không nên sử dụng bình

bát làm bằng pha-lê, không nên sử dụng bình bát làm bằng đồng đỏ, không nên sử dụng bình bát làm bằng thủy tinh, không nên sử dụng bình bát làm bằng thiếc, không nên sử dụng bình bát làm bằng chì, không nên sử dụng bình bát làm bằng đồng thau. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép hai loại bình bát: bình bát sắt và bình bát đất.

[35] Vào lúc bảy giờ, phần đáy bình bát bị làm trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) vòng đế bình bát [tức là chân bình bát dạng vòng tròn].

[36] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sử dụng các vòng đế bình bát loại đặc biệt: làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng các vòng đế bình bát loại đặc biệt. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép hai loại vòng đế bình bát: loại làm bằng thiếc và loại làm bằng chì.

Những vòng đế dày cộm không giữ yên (bình bát). Các vị đã trình việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép đeo gọt bớt.

Chúng vẫn lỏng chỏng. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép chẻ răng cá kiếm (cắm vào để giữ bình bát).

[37] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sử dụng nhiều loại vòng đế bình bát: loại có tranh vẽ, loại có đắp hình nổi. Các vị đi đó đây phô trương những thứ ấy ở đường phố. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng nhiều loại vòng để bình bát: loại có tranh vẽ, loại có đắp hình nổi. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép loại vòng để bình thường.

[38] Vào lúc bảy giờ, các vị tỳ-kheo đem cát bình bát còn nước. Bình bát bị hư hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên đem cát bình bát còn nước. Vị nào đem cát thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép đem cát bình bát sau khi phơi nắng.

[39] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo đem phơi nắng bình bát còn nước. Bình bát có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên đem phơi nắng bình bát còn nước. Vị nào đem phơi nắng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép đem cát bình bát sau khi làm ráo nước và đem phơi nắng.

[40] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo lưu trữ bình bát ở chỗ nóng. Màu sắc của bình bát bị hoại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên lưu trữ bình bát ở chỗ nóng. Vị nào lưu trữ thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép đem cát bình bát sau khi phơi nắng trong một khoảng thời gian ngắn.

[41] Vào lúc bảy giờ, có nhiều bình bát được đặt xuống ở bên ngoài trời không có vật kèm giữ. Các bình bát bị làm quay tròn bởi gió xoáy và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) vật kèm giữ bình bát.

[42] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo đặt bình bát xuống ở rìa của băng ghế dài (midḍhanta). Bình bát đã rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên đặt bình bát xuống ở rìa của băng ghế dài. Vị nào đặt xuống thì phạm tội tác ác (dukkata).

[43] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đặt bình bát xuống ở mép giường đúc (paribhaṇḍanta). Bình bát đã rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên đặt bình bát xuống ở mép giường đúc. Vị nào đặt xuống thì phạm tội tác ác (dukkata).

[44] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo lật úp bình bát ở trên mặt đất. Vành miệng (bình bát) bị trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) miếng lót bằng cỏ.

Miếng lót bằng cỏ bị moi ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) một mảnh vải.

Mảnh vải bị moi ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) bục kê.

Bình bát đã rơi từ bục kê và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) giỏ mây chứa bình bát.

Ở trong giỏ mây chứa bình bát, bình bát bị trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) túi đựng bát.

Không có dây buộc vai. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) dây vải làm dây buộc vai.

[45] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo treo bình bát ở chốt đinh gắn trên tường. Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, không nên treo bình bát. Vị nào treo thì phạm tội tác ác (dukkata).

[46] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo đặt bình bát xuống ở giường, khi ngồi xuống không nhớ đã đựng và làm vỡ bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, không nên đặt bình bát xuống ở giường. Vị nào đặt xuống thì phạm tội tác ác (dukkata).

[47] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo đặt bình bát xuống ở ghế, khi ngồi xuống không nhớ đã đựng và làm vỡ bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, không nên đặt bình bát xuống ở ghế. Vị nào đặt xuống thì phạm tội tác ác (dukkata).

[48] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo đặt bình bát xuống ở trên bấp vế, khi đứng dậy không nhớ; bình bát đã rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, không nên đặt bình bát xuống ở trên bấp vế. Vị nào đặt xuống thì phạm tội tác ác (dukkata).

[49] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo đặt bình bát xuống ở trên cái dù. Cái dù đã bị bật lên vì gió xoáy; bình bát đã rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, không nên đặt bình bát xuống ở trên cái dù. Vị nào đặt xuống thì phạm tội tác ác (dukkata).

[50] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo mở cửa với bình bát ở tay. Cánh cửa quay trở lại khiến bình bát bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, không nên mở cửa với bình bát ở tay. Vị nào mở cửa thì phạm tội tác ác (dukkata).

[51] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đi khát thực (chứa) bằng bầu đựng nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các vị ngoại đạo vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên đi khát thực (chứa) bằng bầu đựng nước. Vị nào đi (khát thực như thế) thì phạm tội tác ác (dukkata).

[52] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đi khát thực (chứa) bằng hũ đựng nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như các vị ngoại đạo vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên đi khát thực (chứa) bằng hũ đựng nước. Vị nào đi (khát thực như thế) thì phạm tội tác ác (dukkata).

[53] Vào lúc bấy giờ, có tỳ-kheo nọ là vị chỉ sử dụng các vật đã bị quăng bỏ (ở bãi tha ma, ở đồng rác). Vị ấy mang bình bát của cái sọ người. Một phụ nữ nhìn thấy, hoảng sợ hét lên:

- Gã này đúng là quỷ sứ; làm ta hết hồn!

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích-tử lại sử dụng bình bát của cái sọ người, giống như kẻ thờ phụng quỷ thần vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng bình bát của cái sọ người. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, không nên sinh tồn hoàn toàn chỉ nhờ vào các vật đã bị quăng bỏ. Vị nào sinh tồn (như thế) thì phạm tội tác ác (dukkata).

[54] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo dùng bình bát để mang đi các đồ thừa thải, xương xóc, và nước cặn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Không lẽ nào các vị sa-môn Thích-tử này lại ăn trong chính cái vật là đồ chứa rác của các vị?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên dùng bình bát để mang đi các đồ thừa thải, xương xóc, hay nước cặn. Vị nào mang đi thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) đồ chứa rác.

[55] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo xé (vải) bằng tay rồi may y ca-sa. Y ca-sa trông không thẩm mỹ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) dao nhỏ có vỏ bọc.

[56] Vào lúc bấy giờ, dao có cán đã được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) dao có cán.

[57] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sử dụng các cán dao loại đặc biệt: làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng các cán dao loại đặc biệt. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng ống sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.

[58] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo may y ca-sa bằng lông gà và lạt tre. Y ca-sa được may vụng về. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) kim khâu.

Các cây kim khâu trở nên cùn. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ống đựng kim khâu.

Trong ống đựng kim khâu, các cây kim cũng trở nên cùn. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép đựng với bột phấn.

Dù (đựng) trong bột phấn, các cây kim cũng trở nên cùn. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép đựng với bột nghệ.

Dù (đựng) trong bột nghệ, các cây kim cũng trở nên cùn. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép đựng với bột đá.

Dù (đựng) trong bột đá, các cây kim cũng trở nên cùn. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép trộn với mật và sáp ong.

Chất hỗn hợp bị tách rời nhau.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (sử dụng) hộp nhỏ chứa hỗn hợp ấy.

[59] Vào lúc bảy giờ, các tỷ-kheo cầm cọc ở các nơi, buộc (vải) lại với nhau rồi may y. Y không được vuông vức. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) tắm y mẫu (kaṭhina) và sau khi buộc dây của tắm y mẫu vào chỗ này chỗ kia rồi mới may y.

Các vị đã trải tắm y mẫu ở chỗ không bằng phẳng. Tắm y mẫu bị rời ra. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, không nên căng tắm y mẫu ở chỗ không bằng phẳng. Vị nào căng thì phạm tội tác ác (dukkata).

Các vị đã trải tắm y mẫu ở trên mặt đất. Tắm y mẫu bị dơ. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) thảm cỏ.

Khu vực ở giữa sườn bị thụng xuống. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép căng dây dọc theo chiều gió.

Tấm y mẫu không đạt kích thước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) cọc căng, cây dùi, que gỗ, dây buộc, chỉ khâu, kết lại trước rồi may y.

Khoảng cách ở giữa các đoạn chỉ khâu không đều nhau. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép việc làm dấu bằng mực.

Các đường chỉ bị cong queo. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép việc khâu chỉ may làm dấu.

[60] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo bước lên tấm y mẫu với bàn chân chưa rửa. Tấm y mẫu bị hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên bước lên tấm y mẫu với bàn chân chưa rửa. Vị nào bước lên thì phạm tội tác ác (dukkata).

[61] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo bước lên tấm y mẫu với bàn chân dẫm nước. Tấm y mẫu bị hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên bước lên tấm y mẫu với bàn chân dẫm nước. Vị nào bước lên thì phạm tội tác ác (dukkata).

[62] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo mang giày dép bước lên tấm y mẫu. Tấm y mẫu bị hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên mang giày dép bước lên tấm y mẫu. Vị nào bước lên thì phạm tội tác ác (dukkata).

[63] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo dùng ngón tay (cầm kim) khi may y. Các ngón tay bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) vật bao ngón tay (khi may vá).

[64] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo nhóm Lục Sư sử dụng các vật bao ngón tay loại đặc biệt: làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, không nên sử dụng các vật bao ngón tay loại đặc biệt. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tử-kheo, ta cho phép làm bằng xương, ...(như trên)... làm bằng vỏ sò.

[65] Vào lúc bấy giờ, những cây kim, những con dao, luôn cả những vật bao ngón tay bị thất lạc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) thùng chứa ở chỗ làm. Những vật trên bị lẫn lộn trong thùng chứa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) bao để đựng vật bao ngón tay.

Dây mang vai không có. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai là chỉ thắt lại.

[66] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo trong khi may y ở ngoài trời đã bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) nhà may y hoặc mái che tạm để may y.

Nhà may y có nền thấp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép ba loại cầu thang: cầu thang gạch, cầu thang đá, cầu thang gỗ.

Các vị bị té khi bước lên (cầu thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

[67] Vào lúc bảy giờ, rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong nhà may y. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép che kín mái và (và làm các công việc sau): tô vữa ở trong và ở ngoài, việc sơn màu trắng, màu đen, màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

[68] Vào lúc bảy giờ, các tỷ-kheo sau khi may y xong đã bỏ bê tấm y mẫu rời ra đi. Tấm y mẫu bị các con chuột và mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép gấp tấm y mẫu lại.

Tấm y mẫu bị rời ra thành mảnh. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép gấp tấm y mẫu lại bằng tấm da bò (gogham-sika).

Tấm y mẫu bị bung ra. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép dây buộc lại.

[69] Vào lúc bảy giờ, các tỷ-kheo sau khi đưa tấm y mẫu lên cất ở trên vách tường hoặc ở trên cột nhà rời ra đi. Tấm y mẫu bị rơi xuống và bị rời ra thành miếng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép treo lên ở đỉnh gắn ở tường hoặc ở cái móc.

[70] Rồi đức Thế Tôn sau khi ngự tại thành Vương Xá (Rājagaha) được như ý đã lên đường đi đến Vesālī. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đã dùng bát chứa đựng kim, dao nhỏ, và thuốc men rời ra đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) túi đựng thuốc men.

Dây mang vai không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai làm bằng chỉ thắt lại.

[71] Vào lúc bấy giờ, có một tỳ-kheo buộc đôi dép lại bằng dây thắt lưng rồi vào làng khát thực. Một cận sự nam khi đánh lễ tỳ-kheo ấy bị đôi dép chạm vào đầu. Tỳ-kheo ấy đã xấu hổ. Rồi khi đến tu viện tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) túi mang dép.

Dây mang vai không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai làm bằng chỉ thắt lại.

[72] Vào lúc bấy giờ, trên đường đi nước không được làm cho đúng luật (akappiya□). Đồ lượ nước không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) đồ lượ nước.

Mảnh vải lượ không có hiệu quả. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) đồ lượ nước gắn ở gáo múc.

Mảnh vải lượ không có hiệu quả. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm theo thông lệ.

[73] Vào lúc bấy giờ, có hai tỳ-kheo đang đi đường xa trong xứ Kosaka. Một tỳ-kheo thường thực hành điều không tốt đẹp. Vị tỳ-kheo thứ hai đã nói với vị tỳ-kheo ấy điều này:

- Này sư đệ, chớ làm như thế. Điều ấy không được phép.

Vị tỳ-kheo ấy đã sanh ác cảm với vị kia (về sự phê bình). Sau đó, vị kia, bị khó chịu vì khát nước, đã nói với vị tỳ-kheo đang mang mối ác cảm rằng:

- Này sư đệ, hãy đưa tôi đồ lọc nước, tôi sẽ uống nước.

Do ác cảm, vị tỳ-kheo ấy đã không đưa cho. Vị tỳ-kheo bị khó chịu vì khát nước đã chết đi. Rồi vị tỳ-kheo ấy đã đi đến tu viện và trình sự việc ấy đến các tỳ-kheo.

- Này sư đệ, không lẽ sư đệ không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lọc nước hay sao?

- Bạch đại đức, đúng vậy.

Các tỳ-kheo ít ham muốn,...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo lại không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lọc nước?

Rồi các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[74] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự việc ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Này tỳ-kheo, nghe nói người không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lọc nước, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rồ dại kia, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, là sai trái, không nên làm. Này kẻ rồ dại kia, vì sao người lại không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lọc nước vậy? Này kẻ

rồ dại kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ... (như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, khi vị tỳ-kheo đi đường xa hỏi mượn đồ lược nước, không thể không cho. Vị nào không cho thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, không có đồ lược nước đi đường xa là điều không nên thực hành. Vị nào thực hành thì phạm tội tác ác (dukkata). Nếu không có đồ lược nước hoặc đồ lược theo thông lệ, có thể chú nguyện chéo y hai lớp (sa□ghāṭi):

- Tôi sẽ uống sau khi lược nước bằng vật này.

[75] Rồi đức Thế Tôn tiếp tục du hành, lần lượt đã ngự đến Vesālī. Ở đó, trong xứ Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Đại Lâm (Mahāvana) giảng đường Kūṭāgāra.

[76] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo đang bận việc xây dựng. Đồ lược nước không làm trong (nước) được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép đồ lược nước hai lớp.

Đồ lược nước hai lớp không làm trong (nước) được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) bể lọc nước (ottharaka□).

[77] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo bị khuấy rối bởi các con muỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) lều chống muỗi.

[78] Vào lúc bảy giờ, ở xứ Vesālī, các bữa ăn ngon được luân phiên dâng cúng. Các tỳ-kheo ăn thức ăn ngon nên cơ thể bị tiêu chảy và sanh nhiều chứng bệnh. Khi ấy, (thầy thuốc) Jīvaka Komārabhacca đã đến Vesālī do một công việc cần làm gì đó. Jīvaka Komārabhacca đã chứng kiến các tỳ-kheo có cơ thể bị tiêu chảy và sanh nhiều chứng bệnh. Thấy vậy, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế

Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, giờ đây các tỳ-kheo có cơ thể bị tiêu chảy và sanh nhiều chứng bệnh. Tốt thay, bạch ngài, xin đức Thế Tôn cho phép các tỳ-kheo (sử dụng) lối đi kinh hành và phòng tắm hơi; như thế, các tỳ-kheo sẽ bớt bệnh hoạn.

Khi đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài Pháp thoại. Và Jīvaka Komārabhacca sau khi được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[79] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự việc ấy đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) lối đi kinh hành và phòng tắm hơi.

[80] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo đi kinh hành trên lối đi kinh hành không được bằng phẳng. Chân (các vị) bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm cho bằng phẳng.

[81] Lối đi kinh hành có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ba loại cầu thang: cầu thang gạch, cầu thang đá, cầu thang gỗ.

Các vị bị té khi bước lên (cầu thang). ...(như trên) ...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

[82] Vào lúc bảy giờ, các tử-kheo khi đi kinh hành ở lối đi kinh hành bị té. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) tay vịn ở lối đi kinh hành.

[83] Vào lúc bảy giờ, các tử-kheo khi đi kinh hành ở ngoài trời đã bị mệt vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) nhà đi kinh hành.

Rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong nhà đi kinh hành. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép che kín mái và và làm (các công việc): tô vữa ở trong và ở ngoài, việc sơn màu trắng, màu đen, màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chót treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

[84] Phòng tắm hơi có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép ba loại cầu thang: cầu thang gạch, cầu thang đá, cầu thang gỗ.

Các vị bị té khi bước lên (cầu thang). ...(như trên) ...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Phòng tắm hơi không có cửa. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xoắn dây, dây thừng để luồn qua.

Chân tường của phòng tắm hơi bị hư hỏng. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép xây mô tròn.

Phòng tắm hơi không có ống thông khói.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) ống thông khói.

[85] Vào lúc bảy giờ, các tử-kheo làm chỗ đốt lửa ở giữa phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp. Lỗi đi lại không có. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép làm chỗ đốt lửa ở một bên trong phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp, ở giữa (phòng tắm hơi) có khuôn viên rộng.

Trong phòng tắm hơi, ngọn lửa làm phỏng mặt (các tử-kheo). ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) đất sét (bôi) ở mặt.

Các vị bị nhão nhẹt đất sét ở tay. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) chậu đựng đất sét.

Đất sét có mùi hôi. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép ủ (đất sét).

[86] Vào lúc bảy giờ, ở trong phòng tắm hơi, ngọn lửa làm phỏng thân mình (các tử-kheo). ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép tưới đẫm nước (lên thân).

Các vị tưới đẫm nước (lên thân) bằng nắp bình bát và bằng bình bát. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) vại chứa nước (và) gáo múc nước.

Phòng tắm hơi lợp cỏ không làm tiết ra mồ hôi. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép che kín mái và tô vữa ở trong và ở ngoài.

Phòng tắm hơi bị ẩm ướt. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép lót nền bằng ba loại nền: nền bằng gạch, nền bằng đá, nền bằng gỗ.

(Phòng tắm hơi) vẫn còn bị ẩm ướt. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép lau sạch.

Nước còn đọng lại. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.

[87] Vào lúc bảy giờ, các tỹ-kheo ngồi trệt trên nền nhà trong phòng tắm hơi, tay chân bị trầy trụa. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghé ngồi ở phòng tắm hơi.

[88] Vào lúc bảy giờ, phòng tắm hơi không được rào lại. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép rào quanh ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.

Không có cổng ra vào ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép (thực hiện) cổng ra vào.

Cổng ra vào có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép ba loại cầu thang: cầu thang gạch, cầu thang đá, cầu thang gỗ.

Các vị bị té khi bước lên (cầu thang). ...(như trên) ...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Cổng ra vào không có cửa. ...(như trên) ...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.

[89] Vào lúc bấy giờ, rác cỏ và bụi bặm rơi ở cổng ra vào. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép che kín mái và làm (các công việc): tô vữa ở trong và ở ngoài, việc sơn màu trắng, màu đen, màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Căn phòng bị ẩm ướt. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép phủ cát lên.

Các vị không thành công. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.

[90] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo (lúc đang) ở trần đánh lễ vị tử-kheo ở trần, (lúc đang) ở trần đánh lễ vị không ở trần, (lúc đang) ở trần bảo (vị khác) đánh lễ vị ở trần, (lúc đang) ở trần bảo (vị khác) đánh lễ vị không ở trần, (lúc đang) ở trần phục vụ vị ở trần, (lúc đang) ở trần phục vụ vị không ở trần, (lúc đang) ở trần bảo (vị khác) phục vụ vị ở trần, (lúc đang) ở trần bảo (vị

khác) phục vụ vị không ở trần, (lúc đang) ở trần dâng đồ cho vị ở trần, thọ nhận (lúc đang) ở trần, nhai thức ăn (lúc đang) ở trần, thọ dụng thức ăn (lúc đang) ở trần, ngủ (lúc đang) ở trần, uống (lúc đang) ở trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, (lúc đang) ở trần không nên đánh lễ vị ở trần, (lúc đang) ở trần không nên đánh lễ, (lúc đang) ở trần không nên bảo (vị khác) đánh lễ vị ở trần, (lúc đang) ở trần không nên bảo (vị khác) đánh lễ, (lúc đang) ở trần không nên phục vụ vị ở trần, (lúc đang) ở trần không nên bảo (vị khác) phục vụ, (lúc đang) ở trần không nên dâng đồ cho vị ở trần, không nên thọ nhận (lúc đang) ở trần, không nên nhai thức ăn (lúc đang) ở trần, không nên thọ dụng thức ăn (lúc đang) ở trần, không nên ngủ (lúc đang) ở trần, không nên uống (lúc đang) ở trần. Vị nào uống (lúc đang ở trần) thì phạm tội tác ác (dukkata).

[91] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo để y ca-sa xuống trên nền nhà trong phòng tắm hơi. Y ca-sa bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thực hiện) sào máng y, dây treo y.

Lúc trời mưa, mưa rơi ở trên y ca-sa. ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thực hiện) gian nhà lớn ở phòng tắm hơi.

Gian nhà lớn ở phòng tắm hơi có nền thấp nên bị ngập nước. ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ... (như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng... (như trên)...

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ... (như trên) ...

Các vị bị té khi bước lên (cầu thang). ... (như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

[92] Vào lúc bấy giờ, rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong phòng tắm hơi. ... (như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép che kín mái và làm (các công việc): tô vữa ở trong và ở ngoài ... (như trên)... sào máng y, dây treo y.

[93] Vào lúc bảy giờ, các tử-kheo ngăn ngại khi làm công việc kỳ cọ lưng ở trong phòng tắm hơi, ở trong hồ nước. Các vị đã trình sự việc lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép ba loại tắm choàng: tắm choàng ở phòng tắm hơi, tắm choàng ở trong nước, và tắm choàng bằng vải.

[94] Vào lúc bảy giờ, trong phòng tắm hơi không có nước. Các vị đã trình sự việc lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) giếng nước.

Thành giếng bị sụp đổ. ... (như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại thành giếng: thành giếng bằng gạch, thành giếng bằng đá, thành giếng bằng gỗ.

Giếng nước có nền thấp nên bị ngập nước. ... (như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ... (như trên) ...

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ... (như trên) ...

Các vị bị té khi bước lên (cầu thang)... (như trên) ...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

[95] Vào lúc bảy giờ, các tử-kheo kéo nước lên bằng dây rừng, bằng dây buộc thân. Các vị đã trình sự việc lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) dây thừng để kéo nước.

Hai bàn tay bị đau. ... (như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) cần giọt, cần trục quay, bánh xe ròng rọc.

Các thùng (kéo nước) bị bể nhiều. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép ba loại gàu (kéo nước): gàu bằng thiếc, gàu bằng gỗ, gàu làm bằng các sợi da thuộc.

[96] Vào lúc bảy giờ, các tử-kheo trong khi kéo nước ở ngoài trời đã bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) gian nhà ở giếng.

Rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong gian nhà ở giếng. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép che kín mái và làm (các công việc): tô vữa ở trong và ở ngoài, việc sơn màu trắng, màu đen, màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chót treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

[97] Vào lúc bảy giờ, giếng không được che đậy khiến rác cỏ, bụi bặm, và đất cát rơi vào. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) nắp đậy.

[98] Đồ đựng nước không có. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (sử dụng) máng đựng nước, chậu đựng nước.

[99] Vào lúc bảy giờ, các tử-kheo tắm ở nơi này nơi kia trong khuôn viên tu viện. Khuôn viên tu viện trở nên lầy lội. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) hồ nước (để tắm).

Hồ tắm quá trống trải. Các tử-kheo mắc cỡ khi tắm. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép rào quanh lại (bằng) ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.

Hồ tắm bị lấy lộ. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép lót nền bằng ba loại nền: nền bằng gạch, nền bằng đá, nền bằng gỗ.

Nước còn đọng lại. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.

[100] Vào lúc bảy giờ, thân thể của các tỳ-kheo bị lạnh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép việc làm ráo nước bằng cách lau khô với một miếng vải.

[101] Vào lúc bảy giờ, có vị cận sự nam muốn làm một hồ trữ nước để đem lại sự ích lợi cho hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thực hiện) hồ trữ nước.

Thành của hồ trữ nước bị sụp đổ. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại thành (của hồ trữ nước): thành bằng gạch, thành bằng đá, thành bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ba loại cầu thang: cầu thang gạch, cầu thang đá, cầu thang gỗ.

Các vị bị té khi bước lên (cầu thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Nước trong hồ trữ nước bị ôi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép việc tháo nước ra làm nước tưới.

[102] Vào lúc bấy giờ, có vị cận sự nam muốn tự tay thực hiện một phòng tắm hơi có mái vòng cung (nillekha□) để đem lại sự ích lợi cho hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thực hiện) phòng tắm hơi có mái vòng cung.

[103] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư lìa xa toạ cụ trong bốn tháng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên lìa xa toạ cụ trong bốn tháng. Vị nào lìa xa (toạ cụ) thì phạm tội tác ác (dukkata).

[104] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư ngủ trên những cái giường có rã hoa. Dân chúng khi đi dạo quanh tu viện thấy thế đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như người tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên ngủ trên những cái giường có rã hoa. Vị nào ngủ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[105] Vào lúc bấy giờ, dân chúng đi đến tu viện mang theo dầu thơm và vòng hoa. Các tỳ-kheo ngần ngại không thọ lãnh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép sau khi nhận dầu thơm rồi thì in dấu năm ngón tay lên cửa (kavāṭe pañca□ gulikam- dātu□) và sau khi nhận hoa rồi thì đem đặt ở một góc trong trú xá.

[106] Vào lúc bấy giờ, một thảm len đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) thảm len.

Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý như vậy: "Thảm len nên được chú nguyện để dùng riêng (adhittātabba□) hay chú nguyện để dùng chung (vikappeti)?" ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, thăm len không nên được chú nguyện để dùng riêng hay chú nguyện để dùng chung.

[107] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư ăn ở trên ghé trường kỷ được chạm trổ (āsittakupadhāne). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống người tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên ăn ở trên ghé trường kỷ được chạm trổ. Vị nào ăn thì phạm tội tác ác (dukkata).

[108] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo bị bệnh. Vị ấy trong khi ăn không thể kèm giữ bình bát bằng tay được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) giá đỡ bình bát (maḷorika□).

[109] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư cùng ăn trong một đĩa, cùng uống trong một cốc, cùng nằm trên một giường, cùng nằm trên một nệm, cùng nằm trên một khăn trải, cùng nằm trên một nệm có trải khăn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như người tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên cùng ăn trong một đĩa, không nên cùng uống trong một cốc, không nên cùng nằm trên một giường, không nên cùng nằm trên một nệm, không nên cùng nằm trên một khăn trải, không nên cùng nằm trên một nệm có trải khăn. Vị nào nằm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[110] Vào lúc bấy giờ, Vaḍḍha Licchavī là đạo hữu của các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka. Khi ấy, Vaḍḍha Licchavī đi đến gặp các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka, đến rồi đã nói với các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka rằng:

- Tôi xin chào các ngài.

Khi được nói vậy, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka không trả lời. Lần thứ nhì, Vaḍḍha Licchavī đã nói với các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka rằng:

- Tôi xin chào các ngài.

Lần thứ nhì, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka không trả lời. Lần thứ ba, Vaḍḍha Licchavī đã nói với các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka rằng:

- Tôi xin chào các ngài.

Lần thứ ba, các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka không trả lời.

- Tôi làm điều gì phật lòng các ngài? Vì lẽ gì mà các ngài không trả lời tôi?

- Bởi vì như vậy, này đạo hữu Vaḍḍha, trong khi chúng tôi bị Dabba Mallaputta gây bực bội thì người vẫn đứng đưng.

- Thưa các ngài, vậy tôi làm gì đây?

- Này đạo hữu Vaḍḍha, nếu người chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay đức Thế Tôn có thể trục xuất đại đức Dabba Mallaputta.

- Thưa các ngài, tôi làm được gì? Tôi có khả năng làm gì đây?

- Hãy đến đây, này đạo hữu Vaḍḍha, người hãy đi đến gặp đức Thế Tôn. Đến rồi, người hãy bạch đức Thế Tôn như vậy: "Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch ngài, chính ở quốc độ có sự an toàn, không tai họa, không sâu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sâu khổ; từ nơi nào gió lộng đi thì từ nơi ấy có bão tố; con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; vợ con đã bị đại đức Dabba Mallaputta làm ô nhục."

- Xin vâng, thưa các ngài.

Rồi Vaḍḍha Licchavī nghe lời các tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Vaḍḍha Licchavī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch ngài, chính ở quốc độ có sự an toàn, không tai hoạ, không sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai hoạ, và có sầu khổ; từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố; con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; vợ con đã bị đại đức Dabba Mallaputta làm ô nhục.

[111] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự việc ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Nay Dabba, người có nhớ người là kẻ đã hành động giống như điều vị Vaḍḍha này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết rõ mà.

Lần thứ nhì, đức Thế Tôn ... (như trên) ...

Lần thứ ba, đức Thế Tôn đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng:

- Nay Dabba, người có nhớ người là kẻ đã hành động giống như điều vị Vaḍḍha này vừa nói không?

- Bạch ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết rõ mà.

- Nay Dabba, giòng họ Dabba không phủ nhận như thế. Nếu người có làm, hãy nói: "Có làm;" nếu không làm, hãy nói: "Không làm."

- Bạch ngài, từ khi con được sanh ra, con không bao giờ thấy mình là kẻ tầm cầu việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.

[112] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như thế thì hội chúng hãy úp ngược bình bát đối với Vaḍḍha Licchavī, hãy thực thi (pháp) không đồng lợi hành với hội chúng.

[113] Nay các tỳ-kheo, bình bát nên được úp ngược đối với vị cận sự nam biểu hiện tám điều: vị ấy ra sức làm cho các tỳ-kheo không được lợi lộc, vị ấy ra sức làm cho các tỳ-kheo không được sự lợi ích, vị ấy ra sức làm cho các tỳ-kheo không có chỗ ngủ, vị ấy mắng nhiếc gièm pha các tỳ-kheo, vị ấy chia rẽ các tỳ-kheo (này) với các tỳ-kheo (khác), vị ấy phỉ báng Phật, vị ấy

phỉ báng Pháp, vị ấy phỉ báng Tăng. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép úp ngược bình bát đối với vị cận sự nam biểu hiện tám điều này.

Và nay các tỳ-kheo, nên úp ngược (bình bát) như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

[114] Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vaddha Licchavī bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta có sự hư hỏng về giới không có cơ sở. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī, và thực thi (pháp) không đồng lợi hành với hội chúng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vaddha Licchavī bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta có sự hư hỏng về giới không có cơ sở. Hội chúng úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī, và thực thi (pháp) không đồng lợi hành với hội chúng. Đại đức nào thỏa thuận với việc úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī, và việc thực thi (pháp) không đồng lợi hành với hội chúng, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Bình bát đã được úp ngược bởi hội chúng đối với Vaddha Licchavī, và (pháp) không đồng lợi hành với hội chúng (đã được thực thi). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[115] Sau đó, đại đức Ānanda vào buổi sáng mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của Vaddha Licchavī; đến rồi đã nói với Vaddha Licchavī điều này:

- Nay đạo hữu Vaddha, hội chúng đã úp ngược bình bát đối với ngươi và (pháp) không đồng lợi hành với hội chúng (đã được thực thi) đối với ngươi.

Khi ấy, Vaddha Licchavī (biết rằng): "Vậy là hội chúng đã úp ngược bình bát đối với ta và (pháp) không đồng lợi hành với hội chúng (đã được thực thi) đối với ta" nên đã choáng váng và ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Sau đó, bạn bè thân hữu, thân quyến ruột thịt của Vaddha Licchavī đã nói với Vaddha Licchavī rằng:

- Được rồi, nay đạo hữu Vaddha, chớ có than van, chớ có rên rỉ. Chúng tôi sẽ làm cho đức Thế Tôn và hội chúng tỳ-kheo dịu lại.

Sau đó, Vaddha Licchavī tắm ướp y phục và đầu tóc cùng với vợ con, bèn bê thân hữu, và thân quyến ruột thịt đi đến gặp đức Thế Tôn, đến rồi đã đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và nói điều này:

- Bạch ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con vì con là kẻ đần độn, ngu si, không có đạo đức khi con bêu nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có cơ sở. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn ghi nhận sự sai trái trong tội lỗi ấy của con hầu để ngăn ngừa trong tương lai.

- Đúng như vậy, này đạo hữu Vaddha, tội lỗi đã chiếm ngự lấy người vì người là kẻ đần độn, ngu si, không có đạo đức khi người bêu nhọ đại đức Dabba Mallaputta có sự hư hỏng về giới không có cơ sở. Chính từ việc đó, này đạo hữu Vaddha, người đã thấy được sự sai trái trong tội lỗi và chừa cải đúng theo Pháp, nay chúng ta nhận biết điều ấy cho người. Này đạo hữu Vaddha, điều này là sự tiến bộ trong giới luật của bậc Thánh: "Người nào sau khi thấy được sự sai trái trong tội lỗi và chừa cải đúng theo Pháp sẽ thực hành sự ngăn ngừa trong tương lai."

[116] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, vì việc này hội chúng hãy mở bình bát đối với Vaddha Licchavī, hãy thực thi (pháp) đồng lợi hành với hội chúng. Này các tỳ-kheo, bình bát nên được mở ra đối với vị cận sự nam biểu hiện tám điều: vị ấy không ra sức làm cho các tỳ-kheo không được lợi lộc, vị ấy không ra sức làm cho các tỳ-kheo không được sự lợi ích, vị ấy không ra sức làm cho các tỳ-kheo không có chỗ ngụ, vị ấy không mắng nhiếc gièm pha các tỳ-kheo, vị ấy không chia rẽ các tỳ-kheo (này) với các tỳ-kheo (khác), vị ấy không phỉ báng Phật, vị ấy không phỉ báng Pháp, vị ấy không phỉ báng Tăng. Này các tỳ-kheo, ta cho phép mở bình bát đối với vị cận sự nam biểu hiện tám điều này.

[117] Và này các tỳ-kheo, nên mở ra như vậy: Này các tỳ-kheo, Vaddha Licchavī ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo, ngồi chồm hóm, chắp tay lên, và nên bạch như vậy:

- Bạch các ngài, hội chúng đã úp ngược bình bát đối với con, và (pháp) không đồng lợi hành với hội chúng (đã được thực thi) đối với con. Con làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ con cầu xin hội chúng mở lại bình bát.

Nên cầu xin thêm lần thứ nhì. Nên cầu xin thêm lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

[118] - Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng đã úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī, và (pháp) không đồng lợi hành với hội chúng (đã được thực thi). Nay vị ấy thực hành đúng đắn, vị ấy biết sửa đổi, vị ấy không tái phạm, vị ấy cầu xin hội chúng mở lại bình bát. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên mở lại bình bát đối với Vaddha Licchavī, và (pháp) đồng lợi hành với hội chúng nên được thực thi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng đã úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī, và (pháp) không đồng lợi hành với hội chúng (đã được thực thi). Nay vị ấy thực hành đúng đắn, vị ấy biết sửa đổi, vị ấy không tái phạm, vị ấy cầu xin hội chúng mở lại bình bát. Hội chúng mở lại bình bát đối với Vaddha Licchavī và thực thi (pháp) đồng lợi hành với hội chúng. Đại đức nào thỏa thuận với việc mở lại bình bát đối với Vaddha Licchavī và việc thực thi (pháp) đồng lợi hành với hội chúng, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hội chúng đã mở lại bình bát đối với Vaddha Licchavī, và (pháp) đồng lợi hành với hội chúng (đã được thực thi). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[119] Rồi đức Thế Tôn sau khi ngự tại thành Vesālī được như ý đã lên đường đi đến xứ Bhaggā. Tuần tự du hành, ngài đã ngự đến Bhaggā. Ở đó, trong xứ Bhaggā, đức Thế Tôn ngự tại Susumāragira nơi vườn nai trong khu rừng Bhesakalā.

[120] Vào lúc bảy giờ, lâu đài tên Kokanada của vương tử Bodhi vừa mới được xây dựng xong không lâu lắm, chưa có sa-môn, Bà La Môn, hay bất cứ người nào vào cư ngụ. Khi ấy, vương tử Bodhi đã nói với chàng thanh niên con trai bà Sañjikā rằng:

- Nay con trai của bà Sañjikā mến, hãy lại đây. Bạn hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, đến rồi hãy đề đầu đánh lễ ở chân của đức Thế Tôn nhân danh ta hỏi thăm xem thân thể (đức Thế Tôn) có được cường tráng, ít bệnh, ít đau, sức khỏe, sống có an lạc không (như vậy): "Bạch ngài, vương tử Bodhi xin đề đầu đánh lễ ở chân của đức Thế Tôn, và hỏi thăm thân thể (ngài) có được

cường tráng, ít bệnh, ít đau, sức khoẻ, sống an lạc không?" Và bạn hãy nói như vậy: "Bạch đức Thế Tôn, cầu xin ngài cùng với hội chúng tỷ-kheo nhận lời thọ trai vào ngày mai của vương tử Bodhi."

- Xin vâng, thưa ngài.

Rồi chàng thanh niên con trai bà Sañjikā vâng lời vương tử Bodhi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã bày tỏ sự thân thiện đối với đức Thế Tôn, trao đổi lời chào hỏi cần thiết, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, chàng thanh niên con trai bà Sañjikā đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Vương tử Bodhi xin đê đầu đánh lễ ngài Gotama và hỏi thăm thân thể (ngài) có được cường tráng, ít bệnh, ít đau, sức khoẻ, sống an lạc không? Và bảo nói như vậy: "Cầu xin ngài Gotama cùng với hội chúng tỷ-kheo nhận lời thọ trai vào ngày mai của vương tử Bodhi."

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi chàng thanh niên con trai bà Sañjikā nhận biết sự bằng lòng của đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi về lại chỗ vương tử Bodhi và nói với vương tử Bodhi như vậy:

- Chúng tôi đã bạch ngài Gotama ấy với lời nói của ngài là: "Vương tử Bodhi xin đê đầu đánh lễ ngài Gotama và hỏi thăm thân thể (ngài) có được cường tráng, ít bệnh, ít đau, sức khoẻ, sống an lạc không?" Và bảo nói như vậy: "Cầu xin ngài Gotama cùng với hội chúng tỷ-kheo nhận lời thọ trai vào ngày mai của vương tử Bodhi." Và sa-môn Gotama đã nhận lời.

[121] Rồi khi đêm ấy qua đi, vương tử Bodhi đã cho chuẩn bị vật thực thượng hạng cứng mềm rồi ra lệnh trải vải trắng ở lâu đài Kokanada cho đến tận bậc cấp ở ngoài cùng, xong bảo chàng thanh niên con trai bà Sañjikā rằng:

- Nay con trai của bà Sañjikā mến, hãy lại đây. Bạn hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, đến rồi hãy thông báo thời giờ cho đức Thế Tôn hay rằng: "Bạch ngài, đã đến giờ, bữa ăn đã chuẩn bị xong."

- Xin vâng, thưa ngài.

Rồi chàng thanh niên con trai bà Sañjikā vâng lời vương tử Bodhi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, đến rồi đã thông báo thời giờ cho đức Thế Tôn hay rằng:

- Bạch ngài Gotama, đã đến giờ, bữa ăn đã chuẩn bị xong.

[122] Sau đó, đức Thế Tôn vào buổi sáng sau khi mặc y, cầm y bát đã đi đến trú xá của vương tử Bodhi. Vào lúc bấy giờ, vương tử Bodhi đang đứng ở mái che của công ngoài chờ đợi đức Thế Tôn ngự đến. Rồi vương tử Bodhi đã nhận thấy đức Thế Tôn đang đi đến từ đằng xa. Thấy rồi, vương tử Bodhi đã từ chỗ ấy đi ra đánh lễ và tôn vinh đức Thế Tôn xong đi đến lầu đài Kokanada. Khi ấy, đức Thế Tôn đã đứng lại cạnh bậc cấp ở ngoài cùng. Và vương tử Bodhi đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy bước lên tám vải, xin đấng Thiện Thệ hãy bước lên tám vải, việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Nghe nói vậy đức Thế Tôn vẫn im lặng.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, vương tử Bodhi đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy bước lên tám vải, xin đấng Thiện Thệ hãy bước lên tám vải, việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã ra hiệu bằng mắt cho đại đức ānanda. Khi ấy, đại đức Ānanda đã nói với vương tử Bodhi điều này:

- Thưa vương tử, xin hãy gấp tám vải lại. Đức Thế Tôn sẽ không bước lên tám vải được trải ra. Đấng Như Lai luôn có lòng thương tưởng đến chúng sanh cùng khổ.

Sau đó, vương tử Bodhi đã bảo gấp lại các tám vải và cho sắp đặt chỗ ngồi ở trên lầu lầu đài Kokanada. Và đức Thế Tôn đã bước lên lầu đài Kokanada rồi ngồi xuống chỗ ngồi đã được sắp đặt cùng với hội chúng tỳ-kheo.

Rồi vương tử Bodhi đã tự tay làm cho hội chúng tỳ-kheo có đức Phật dẫn đầu được hài lòng, được đầy đủ bằng thức ăn thượng hạng cứng mềm, rồi đã (đến) ngồi xuống một bên đức Thế Tôn khi ấy đã thọ thực xong, bàn tay và bình bát đã được rửa. Đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho vương tử Bodhi đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại rồi từ chỗ ngồi đã đứng dậy và ra đi.

[123] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy sau khi thuyết Pháp thoại đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, không nên bước lên những tấm vải được trải ra. Vị nào bước lên thì phạm tội tác ác (dukkata).

[124] Vào lúc bấy giờ, có một phụ nữ bị sảy thai đã thỉnh các tỳ-kheo đến rồi trải ra một tấm vải và bạch điều này:

- Bạch các ngài, xin các ngài hãy bước lên tấm vải.

Các tỳ-kheo ngần ngại đã không bước lên.

- Bạch các ngài, xin các ngài hãy bước lên tấm vải để đem lại sự may mắn.

Các tỳ-kheo ngần ngại đã không bước lên.

Khi đó, người phụ nữ ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các đại đức khi được thỉnh cầu để đem lại sự may mắn lại không bước lên tấm vải được trải ra?

Các tỳ-kheo đã nghe người phụ nữ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, gia chủ tin vào sự may mắn. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép bước lên tấm vải được trải ra khi được thỉnh cầu để đem lại sự may mắn.

[125] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ngần ngại không dám bước lên tấm vải chùi chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép bước lên tấm vải chùi chân.

Dứt Tụng phẩm thứ nhì.

[126] Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn sau khi ngự tại xứ Bhaggā được như ý đã lên đường đi đến thành Sāvatti. Tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Sāvatti. Ở đó, trong thành Sāvatti, đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên (Jetavana), tu viện của ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc bảy giờ, Visākhā mẹ của Migāra mang theo một cái chum, một vật chà chân (bằng đất nung), và một cái chổi đi đến gặp đức Thế Tôn; sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā mẹ của Migāra đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn thọ nhận cái chum, vật chà chân (bằng đất nung), và cái chổi của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Đức Thế Tôn đã không thọ lãnh vật chà chân (bằng đất nung). Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā mẹ của Migāra bằng bài Pháp thoại. Rồi Visākhā mẹ của Migāra sau khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[127] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (sử dụng) cái chum và cái chổi. Nay các tỷ-kheo, không nên sử dụng vật chà chân (bằng đất nung). Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ba vật chà chân: cát, sỏi, và đá bọt biển.

[128] Rồi Visākhā mẹ của Migāra mang theo một cái quạt và một cái chổi quét bụi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā mẹ của Migāra đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn thọ nhận cái quạt và cái chổi quét bụi của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.

Đức Thế Tôn đã thọ lãnh cái quạt và cái chổi quét bụi. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā mẹ của Migāra bằng bài Pháp thoại. ... (như trên) ... , hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[129] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) cái quạt và cái chổi quét bụi.

[130] Vào lúc bấy giờ, một cái quạt đuôi muỗi đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) cái quạt đuôi muỗi.

Một cái quạt đuôi bò rừng đã phát sanh đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng quạt đuôi bò rừng. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ba loại quạt: làm bằng tre, làm bằng một loại rễ cây có mùi thơm (usīramayam-), làm bằng lông đuôi chim công.

[131] Vào lúc bấy giờ, một cái ô dù được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ô dù.

[132] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư mang ô dù đi lại đó đây. Lúc bấy giờ, có một cận sự nam đi đạo công viên cùng với nhiều tín đồ của ngoại đạo loã thể. Khi ấy, các tín đồ của ngoại đạo loã thể đã thấy từ đằng xa các tỳ-kheo nhóm Lục Sư mang ô dù đang đi lại; thấy rồi đã nói với vị cận sự nam ấy điều này:

- Nay quý vị, các bậc khả kính kia của quý vị mang ô dù đang đi đến kia, giống như một nhóm quan đại thần vậy.

- Nay quý vị, các vị ấy không phải là tỳ-kheo, họ là du sĩ ngoại đạo.

- Là tỳ-kheo, không phải là tỳ-kheo. Những người ấy đã đánh cá với nhau.

Sau đó, khi đi lại gần vị cận sự nam ấy biết được rõ ràng nên mới phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các đại đức lại mang ô dù đi lại đó đây?

Các tỳ-kheo đã nghe được vị cận sự nam ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Rồi các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, nghe nói ...(như trên)... có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, không nên che ô dù. Vị nào che thì phạm tội tác ác (dukkata).

[133] Vào lúc bấy giờ, có một tỳ-kheo bị bệnh. Tỳ-kheo ấy không có che ô dù không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, ta cho phép tỳ-kheo bệnh được che ô dù.

[134] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo (biết rằng): "Tỳ-kheo bệnh được đức Thế Tôn cho phép che ô dù, còn chúng ta không có bệnh," rồi ngần ngại khi che ô dù ở trong tu viện hoặc ở vùng phụ cận tu viện. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, ta cho phép tỳ-kheo không có bệnh được che ô dù ở trong tu viện hoặc ở vùng phụ cận tu viện.

[135] Vào lúc bấy giờ, có một vị tỳ-kheo buộc bình bát bằng một sợi dây rồi treo ở cây gậy và rời khỏi cổng của một ngôi làng nọ vào lúc hoàng hôn. Dân chúng (nói với nhau rằng): "Này các vị, gã trộm kia đang đi đến, gươm của gã lấp lánh đó" rồi đã theo dõi, giữ lại, đến khi nhận biết rõ ràng, đã thả cho đi. Sau đó, tỳ-kheo ấy khi đi đến tu viện đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ-kheo.

- Này sư đệ, có phải sư đệ mang theo gậy và dây?

- Bạch đại đức, đúng vậy.

Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỳ-kheo lại mang theo gậy và dây?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, không nên mang theo gậy và dây. Vị nào mang theo thì phạm tội tác ác (dukkata).

[136] Vào lúc bấy giờ, có tỳ-kheo bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại đó đây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy đến tỳ-kheo bệnh.

[137] Và này các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Vị tỳ-kheo bệnh cần đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, ngồi chồm hóm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

- Bạch các ngài, tôi bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy.

Nên cầu xin thêm lần thứ nhì. Nên cầu xin thêm lần thứ ba.

[138] Hội chúng cần được thông báo bởi tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo tên (như vậy) bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo tên (như vậy) bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy. Hội chúng ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy đến tỳ-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hội chúng đã ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy đến tỳ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[139] Vào lúc bấy giờ, có một tỳ-kheo bị bệnh không có sợi dây không thể mang bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) sợi dây đến tỳ-kheo bệnh.

[140] Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Vị tỳ-kheo bệnh cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

- Bạch các ngài, tôi bị bệnh không có sợi dây không thể mang bình bát. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng sự đồng ý về việc (sử dụng) sợi dây.

Nên cầu xin thêm lần thứ nhì. Nên cầu xin thêm lần thứ ba.

[141] Hội chúng cần được thông báo bởi tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo tên (như vậy) bị bệnh không có sợi dây không thể mang bình bát. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về việc (sử dụng) sợi dây. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) sợi dây đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo tên (như vậy) bị bệnh không có sợi dây không thể mang bình bát. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về việc (sử dụng) sợi dây. Hội chúng ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) sợi dây đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc

ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) sợi dây đến tỳ-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hội chúng đã ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) sợi dây đến tỳ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[142] Vào lúc bấy giờ, có một tỳ-kheo bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại đó đây và không có sợi dây không thể mang bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy và dây đến tỳ-kheo bệnh.

Và nay các tỳ-kheo, nên ban cho như vậy: Vị tỳ-kheo bệnh cần đi đến gặp hội chúng, đắp thương y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo trưởng lão, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

- Bạch các ngài, tôi bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây không thể mang bình bát. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy và dây.

Nên cầu xin thêm lần thứ nhì. Nên cầu xin thêm lần thứ ba.

[143] Hội chúng cần được thông báo bởi tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo tên (như vậy) bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây không thể mang bình bát. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy và dây. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy và dây đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ-kheo tên (như vậy) bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây không thể mang bình bát. Vị ấy cầu xin hội chúng sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy và dây. Hội chúng ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy và dây đến tỳ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc ban cho sự đồng ý về việc (sử

dụng) gậy và dây đến tỳ-kheo tên (như vậy), xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hội chúng đã ban cho sự đồng ý về việc (sử dụng) gậy và dây đến tỳ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[144] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo có tật nhai lại thức ăn. Vị ấy nhai đi nhai lại (thức ăn) rồi nuốt xuống. Các tỳ-kheo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vị tỳ-kheo này ăn vật thực lúc quá ngộ.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo này đã sanh vào giống trâu bò trước đây không lâu. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép việc nhai lại đối với vị có tật nhai lại. Thêm nữa, nay các tỳ-kheo, sau khi ợ lên ở cửa miệng (vật đã ăn vào) không nên nuốt xuống. Vị nào nuốt xuống thì nên được xử lý theo Pháp.

[145] Vào lúc bấy giờ, có một nhóm người dâng một bữa ăn đến hội chúng. Nhiều hột cơm đã bị rơi vãi trong phòng ăn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích-tử khi được dâng cơm lại không thọ lãnh một cách thận trọng, vì mỗi một hột cơm được tạo nên bởi trăm công sức?

Các tỳ-kheo đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, trong khi được dâng cúng ta cho phép tự thân nhặt lên và sử dụng vật (thức ăn) bị rơi xuống. Điều ấy là lý do gì? Nay các tỳ-kheo, bởi vì vật (thức ăn) ấy được các thí chủ để lại.

[146] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo đi khất thực với các móng tay dài. Một người đàn bà thấy vậy đã nói với vị tỳ-kheo ấy điều này:

- Ngài ơi, đến đây và làm việc lửa đôi đi.

- Thôi đi, này bà chị, việc ấy không được đúng đắn.

- Ngài ơi, nếu ngài không làm, thì giờ đây tôi sẽ cào cấu khắp mình mẩy bằng các móng tay của tôi rồi làm ra vẻ giận dữ (la lên): "Tỷ-kheo này làm nhục tôi."

- Nay bà chị, bà chị nên biết điều.

Rồi người đàn bà ấy đã cào cấu khắp mình mẩy bằng các móng tay của mình và làm ra vẻ giận dữ (la lên): "Tỷ-kheo này làm nhục tôi." Dân chúng chạy lại và bắt giữ vị tỷ-kheo ấy. Rồi dân chúng đã nhìn thấy da và máu nơi móng tay của người đàn bà ấy; thấy vậy, (biết được rằng): "Việc này do chính người đàn bà này gây ra, vị tỷ-kheo không phải là người làm;" và họ đã thả tỷ-kheo ấy. Sau đó, vị tỷ-kheo đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỷ-kheo.

- Nay sư đệ, có phải sư đệ để móng tay dài không vậy?

- Bạch đại đức, đúng vậy.

Các tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao vị tỷ-kheo lại để móng tay dài?

Rồi các tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, không nên để móng tay dài. Vị nào để dài thì phạm tội tác ác (dukkata).

[147] Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo xé móng tay bằng móng tay, cắn móng tay bằng miệng, mài móng tay ở tường. Các ngón tay bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép việc cắt móng tay.

Các vị cắt móng tay làm chảy máu. Các ngón tay bị đau. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép cắt móng tay đến sát phần thịt.

[148] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư bảo người traу chuốt hai mươi (ngón tay và chân). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên bảo (người khác) traу chuốt hai mươi (ngón tay và chân). Vị nào bảo (người khác) traу chuốt thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép lấy đất ra (từ các móng).

[149] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư để tóc dài. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo có khả năng cắt tóc cho nhau không?

- Thưa có khả năng, bạch Thế Tôn.

Rồi đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại ...(như trên)... nói với các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) dao cạo, đá mài dao cạo, bao đựng dao cạo, miếng vải len, tất cả vật dụng liên quan đến dao cạo.

[150] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư tĩa râu, để râu dài ra, để chòm râu dưới cằm, để râu thành bốn góc, tạo dáng lông ngực, tạo hình lông bụng, làm đứng giống ngà voi, nhổ lông ở trên cơ thể. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên tĩa râu để râu dài ra, để chòm râu dưới cằm, để râu thành bốn góc, tạo dáng lông ngực, tạo hình lông bụng, làm đứng giống ngà voi, làm sạch lông ở trên cơ thể. Vị nào nhổ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[151] Vào lúc bấy giờ, có tỳ-kheo bị vết thương ở trên cơ thể. Thuốc không thể dính vào. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm sạch lông ở trên cơ thể vì lý do bệnh.

[152] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư cắt tóc bằng kéo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên cắt tóc bằng kéo. Vị nào cắt thì phạm tội tác ác (dukkata).

[153] Vào lúc bảy giờ, có tỳ-kheo bị vết thương ở trên đầu, không thể cạo đầu bằng dao cạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép cắt tóc bằng kéo vì lý do bệnh.

[154] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo để lông mũi dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ thờ phụng quý thân vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên để lông mũi dài. Vị nào để thì phạm tội tác ác (dukkata).

[155] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo lấy lông mũi ra với mảnh sành hoặc bằng sáp ong. Hai lỗ mũi bị đau. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) cái nhíp (nhỏ lông).

[156] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư nhổ tóc bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên nhổ tóc bạc. Vị nào nhổ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[157] Vào lúc bấy giờ, có một tỳ-kheo có hai lỗ tai bị ráy tai che bít. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) đồ lấy ráy tai.

[158] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sử dụng các đồ lấy ráy tai loại đặc biệt: làm bằng bạc, làm bằng vàng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng các đồ lấy ráy tai loại đặc biệt. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép loại làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng ống sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.

[159] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã tích trữ nhiều loại đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ. Dân chúng đi đến tu viện dạo quanh thấy vậy mới phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích tử lại tích trữ nhiều loại đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ giống như nhà buôn bán đồ đồng vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên tích trữ nhiều loại đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ. Vị nào tích trữ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[160] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ngăn ngại (sử dụng) thuốc cao, que bôi thuốc cao, đồ lấy ráy tai, vật để buộc lại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) thuốc cao, que bôi thuốc cao, đồ lấy ráy tai, và vật để buộc lại.

[161] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư ngồi kê móng trên y hai lớp (sa□ghāṭi). Các lớp vải của y hai lớp bị hư hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên ngồi kê móng trên y hai lớp (sa□ghāṭi). Vị nào ngồi thì phạm tội tác ác (dukkata).

[162] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo bị bệnh. Không có vải băng bó, vị ấy không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) vải băng bó.

Khi ấy, các tỳ-kheo đã suy nghĩ rằng: "Làm thế nào để thực hiện vải băng bó đây?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) khung dệt, con thoi, sợi dệt, kim dệt, và các vật dụng của khung dệt.

[163] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo đi vào làng khát thực không buộc dây thắt lưng. Trên đường đi, y nội (antaravāsaka) của vị ấy bị tuột xuống. Dân chúng thấy được đã kêu ò lên. Vị tỳ-kheo đã bị xấu hổ. Vị tỳ-kheo ấy đi đến tu viện và đã trình sự việc ấy đến các tỳ-kheo. Các vị tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên đi vào làng không buộc dây thắt lưng. Vị nào đi vào thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép dây thắt lưng.

[164] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sử dụng các dây thắt lưng loại đặc biệt: loại do nhiều sợi bện lại, loại hình đầu rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng các dây thắt lưng loại đặc biệt: loại do nhiều sợi bện lại, loại hình đầu rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại

giống như dây xích. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) hai loại dây thắt lưng: loại bằng vải, và loại hai đầu được thắt lại.

Các mép của dây thắt lưng bị sờn ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích.

Đầu chóp của dây thắt lưng bị sờn ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép khâu tròn (hai đầu chóp), thắt nút (hai đầu chóp).

Hai đầu chóp của dây thắt lưng đã khâu lại bị sờn ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) khóa thắt lưng.

[165] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sử dụng những loại khóa thắt lưng đặc biệt: làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng những loại khóa thắt lưng đặc biệt. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép những loại khóa thắt lưng làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng ống sậy, ...(như trên)..., làm bằng vỏ sò, làm bằng sợi chỉ.

[166] Vào lúc bảy giờ, đại đức Ānanda đắp các y mỏng nhẹ đi vào làng khát thực. Các y của vị ấy đã bị một cơn gió xoáy tốc lên. Khi đi về tu viện đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy đến các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) hột nút, cái nơ buộc.

[167] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sử dụng những hột nút đặc biệt: làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng những hột nút đặc biệt. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng ống sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò, làm bằng sợi chỉ.

[168] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo cài hột nút, cài cái nơ buộc ở trên y ca-sa. Y ca-sa bị sòn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) hột nút hình đẹp, cái nơ buộc hình đẹp.

Các vị cài hột nút hình đẹp, cài cái nơ buộc hình đẹp ở góc chéo (của y ca-sa). Phần giữa bị mở ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép cài hột nút hình đẹp ở góc chéo (của y ca-sa), cài cái nơ buộc hình đẹp sau khi lùi vào bẫy hoặc tám lóng tay.

[169] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư mặc vải lót bên trong của kẻ tại gia: loại quần như vòi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên mặc vải lót bên trong của kẻ tại gia: loại quần như vòi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài. Vị nào mặc thì phạm tội tác ác (dukkata).

[170] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư khoác loại vải choàng bên ngoài của kẻ tại gia. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên khoác loại vải choàng bên ngoài của kẻ tại gia. Vị nào khoác thì phạm tội tác ác (dukkata).

[171] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư mặc váy (sam-velliyam-). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như phu mang vác của đức vua vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên mặc váy. Vị nào mặc thì phạm tội tác ác (dukkata).

[172] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đeo túi quàng ở hai vai. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như phu mang vác của đức vua vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên đeo túi quàng ở hai vai. Vị nào đeo thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép túi đeo một bên vai, túi hai người xách, vật đội trên đầu, vật mang ở vai, vật mang ở hông, vật được treo lên.

[173] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo không nhai gỗ chà răng (dantakaṭṭham-). Miệng trở nên có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng: không có ích lợi cho mắt, miệng trở nên có mùi hôi, vị giác không tinh tế, mặt và đờm che lấp thức ăn, vị ấy không hứng thú với thức ăn. Nay các tỳ-kheo, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng.

Này các tỳ-kheo, đây là năm điều lợi ích trong việc nhai gỗ chà răng: có ích lợi cho mắt, miệng không có mùi hôi, vị giác được tinh tế, mặt và đờm che không che lấp thức ăn, vị ấy hứng thú với thức ăn. Này các tỳ-kheo, đây là năm điều lợi ích trong việc nhai gỗ chà răng.

[174] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư nhai gỗ chà răng loại dài, các vị còn đánh các vị sa-di bằng chính những cây gỗ ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên) ...

- Này các tỳ-kheo, không nên nhai gỗ chà răng loại dài. Vị nào nhai thì phạm tội tác ác (dukkata). Này các tỳ-kheo, ta cho phép gỗ chà răng dài tối đa tám ngón tay, không nên đánh sa-di bằng cây gỗ ấy. Vị nào đánh thì phạm tội tác ác (dukkata).

[175] Vào lúc bấy giờ, có tỳ-kheo trong khi nhai cây gỗ chà răng quá ngắn nên bị vướng ở cổ họng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, không nên nhai gỗ chà răng quá ngắn. Vị nào nhai thì phạm tội tác ác (dukkata). Này các tỳ-kheo, ta cho phép gỗ chà răng ngắn tối thiểu bốn ngón tay.

[176] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đốt đám lửa lớn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ... (như trên) ... giống như thợ đốt lò vậy?

... (như trên) ... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên) ...

- Này các tỳ-kheo, không nên đốt đám lửa lớn. Vị nào đốt thì phạm tội tác ác (dukkata).

[177] Vào lúc bấy giờ, các tu viện có cỏ rậm rạp, khi đám lửa lớn phát cháy, các tu viện cũng bắt lửa. Các tỳ-kheo ngần ngại không tạo nên ngọn lửa nghịch chiều để bảo vệ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, khi đám lửa lớn phát cháy ta cho phép tạo nên ngọn lửa nghịch chiều để thực hiện sự bảo vệ.

[178] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư trèo lên cây, chuyền từ cây này sang cây khác. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như loài khỉ vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên trèo lên cây. Vị nào trèo lên thì phạm tội tác ác (dukkata).

[179] Vào lúc bấy giờ, trong xứ sở Kosala một tỳ-kheo nọ đang trên đường đi đến thành Sāvatti đã bị voi rượt đuổi. Khi đó, tỳ-kheo ấy đã chạy đến gần một gốc cây nhưng ngần ngại đã không trèo lên cây. Con voi ấy đã đi sang hướng khác. Vị tỳ-kheo ấy khi đi đến thành Sāvatti đã trình sự việc ấy đến các tỳ-kheo. Các vị tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trèo lên cây với tầm cao của một con người khi có việc cần làm, và đến tầm cao cần thiết trong những lúc hiểm nguy.

[180] Vào lúc bấy giờ, hai tỳ-kheo tên Metṭhakoṭṭha là hai anh em xuất thân giòng dõi Bà La Môn và nói năng nhã nhặn với âm điệu ngọt ngào [Metṭhakoṭṭha được thấy ở Tam Tạng của Thái Lan, còn ở Tam Tạng được in bởi Pali Text Society là Yameḷu và Tekula]. Họ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, họ đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, hiện nay các tỳ-kheo có tên gọi khác nhau, giòng dõi khác nhau, giai cấp khác nhau, gia tộc khác nhau đã xuất gia. Các vị ấy đang làm hỏng lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính họ. Bạch ngài, ngài hãy để chúng con chuyển đổi lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm luật (chandaso).

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(như trên)...

- Nay hai kẻ rồ dại kia, vì sao hai người lại nói như vậy: "Bạch ngài, ngài hãy để chúng con chuyển đổi lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm luật"? Nay hai kẻ rồ dại kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, không nên hoán chuyển lời dạy của chư Phật sang dạng có niêm luật. Vị nào hoán chuyển thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép học tập lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính bản thân.

[181] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư học tập việc giải đoán điềm lành dữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các tỳ-kheo đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai ...(như trên)... Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự kiện ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, kẻ chuyên chú trong việc giải đoán điềm lành dữ có thể đạt được sự tiến triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh trong Pháp và Luật này không?

- Bạch ngài, điều ấy không thể nào được.

- Hoặc kẻ chuyên chú trong Pháp và Luật này có thể học tập việc giải đoán điềm lành dữ?

- Bạch ngài, điều ấy không thể nào được.

- Nay các tỳ-kheo, không nên học tập việc giải đoán điềm lành dữ. Vị nào học tập thì phạm tội tác ác (dukkata).

[182] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư dạy việc giải đoán điềm lành dữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên dạy việc giải đoán điềm lành dữ. Vị nào dạy thì phạm tội tác ác (dukkata).

[183] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư học tập kiến thức nhằm nhí. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên học tập kiến thức nhằm nhí. Vị nào học tập thì phạm tội tác ác (dukkata).

[184] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư dạy kiến thức nhằm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên dạy kiến thức nhằm nhí. Vị nào dạy thì phạm tội tác ác (dukkata).

[185] Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khi đang giảng Pháp đến một hội chúng đông đảo tụ quanh đã hắt hơi. Các tỳ-kheo đã nói lớn tiếng rằng: "Bạch ngài, mong rằng đức Thế Tôn sẽ tồn tại, mong rằng đấng Thiện Thệ sẽ tồn tại." Âm thanh ấy đã vang lên giữa buổi giảng Pháp. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, khi một ai hắt hơi được nói rằng: "Mong rằng người sẽ tồn tại," do duyên ấy người ấy có thể tồn tại hay có thể chết?

- Bạch ngài, điều ấy không thể nào được.

- Nay các tỳ-kheo, khi một ai hắt hơi không nên nói rằng: "Mong rằng người sẽ tồn tại." vị nào nói thì phạm tội tác ác (dukkata).

[186] Vào lúc bấy giờ, khi các tỳ-kheo hắt hơi, dân chúng nói rằng:

- Bạch ngài, mong rằng ngài sẽ tồn tại.

Các tỳ-kheo ngần ngại không đáp lại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích tử không đáp lại khi được nói rằng: "Bạch ngài, mong rằng ngài sẽ tồn tại."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, người tại gia mong điều tốt lành. Nay các tỳ-kheo, khi được nói rằng: "Bạch ngài, mong rằng ngài sẽ tồn tại," ta cho phép đáp lại: "Mong rằng người sẽ sống lâu."

[187] Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn đang ngồi giảng Pháp đến một hội chúng đông đảo vây quanh. Có vị tỳ-kheo vừa mới ăn tối xong. Vị ấy đã ngồi ở một chỗ riêng biệt (nghĩ rằng): "Chớ để các tỳ-kheo bị khuấy rối." Đức Thế Tôn đã thấy vị tỳ-kheo ấy ngồi ở một chỗ riêng biệt. Thấy vậy, ngài đã hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vì sao tỳ-kheo ấy ngồi ở một chỗ riêng biệt vậy?

- Bạch ngài, vị ấy vừa mới ăn tối (nghĩ rằng): "Chớ để các tỳ-kheo bị khuấy rối" nên đã ngồi ở một chỗ riêng biệt.

- Nay các tỳ-kheo, một người sau khi ăn một vật cần phải ăn có nên tránh né bài giảng Pháp như thế này không?

- Bạch ngài, điều ấy không thể nào được.

- Nay các tỳ-kheo, không nên ăn tối. Vị nào ăn thì phạm tội tác ác (dukkata).

[188] Vào lúc bảy giờ, đại đức Sāriputta bị bệnh đau bụng gió. Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp đại đức Sāriputta, đến rồi đã hỏi đại đức Sāriputta rằng:

- Nay đại đức Sāriputta, trước đây khi đại đức bị bệnh đau bụng gió, vật gì làm cho dễ chịu?

- Tôi làm tôi dễ chịu.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ăn tối vì lý do bệnh.

[189] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo đã tiểu tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tiêu tiện ở khu vực riêng biệt.

Tu viện trở nên có mùi hôi thối. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) lu nước tiêu.

Các vị ngồi xuống một cách khó khăn khi tiêu tiện. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) máng chuyên nước tiêu.

Máng chuyên nước tiêu ở nơi trông trái. Các tỳ-kheo hổ thẹn không dám tiêu tiện. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép bao quanh lại bằng ba loại tường chắn: tường chắn bằng gạch, tường chắn bằng đá, tường chắn bằng gỗ.

Lu nước tiêu không được đậy lại nên bốc mùi hôi. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) nắp đậy.

[190] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo đã đại tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép đại tiện ở một khu vực riêng biệt.

Tu viện trở nên có mùi hôi thối. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) hồ phân.

Thành hồ phân bị sụp xuống. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (xây dựng) ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Hồ phân có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép ba loại cầu thang: cầu thang gạch, cầu thang đá, cầu thang gỗ.

Các vị bị té khi bước lên (cầu thang). ...(như trên) ...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Ngồi ở phía trong, các vị bị té khi đại tiện. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép xây bằng phẳng, làm một cái lỗ ở giữa rồi đại tiện.

Các vị ngồi xuống một cách khó khăn khi đại tiện. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) máng chuyển phân.

Các vị đã tiểu tiện ra ở bên ngoài. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) rãnh dẫn nước tiểu.

Gỗ chùi không có. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (sử dụng) gỗ chùi.

Thùng chứa đồ chùi không có. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (sử dụng) thùng chứa đồ chùi.

Hố phân không được đậy lại nên bốc mùi hôi. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (sử dụng) nắp đậy.

[191] Các vị trong khi đại tiện ở ngoài trời đã bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) nhà tiêu.

Nhà tiêu không có cửa. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.

Rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong nhà tiêu. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép che kín mái và làm (các công việc sau): tô vữa ở trong và ở ngoài, việc sơn màu trắng, màu đen, màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

[192] Vào lúc bấy giờ, một tỷ-kheo nọ già yếu đại tiện xong trong khi đứng dậy đã bị té. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) tay vịn.

[193] Nhà tiêu không có hàng rào. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép rào quanh bằng ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.

[194] Không có cổng ra vào. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) cổng ra vào.

Cổng ra vào không có cửa. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.

Rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong cổng ra vào. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép che kín mái và làm (các công việc sau): tô vữa ở trong và ở ngoài, việc sơn màu trắng, màu đen, màu đỏ, trang hoàng

hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Căn phòng bị ẩm ướt. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép phủ cát lên.

Các vị không thành công. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.

Lu nước rửa không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) lu nước rửa.

Gáo múc nước để rửa không có. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) gáo múc nước để rửa.

Các vị ngồi xuống một cách khó khăn khi rửa. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) máng nước để rửa.

Máng nước để rửa ở nơi trống trải. Các tỳ-kheo hổ thẹn không dám rửa. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (xây dựng) ba loại tường chắn để bao quanh lại: tường chắn bằng gạch, tường chắn bằng đá, tường chắn bằng gỗ.

Lu nước rửa không được đập lại nên cỏ rác và bụi bặm đồng thời đổ dơ bản rơi vào. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) nắp đập.

[195] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư thực hiện những hành động xấu xa như sau: họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo

kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình tràng hoa kết một mặt, tràng hoa kết hai mặt, thảm hoa, vòng hoa, vòng hoa đội đầu, vòng hoa đeo tai, vòng hoa che ngực. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chiếu, nằm chung trên một giường, nằm chung trên một nệm, nằm chung trên một khăn trải, nằm chung trên một nệm có phủ khăn. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xúc nước hoa và phân thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ đàn địch, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang múa; ... (như trên)... họ lại còn nhảy múa, ca hát, đàn địch, vui đùa cùng với người nữ đang giỡn hót. Họ còn tiêu khiển cờ tám quân, cờ mười quân, họ ném lên trên không trung, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò ước lượng khoảng cách, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đổ chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ làm bộ giận dữ, họ siết tay nhau, họ vật lộn, họ dùng tay đánh nhau. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: "Này cô em, hãy nhảy ở đây này;" họ còn vỗ tay tán thưởng; họ thực hiện những hành động xấu xa bằng nhiều cách.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Này các tỷ-kheo, không nên thực hiện những hành động xấu xa các loại. Vị nào thực hiện thì cần được hành xử theo Pháp.

[196] Vào lúc bấy giờ, khi đại đức Uruvela Kassapa xuất gia nhiều đồ vật bằng kim loại, đồ vật bằng gỗ, đồ vật bằng gốm sứ đã phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, các tỷ-kheo đã khởi ý rằng: "Đồ vật nào bằng kim loại đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép? Đồ vật nào bằng gỗ đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép?"

Đồ vật nào bằng gốm sứ được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy sau khi thuyết Pháp thoại rồi đã nói với các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tất cả đồ vật bằng kim loại ngoại trừ vũ khí; tất cả đồ vật bằng gỗ ngoại trừ ghế trường kỷ, phản gỗ, bát bằng gỗ, giày dép bằng gỗ; tất cả đồ vật bằng gốm sứ ngoại trừ đồ chà chân và loại lu lớn.

Dứt Chương các Tiểu Sự là chương thứ năm.

Tóm lược chương này:

[197]

Ở thân cây, trụ đá,
và ở trên tường nhà,
tám phản, cây kỳ cọ,
chuối hột, (cọ) lẫn nhau,
cây chà lưng, bệnh ghẻ,
và có vị già cả,
dùng tay như lệ thường.
Hoa tai, hoa dạng chuối,
không mang dây chuyền cổ,
ở hông, vòng, vòng thân,
vòng ở tay, đeo nhẫn,
tóc dài, (dùng) lược chải,
vật đầu rắn, bàn tay,
(thoa) sáp ong, dầu nước,
giương soi, và chậu nước,
(thoa) dầu, và chà xát,
thoa phấn, họ tô điểm
và vẽ màu ở thân,
và tô màu ở mặt,
rồi ở cả hai nơi,
bệnh ở nơi con mắt,
và ở nơi đỉnh núi,
sự kéo dài, âm điệu,
(áo khoác) ở bên ngoài.
Với các miếng xoài nhỏ,

con rắn, vị cắt đi,
và khúc gỗ đàn hương,
các chân bát đặc biệt,
bằng vàng, bị dày cộm,
bị lỏng chỏng, nhiều loại,
bị hư hỏng, mùi hôi,
phơi nắng, họ làm vỡ,
ở mép ghế, giường đúc,
cổ, miếng vải, bọc kê,
và ở trong giỏ mây,
túi bát, dây đeo vai,
như vậy dây bằng vải,
trên tường, và trên giường,
trên ghế, trên bấp vế,
trên cái dù, mở cửa.
Bầu đựng nước, cái hũ,
cái sọ từ thân người,
vật chứa các đồ thừa,
vị ấy xé, có cán,
bằng vàng, lông, lạt tre,
và cái ống đựng kim,
bột phấn, nghệ, bột đá,
mật, sáp ong, hộp nhỏ.
Không vuông, chỗ không phẳng,
trên mặt đất, bị thụng,
và không đạt kích thước,
dầu mực, chỉ làm dầu,
chân chưa rửa, đấm nước,
dép, và đồ bọc ngón,
thùng chứa đồ, bao đựng
dây mang vai, đồ buộc.
Ở ngoài trời, nền thấp,
nền móng, gập khó khăn,
vị bị té, rác cỏ,
tô vữa trong và ngoài,
màu trắng, và màu đen,
và chuẩn bị màu đỏ,
việc làm vòng, dây treo,
cây đình răng cá kiếm,
vải trang hoàng, sào máng,

và sợi dây treo y,
vị lãnh đạo cho phép.
Họ bỏ bê ra đi,
khung y rời thành miếng,
bị bung ra, trên tường,
đi dùng bát mang theo,
túi đựng, chỉ buộc lại,
và buộc lại đôi dép,
và cái túi đựng dép,
và dây vải mang vai.
Nước uống chưa đúng luật,
trên đường, đồ lọc nước,
miếng vải, theo thói thường,
có hai vị tử-kheo,
vị Ân Sĩ đã đến
thành phố Vesālī,
đồ lọc có hai lớp,
bể lọc nước, nơi ấy
ngài cho phép đồ lọc.
Các con muỗi, vật ngon,
nhiều bệnh, Jīvaka,
đường kính hành, nhà tắm,
không bằng phẳng, nền thấp,
(cho) ba loại nền móng,
họ lại gặp khó khăn,
cầu thang, có lan can,
tay vịn, ở ngoài trời,
rác cỏ, tô hồ vữa
bên trong và bên ngoài,
màu trắng và màu đen,
và chuẩn bị màu đỏ,
việc làm vòng, dây treo,
cây đinh răng cá kiếm,
vải trang hoàng, sào máng,
và sợi dây treo y,
làm mặt đất cao hơn,
nền móng, vá cầu thang,
lan can, cửa ra vào,
trụ cửa, có rãnh xoay,
cái chốt xoay ở trên,

tay nắm, và chốt gài,
đinh khóa chốt, chốt phụ,
lỗ khóa, lỗ để luôn,
và thêm sợi dây thừng.
Mô tròn, và ống khói,
ở giữa, và đất sét
đắp mặt, máng chứa đựng,
có mùi hôi, bị phồng,
vại chứa nước, gáo múc,
không ra được mồ hôi,
và nền bị ẩm ướt,
lau sạch, làm rãnh thoát.
Ghế ngồi, vá làm cống,
cát, đá phiến, rãnh thoát,
ở trần, trên nền nhà,
trời đang mưa, ở đó,
ba loại vải để choàng,
giếng nước, bị sụp đổ,
bị thấp, sợi dây rừng,
dây buộc thân, cần giọt,
trục quay, cái ròng rọc,
nhiều gàu múc bị bể,
làm bằng thiếc, gỗ, da,
nhà, cỏ, và nắp đậy,
máng chứa nước, hồ tắm,
hàng rào, bị ẩm ướt,
và bằng rãnh thoát nước,
bị lạnh, hồ trữ nước,
nước ôi và mái vòm.
Bốn tháng, và họ ngủ,
thảm len, không chú nguyện,
chạm trổ, giá đỡ bát,
họ ăn chung mộ (tô),
cùng nằm, chuyện Vađđha,
chuyện Bodhi, không bước.
Cái chum, vật chà chân,
cái chổi, loại chà chân
cát, sỏi, và bột biên,
cái quạt, chổi quét bụi,
quạt muối, quạt đuôi bò.

Ô dù, và không có,
trong tu viện, ba sự
đồng tình về sợi dây,
tật nhai lại, cơm rơi,
móng tay dài, họ cắt,
các ngón tay bị đau,
chảy máu, và cắt sát
hai mươi, để tóc dài,
dao cạo, đá mài dao,
bao đựng, miếng vải len,
họ tia râu, để râu,
dưới cằm, thành bốn góc,
tạo dáng lông ngực, bụng,
giống ngà voi, nhô lông,
bệnh hoạn, kéo, vết thương,
lông dài, và mảnh sành,
tóc bạc, bị bít kín,
loại đặc biệt, đồng thau,
vớ thuốc cao, ngồi chỏ
và miếng vải băng bó,
sợi dệt, kim, dây lưng,
do nhiều sợi bện lại,
có hình đầu rắn nước,
bện hình cái trống nhỏ,
như dây xích, bằng vải,
và hai đầu thắt lại,
chóp, khâu tròn, thắt nút,
đầu chóp vẫn bị sờn,
và đủ loại hột nút,
lại có loại hình đẹp,
từ mép được lúi vào.
Vải lót kẻ tại gia:
loại quần như vôi voi,
vắt đuôi cá, bốn góc,
loại có tua, thật dài,
trùm vải choàng tục gia,
mặc váy, túi hai vai,
gỗ chà răng, gậy đánh,
ở cổ họng, bị vướng,
và thêm đám lửa lớn,

đốt ngọn lửa nghịch chiều,
(trèo) cây, bởi con voi,
ngôn ngữ của bản thân,
giải đoán điềm lành dữ,
họ học rồi dạy lại,
họ nói chuyện nhảm nhí.
Ngài hắt hơi, điều lành,
và ăn (tỏi), bệnh gió,
và dơ bẩn, mùi hôi,
khó khăn, máng nước tiểu,
họ thẹn, đây, mùi hôi,
và họ tiêu đó đây,
mùi hôi, hổ chứa phân,
chúng sụp xuống, nền cao,
và nền móng, cầu thang,
lan can, và bên trong,
khó khăn, và máng chuyền,
(tiểu) ra ngoài, khe rãnh,
và gỗ chùi, thùng chứa,
và không được đây lại.
Nhà tiêu, cửa, trụ cửa,
rãnh xoay, và chốt xoay,
tay nắm, và chốt gài,
đỉnh khóa chốt, chốt phụ,
lỗ khóa, và lỗ xỏ,
sợi dây, vữa trong ngoài,
màu trắng và màu đen,
việc làm vòng, dây treo,
cây đình răng cá kiếm,
năm sợi vải, sào máng,
và sợi dây treo y.
Già, yếu đuối, tay vịn,
và ở cổng ra vào,
cũng như thế, phủ cát,
trái lót bằng đá phiến,
đọng nước, rãnh thoát nước.
Lu nước, và gáo múc,
khô, hổ thẹn, nắp đây.
Họ làm việc xấu xa,
được phép đồ kim loại,

trừ ra các vũ khí.
Bậc Đại Sĩ cho phép
tất cả vật bằng gỗ,
trừ trường kỷ, phản gỗ,
bát gỗ, giày dép gỗ.
Đấng Như Lai loại ra
vật chà chân, lu lớn,
còn từ bi cho phép,
tất cả vật gốm sứ.
Việc chỉ dẫn điều nào,
nếu giống điều trước đây,
điều đã được tóm tắt
ở trong phần tóm lược,
điều ấy nên biết đến
từ điều đã được dạy.
Như vậy một trăm mười
sự việc thuộc Tạng Luật
ở trong phần Tiểu Sự
sự duy trì chánh Pháp,
trợ giúp các vị tốt,
vị nắm giữ Tạng Luật
được học tập khéo léo,
tâm định tĩnh tốt đẹp,
vị thông minh, giải rõ,
đa văn, đáng cúng dường.

Dứt Chương các Tiểu Sự.

----oOo----

VI. Chương Sàng tọa (Senāsanakkhandhakaṃ)

[Theo chú giải của Kinh Trường Bộ, Senāsana được phân làm bốn loại: loại thứ nhất viharasenāsana gồm có năm loại chỗ trú ngụ - xem [200] (trong bản dịch sẽ dùng từ "chỗ trú ngụ" cho loại này); loại thứ nhì mañcapīṭhasenāsana là giường, ghế, nệm, gối (trong bản dịch sẽ giữ nguyên từ "sàng tọa" cho loại này); loại thứ ba santhatasenāsana là các loại thảm; loại thứ tư okāsenāsana được giải thích là nơi mà vị tỷ-kheo sẽ trở lại.]

1. Tụng Phẩm thứ nhất

[198] Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Rājagaha, Trúc Lâm (Veluvana), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn chưa quy định cho các tỳ-kheo về vấn đề chỗ trú ngụ. Và các tỳ-kheo đã cư ngụ ở nơi này nơi khác: trong rừng rậm, ở gốc cây, nơi sườn núi, nơi thung lũng, trong hang núi, nơi bãi tha ma, trong khu rừng thưa, ở đồng trống, nơi đồng rơm. Các vị ấy, vào lúc sáng sớm, đã đi ra từ nhiều nơi khác nhau: từ trong rừng rậm, từ gốc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thưa, từ đồng trống, từ nơi đồng rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi (tay chân), với đôi mắt nhìn xuống, nghiêm chỉnh trong các oai nghi.

[199] Vào lúc ấy, có nhà đại phú ở thành Vương Xá (Rājagaha) đi đến công viên vào lúc sáng sớm. Nhà đại phú dân thành Rājagaha đã thấy các tỳ-kheo vào lúc sáng sớm đi ra từ nhiều nơi khác nhau: từ trong rừng rậm, từ gốc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thưa, từ đồng trống, từ nơi đồng rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi (tay chân), với đôi mắt nhìn xuống, nghiêm chỉnh trong các oai nghi. Thấy thế, tâm của vị ấy sanh khởi đức tin. Rồi nhà đại phú ở thành Rājagaha đã đi đến gặp các tỳ-kheo, đến rồi đã nói với các tỳ-kheo điều này:

- Bạch các ngài, nếu tôi cho xây dựng các trú xá, các ngài có thể cư ngụ trong các trú xá của tôi không?

- Nay gia chủ, các trú xá chưa được đức Thế tôn cho phép.

- Bạch các ngài, nếu vậy xin các ngài hỏi ý kiến đức Thế Tôn rồi báo cho tôi hay.

- Được rồi, này gia chủ.

Rồi các tỳ-kheo ấy nghe lời nhà đại phú ở thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thế tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các tỳ-kheo ấy đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, nhà đại phú ở thành Rājagaha muốn cho xây dựng các trú xá. Bạch ngài, chúng con nên tiến hành như thế nào đây?

[200] Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép năm loại chỗ trú ngụ: trú xá (vihāra□), nhà một mái (aḍḍhayoga□), toà nhà dài (pāsāda□), khu nhà lớn (hammiya□), hang động (guha□).

[201] Rồi các tỳ-kheo ấy đã đi đến gặp nhà đại phú ở thành Rājagaha, đến rồi đã nói với nhà đại phú ở thành Rājagaha rằng:

- Nay gia chủ, các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép. Gia chủ biết bây giờ là thời điểm của việc gì rồi.

Sau đó, nhà đại phú ở thành Rājagaha đã cho thiết lập sáu mươi trú xá chỉ trong một ngày. Sau khi hoàn tất sáu mươi trú xá, nhà đại phú ở thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà đại phú ở thành Rājagaha đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-kheo chấp nhận bữa trai phạn của con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nhà đại phú ở thành Rājagaha sau khi biết được sự nhận lời của đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, và ra đi.

Rồi khi trải qua đêm ấy, nhà đại phú ở thành Rājagaha sau khi cho người chuẩn bị thức ăn thượng hạng cứng mềm đã sai người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

- Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

[202] Khi ấy, đức Thế Tôn vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của nhà đại phú ở thành Rājagaha, đến rồi đã ngồi xuống chỗ ngồi đã được sắp đặt cùng với hội chúng tỳ-kheo. Rồi nhà đại phú ở thành Rājagaha đã tự tay làm hài lòng và thỏa mãn hội chúng tỳ-kheo có đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng cứng mềm, rồi đã (đến) ngồi xuống một bên đức Thế

Tôn khi ấy đã thọ thực xong, bàn tay và bình bát đã được rửa. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà đại phú ở thành Rājagaha đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, sáu mươi trú xá này do con cho người xây dựng vì mục đích phước báu, vì mục đích cõi trời. Bạch ngài, con nên thực hành như thế nào với những trú xá này?

- Nay gia chủ, như vậy người hãy cho thiết lập sáu mươi trú xá này dành cho hội chúng tứ phương hiện tại và vị lai.

- Xin vâng, bạch ngài.

Khi ấy, nhà đại phú ở thành Rājagaha nghe theo lời đức Thế Tôn đã thiết lập sáu mươi trú xá ấy dành cho hội chúng tứ phương hiện tại và vị lai. Sau đó, đức Thế Tôn đã tùy hỷ với nhà đại phú ở thành Rājagaha bằng những lời kệ này:

[203]

Chúng ngăn ngừa nóng lạnh
và các loài thú dữ
các loài rắn muỗi mòng
luôn các cơn mưa lạnh (từ nơi ấy).
Cơn gió nóng dữ dội
sinh lên bị dội lại (từ nơi ấy).
Sự bố thí trú xá
đến hội chúng để hành
thiền định và minh sát
đem lại sự nung nấu
đem lại sự an lạc
đã được chư Phật Đà
ngợi khen là tối thắng.
Vì thế người trí tuệ
thấy lợi ích cho mình
cho xây trú xá đẹp
để các bậc đa văn
có thể ngụ nơi ấy.
Nên cúng dường cơm nước
y áo, chỗ trú ngụ

đến các chân tu ấy
có tâm tư thanh tịnh.
Các vị thuyết đến người
pháp xua mọi khổ đau
người thấy pháp đời này
không còn ô nhiễm nữa
và chúng ngộ Niết Bàn.

Khi ấy, sau khi nói lời tùy hỷ bằng những lời kệ ấy xong, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

[204] Dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã nỗ lực cho xây dựng các trú xá. Các trú xá ấy không có cửa nên các con rắn, bọ cạp, và rết đã bò vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (làm) cửa.

Sau khi đục lỗ ở tường, họ đã buộc cái cửa bằng dây leo và dây thừng. Các con chuột và mối đã gặm nhấm (dây buộc). Các cánh cửa buộc dây bị gặm nhấm đã rơi xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (làm) trụ cửa, rãnh xoay, và chốt xoay.

Các cánh cửa không sử dụng được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (làm) lỗ để luôn và dây thừng để luôn qua.

Các cánh cửa không đóng kín được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (làm) tay nắm, chốt gài, đinh khoá chốt, chốt phụ.

[205] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo không thể mở cánh cửa được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (làm) lỗ khoá. Có ba loại khoá: khoá bằng đồng, khoá bằng gỗ, khoá bằng sừng.

Khi các vị mở cửa đi vào trong, các trú xá không được an toàn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (làm) then cài, đinh khoá chốt.

[206] Vào lúc bấy giờ, các trú xá được lợp cỏ, nên lạnh lẽo khi trời lạnh, nóng nực khi trời nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép che kín mái và tô vữa ở trong và ở ngoài.

[207] Vào lúc bấy giờ, các trú xá không có cửa sổ nên không tốt cho mắt và có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ba loại cửa sổ: cửa sổ chấn song, cửa sổ gắn lưới, cửa sổ lá sách.

Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở ở giữa cửa sổ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (làm) màn che cửa sổ.

Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở của màn che. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (làm) cánh cửa sổ và màn sáo chắn cửa sổ.

[208] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ngủ ở trên đất. Cơ thể và y phục bị bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) thảm trải bằng cỏ.

Thảm trải bằng cỏ bị các con chuột và mối ăn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) bệ cứng.

Nằm trên bệ cứng, cơ thể bị ê ẩm. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) giường vạt tre.

[209] Vào lúc bấy giờ, một cái giường dài làm bằng ván khiêng xác chết đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) giường loại dài.

Một cái ghế loại dài đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế loại dài.

[210] Vào lúc bấy giờ, một cái giường làm bằng ván ghép lại dùng để khiêng xác chết đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) giường làm bằng ván ghép lại.

Một cái ghế làm bằng ván ghép lại đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế làm bằng ván ghép lại.

[211] Vào lúc bấy giờ, một cái giường có chân đẽo cong dùng để khiêng xác chết phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) giường có chân đẽo cong.

Một cái ghế có chân đẽo cong đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế có chân đẽo cong.

[212] Vào lúc bấy giờ, một cái giường có chân tháo rời được dùng để khiêng xác chết phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) giường có chân tháo rời được.

Một cái ghế có chân tháo rời được đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế có chân tháo rời được.

[213] Vào lúc bấy giờ, một cái ghế vuông đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế vuông.

Một cái ghế vuông cao đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế vuông cao.

Một ghế trường kỷ (satta□go) đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế trường kỷ.

Một ghế trường kỷ cao đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế trường kỷ cao.

Một ghế làm bằng các thanh ráp lại (bhaddapīṭha□) đã phát sanh. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế làm bằng các thanh ráp lại.

Một ghế lót vải (pīṭhikā) đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế lót vải.

Một ghế có chỗ gác chân (eḷakapāḍakam- pīṭha□) đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế có chỗ gác chân.

Một ghế có nhiều chân (āmalakavaṭṭikam- pīṭha□) đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế có nhiều chân.

Một tấm phản (phalaka□) đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) tấm phản.

Một ghế mây (koccha□) đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế mây.

Một ghế lót rơm (palālapīṭha□) đã phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ghế lót rơm.

[214] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư nằm trên giường cao. Dân chúng đến trú xá đi dạo quanh thấy vậy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên nằm giường cao. Vị nào nằm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[215] Vào lúc bấy giờ, có một vị tỳ-kheo trong khi nằm ở trên giường thấp đã bị rắn cắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) chân kê giường (mañcapaṭipādaka□).

[216] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sử dụng chân kê giường loại cao. Các vị đu đưa tới lui với các chân kê giường loại cao. Dân chúng đến trú xá đi dạo quanh thấy vậy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng chân kê giường loại cao. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép chân kê giường cao tối đa tám ngón tay.

[217] Vào lúc bảy giờ, chỉ sợi phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép dệt chỉ ở giường.

Các góc tôn nhiều chỉ. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép xuyên qua ở các góc và dệt chéo qua lại.

Một mảnh vải (coḷaka□) được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép dùng làm thảm lót.

Một đệm bông gòn(tūlikā) được phát sanh. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tháo ra dùng làm gối. Có ba loại bông gòn: bông gòn từ cây gòn, bông gòn từ dây leo, bông gòn từ cỏ.

[218] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư sử dụng gối dài nửa thân người. Dân chúng đến trú xá đi dạo quanh thấy vậy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên sử dụng gối dài nửa thân người. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép sử dụng gối tương đương với cái đầu.

[219] Vào lúc bảy giờ, có một lễ hội trên đỉnh núi ở Rājagaha. Dân chúng chuẩn bị nhiều nệm để phục vụ các quan đại thần: nệm len, nệm bông gòn, nệm cỏ, nệm lá. Khi lễ hội đã xong, họ tháo lấy các bao nệm rồi đem đi. Các

tỷ-kheo đã thấy tại chỗ lễ hội nhiều sợi len, bông gòn, sợi từ vỏ cây, cỏ, và lá bị quăng bỏ. Thấy vậy, các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép năm loại nệm: nệm len, nệm bông gòn, nệm sợi vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá.

[220] Vào lúc bảy giờ, vải phụ tùng của giường ghé phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (sử dụng để) bọc nệm.

[221] Vào lúc bảy giờ, các tỷ-kheo trải nệm dùng ở giường trên ghé, trải nệm dùng ở ghé trên giường. Các nệm bị rách lung. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (sử dụng) giường có bọc nệm (onaddhamañca□), ghé có bọc nệm (onaddhapīṭha□).

Các vị bọc lại nhưng không không làm tấm lót nên đã bị rơi ra từ bên dưới. ... (như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép làm tấm lót phủ lên trước khi bọc nệm.

Họ tháo lấy các bao nệm rồi đem đi. ... (như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép trải đều ra (phositu□).

Họ lại đem đi. ... (như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép việc chia đều ra (bhittikamma□).

Họ lại đem đi. ... (như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép các mảnh bằng nắm tay (hatthabhitti□).

[222]. Vào lúc bảy giờ, các chỗ nằm của các ngoại đạo có màu trắng, nên được làm màu đen, tường được sơn màu đỏ. Số đông dân chúng đi đến để ngắm chỗ nằm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép sơn màu trắng, màu đen, và màu đỏ ở trú xá.

[223] Vào lúc bấy giờ, màu trắng không dính được trên tường bị lồi lõm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép dùng các nắm vỏ trấu lấy tay chà láng, rồi bôi màu trắng lên.

Màu trắng không thể dính chặt vào. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép dùng đất sét nhuyễn lấy tay chà láng, rồi bôi màu trắng lên.

Màu trắng không thể dính chặt vào. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép dùng nhựa cây hoặc bột nghiền nát.

[224] Vào lúc bấy giờ, màu đỏ không dính được trên tường bị lồi lõm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép dùng các nắm vỏ trấu lấy tay chà láng, rồi bôi màu đỏ lên.

Màu đỏ không thể dính chặt vào. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép dùng đất sét trộn với vỏ trấu, lấy tay chà láng, rồi bôi màu đỏ lên.

Màu đỏ không thể dính chặt vào. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép dùng bột trái mù tạt (sāsapakutta□) hoặc dầu sáp ong.

Chất ấy bị đóng thành từng cục. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép dùng miếng giẻ để chùi.

[225] Vào lúc bấy giờ, màu đen không dính được trên tường bị lồi lõm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép dùng các nắm vỏ trấu lấy tay chà láng, rồi bôi màu đen lên.

Màu đen không thể dính chặt vào. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép dùng đất sét trộn với phân trùn, lấy tay chà láng, rồi bôi màu đen lên.

Màu đen không thể dính chặt vào. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép dùng nhựa cây và chất làm đông (kasāva□).

[226] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục sư bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm trong trú xá: hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam. Dân chúng viếng trú xá dạo quanh thấy thế mới phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như kẻ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm trong trú xá: hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam. Vị nào bảo làm thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

[227] Vào lúc bảy giờ, các trú xá có nền thấp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ba loại cầu thang: cầu thang gạch, cầu thang đá, cầu thang gỗ.

Các vị bị té khi bước lên cầu thang. ...(như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

[228] Vào lúc bấy giờ, các trú xá có đông đảo người (đến). Các tỳ-kheo ái ngại khi nằm xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) màn che.

Họ vén màn che lên nhìn vào. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thực hiện) tường thấp chỉ bằng một nửa.

Họ nhìn vào từ phía trên của bức tường. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thực hiện) ba loại phòng: phòng vuông, phòng chữ nhật, phòng ở trên gác xép.

[229] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo làm phòng ngay chính giữa một trú xá nhỏ. Lối vào không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thực hiện) phòng ở một bên trong trú xá nhỏ, ngay chính giữa trong trú xá lớn.

[230] Vào lúc bấy giờ, chân tường bị hư hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) cây gỗ niềng lại ở chỗ chân tường.

Tường của trú xá bị thấm nước mưa. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) tấm chắn bảo vệ hoặc dùng vữa hồ.

[Buddhaghosa giải thích vữa hồ được làm bằng đất sét trộn với tro và phân bò.]

[231] Vào lúc bấy giờ, rấn từ mái cỏ rơi xuống trên vai của một vị tỳ-kheo nhỏ. Hoàng sợ, vị ấy la lớn. Các tỳ-kheo chạy lại hỏi vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Nay sư đệ, vì sao sư đệ la lớn vậy?

Khi đó, vị ấy đã kể lại sự việc ấy đến các tử-kheo. Các tử-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) vòm che ở mái.

[232] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo treo các túi ở chân giường và chân ghế. Chúng đã bị các con chuột và mối nhấm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) chốt đinh gắn ở tường hoặc móc ngà voi.

[233] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo để y ở trên giường, ở trên ghế. Y bị rách thành miếng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) sào máng y, dây treo y ở trú xá.

[234] Vào lúc bấy giờ, các trú xá không có các mái hiên nên không che chắn (ánh nắng) được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) mái hiên, sân có mái che, sân ở phía trong, hàng hiên có mái che.

Các mái hiên trở thành nơi công cộng. Các tử-kheo ái ngại khi nằm xuống. ... (như trên) ...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) màn che di chuyển bằng bánh xe, hoặc màn che có thể di chuyển được.

[235] Vào lúc bấy giờ, các tử-kheo trong khi tiến hành việc phân phối bữa ăn ở ngoài trời đã bị khó chịu vì lạnh, vì nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (xây dựng) hội trường.

Hội trường có nền thấp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên) ...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ...(như trên) ...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép ba loại cầu thang: cầu thang gạch, cầu thang đá, cầu thang gỗ.

Các vị bị té khi bước lên cầu thang. ...(như trên) ...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Rác cỏ và bụi bặm rơi vào trong hội trường. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép che kín mái và làm (các công việc sau): tô vữa ở trong và ở ngoài, việc sơn màu trắng, màu đen, màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

[236] Vào lúc bảy giờ, các tỷ-kheo phơi y trên nền đất ở ngoài trời. Y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) sào máng y, dây treo y ở ngoài trời.

Nước uống bị sương ẩm. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép (thực hiện) nhà nước uống (pāṇīyasāla□) hoặc mái che chỗ nước uống (pāṇīyaman-ḍapa□).

Nhà nước uống có nền thấp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép ba loại cầu thang: cầu thang gạch, cầu thang đá, cầu thang gỗ.

Các vị bị té khi bước lên cầu thang. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Rác cỏ rơi vào trong nhà nước uống. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép che kín mái và làm (các công việc sau): tô vữa ở trong và ở ngoài, việc sơn màu trắng, màu đen, màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Tô uống nước không có. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép (sử dụng) vỏ sò để uống nước, cốc để uống nước.

[237] Vào lúc bảy giờ, các trú xá không được rào lại. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép rào quanh bằng ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, và hàng rào bằng gỗ.

Cổng ra vào không có. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép cổng ra vào.

Cổng ra vào có nền thấp nên bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỹ-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Cổng ra vào không có cửa. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khoá chốt, chốt phụ, lỗ khoá, lỗ để xoắn dây, dây thừng để luồn qua.

Rác cỏ rơi ở nơi công ra vào. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép che kín mái và làm (các công việc sau): tô vữa ở trong và ở ngoài, việc sơn màu trắng, màu đen, màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

[238] Vào lúc bấy giờ, có một phòng bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép rải cát.

Các vị làm không có kết quả. ...(như trên)...

-Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (đào) rãnh thoát nước.

[239] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đốt lửa đỏ dây trong căn phòng. Căn phòng ở trở nên rác rưởi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (xây dựng) nhà để đốt lửa ở một bên góc.

Nhà để đốt lửa có nền thấp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm nền cao.

Nền móng bị đổ xuống. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.

Các vị bị khó khăn khi trèo lên ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép ba loại cầu thang: cầu thang gạch, cầu thang đá, cầu thang gỗ.

Các vị bị té khi bước lên cầu thang. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) lan can để vịn.

Nhà để đốt lửa không có cửa. ...(như trên)...

-Nay các tử-kheo, ta cho phép (thực hiện) cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khoá chốt, chốt phụ, lỗ khoá, lỗ để xoắn dây, dây thừng để luồn qua.

Rác cỏ rơi vào trong nhà để đốt lửa. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép che kín mái và làm (các công việc sau): tô vữa ở trong và ở ngoài, việc sơn màu trắng, màu đen, màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y.

Vào lúc bấy giờ, tu viện không được rào lại. Các con dê và súc vật phá hoại cây cối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tử-kheo, ta cho phép bao bọc quanh bằng ba loại hàng rào: hàng rào bằng tre, hàng rào bằng cây gai, và hào rãnh.

Cổng ra vào không có. Chính vì như thế, các con dê và súc vật lại vào phá hoại cây cối. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép cổng ra vào, hai cánh cửa kết lại bằng gỗ và cây gai, vòm cổng, và móc khoá.

Rác cỏ rơi ở nơi cổng ra vào. ...(như trên)...

- Nay các tử-kheo, ta cho phép che kín mái và làm (các công việc sau): tô vữa ở trong và ở ngoài, việc sơn màu trắng, màu đen, màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

Tu viện bị ngập nước. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép rải cát.

Các vị làm không có kết quả. ... (như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trải đá phiến.

Nước còn đọng lại. ... (như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (đào) rãnh thoát nước.

[240] Vào lúc bấy giờ, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Māgadha có ước muốn xây dựng một toà nhà dài có tô vữa đất sét. Khi ấy, các tỳ-kheo khởi ý rằng: "Mái che loại nào đã được đức Thế Tôn cho phép, loại nào không được cho phép." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép năm loại mái che: loại mái che lợp ngói, loại mái che lợp đá phiến, loại mái che bằng vữa, loại mái lợp cỏ, loại mái che lợp lá.

Dứt Tụng Phẩm thứ nhất.

[241] Vào lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapīṇḍika có người vợ là em gái của một nhà đại phú ở thành Rājagaha. Lúc đó, gia chủ Anāthapīṇḍika đi đến thành Rājagaha có công việc cần thiết.

[242] Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú ở thành Rājagaha có thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày hôm sau. Khi ấy, nhà đại phú ở thành Rājagaha đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng:

- Nay các người, như vậy phải thức dậy thật sớm, nấu cơm, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món đặc biệt.

[243] Khi ấy, gia chủ Anāthapīṇḍika nghĩ đến điều này: "Trước đây, mỗi khi ta đến, gia chủ này bỏ hết mọi công việc và chỉ việc trò chuyện với ta thôi. Sao hôm nay, ông ta có vẻ khấn trương sai bảo đám tôi tớ và các người làm công: "Nay các người, như vậy phải thức dậy thật sớm, nấu cơm, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món đặc biệt." Không lẽ gia chủ này vào ngày mai có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là chuẩn

bị cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân lính?"

[244] Lúc đó, sau khi sai bảo đám tôi tớ và các người làm công xong, nhà đại phú ở thành Rājagaha đã đi đến gặp gia chủ Anāthapin-ḍika, sau khi đến đã chào hỏi với gia chủ Anāthapin-ḍika rồi ngồi xuống một bên. Khi đó, gia chủ Anāthapin-ḍika đã nói với nhà đại phú ở thành Rājagaha đang ngồi ở một bên điều này:

- Nay gia chủ, trước đây mỗi khi ta đến, ông bỏ hết mọi công việc và chỉ việc trò chuyện với ta thôi. Sao hôm nay, ông lại có vẻ khẩn trương sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: "Này các người, như vậy phải thức dậy thật sớm, nấu cơm, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món đặc biệt." Không lẽ vào ngày mai gia chủ có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là chuẩn bị cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân lính?

- Nay gia chủ, không phải tôi có đám rước dâu, cũng không có đám đưa dâu, cũng không có mời thỉnh vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha là cùng với đội quân lính, nhưng mà tôi chuẩn bị cho buổi đại lễ cúng dường hội chúng có đức Phật đứng đầu đã được thỉnh đến vào ngày mai.

- Nay gia chủ, có phải người nói: "Đức Phật"?

- Ô gia chủ, tôi nói là: "Đức Phật."

- Nay gia chủ, có phải người nói: "Đức Phật"?

- Ô gia chủ, tôi nói là: "Đức Phật."

- Nay gia chủ, có phải người nói: "Đức Phật"?

- Ô gia chủ, tôi nói là: "Đức Phật."

- Nay gia chủ, cái âm này thật khó được nghe ở thế gian, tức là từ: "Đức Phật, Đức Phật." Nay gia chủ, vào giờ này, ta có thể đi đến để diện kiến đức Thế Tôn ấy là bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác không vậy?

- Ô gia chủ, không phải lúc rồi, giờ này không thể đi đến để diện kiến đức Thế Tôn ấy là bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác đâu. Để đến sáng sớm ngày

mai, dượng sẽ đi đến để diện kiến đức Thế Tôn ấy là bậc A La Hán, Chánh Đăng Giác vậy.

[245] Khi ấy, gia chủ Anāthapīṇḍika (nghĩ rằng): "Sáng sớm ngày mai, ta sẽ đi đến để diện kiến đức Thế Tôn ấy là bậc A La Hán, Chánh Đăng Giác vậy," nên khi đi ngủ luôn tưởng niệm về đức Phật và đã thức giấc ba lần trong đêm, nghĩ rằng trời đã sáng. Sau đó, gia chủ Anāthapīṇḍika đã đi đến cửa thành dẫn đến khu rừng Sīta. Chư thiên đã mở cửa thành. Sau khi rời thành ra đi thì ánh sáng không còn và bóng đêm bao phủ khiến gia chủ Anāthapīṇḍika lo sợ, run rẩy, lông tóc dựng đứng lên, cho nên có ý muốn quay ngược trở về.

[246] Khi ấy, dạ xoa Sīvaka không có hiện hình và nói tiếng người rằng:

Trăm voi(và) trăm ngựa,
trăm xe kéo bởi lừa,
trăm ngàn cô thiếu nữ
điểm trang ngọc, hoa tai,
mười sáu lần như thế
không bằng một bước đi.

Này gia chủ hãy bước tới, này gia chủ hãy bước tới, việc bước tới thì tốt đẹp cho người, không có việc quay lui.

[247] Khi ấy, bóng đêm biến mất và ánh sáng hiện ra cho gia chủ Anāthapīṇḍika. Sự lo sợ, run rẩy, lông tóc dựng đứng lên không còn nữa. Đến lần thứ nhì, ... như trên... Đến lần thứ ba, ánh sáng không còn và bóng đêm bao phủ khiến gia chủ Anāthapīṇḍika lo sợ, run rẩy, lông tóc dựng đứng lên, cho nên có ý muốn quay ngược trở về. Đến lần thứ ba, dạ xoa Sīvaka không có hiện hình và nói tiếng người rằng:

Trăm voi(và) trăm ngựa,
trăm xe kéo bởi lừa,
trăm ngàn cô thiếu nữ
điểm trang ngọc, hoa tai,
mười sáu lần như thế
không bằng một bước đi.

Này gia chủ hãy bước tới, này gia chủ hãy bước tới, việc bước tới thì tốt đẹp cho người, không có việc quay lui.

Cho đến lần thứ ba, bóng đêm biến mất và ánh sáng hiện ra cho gia chủ Anāthapin-ḍika. Sự lo sợ, run rẩy, lông tóc dựng đứng lên không còn nữa. Khi ấy, gia chủ Anāthapin-ḍika đã đi đến khu rừng Sīta.

[248] Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn đã thức dậy vào canh cuối của đêm và đi kinh hành ở ngoài trời. Khi ấy, đức Thế Tôn đã thấy gia chủ Anāthapin-ḍika từ đằng xa đang đi lại. Thấy vậy, đức Thế Tôn đã rời đường kinh hành đi đến ngồi ở chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với gia chủ Anāthapin-ḍika rằng:

- Nay Sudatta, hãy lại đây.

Khi ấy, gia chủ Anāthapin-ḍika (nghĩ rằng): "Đức Thế Tôn gọi ta bằng tên," nên đã mừng rỡ, hớn hờ đi đến gần đức Thế Tôn, đến rồi đã quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, chắc rằng ngài nghỉ ngơi được thoải mái?

[249]

Đúng thế, kẻ phạm hạnh
đã chứng ngộ Niết Bàn
luôn nghỉ ngơi thoải mái.
Người không vấy tình dục
bình thản, không chấp thủ.
Khi đoạn lìa các dục
vị ấy điều phục được
các nỗi khổ trong tâm
tĩnh lặng, nằm thoải mái
tâm chứng đạt Niết Bàn.

[250] Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến gia chủ Anāthapin-ḍika như là: thuyết về bố thí, thuyết về giới cấm, thuyết về cõi trời, sự ô nhiễm hạ liệt đầy tội lỗi của các dục, và ngài đã chỉ rõ lợi ích của việc xuất gia. Khi đức Thế Tôn biết được tâm của gia chủ Anāthapin-ḍika đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tĩnh lặng, ngài đã phô bày cho ông ta Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như một tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; cũng như vậy, ngay tại chỗ ngồi ấy, Pháp

nhân không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapīṇḍika: "Điều gì có bản tánh được sanh lên thì toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

[251] Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gia chủ Anāthapīṇḍika đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, thắp sáng cây đèn dầu ở trong bóng tối cho những ai có mắt thấy được các hình dạng; cũng như thế ấy, Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, đích thân con xin quy y đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội chúng tỳ-kheo. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là cận sự nam đã được quy y kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng tỳ-kheo nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

Sau đó, gia chủ Anāthapīṇḍika biết được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[252] Và nhà đại phú ở thành Rājagaha đã nghe rằng: "Nghe nói gia chủ Anāthapīṇḍika đã thỉnh mời hội chúng với đức Phật đứng đầu vào ngày mai." Khi ấy, nhà đại phú ở thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapīṇḍika rằng:

- Nay gia chủ, nghe nói dượng đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và dượng chỉ là khách vắng lai. Nay gia chủ, ta sẽ giúp cho dượng tài chánh để thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

- Nay gia chủ, tôi có đủ tài chánh và với số tài chánh ấy sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

[253] Một chức sắc ở thành Rājagaha đã nghe rằng: "Nghe nói gia chủ Anāthapīṇḍika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai." Khi ấy, vị chức sắc ở thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapīṇḍika rằng:

- Nay gia chủ, nghe nói ông đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và ông chỉ là khách vắng lai. Nay gia chủ, ta sẽ giúp cho ông tài chánh để thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

- Thưa ngài, tôi có đủ tài chánh và với số tài chánh ấy sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

[254] Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Māgadha đã nghe rằng: "Nghe nói gia chủ Anāthapīṇḍika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai." Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Māgadha đã nói với gia chủ Anāthapīṇḍika rằng:

- Nay gia chủ, nghe nói người đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và người chỉ là khách vắng lai. Nay gia chủ, trẫm sẽ giúp cho người tài chánh để thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

- Tâu bệ hạ, thần có đủ tài chánh và với số tài chánh ấy sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

[255] Sau khi trải qua đêm ấy, gia chủ Anāthapīṇḍika đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng cứng mềm tại tư gia của nhà đại phú ở thành Rājagaha rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

- Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, đức Thế Tôn vào buổi sáng sau khi mặc y cầm y bát đã đi đến tư gia của nhà đại phú ở thành Rājagaha, đến rồi đã ngồi xuống chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ-kheo. Và gia chủ Anāthapīṇḍika sau khi đã tự tay làm hài lòng và thỏa mãn hội chúng tỳ-kheo có đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng cứng mềm rồi đã (đến) ngồi xuống một bên đức Thế Tôn khi ấy đã thọ thực xong, bàn tay và bình bát đã được rửa. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapīṇḍika đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời với con về việc an cư mùa mưa tại thành Sāvatti cùng với hội chúng tỳ-kheo.

- Nay gia chủ, các đấng Như Lai chỉ thỏa thích ở trú xứ thanh vắng.

- Bạch Thế Tôn, con đã biết rõ. Bạch Thiện Thệ, con đã biết rõ.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Anāthapindika bằng bài Pháp thoại, đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

[256] Vào lúc bảy giờ, gia chủ Anāthapindika có nhiều bạn bè, có nhiều cộng sự, và có lời nói uy tín. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika sau khi hoàn tất công việc cần thiết ấy ở Rājagaha đã ra đi trở về Sāvatti. Và trên đường đi, gia chủ Anāthapindika đã bảo với dân chúng rằng:

- Quý vị ơi, hãy xây dựng tu viện, hãy sắp đặt trú xá, hãy chuẩn bị vật cúng dường. Đức Phật đã xuất hiện ở trên đời. Và đức Thế Tôn ấy đã được tôi thỉnh mời và sẽ đi đến bằng con đường này.

Khi đó, đám người ấy được cổ vũ bởi gia chủ Anāthapindika đã xây dựng tu viện, đã cho thiết lập trú xá, và chuẩn bị vật cúng dường.

Sau khi về đến Sāvatti, gia chủ Anāthapindika đã suy nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn nên ngụ ở nơi nào đây? Đối với ngài, chỗ ấy không nên xa làng mạc lắm cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến khi nào có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiếng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh." Gia chủ Anāthapindika nhận thấy khu vườn của vương tử Jeta là không xa làng mạc lắm cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến khi nào có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiếng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Thấy vậy, gia chủ liền đi đến gặp vương tử Jeta, đến rồi đã nói với vương tử Jeta điều này:

- Thưa công tử, hãy cho tôi khu vườn để xây dựng tu viện.

- Nay gia chủ, khu vườn không thể cho được cho dù với giá mười triệu.

- Thừa công tử, khu vườn đã được bán.

- Nay gia chủ, khu vườn không có bán.

Họ đã hỏi ý các viên đại thần lo việc xử án rằng:

- (Khu vườn) đã được bán hay chưa được bán?

Các viên quan đại thần đã nói rằng:

- Thừa công tử, bởi vì giá cả đã được ngài quy định nên khu vườn đã được bán.

Sau đó, gia chủ Anāthapin-ḍika đã bảo chở tiền vàng lại bằng các xe kéo và cho trải mười triệu tiền vàng ở khu rừng Jeta. Tiền vàng chở lại lần ấy còn thiếu cho một khoảnh nhỏ xung quanh cổng ra vào. Khi ấy, gia chủ Anāthapin-ḍika mới bảo dân chúng rằng:

- Quý vị, hãy đem tiền vàng lại để trải lên khoảng trống này.

Lúc bấy giờ, vương tử Jeta khởi ý rằng: "Theo như cách vị gia chủ này hy sinh nhiều tiền vàng đến thế này thì việc này không có tầm thường đâu," nên đã nói với gia chủ Anāthapin-ḍika rằng:

- Nay gia chủ, được rồi, không cần phải trải lên khoảng trống này nữa. Hãy cho ta khoảng trống đó. Ta sẽ làm việc phước đó.

Sau đó, gia chủ Anāthapin-ḍika (nghĩ rằng): "Vương tử Jeta này thông minh, nhiều người biết tiếng, thật là một lợi ích lớn lao khi những người có danh tiếng như vậy có được niềm tin trong Pháp và Luật này!" nên đã nhường khoảng trống đó cho vương tử Jeta. Sau đó, vương tử Jeta đã cho dựng lên một cổng ra vào ở khoảng trống đó.

Khi ấy, gia chủ Anāthapin-ḍika đã cho xây dựng trong khu rừng của Jeta các trú xá, các phòng ở, các cổng ra vào, các nhà phục vụ, các nhà để đốt lửa, các kho chứa đồ, các nhà vệ sinh, các đường kinh hành, các gian nhà ở đường kinh hành, các giếng nước, các gian nhà ở giếng nước, các phòng tắm hơi, các gian nhà ở phòng tắm hơi, các hồ trữ nước, các mái che.

[257] Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi ngự tại Rājagaha theo như ý thích đã lên đường đi về phía Vesālī. Tuần tự du hành ngài đã ngự đến Vesālī. Tại nơi ấy, ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Đại Lâm, giảng đường Kūṭāgāra.

[258] Vào lúc bảy giờ, dân chúng làm công trình mới một cách cẩn thận. Các tỷ-kheo tham gia vào công trình mới cũng được phục vụ một cách chu đáo với y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh.

[259] Khi ấy, có một người thợ may nghèo khởi ý rằng: "Sự việc này không phải là tầm thường, như là việc những người này đang làm công trình mới một cách cẩn thận; hay là ta cũng nên làm công trình mới vậy?" Sau đó, người thợ may nghèo này đích thân trộn hồ, gom góp một số gạch, và dựng lên một bức tường. Do ông ta không khéo xếp gạch nên bức tường bị cong rồi đổ xuống. Đến lần thứ nhì, ...(như trên)... Đến lần thứ ba, người thợ may nghèo này đích thân trộn hồ, gom góp một số gạch, và dựng lên một bức tường. Do ông ta không khéo xếp gạch nên bức tường bị cong rồi đổ xuống. Khi đó, người thợ may nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Người ta cúng dường y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh đến các sa-môn Thích tử này, nên các vị chỉ bảo, hướng dẫn họ, và tham gia vào công trình mới của họ. Trái lại, tôi thì nghèo nên không ai chỉ bảo, hay hướng dẫn tôi, hay tham gia vào công trình mới của tôi cả.

Các tỷ-kheo đã nghe được người thợ may nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Rồi các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép cúng dường công trình mới. Nay các tỷ-kheo, vị tỷ-kheo là vị phụ trách công trình mới cần gắn bó một cách tích cực (suy nghĩ rằng): "Có cách gì để trú xá được hoàn thành nhanh chóng?" và sẽ sửa chữa những chỗ bị hư hỏng. Và này các tỷ-kheo, nên giao cho như vậy: Trước hết, vị tỷ-kheo cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên (như vậy) cho tỷ-kheo tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên (như vậy) cho tỳ-kheo tên (như vậy). Đại đức nào thỏa thuận với việc giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên (như vậy) cho tỳ-kheo tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Công trình mới là trú xá của gia chủ tên (như vậy) đã được giao cho tỳ-kheo tên (như vậy). Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[260] Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi ngự tại Vesālī theo như ý thích đã lên đường đi về Sāvattthi. Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đệ tử của các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đi xa lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá và giành phần các chỗ nằm: "Chỗ này sẽ dành cho hoà thượng của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho giáo thọ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta."

Khi ấy, đại đức Sāriputta đi phía sau xa hội chúng có đức Phật dẫn đầu, vì các trú xá đã bị giành phần và các chỗ nghỉ đã bị giành phần, nên không có chỗ nằm dành ngồi xuống ở một góc cây. Sau đó, đức Thế Tôn đã thức dậy vào canh cuối của đêm và đã đăng hăng. Đại đức Sāriputta cũng đã đăng hăng lại.

- Ai ở đằng kia vậy?

- Bạch Thế Tôn, con là Sāriputta.

- Này Sāriputta, vì sao ngươi lại ngồi ở đây?

Khi ấy, đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[261] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo đệ tử của các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đi xa lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi đã giành phần các trú xá và giành phần các chỗ nằm: "Chỗ này sẽ dành cho hoà thượng của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho giáo thọ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta," có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, vì sao những kẻ rồ dại này lại đi xa lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi đã giành phần các trú xá và giành phần các chỗ nằm: "Chỗ này sẽ dành cho hoà thượng của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho giáo thọ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta." Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, vị nào xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất?

Một số tỳ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia có giòng dõi vua chúa thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia có giòng dõi Bà La Môn thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia có giòng dõi là gia chủ thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào trì Kinh thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào duy trì Luật thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỷ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào là Pháp sư thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỷ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào đã chứng đạt sơ thiên thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỷ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào đã chứng đạt nhị thiên thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỷ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào đã chứng đạt tam thiên thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỷ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào đã chứng đạt tứ thiên thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỷ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Nhập Lưu (Sotāpanna) thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỷ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Nhất Lai (Sakadāgāmī) ...(như trên)...

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Bất Lai (Anāgāmī) ...(như trên)...

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc A La Hán (Arahanta) thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Tam Minh (Tevijjā) thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

Một số tỳ-kheo đáp như vậy:

- Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Lục Thông (Chalabhiññā) thì xứng đáng với chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.

[262] Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, trước đây, ở vùng Hy Mã Lạp Sơn có một cây si cổ thụ. Có ba bạn hữu sinh sống nương tựa vào cây ấy: một con chim đa đa, một con khỉ, và một con voi lớn. Chúng sinh sống không có sự kính trọng, không phục tùng, không có thái độ quan tâm lẫn nhau. Lúc bấy giờ, này các tỳ-kheo, ba bạn hữu ấy đã khởi ý rằng: "Này, chúng ta cần phải biết ai trong chúng ta là lớn nhất tính theo sự sinh ra để chúng ta tôn trọng, kính nể, quý mến, phục vụ vị ấy, và chúng ta có thể tồn tại trong sự giáo huấn của vị ấy."

Sau đó, này các tỳ-kheo, con chim đa đa và con khỉ đã hỏi con voi lớn rằng:

- Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?

- Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ, tôi thường để cây si này ở giữa hai chân khi đi ngang qua, ngọn cây chỉ đụng tới bụng tôi. Đó là điều tôi nhớ được về thời xa xưa, hai bạn à.

Sau đó, này các tỳ-kheo, con chim đa đa và con voi lớn đã hỏi con khỉ rằng:

- Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?

- Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ, tôi thường ngồi trên đất ăn đọt non của cây si này. Đó là điều tôi nhớ được về thời xa xưa, hai bạn à.

Sau đó, này các tỳ-kheo, con khỉ và con voi lớn đã hỏi con chim đa đa rằng:

- Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?

- Hai bạn à, ở một khu vực nào đó có một cây si cổ thụ. Tại đó, tôi thường ăn trái cây rồi đại tiện ở chỗ này, cây si này mọc lên từ chỗ đó. Như thế, tính theo sự sinh ra thì tôi là lớn nhất, hai bạn à.

Sau đó, này các tử-kheo, con khi, con voi lớn đã nói với con chim đa đa rằng:

- Bạn à, bạn là lớn nhất tính theo sự sinh ra. chúng tôi sẽ tôn trọng, kính nể, quý mến, phục vụ bạn, và chúng tôi sẽ tồn tại trong sự giáo huấn của bạn.

Sau đó, này các tử-kheo, con chim đa đa đã cho con khi và con voi lớn thọ trì năm giới, và bản thân nó cũng thực hành theo năm giới đã thọ trì. Chúng sinh sống có sự kính trọng, phục tùng, có thái độ quan tâm lẫn nhau, đến khi hoại rã thân này chết đi, chúng đã sanh về cõi trời là chốn an vui. Này các tử-kheo, như vậy con chim đa đa ấy nổi danh là bậc hành phạm hạnh.

[263]

Những người trọng bậc lớn
rành rẽ pháp kỹ cương
kiếp này được khen ngợi
kiếp sau sanh thiên giới.

Này các tử-kheo, ngay cả các chúng sanh là các con thú ấy còn sinh sống có sự kính trọng, phục tùng, và có thái độ quan tâm lẫn nhau. Ở đây, này các tử-kheo, các người hãy làm rạn vỡ việc các người xuất gia làm sa-môn trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy, tại sao các người lại có thể sinh sống không có sự kính trọng, không phục tùng, và không có thái độ quan tâm lẫn nhau? Này các tử-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi thuyết Pháp thoại, ngài đã bảo các tử-kheo rằng:

- Này các tử-kheo, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy chào, việc chấp tay, sự kính trọng, chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất tính theo thâm niên. Này các tử-kheo, đồ vật thuộc về hội chúng tính theo thâm niên là điều không được phủ nhận. Vị nào phủ nhận thì phạm tội tác ác (dukkata).

[264] Nay các tỳ-kheo, đây là mười hạng người không nên được đánh lễ: vị tu lên bậc trên sau không nên được đánh lễ bởi vị tu lên bậc trên trước, vị chưa tu lên bậc trên không nên được đánh lễ, vị thâm niên hơn thuộc nhóm khác nói sai Pháp không nên được đánh lễ, phụ nữ không nên được đánh lễ, vị đã bị thiên không nên được đánh lễ, vị bị hành phạt parivāsa không nên được đánh lễ, vị xứng đáng bị phạt (thực hành) trở lại từ đầu (mūlāyapaṭikassanāraho) không nên được đánh lễ, vị xứng đáng hành phạt mānatta không nên được đánh lễ, vị thực hành hành phạt mānatta không nên được đánh lễ, vị chưa được giải tội không nên được đánh lễ. Nay các tỳ-kheo, đây là mười trường hợp không nên được đánh lễ.

Nay các tỳ-kheo, đây là ba hạng người nên được đánh lễ: vị tu lên bậc trên trước nên được đánh lễ bởi vị tu lên bậc trên sau; vị thâm niên hơn thuộc nhóm khác nói đúng Pháp nên được đánh lễ; nay các tỳ-kheo, trong thế gian với chư thiên, ma vương, phạm thiên, đức Như Lai, bậc A La Hán, đấng Chánh Đẳng Giác nên được đánh lễ bởi các chúng sanh gồm có sa-môn, Bà La Môn, chư thiên, và nhân loại. Nay các tỳ-kheo, đây là ba trường hợp nên được đánh lễ.

[265] Vào lúc bấy giờ, dân chúng chuẩn bị mái che, chuẩn bị nệm trải, chuẩn bị chỗ trống dành riêng cho hội chúng. Các tỳ-kheo đệ tử của các tỳ-kheo nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): "Chỉ có những gì của hội chúng mới tính theo thâm niên là điều đã được đức Thế Tôn quy định, chứ không phải việc làm để dành riêng (cho hội chúng)," nên đã đi xa lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các mái che, giành phần các nệm trải, giành phần các chỗ trống: "Chỗ này sẽ dành cho hoà thượng của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho giáo thọ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta."

Khi ấy, đại đức Sāriputta đi phía sau xa hội chúng có đức Phật dẫn đầu, vì các mái che đã bị giành phần, các nệm trải đã bị giành phần, các chỗ trống đã bị giành phần, nên không có một chỗ trống dành ngồi xuống ở một góc cây. Sau đó, đức Thế Tôn khi thức dậy vào canh cuối của đêm đã đặng hăng. Đại đức Sāriputta cũng đã đặng hăng lại.

- Ai ở đằng kia vậy?

- Bạch Thế Tôn, con là Sāriputta.

- Nay Sāriputta, vì sao ngươi lại ngồi ở đây?

Khi ấy, đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[266] Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ-kheo lại và hỏi các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo đệ tử của các tỳ-kheo nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): "Chỉ có những gì của hội chúng mới tính theo thâm niên là điều đã được đức Thế Tôn quy định, không phải là việc làm để dành riêng (cho hội chúng)," nên đã đi xa lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu và giành phần các mái che, giành phần các nệm trải, giành phần các chỗ trống: "Chỗ này sẽ dành cho hoà thượng của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho giáo thọ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta," có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, đồ vật được làm đã được chỉ định tính theo thâm niên là điều không được xâm phạm. Vị nào xâm phạm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[267] Vào lúc bấy giờ, dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà chỗ ngồi cao, chỗ ngồi rộng như là: ghé nằm, ghé trường kỷ, thảm lông cừu, thảm nhiều màu, thảm màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình vẽ, thảm lông rái cá, thảm có lông một góc, tấm lụa có kết ngọc quý, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm da voi, thảm da ngựa, thảm lót xe, thảm da báo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở trên, thảm có màu đỏ ở cả hai đầu. Các tỳ-kheo ngại ngùng đã không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ngồi lên chỗ đã được sắp xếp bởi gia chủ nhưng không được nằm lên trừ ra ba thứ: ghé nằm, trường kỷ, giường nệm.

[268] Vào lúc bấy giờ, dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà loại giường và ghé có phủ nệm. Các tỳ-kheo ngại ngùng đã không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ngồi lên chỗ đã được sắp xếp bởi gia chủ, nhưng không được nằm lên.

[269] Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tuần tự du hành đã ngự đến Sāvatti. Nơi đó, ở Sāvatti, đức Thế Tôn ngự ở Jetavana, trong tu viện của ông Cấp Cô Độc (Anāthapīṇḍika). Khi ấy, gia chủ Anāthapīṇḍika đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapīṇḍika đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng tỳ-kheo nhận lời bữa trai phạn vào ngày mai.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Anāthapīṇḍika sau khi biết được sự nhận lời của đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

[270] Sau khi trải qua đêm ấy, gia chủ Anāthapīṇḍika sau khi cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng cứng mềm rồi đã cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

- Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, đức Thế Tôn vào buổi sáng sau khi mặc y cầm y bát đã đi đến tư gia của gia chủ Anāthapīṇḍika, đến rồi đã ngồi xuống chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ-kheo. Sau đó, gia chủ Anāthapīṇḍika đã tự tay làm hài lòng và thỏa mãn hội chúng tỳ-kheo có đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng cứng mềm rồi đã đi (đến) ngồi xuống một bên đức Thế Tôn khi ấy thọ thực xong, bàn tay và bình bát đã được rửa. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapīṇḍika đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, con nên thực hành như thế nào đối với Kỳ Viên (Jetavana)?

- Nay gia chủ, như vậy người hãy cho thiết lập Kỳ Viên (Jetavana) là của hội chúng tứ phương hiện tại và vị lai.

- Xin vâng, bạch ngài.

Rồi gia chủ Anāthapīṇḍika nghe lời đức Thế Tôn đã thiết lập Kỳ Viên (Jetavana) là của hội chúng tứ phương hiện tại và vị lai. Sau đó, đức Thế Tôn đã tùy hỷ với gia chủ Anāthapīṇḍika bằng những lời kệ này:

[271]

Chúng ngăn ngừa nóng lạnh
và các loài thú dữ
các loài rắn muỗi mòng
luôn các cơn mưa lạnh (từ nơi ấy).
Cơn gió nóng dữ dội
sinh lên bị dội lại (từ nơi ấy).
Sự bố thí trú xá
đến hội chúng để hành
thiền định và minh sát
đem lại sự nương náu
đem lại sự an lạc
đã được chư Phật Đà
ngợi khen là tối thắng.
Vì thế người trí tuệ
thấy lợi ích cho mình
cho xây trú xá đẹp
để các bậc đa văn
có thể ngụ nơi ấy.
Nên cúng dường cơm nước
y áo và chỗ trú ngụ
đến các chân tu ấy
có tâm tư thanh tịnh.
Các vị thuyết đến người
Pháp xua mọi khổ đau
người thấy Pháp đời này
không còn ô nhiễm nữa
và chúng ngộ Niết Bàn.

Sau khi đã tùy hỷ với gia chủ Anāthapīṇḍika bằng những lời kệ ấy, đức Thế Tôn đã rời chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

[272] Vào lúc bấy giờ, có một quan đại thần là đệ tử đạo Lỗa Thê đã dâng bữa trai phạn đến hội chúng. Đại đức Upanananda con trai giòng Sākya đến trễ lúc bữa trai phạn chưa chấm dứt và đã làm cho vị tỷ-kheo ngồi kế bên chưa ăn xong phải đứng dậy gây nên cảnh ồn ào trong nhà ăn. Khi ấy, vị quan đại thần đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích tử đã đến trễ còn làm cho vị tỳ-kheo ngồi kế bên chưa ăn xong phải đứng dậy gây nên cảnh ồn ào trong nhà ăn. Không lẽ chỉ có chỗ ngồi này thì mới có thể ăn được thoải mái hay sao?

Các tỳ-kheo đã nghe vị quan đại thần phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Upananda đã đến trễ còn làm cho vị tỳ-kheo ngồi kế bên chưa ăn xong phải đứng dậy gây nên cảnh ồn ào trong nhà ăn?

Sau đó, các tỳ-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này Upananda, nghe nói người đã đến trễ còn làm cho vị tỳ-kheo ngồi kế bên chưa ăn xong phải đứng dậy gây nên cảnh ồn ào trong nhà ăn, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rồ dại kia, vì sao người đến đã trễ lại còn cho vị tỳ-kheo ngồi kế bên chưa ăn xong phải đứng dậy gây nên cảnh ồn ào trong nhà ăn? Này kẻ rồ dại kia, việc ấy không đem lại niềm tin cho những ai chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, khi bữa ăn chưa chấm dứt, không nên làm cho (vị khác) kế bên phải đứng dậy; vị nào làm cho (vị khác) đứng dậy thì phạm tội tác ác (dukkata). Nếu làm cho (vị khác) đứng dậy và được (vị ấy) mời thỉnh thì nên nói rằng: "Hãy đi lấy nước đem lại." Nếu việc ấy đạt được như vậy thì điều ấy là điều tốt đẹp. Nếu không đạt được như vậy thì (vị đang ăn) nên nuốt xuống nắm cơm một cách khéo léo rồi nhường chỗ ngồi cho vị tỳ-kheo thâm niên hơn. Này các tỳ-kheo, ta nói rằng: "Không vì bất cứ trường hợp nào mà chỗ ngồi của vị tỳ-kheo thâm niên hơn lại bị xâm phạm." Vị nào xâm phạm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[273] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư bảo các tỳ-kheo bệnh phải đứng dậy. Các vị bệnh nói như vậy:

- Nay các đại đức, chúng tôi không thể đứng dậy, chúng tôi bị bệnh.

- Chúng tôi sẽ làm cho các đại đức đứng dậy.

Rồi họ đã nắm lấy, lôi đứng dậy, và buông ra để cho các vị ấy đứng. Các vị bị bệnh khi được buông ra đã té xuống. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên làm cho các vị bệnh phải đứng dậy, vị nào làm đứng dậy thì phạm tội tác ác (dukkata).

[274] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư (bảo rằng): "Chúng tôi bị bệnh, không nên bảo chúng tôi đứng dậy," rồi chiếm chỗ nằm tốt nhất. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép nhường chỗ nằm thích hợp cho vị bị bệnh.

[275] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư dùng thủ thuật khéo léo xâm chiếm các chỗ trú ngụ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên dùng thủ thuật khéo léo xâm chiếm các chỗ trú ngụ. Vị nào xâm chiếm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[276] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa một trú xá lớn ở vùng biên địa (nghĩ rằng): "Chúng ta sẽ an cư mùa mưa ở đây." Các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã thấy các tỳ-kheo nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa ngôi trú xá. Thấy rồi, họ đã nói như vậy:

- Nay các vị, các tỳ-kheo nhóm Mười Bảy Sư này đang sửa chữa một trú xá. Giờ chúng ta hãy bảo họ rút đi.

Một số vị nói như vậy:

- Nay các đệ, hãy chờ đợi trong khi họ đang sửa chữa. Cho đến khi nào họ sửa chữa xong thì chúng ta hãy bảo họ rút đi.

Sau đó, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã nói với các tỳ-kheo nhóm Mười Bảy Sư rằng:

- Này các đại đức, hãy đi đi, trú xá thuộc về chúng tôi.
- Này các đại đức, sao lại không nói cho biết trước, chúng tôi đã có thể sửa chữa một cái khác.
- Này các đại đức, không phải trú xá thuộc về hội chúng hay sao?
- Này các đại đức, đúng vậy, trú xá thuộc về hội chúng.
- Này các đại đức, hãy đi đi, trú xá thuộc về chúng tôi.
- Này các đại đức, trú xá thì lớn, các vị ở được, thì chúng tôi cũng sẽ ở được.
- Này các đại đức, hãy đi đi, trú xá thuộc về chúng tôi.

Rồi các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã nổi giận, bắt bình nắm (các vị ấy) ở chỗ lòi ra ngoài. Các vị bị lòi ra ngoài đã khóc lóc. Các tỳ-kheo đã nói như vậy:

- Này các đại đức, vì sao các vị khóc vậy?
- Bạch chư đại đức, những tỳ-kheo nhóm Lục Sư này đã nổi giận, bắt bình lòi chúng tôi ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng.

Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Lục Sư này đã nổi giận, bắt bình lòi các tỳ-kheo ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng?

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các người đã nổi giận, bắt bình lòi các tỳ-kheo ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?
- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, không nên vì nổi giận, bất bình rồi lôi tỳ-kheo ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng. Vị nào lôi ra thì sẽ xử lý đúng theo Pháp. Nay các tỳ-kheo, ta cho phép phân phối chỗ trú ngụ.

[277] Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Chỗ trú ngụ nên được phân phối bởi vị nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép chỉ định vị phân phối chỗ trú ngụ là vị tỳ-kheo có được năm điều: là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích; là vị không thể bị chi phối bởi sự sân hận; là vị không thể bị chi phối bởi sự si mê; là vị không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi; là vị biết vật được phân phối và không được phân phối.

[278] Và nay các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ-kheo cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân phối chỗ trú ngụ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân phối chỗ trú ngụ. Đại đức nào thỏa thuận với việc chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân phối chỗ trú ngụ, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Vị tỳ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân phối chỗ trú ngụ. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[279] Khi ấy, các tỳ-kheo là vị phân phối chỗ trú ngụ đã khởi ý rằng: "Chỗ trú ngụ nên được phân phối như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trước tiên đếm số lượng tỳ-kheo; sau khi đếm số lượng tỳ-kheo đếm số lượng chỗ nằm; sau khi đếm số lượng chỗ nằm thì phân phối theo chỗ nằm.

Trong khi phân phối theo chỗ nằm, chỗ nằm được thừa ra. ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép phân phối theo trú xá.

Trong khi phân phối theo trú xá, trú xá được thừa ra. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép phân phối theo phòng ở.

Trong khi phân phối theo phòng ở, phòng ở được thừa ra. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép phân phối luôn phần còn lại. Khi phần còn lại đã được nhận, có vị tỳ-kheo khác đi đến, nếu (các vị) không sẵn lòng thì không cần phải cho (na akāmā dātabbo).

[280] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo phân phối sàng tọa cho một vị ngụ ở ngoài ranh giới. Các vị đã trình sự việc ấy đến đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không nên phân phối sàng tọa cho vị ngụ ở ngoài ranh giới. Vị nào phân phối thì phạm tội tác ác (dukkata).

[281] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo sau khi nhận chỗ trú ngụ đã chiếm giữ luôn. Các vị đã trình sự việc ấy đến đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, sau khi nhận chỗ trú ngụ không nên chiếm giữ luôn. Vị nào chiếm giữ thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ.

[282] Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Có bao nhiêu thời điểm để phân phối chỗ trú ngụ?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, có ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: thời điểm trước, thời điểm sau, thời điểm trung gian. Ngày kế ngày rằm của tháng Āsāḷhā [tương đương ngày 16 tháng sáu âm lịch, tức là ngày đầu tiên của mùa an cư mùa mưa đợt đầu]. là thời điểm trước nên phân phối, một tháng kế sau ngày rằm của tháng Āsāḷhā là thời điểm sau nên phân phối, một ngày sau lễ Tự Tứ (Pavāran-ā) cho đến lần an cư mùa mưa kế là thời điểm trung gian nên phân phối. Nay các tỳ-kheo, đây là ba thời điểm để phân phối chỗ trú ngụ.

Dứt Tụng Phẩm thứ nhì.

[283] Vào lúc bảy giờ, đại đức Upananda con trai giòng Thích Ca sau khi được phân phối một chỗ trú ngụ ở Sāvatti đã đi đến trú ngụ ở một làng

khác. Ở đó, vị ấy lại được phân phối một chỗ trú ngụ nữa. Lúc bấy giờ, các tỷ-kheo ấy đã khởi ý rằng: "Này các vị, đại đức Upananda con trai giòng Thích Ca này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và bất hoà trong hội chúng. Nếu vị ấy mà an cư mùa mưa ở đây thì tất cả chúng ta sẽ không được an lạc. Vậy chúng ta hãy đến hỏi vị ấy đi." Sau đó, các tỷ-kheo ấy đã nói với đại đức Upananda con trai giòng Thích Ca điều này:

- Này đại đức Upananda, hình như đại đức đã được phân phối chỗ trú ngụ ở Sāvatti rồi phải không?

- Đúng thế, các vị.

- Này đại đức Upananda, tại sao đại đức chỉ là một lại chiếm giữ đến hai?

- Các vị, giờ tôi bỏ cái ở đây, giữ lại cái đằng kia.

Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao đại đức Upananda con trai giòng Thích Ca chỉ là một lại chiếm giữ đến hai?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này Upananda, nghe nói ngươi chỉ là một lại chiếm giữ đến hai, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này kẻ rồ dại kia, vì sao ngươi chỉ là một lại chiếm giữ đến hai? Này kẻ rồ dại kia, ở đằng kia ngươi giữ lại, ở đây ngươi bỏ; ở đây ngươi giữ lại, ở đằng kia ngươi bỏ. Như thế, này kẻ rồ dại kia, cả hai đều bị khước từ. Này kẻ rồ dại kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, một người không nên chiếm giữ hai (chỗ trú ngụ), vị nào chiếm giữ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[284] Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bằng nhiều phương tiện đã thuyết giảng về Luật (Vinaya), đã ngợi khen về Luật, đã ngợi khen về sự nghiên cứu Luật, đã ngợi khen đại đức Upāli như thế này như thế khác cho các tỳ-kheo nghe. Các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Đức Thế Tôn bằng nhiều phương tiện đã thuyết giảng về Luật, đã ngợi khen về Luật, đã ngợi khen về sự nghiên cứu Luật, đã ngợi khen đại đức Upāli như thế này như thế khác. Nay các vị, vậy chúng ta hãy học thành thạo về Luật từ đại đức Upāli." Và các vị ấy gồm nhiều tỳ-kheo thượng tọa, tân thọ, và trung niên đã học thành thạo về Luật từ đại đức Upāli. Đại đức Upāli vì tôn trọng các tỳ-kheo thượng tọa đã phải đứng để giảng giải. Các tỳ-kheo thượng tọa vì tôn trọng Giáo Pháp cũng đã đứng để nghe giảng. Trong trường hợp đó, chính các tỳ-kheo thượng tọa bị mệt mỏi và đại đức Upāli cũng bị mệt mỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép vị tỳ-kheo tân thọ trong khi giảng giải được ngồi chỗ ngồi ngang bằng hoặc chỗ ngồi cao hơn vì tôn trọng Giáo Pháp; vị tỳ-kheo thượng tọa trong khi nghe giảng được ngồi chỗ ngồi ngang bằng hoặc chỗ thấp hơn vì tôn trọng Giáo Pháp.

[285] Vào lúc bấy giờ, có nhiều tỳ-kheo đứng gần đại đức Upāli chờ đợi bài giảng bị mệt mỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ngồi (chung) với những vị có đồng đẳng cấp.

[286] Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Giới hạn đến đâu gọi là có đồng đẳng cấp?" Các vị đã trình sự việc ấy đến đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép cùng ngồi với sự cách biệt ba năm tu.

[287] Vào lúc bấy giờ, có nhiều tỳ-kheo có đồng đẳng cấp đã cùng ngồi trên một giường khiến giường bị gãy, đã cùng ngồi trên một ghế khiến ghế bị gãy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép giường với nhóm ba vị, ghế với nhóm ba vị.

Nhóm ba vị cùng ngồi trên một giường khiến giường bị gãy, cùng ngồi trên một ghế khiến ghế bị gãy. ... (như trên) ...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép giường với nhóm hai vị, ghế với nhóm hai vị.

[288] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đã ngần ngại không dám cùng ngồi với những vị không đồng đẳng cấp trên một ghế dài. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép cùng ngồi với những vị không đồng đẳng cấp trên một ghế dài ngoại trừ người bị thiên, phụ nữ, lương tính.

[289] Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Ghế dài tối đa là bao nhiêu?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ghế dài có chiều dài tối đa là đủ chỗ cho ba người.

[290] Vào lúc bấy giờ, bà Visākhā mẹ của Migāra có ý muốn cho người xây dựng một tòa nhà dài trang trí hình đầu voi (hatthinakhaka□) vì sự lợi ích của hội chúng. Khi ấy, các vị tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Các công trình phụ nào của một tòa nhà dài được đức Thế Tôn cho phép, cái nào không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tất cả các công trình phụ của tòa nhà lớn.

[291] Vào lúc bấy giờ, bà nội của vua Pasenadi xứ Kosala từ trần. Khi bà ta từ trần, nhiều vật dụng không được phép dùng đã phát sanh đến hội chúng như là: ghế nằm, ghế trường kỷ, thảm lông cừu, thảm nhiều màu, thảm màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình vẽ, thảm lông rái cá, thảm có lông một góc, tấm lụa có kết ngọc quý, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm da voi, thảm da ngựa, thảm lót xe, thảm da báo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở trên, thảm có màu đỏ ở cả hai đầu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép sau khi đã cắt ngắn bớt chân của các ghế nằm thì được sử dụng, sau khi đã hủy đi lông ở ghế trường kỷ thì được sử dụng, sau khi tháo gỡ thảm bông gòn dùng làm gối, các vật còn lại dùng làm thảm lót trên nền đất.

[292] Vào lúc bấy giờ, trong một ngôi làng nọ không xa Sāvatti các tỳ-kheo thường trú đang bận rộn chuẩn bị chỗ trú ngụ cho các tỳ-kheo vắng lai đi

đến. Lúc bấy giờ, các tỷ-kheo ấy đã khởi ý rằng: "Này các sư đệ, hiện nay chúng ta phải bận rộn chuẩn bị chỗ trú ngụ cho các tỷ-kheo vắng lai đi đến. Này các sư đệ, giờ chúng ta cho tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng đến một vị và chúng ta sẽ sử dụng đồ đạc của vị ấy." Họ đã cho tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng đến một vị. Các tỷ-kheo vắng lai đã nói với các tỷ-kheo thường trú ấy rằng:

- Này các đại đức, hãy xếp đặt sàng tọa cho chúng tôi.

- Này các đại đức, sàng tọa thuộc về hội chúng không có, chúng tôi đã cho tất cả đến một vị.

- Này các đại đức, có phải các vị phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng?

- Này các đại đức, đúng vậy.

Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo lại phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng?

Sau đó, các tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỷ-kheo, nghe nói các tỷ-kheo phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Này các tỷ-kheo, vì sao các kẻ rồ dại này lại phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng? Này các tỷ-kheo, việc ấy không đem lại niềm tin cho những ai chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỷ-kheo rằng:

- Này các tỷ-kheo, đây là năm vật không thể phân tán, không nên được phân tán bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả hững vật đã được phân tán là không được phân tán. Vị nào phân tán thì phạm trọng tội (thullaccaya). Năm vật ấy là gì?

Tu viện (ārāmo) và đất của tu viện (ārāmatthu); đây là vật thứ nhất không thể phân tán, không nên được phân tán bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán là không được phân tán. Vị nào phân tán thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Trú xá (vihāro) và khu đất của trú xá (vihāratthu); đây là vật thứ hai không thể phân tán, không nên được phân tán bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán là không được phân tán. Vị nào phân tán thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không thể phân tán, không nên được phân tán bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán là không được phân tán. Vị nào phân tán thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, bình bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không thể phân tán, không nên được phân tán bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán là không được phân tán. Vị nào phân tán thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Dây thừng, tre, cỏ thô, tranh, cỏ dại, đất sét, vật làm bằng gỗ, vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không thể phân tán, không nên được phân tán bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán là không được phân tán. Vị nào phân tán thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Này các tỷ-kheo, năm vật này không thể phân tán, không nên được phân tán bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Những Ngay cả vật đã được phân tán là không được phân tán. Vị nào phân tán thì phạm trọng tội (thullaccaya).

[293] Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi đã ngự tại Sāvatti theo như ý thích đã lên đường du hành đi đến Kitāgiri cùng với đại chúng tỷ-kheo gồm năm trăm vị tỷ-kheo luôn cả Sāriputta và Moggallāna. Các tỷ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka đã nghe tin (liền khởi ý rằng): "Nghe nói đức Thế Tôn đang đi đến Kitāgiri cùng với đại chúng tỷ-kheo gồm năm trăm vị tỷ-kheo luôn cả Sāriputta và Moggallāna. Này các vị, vậy chúng ta hãy phân chia tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng. Sāriputta và Moggallāna có lòng tham muốn sái quấy, bị chi phối bởi lòng tham muốn sái quấy, chúng ta sẽ không sắp đặt

chỗ trú ngụ cho họ;" rồi các vị ấy đã phân chia tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng. Khi ấy, đức Thế Tôn tuần tự du hành đã ngự đến Kiṭāgiri. Rồi đức Thế Tôn đã bảo nhiều tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, các người hãy đi (trước). Khi gặp các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka, các người hãy nói như vậy: "Này các vị, đức Thế Tôn đi đến cùng với đại chúng tỳ-kheo gồm năm trăm vị tỳ-kheo luôn cả Sāriputta và Moggallāna. Và này các vị, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng tỳ-kheo luôn cả Sāriputta và Moggallāna."

- Thừa vâng, bạch ngài.

Rồi các tỳ-kheo ấy nghe lời đức Thế Tôn đi đến gặp các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka, đến rồi đã nói với các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka rằng:

- Nay các vị, đức Thế Tôn đi đến cùng với đại chúng tỳ-kheo gồm năm trăm vị tỳ-kheo luôn cả Sāriputta và Moggallāna. Và này các vị, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng tỳ-kheo luôn cả Sāriputta và Moggallāna.

- Nay các vị, sàng tọa thuộc về hội chúng không có. Tất cả đã được chúng tôi chia nhau. Nay các vị, hoan nghênh đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thích trú xá nào thì ngài sẽ ngự ở trú xá ấy. Sāriputta và Moggallāna có lòng tham muốn sai quấy, bị chi phối bởi lòng tham muốn sai quấy, chúng tôi sẽ không sắp đặt chỗ trú ngụ cho họ.

- Nay các vị, có phải các vị đã chia nhau sàng tọa thuộc về hội chúng?

- Nay các vị, đúng vậy.

Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka lại chia nhau sàng tọa thuộc về hội chúng?

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo nhóm Assaji và Punabbasuka chia nhau sàng tọa thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, vì sao những kẻ rồ dại này lại chia nhau sàng tọa thuộc về hội chúng? Nay các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, đây là năm vật không thể phân chia; không được phân chia bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã phân chia rồi vẫn là không phân chia. Vị nào phân chia thì phạm trọng tội (thullaccaya). Năm vật ấy là gì?

Tu viện (ārāmo) và khoảnh đất tu viện (ārāmavatthu); đây là vật thứ nhất không thể phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, nhóm, hay cá nhân. Ngay cả vật đã phân chia rồi vẫn là không phân chia. Vị nào phân chia thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Trú xá (vihāro) và khu đất của trú xá; đây là vật thứ hai không thể phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã phân chia rồi vẫn là không phân chia. Vị nào phân chia thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không thể phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã phân chia rồi vẫn là không phân chia. Vị nào phân chia thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, bình bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không thể phân chia không được phân chia bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã phân chia rồi vẫn là không phân chia. Vị nào phân chia thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Dây thừng, tre, cỏ thô, tranh, cỏ dại, đất sét, vật làm bằng gỗ, vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không thể phân chia, không được phân chia bởi

hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã phân chia rồi vẫn là không phân chia. Vị nào phân chia thì phạm trọng tội (thullaccaya).

Này các tỳ-kheo, năm vật này không thể phân chia; không được phân chia bởi hội chúng, bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã phân chia rồi vẫn là không phân chia. Vị nào phân chia thì phạm trọng tội (thullaccaya).

[294] Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi ngự tại Kitāgiri theo như ý thích đã lên đường đi đến Ālavī. Lần lượt du hành ngài đã ngự đến Ālavī. Nơi ấy, ở Ālavī, đức Thế Tôn ngự ở trong điện thờ chính của Ālavī.

[295] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ở Ālavī đã giao các công trình mới có hình thức như sau: mỗi một việc bảo người chắt lại thành đồng họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc tô vữa bức tường họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc lắp đặt cánh cửa họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc khoan lỗ của chốt gài họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc làm cửa sổ họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc sơn màu trắng họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc sơn màu đen họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc sơn màu phấn đỏ họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc lợp mái che họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc lắp ráp họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc làm các thứ linh tinh họ cũng giao công trình mới; họ giao công trình mới đến hai mươi năm; họ giao công trình mới đến ba mươi năm; họ giao công trình mới đến trọn đời; họ giao công trình mới là một trú xá được hoàn tất kéo dài thời gian đến khi (chết và đem) hỏa táng. Các tỳ-kheo ít ham muốn, ... (như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Ālavaka lại giao các công trình mới có hình thức như sau: mỗi một việc bảo người chắt lại thành đồng họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc tô vữa bức tường họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc lắp đặt cánh cửa họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc khoan lỗ của chốt gài họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc làm cửa sổ họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc sơn màu trắng họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc sơn màu đen họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc sơn màu phấn đỏ họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc lợp mái che họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc lắp ráp họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng họ cũng giao công trình mới; mỗi một việc làm các thứ linh tinh họ cũng giao công trình mới; họ lại giao công trình mới

đến hai mươi năm; họ lại giao công trình mới đến ba mươi năm; họ lại giao công trình mới đến trọn đời; họ lại giao công trình mới là một trú xá được hoàn tất kéo dài thời gian đến khi (chết và đem) hỏa táng? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỷ-kheo, không nên giao công trình mới với mỗi một việc bảo người chắt lại thành đồng; không nên giao công trình mới với mỗi một việc tô vữa bức tường; không nên giao công trình mới với mỗi một việc lắp đặt cánh cửa; không nên giao công trình mới với mỗi một việc khoan lỗ của chốt gài; không nên giao công trình mới với mỗi một việc làm cửa sổ; không nên giao công trình mới với việc sơn màu trắng; không nên giao công trình mới với mỗi một việc sơn màu đen; không nên giao công trình mới với mỗi một việc sơn màu phấn đỏ; không nên giao công trình mới với mỗi một việc lợp mái che; không nên giao công trình mới với mỗi một việc lắp ráp; không nên giao công trình mới với mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa; không nên giao công trình mới với mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng; không nên giao công trình mới với mỗi một việc làm các thứ linh tinh; không nên giao công trình mới đến hai mươi năm; không nên giao công trình mới đến ba mươi năm; không nên giao công trình mới đến trọn đời; không nên giao công trình mới là một trú xá được hoàn tất kéo dài thời gian đến khi (chết và đem) hỏa táng. Vị nào giao thì phạm tội tác ác (dukkata).

Này các tỷ-kheo, ta cho phép giao công trình mới chưa khởi công hoặc chưa hoàn tất; giao công trình mới năm hoặc sáu năm liên quan công việc trong một trú xá nhỏ; giao công trình mới bảy hoặc tám năm liên quan đến công việc trong một nhà mái vòm; giao công trình mới mười hoặc mười hai năm liên quan đến công việc trong một trú xá rộng lớn.

[296] Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo giao công trình mới là tất cả các trú xá. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, không nên giao công trình mới là tất cả các trú xá. Vị nào giao thì phạm tội tác ác (dukkata).

[297] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo giao hai (công trình mới) đến một vị. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên giao hai (công trình mới) đến một vị. Vị nào giao thì phạm tội tác ác (dukkata).

[298] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới đã cư trú ở nơi khác. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, sau khi nhận lãnh công trình mới không nên cư trú ở nơi khác. Vị nào cư trú thì phạm tội tác ác (dukkata).

[299] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới đã chiếm giữ vật thuộc về hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, sau khi nhận lãnh công trình mới không nên chiếm giữ vật thuộc về hội chúng. Vị nào chiếm giữ thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép nhận lãnh một chỗ nằm tốt nhất.

[300] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo cho phép công trình mới đến vị ngụ ở ngoài ranh giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên cho phép công trình mới đến vị ngụ ở ngoài ranh giới. Vị nào cho phép thì phạm tội tác ác (dukkata).

[301] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới đã chiếm giữ luôn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, sau khi nhận lãnh công trình mới không nên chiếm giữ luôn. Vị nào chiếm giữ thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ.

[302] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới lại bỏ đi, lại hoàn tục, đã từ trần, được biết là sa-di, được biết đã xả bỏ điều học, được biết là người phạm tội cực nặng, được biết là người điên, được biết có tâm rối loạn, được biết bị thọ khổ, được biết là vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi, được

biết là vị bị án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là vị bị thiến, được biết là vị sống chung với kẻ trộm cắp, được biết là đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A La Hán, được biết là kẻ làm ô uế tử-kheo ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm đức Phật chảy máu, được biết là kẻ lưỡng tính. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[303] Ở đây, này các tử-kheo, vị tử-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới lại bỏ đi (nên nghĩ rằng): "Không thể làm tổn hại đến hội chúng," rồi nên giao cho vị khác. Ở đây, này các tử-kheo, vị tử-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới lại hoàn tục, đã từ trần, được biết là sa-di, được biết đã xả bỏ điều học, được biết là kẻ phạm tội cực nặng, được biết là người điên, được biết có tâm rối loạn, được biết bị thọ khổ, được biết là vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là vị bị thiến, được biết là vị sống chung với kẻ trộm cắp, được biết là đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A La Hán, được biết là kẻ làm ô uế tử-kheo ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm đức Phật chảy máu, được biết là kẻ lưỡng tính (nên nghĩ rằng): "Không thể làm tổn hại đến hội chúng," rồi nên giao cho vị khác.

[304] Ở đây, này các tử-kheo, tử-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, lại bỏ đi (nên nghĩ rằng): "Không thể làm tổn hại đến hội chúng," rồi nên giao cho vị khác. Ở đây, này các tử-kheo, tử-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, lại hoàn tục, đã từ trần ... (như trên)... được biết là kẻ lưỡng tính (nên nghĩ rằng): "Không thể làm tổn hại đến hội chúng," rồi nên giao cho vị khác.

[305] Ở đây, này các tử-kheo, tử-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, lại bỏ đi; (công trình) ấy còn thuộc về vị ấy (trong mùa mưa năm ấy).

[306] Ở đây, này các tử-kheo, tử-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, lại hoàn tục, đã chết đi, được biết là sa-di, được biết đã xả bỏ điều học, được biết là kẻ phạm tội cực nặng; hội chúng là chủ quản.

[307] Ở đây, này các tử-kheo, tử-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, được biết là người điên, được biết có tâm rối loạn, được biết bị thọ khổ, được biết là vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội, được biết

là vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác; (công trình) ấy còn thuộc về vị ấy (trong mùa mưa năm ấy).

[308] Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, được biết là vị bị thiếu, được biết là vị sống chung với kẻ trộm cắp, được biết là đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A La Hán, được biết là kẻ làm ô uế tỳ-kheo ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm đức Phật chảy máu, được biết là kẻ lường tính; hội chúng là chủ quản.

[309] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo sử dụng sàng tọa là vật sử dụng trong trú xá của một vị nam cư sĩ nọ tại một địa điểm khác. Khi ấy, vị cư sĩ ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các ngài đại đức lại sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, không nên sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác. Vị nào sử dụng thì phạm tội tác ác (dukkata).

[310] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ngần ngại di chuyển (thảm lót) đến nhà hành lễ Bố Tát (Upasatha) và phòng hội họp nên đã ngồi xuống ở nền nhà. Các thân mình và y phục đều bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy đến đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, ta cho phép di chuyển (tạm thời) trong một thời gian.

[311] Vào lúc bấy giờ, một trú xá lớn của hội chúng bị sụp đổ. Các tỳ-kheo ngần ngại không di chuyển sàng tọa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, ta cho phép di chuyển vì mục đích bảo quản.

[312] Vào lúc bấy giờ, một mền bằng len đắt giá là vật phụ thuộc của sàng tọa đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trao đổi (vật khác) để thuận tiện hơn cho công việc.

[313] Vào lúc bảy giờ, một tấm vải dệt đắt giá là vật phụ thuộc của sàng tọa đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trao đổi (vật khác) để thuận tiện hơn cho công việc.

[314] Vào lúc bảy giờ, một tấm da gấu đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm vật chùi chân.

[315] Vào lúc bảy giờ, một tấm vải thô (cakkalika□) đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm vật chùi chân.

[316] Vào lúc bảy giờ, một tấm vải (coḷaka□) đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép làm vật chùi chân.

[317] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo có chân chưa rửa bước lên chỗ nằm ngồi. Chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên bước lên chỗ nằm ngồi với chân chưa rửa. Vị nào bước lên thì phạm tội tác ác (dukkata).

[318] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo có chân bị ướt bước lên chỗ nằm ngồi. Chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên bước lên chỗ nằm ngồi với chân bị ướt. Vị nào bước lên thì phạm tội tác ác (dukkata).

[319] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo mang dép bước lên chỗ nằm ngồi. Chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên mang dép bước lên chỗ nằm ngồi. Vị nào bước lên thì phạm tội tác ác (dukkata).

[320] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhổ lên mặt nền đã được làm mới khiến màu bị lem luốc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên nhổ lên mặt nền đã được làm mới. Vị nào nhổ thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ống nhổ.

[321] Vào lúc bảy giờ, các chân giường và các chân ghế làm trầy mặt nền được làm mới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép dùng vải bọc tròn lại.

[322] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo tựa vào tường đã được làm mới khiến màu bị lem luốc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên tựa vào tường đã được làm mới. Vị nào tựa thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) một tấm bảng để dựa vào.

Tấm bảng để dựa vào làm trầy mặt nền ở bên dưới và bức tường ở phía trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép bọc lại ở phía dưới và phía trên với mảnh vải.

[323] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo có chân đã rửa sạch ái ngại khi nằm xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép nằm xuống sau khi đã trải ra tấm thảm.

[324] Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi ngự tại Ālavī theo như ý thích đã lên đường đi đến Rājagaha. Lần lượt du hành ngài đã ngự đến Rājagaha. Nơi ấy, ở Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Trúc Lâm (Veluvana) nơi nuôi dưỡng những con sóc.

[325] Vào lúc bảy giờ, Rājagaha đang gặp khó khăn về vật thực. Dân chúng không thể dâng bữa trai phạn đến hội chúng nên muốn dâng bữa ăn đến các vị được chỉ định, đến vị được thỉnh mời, bữa ăn dâng theo thẻ, vào mỗi bữa

tháng, vào mỗi kỳ Uposatha, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép bữa trai phạn dâng đến hội chúng, bữa ăn dâng đến các vị được chỉ định, đến vị được thỉnh mời, bữa ăn dâng theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào mỗi kỳ Uposatha, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng.

[326] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư tự thân lấy các thức ăn thượng hạng và cho các tỳ-kheo các thức ăn tầm thường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép chỉ định vị sắp xếp bữa ăn là vị tỳ-kheo có được năm điều: là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích; là vị không thể bị chi phối bởi sự sân hận; là vị không thể bị chi phối bởi sự si mê; là vị không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi; là vị biết việc cần được sắp xếp hay không sắp xếp.

[327] Và nay các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ-kheo cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị sắp xếp bữa ăn. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị sắp xếp bữa ăn. Đại đức nào thỏa thuận với việc chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị sắp xếp bữa ăn, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Vị tỳ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị sắp xếp bữa ăn. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[328] Khi ấy, các vị tỳ-kheo là những vị sắp xếp bữa ăn đã khởi ý rằng: "Bữa ăn nên được sắp xếp như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép sau khi buộc vào thẻ hoặc tấm phiếu, chọn ra rồi sắp xếp bữa ăn (salākāya vā paṭikāya vā upanibandhitvā omuñjitvā bhattam- uddesitunti).

[329] Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân bố chỗ trú ngụ, ...(như trên)... không có vị giữ kho đồ đạc, ...(như trên)... không có vị tiếp nhận y, ...(như trên)... không có vị phân chia y, ...(như trên)... không có vị phân chia cháo, ...(như trên)... không có vị phân chia trái cây, ...(như trên)... không có vị phân chia thức ăn khô. Thức ăn khô không được phân chia nên bị hư. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép chỉ định vị phân chia thức ăn khô là vị tỳ-kheo có được năm điều: là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích; là vị không thể bị chi phối bởi sự sân hận; là vị không thể bị chi phối bởi sự si mê; là vị không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi; là vị biết vật được phân chia và không được phân chia.

[330] Và nay các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ-kheo cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân chia thức ăn khô. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân chia thức ăn khô. Đại đức nào thỏa thuận với việc chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân chia thức ăn khô, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Vị tỳ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia thức ăn khô. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[331] Vào lúc bấy giờ, ở trong kho của hội chúng có vật phụ tùng linh tinh phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép chỉ định vị phân chia vật linh tinh là tỳ-kheo có được năm điều: là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích; là vị không thể bị chi phối bởi sự sân hận; là vị không thể bị chi phối bởi sự si mê; là vị

không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi; là vị biết vật được phân chia và không được phân chia.

[332] Và này các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ-kheo nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân chia vật linh tinh. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân chia vật linh tinh. Đại đức nào thỏa thuận với việc chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị phân chia vật linh tinh, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Vị tỳ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia vật linh tinh. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[333] Vị tỳ-kheo là vị phân chia các vật linh tinh nên phân chia mỗi một cây kim, cây kéo, đôi dép, dây thắt lưng, dây quàng ở vai, đồ lọc nước, bình lọc nước, vải để may điều (kusi), vải để may điều loại một nửa (addhakusi), vải may đường viền, vải may đường viền loại một nửa, dầu gió (anuvāto), thuốc cao (paribhan-ḍa□). Nếu hội chúng có bơ lỏng, dầu ăn, mật ong, đường mía thì nên phân chia tức thời để sử dụng. Nếu lợi lộc có thêm nữa thì nên phân chia tiếp tục.

[334] Vào lúc bảy giờ, hội chúng không có vị tiếp nhận y khoác ngoài, ...(như trên)... vị tiếp nhận bình bát, ...(như trên)... vị quản trị các người ở chùa, ...(như trên)... vị quản trị các sa-di. Các sa-di không được quản trị nên không làm phạm sự. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các tỳ-kheo, ta cho phép chỉ định vị quản trị các sa-di là vị tỳ-kheo có được năm điều: là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích; là vị không thể bị chi phối bởi sự sân hận; là vị không thể bị chi phối bởi sự si mê; là vị không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi; là vị biết được điều cần quản trị và điều không cần quản trị.

[335] Và này các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ-kheo cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị quản trị các sa-di. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị quản trị các sa-di. Đại đức nào thỏa thuận với việc chỉ định vị tỳ-kheo tên (như vậy) là vị quản trị các sa-di, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Vị tỳ-kheo tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị quản trị các sa-di. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Tụng Phẩm thứ ba.

Dứt Chương Sàng Tọa là chương thứ sáu.

Tóm lược chương này:

[336]

Khi trú xá chưa được
quy định bởi đức Phật
là một vị tối thượng,
các thỉnh văn đệ tử
của bậc Chiến Thắng ấy
bước ra từ chỗ ngụ
nơi này hoặc nơi khác.
Gia chủ đại phú hộ
đã thấy các vị ấy
nên mới nói điều này
với các vị tỳ-kheo:
"Nếu các ngài cư ngụ,
tôi có thể cho làm."
Họ hỏi ngài lãnh đạo.
Vị ấy đã cho phép

năm loại chỗ ngụ là:
trú xá, nhà một mái,
toà nhà dài, nhà lớn,
và hang động (là năm).
Đại phú hộ đã cho
xây dựng các trú xá.
Người cho dựng trú xá,
không cửa, không đóng được,
cửa, trụ cửa, rãnh xoay,
ở trên cái chót xoay,
lỗ để luôn, dây thừng,
tay nắm, và chót gài,
đinh khoá chót, chót phụ,
lỗ khoá, khoá bằng đồng,
bằng gỗ, và bằng sừng,
then cài, đinh khoá chót,
mái che, vữa trong ngoài,
cửa sổ song, gấn lưới,
và lá sách, màn che
và thảm trải, bệ cứng
và giường bằng vạt tre,
giường ván khiêng tử thi,
ghế dài, chân đẹo cong,
chân rời, ghế vuông cao,
trường kỷ, ghế thanh ráp,
ghế lót vải, gác chân,
ghế nhiều chân, ghế mây,
và ghế lót rơm nữa.
Giường cao, và con rắn
các chân tám ngón tay,
chỉ sợi, đan tám góc,
mảnh vải, đệm bông gòn,
gối dài nửa thân người.
Đỉnh núi, và nhiều đệm,
vải và chỗ nằm ngòì.
Bọc lại rơi phía dưới,
xé ra rồi mang đi,
đấng Thiện Thệ cho phép,
chia đều bằng nắm tay.
Trong trú xá ngoại đạo,

màu trắng và màu đen,
vỏ trâu, và sét dẻo,
nhựa cây, chà bằng tay,
đất sét, bột mù tạt,
dầu sáp ong, nồi cụng,
giẻ chùi, tường lồi lõm,
đất sét với phân trùn,
nhựa cây, hình gợi cảm.
Nền thấp, rồi nền móng
leo lên, họ bị té,
đám đông, tường một nữa,
lại ba, trú xá nhỏ,
và trụ áp chân tường,
thấm nước mưa, la lớn,
chốt tường, sào máng y,
mái hiên với màn che,
lan can và bụi cỏ,
cách thực hiện dưới đây.
Ngoài trời, bị hâm nóng,
giảng đường, và bên dưới,
vật chứa đồ, trú xá,
và cổng vào, phòng ở,
rời nhà để đốt lửa,
tu viện và cổng vào,
làm theo cách dưới đây,
mái làm bằng vữa hồ
và ông Cấp Cô Độc,
có đức tin đi đến
khu rừng tên Sīta,
thấy Pháp rồi mời thỉnh
Đạo Sư cùng hội chúng.
Trên đường về kêu gọi,
nhóm người xây tu viện.
Công trình mới kiến tạo
ở thành Vesālī,
đi trước để chiếm chỗ.
Ai là vị xứng đáng
được phần ăn hạng nhất?
Và chuyện Chim đa đa
ai không đáng đánh lễ,

bị chiếm cứ, trong nhà,
ghế giường có lót nệm,
lên đường đi Xá Vệ.
Vị ấy cúng tu viện,
ồn ào giữa bữa ăn.
Và những người bị bệnh
giường tốt nhất, muu meo,
Mười Bảy Sur, nơi đó.
"Do ai? Làm thế nào?"
vị chia theo trú xá,
phòng ở, và phân thừa,
không chia nếu không thích.
Ở bên ngoài ranh giới,
và chiêm luôn mọi lúc.
Ba thời chia chỗ ngụ.
Và Upanando.
Ngài khen, các vị đứng
và cùng ngồi chung chỗ.
Đông đẳng cấp, làm gãy
nhóm ba và nhóm hai,
không đồng đẳng, ghế dài,
họ thỏa thích mái hiên,
Và bà nội của vua,
không xa, được chia ra,
ở Kīṭāgiri.
Ở vùng Ālavī,
chất đồng, các bức tường,
các cửa, khoan lỗ chốt,
cửa sỏ, sơn trắng, đen,
màu sơn đỏ, mái che,
và lắp ráp, thanh ngang,
hư hỏng, việc linh tinh,
hai mươi năm, ba mươi,
và trọn đời, hoàn tất,
chưa làm, bỏ dở dang,
Nơi nhỏ, năm, sáu năm,
nhà vòm bảy hoặc tám,
lớn thì mười, mười hai.
Toàn bộ cả trú xá
(giao) cho chỉ một người,

nơi khác, các vị sống,
(chiếm giữ) đồ hội chúng.
Ở ngoài ranh, mọi thời,
vị ấy đã bỏ đi,
chúng hoàn tục, chết đi,
và xuống lại sa-di,
xả giới, (tội) cực nặng,
bị điên, tâm rối loạn,
thọ khổ, không thấy tội,
không chịu bỏ tà kiến,
bị thiên, và trộm cắp
theo ngoại đạo, thú vật,
giết cha, mẹ, La Hán,
làm xấu (tỷ-kheo ni),
chia rẽ, máu chân Phật,
và có cả hai giống,
"Không tổn hại hội chúng,"
việc nên giao vị khác,
chưa xong, giao vị khác,
đã hoàn tất, bỏ đi,
vẫn còn thuộc vị ấy.
Nếu hoàn tục, chết đi,
và xuống lại sa-di,
xả giới, phạm tội nặng,
hội chúng là chủ quản.
Điên, loạn tâm, thọ khổ,
không thấy, không làm thoát,
tà kiến, thuộc vị ấy.
Bị thiên, và trộm cướp,
theo ngoại đạo, thú vật,
giết người mẹ, người cha,
giết vị A La Hán,
và dâm (tỷ-kheo ni),
làm chảy máu chân Phật,
là những kẻ lưỡng tánh,
nếu vị ấy thú nhận,
thì hội chúng chủ quản.
Đem nơi khác, ái ngại,
bị sụp đổ, mền len,
vải dệt, tấm da gấu,

tắm vải thô, tắm vải,
và chân ướt bước lên,
mang giày dép, phun nhỏ.
Các vị đã làm trà,
và dựa vào bức tường,
có tấm dựa vẫn trà,
rửa sạch, với tấm trải.

Thành Rājagaha
(dân chúng) không thể nào,
chừa thức ăn tầm thường,
vị sắp xếp bữa ăn,
"Vị sắp xếp cách nào?"
Chỉ định vị giữ kho,
vị thọ lãnh, phân chia,
vị chia cháo, trái cây,
vị chia đồ khô nữa,
việc chia vật linh tinh,
và thêm vị nhận lãnh
y áo khoác ngoài nữa.
Cũng vậy, vị nhận lãnh
bình bát, vị kiểm tra,
người phụ việc tu viện,
và các vị sa-di.
Đấng toàn tri toàn giác,
hiểu biết về thế gian,
là vị làm lãnh đạo
có sự quan tâm đến,
để suy tư, quán xét
lợi ích chỗ trú ngụ,
và lợi ích an lạc,
thiền định và minh sát.

----oOo----

VII. Chương Chia Rẽ Hội Chúng (Saṅghabhedakkhandhakam)

1. Tụng phẩm thứ nhất

[337] Vào lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại Anupiyā. Anupiyā là tên của một thị trấn của xứ Malla. Vào lúc bấy giờ, nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc giòng dõi Thích Ca (Sākya) đã xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn.

[338] Vào lúc bấy giờ, Mahānāma giòng Sākya và Anuruddha giòng Sākya là hai anh em. Anuruddha là người mảnh mai. Chàng trai có ba tòa lầu đài: một dành cho mùa lạnh, một dành cho mùa nóng, và một dành cho mùa mưa. Ở trong tòa lầu đài trong bốn tháng mùa mưa, chàng luôn được vây quanh bởi các nữ công tấu nhạc và không bước xuống phía dưới của tòa lầu đài. Khi ấy, Manānāma giòng Sākya đã khởi ý rằng: "Hiện nay nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc giòng dõi Thích Ca (Sākya) đã xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia sống không nhà cả. Như vậy thì ta hoặc là Anuruddha nên xuất gia." Khi ấy, Mahānāma giòng Sākya đã đi đến gặp Anuruddha giòng Sākya, đến rồi đã nói với Anuruddha giòng Sākya rằng:

- Nay Anuruddha yêu quý, hiện nay nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc giòng dõi Thích Ca (Sākya) đã xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia sống không nhà cả. Như vậy thì em hãy xuất gia hoặc anh sẽ xuất gia.

- Em thì mảnh mai, em không thể rời nhà xuất gia sống không nhà. Anh hãy xuất gia đi.

- Vậy hãy đến đây, Anuruddha yêu quý, anh sẽ chỉ dạy công việc gia đình. Trước tiên, ruộng nương cần bảo người cày xới; sau khi cho cày xới rồi cần bảo người gieo hạt; sau khi cho gieo hạt rồi cần bảo người đưa nước vào; sau khi cho đưa nước vào rồi cần bảo người tưới nước đều khắp các ruộng; sau khi cho tưới nước đều khắp các ruộng cần bảo người nhổ cỏ; sau khi cho nhổ cỏ rồi cần bảo người gặt hái; sau khi cho gặt hái rồi cần bảo người thâu hoạch; sau khi cho thâu hoạch rồi cần bảo người chất thành đống; sau khi cho chất thành đống rồi cần bảo người đập giũ; sau khi cho đập giũ rồi cần bảo người tách rơm ra; sau khi cho tách rơm ra cần bảo người tách trấu ra; sau khi cho tách trấu ra cần bảo người sàng sảy; sau khi cho sàng sảy rồi cần bảo người đem cất vào kho; sau khi cho đem cất vào kho rồi vào mùa tới cũng cần được làm y như thế; vào mùa tới cũng cần được làm y như thế.

- Thế các công việc không được chấm dứt sao? Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến hay sao? Khi nào thì các công việc được chấm

dứt? Khi nào thì sự chấm dứt các công việc được biết đến? Khi nào chúng ta mới được rảnh rỗi mà hưởng thụ năm phần dục lạc đã được ban cho và cung ứng?

- Nay Anuruddha yêu quý, công việc không được chấm dứt. Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến. Cha và ông đã qua đời nhưng công việc vẫn không chấm dứt.

- Nếu vậy thì anh hãy quản lý công việc gia đình. Em sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

[339] Sau đó, Anuruddha giòng Sākya đã đi đến gặp người mẹ, đến rồi đã nói với người mẹ rằng:

- Mẹ à, con muốn rời nhà xuất gia sống không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia sống không nhà.

Nghe nói vậy, mẹ của Anuruddha giòng Sākya đã nói với Anuruddha giòng Sākya rằng:

- Nay Anuruddha yêu quý, các con là hai người con trai cung, yêu dấu, dễ thương của mẹ. Cho dù là chết đi, mẹ cũng vẫn không muốn xa các con. Làm sao trong lúc đang còn sống, mẹ lại cho phép con rời nhà xuất gia sống không nhà?

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, Anuruddha giòng Sākya đã đi đến gặp người mẹ, đến rồi đã nói với người mẹ rằng:

- Mẹ à, con muốn rời nhà xuất gia sống không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia sống không nhà.

[340] Vào lúc bấy giờ, Bhaddiya là đức vua giòng Sākya đang trị vì lãnh thổ Sākya. Đức vua là bạn thân của Anuruddha giòng Sākya. Khi ấy, mẹ của Anuruddha giòng Sākya (nghĩ rằng): "Có Bhaddiya, đức vua giòng Sākya, đang trị vì lãnh thổ Saky là bạn thân của Anuruddha giòng Sākya. Vì ấy không nhiệt tình rời nhà xuất gia sống không nhà," nên đã nói với Anuruddha giòng Sākya rằng:

- Nay Anuruddha yêu quý, nếu Bhaddiya đức vua giòng Sākya rời nhà xuất gia sống không nhà, thì con cũng xuất gia như vậy.

Sau đó, Anuruddha giòng Sākya đã đi đến gặp Bhaddiya đức vua giòng Sākya, đến rồi đã nói với Bhaddiya đức vua giòng Sākya rằng:

- Nay bạn, việc xuất gia của tôi tùy thuộc vào bạn đó.

- Nay bạn, nếu việc xuất gia của bạn tùy thuộc vào tôi, hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ..., cứ việc xuất gia một cách thoải mái.

[Buddhaghosa giải thích rằng: Bhaddiya vì thương mến bạn muốn nói rằng: "Tôi với bạn sẽ xuất gia, bạn cứ việc xuất gia một cách thoải mái" nhưng vì lòng ham muốn làm vua ngăn cản trái tim lại nên không thể nói hết câu được.]

- Nay bạn, giờ hãy đi. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

- Không được đâu, bạn à. Tôi không thể rời nhà xuất gia sống không nhà. Điều gì khác tôi có thể làm cho bạn thì tôi sẽ làm ngay. Giờ bạn hãy xuất gia đi.

- Nay bạn, nhưng vì mẹ nói với tôi như vậy: "Nếu Bhaddiya đức vua giòng Sākya rời nhà xuất gia sống không nhà, thì con cũng xuất gia như vậy." Nay bạn, bạn đã nói lời nói này: "Nay bạn, nếu việc xuất gia của bạn tùy thuộc vào tôi, hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ..., cứ việc xuất gia một cách thoải mái." Nay bạn, giờ hãy đi. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

Vào lúc bảy giờ, con người nói năng chân thật, tôn trọng sự chân thật. Khi ấy, Bhaddiya đức vua giòng Sākya đã nói với Anuruddha giòng Sākya rằng:

- Nay bạn, hãy chờ bảy năm. Sau bảy năm, chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

- Nay bạn, bảy năm lâu quá. Tôi không thể chờ bảy năm.

- Này bạn, hãy chờ sáu năm. ...(như trên)... năm năm. ...(như trên)... bốn năm. ...(như trên)... ba năm. ...(như trên)... hai năm. ...(như trên) ...một năm. Sau một năm, chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

- Này bạn, một năm lâu quá. Tôi không thể chờ một năm.

- Này bạn, hãy chờ bảy tháng. Sau bảy tháng, chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

- Này bạn, bảy tháng lâu quá. Tôi không thể chờ bảy tháng.

- Này bạn, hãy chờ sáu tháng. ...(như trên)... năm tháng. ... bốn tháng. ... ba tháng. ... hai tháng. ... một tháng. ... nửa tháng. Sau nửa tháng, chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.

- Này bạn, nửa tháng lâu quá. Tôi không thể chờ nửa tháng.

- Này bạn, hãy chờ bảy ngày đến khi tôi trao lại vương quốc cho các người con trai và các người em trai xong.

- Này bạn, bảy ngày không lâu lắm. Tôi sẽ chờ.

[341] Khi ấy, Bhaddiya đức vua giòng Sākya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimila, Devadatta, với thợ cạo Upāli là người thứ bảy. Giống như trước đây họ đã đưa nhau đi đến vườn hoa cùng với bốn loại quân binh, giờ cũng như thế họ đã đưa nhau đi cùng với bốn loại quân binh. Khi đi đã xa, họ đã cho quân binh trở về. Khi đi đến một khu vực khác, họ đã cởi các đồ trang sức ra và lấy y khoác ngoài cột lại thành một gói rồi nói với thợ cạo Upāli rằng:

- Này Upāli, ngươi nên trở lại. Nhiều đây cũng đủ cho cả đời của ngươi.

[342] Sau đó, thợ cạo Upāli trong khi đi trở về đã khởi ý rằng: "Những người giòng Sākya thì ác độc, (họ nghĩ rằng): ‘Gã này đã làm cho các vương tử trở thành bần cùng!’ thậm chí có thể ra lệnh giết ta. Các vương tử giòng Sākya này còn rời nhà xuất gia sống không nhà được, việc gì ta lại không?" Vị ấy đã mở gói đồ ra treo các thứ ở trên cây nói rằng: "Ai thấy được cứ việc lấy món quà," rồi đi đến gặp các vương tử giòng Sākya. Các vương tử ấy đã thấy người thợ cạo đang từ đằng xa đi lại. Khi gặp lại thợ cạo Upāli, các vị đã nói rằng:

- Nay Upāli, ngươi quay lại vì chuyện gì vậy?

- Thưa các vương tử, trong trường hợp này, khi quay trở về tôi đã khởi ý rằng: "Những người giòng Sākya thì ác độc, (nghĩ rằng): ‘Gã này đã làm cho các vương tử trở thành bần cùng!’ thậm chí có thể ra lệnh giết ta. Các vương tử giòng Sākya này còn rời nhà xuất gia sống không nhà được, việc gì ta lại không?" Thưa các vương tử, sau đó tôi đã mở gói đồ ra treo các thứ ở trên cây nói rằng: "Ai thấy được cứ việc lấy món quà," rồi từ đó tôi quay lại đây.

- Nay Upāli, ngươi đã hành động đúng khi không quay về vì những người giòng Sākya đúng là ác độc, (nghĩ rằng): "Gã này đã làm cho các vương tử trở thành bần cùng!" thậm chí có thể ra lệnh giết ngươi.

[343] Sau đó, các vương tử giòng Sākya đã đưa người thợ cạo đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vương tử giòng Sākya ấy đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, chúng tôi thuộc giòng Sākya thường ngã mạn. Bạch ngài, thợ cạo Upāli này là người hầu cận của chúng tôi đã lâu nay. Xin đức Thế Tôn cho ông ta xuất gia trước tiên. Chúng tôi sẽ thực hành bốn phạm nghiêm chỉnh là sự đánh lễ, đứng dậy, chấp tay lại đối với ông ta. Như vậy sự ngã mạn của giòng Sākya trong những người Sākya chúng tôi sẽ không còn nữa.

Rồi đức Thế Tôn đã cho người thợ cạo Upāli xuất gia trước tiên kể đến là các vương tử giòng Sākya ấy.

[344] Sau đó, đại đức Bhaddiya đã chứng tam minh trong năm ấy. Đại đức Anuruddha chứng thiên nhãn. Đại đức Ānanda chứng quả Nhập Lưu. Devadatta đạt được thân thông của phàm nhân.

[345] Vào lúc bảy giờ, đại đức Bhaddiya khi ở trong rừng, ở dưới cội cây, ở nơi đồng trống thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!" Khi ấy, một số đồng tử-kheo đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các tử-kheo ấy đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, đại đức Bhaddiya khi ở trong rừng, ở dưới cội cây, ở nơi đồng trống thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!" Bạch ngài, chắc chắn rằng đại đức Bhaddiya thực hành phạm hạnh không

được hoan hỷ. Mặc dù ở trong rừng, ở dưới cội cây, ở nơi đồng trống, vị ấy trong khi hồi tưởng lại sự khoái lạc vương quyền trước đây nên đã thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!"

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo một vị tỷ-kheo rằng:

- Nay tỷ-kheo, ngươi hãy nhân danh ta đi đến nói với tỷ-kheo Bhaddiya rằng: "Này đại đức Bhaddiya, bậc Đạo Sư cho gọi đại đức."

- Thưa vâng, bạch ngài.

Vị tỷ-kheo ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp đại đức Bhaddiya, đến rồi đã nói với đại đức Bhaddiya rằng:

- Nay đại đức Bhaddiya, bậc Đạo Sư cho gọi đại đức.

[346] - Bạch đại đức, xin vâng.

Đại đức Bhaddiya nghe theo vị tỷ-kheo ấy đã đi đến gặp đức Thế tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với đại đức Bhaddiya đang ngồi ở một bên rằng:

- Nay Bhaddiya, nghe nói ngươi khi ở trong rừng, ở dưới cội cây, ở nơi đồng trống thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!"

- Thưa vâng, bạch ngài.

- Nay Bhaddiya, ngươi cảm nhận được lợi ích gì khi ở trong rừng, ở dưới cội cây, ở nơi đồng trống mà thường xuyên thốt lên lời cảm hứng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!" vậy?

- Bạch ngài, trước đây con là một vị vua có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong hậu cung, có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài hậu cung, có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong thành phố, có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài thành phố, có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong xứ sở, có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài xứ sở. Bạch ngài, tuy được bảo vệ và bảo hộ như vậy, con đây sống vẫn cảm thấy khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp. Bạch ngài, thế mà giờ đây, con chỉ một mình, ở trong rừng, ở dưới cội cây, ở nơi đồng trống lại không khiếp đảm, không sợ hãi, không lo âu, không hồi hộp, vô tư lự, điềm tĩnh, không lệ thuộc sự chăm

sóc của người khác, sống với tâm như loài thú rừng. Bạch ngài, con đây cảm nhận được sự lợi ích khi ở trong rừng, ở dưới cội cây, ở nơi đồng trống nên thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: "Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!"

Khi đó, đức Thế Tôn, sau khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đã thốt lên lời cảm hứng rằng:

[347]

Sân hận không hiện hữu
trong tâm của người nào,
như thế đã vượt qua
khỏi hữu và phi hữu,
là người hết sợ hãi,
an lạc, không sầu muộn,
chư thiên không thành tựu
việc thấy được vị ấy.

[348] Sau khi đã ngụ ở Anupiyā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường du hành đến Kosambī. Tuần tự du hành, ngài đã ngụ đến Kosambī. Ở đó, tại Kosambī, đức Thế Tôn đã ngụ ở tu viện Ghosita.

[349] Khi ấy, trong lúc Devadatta độc cư thiền tịnh, có một tư tưởng suy tầm như vậy đã khởi lên: "Ta nên làm cho ai tin tưởng để khi người ấy đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì sẽ có nhiều lợi lộc và vinh quang sanh khởi?" Khi ấy, ý này đã khởi lên cho Devadatta: "Hoàng tử Ajātasattu này còn trẻ và tương lai chắc chắn sẽ rạng rỡ. Vậy ta nên làm cho hoàng tử Ajātasattu này tin tưởng để khi hoàng tử đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì sẽ có nhiều lợi lộc và vinh quang sanh khởi."

Khi ấy, Devadatta đã thu xếp sàng tọa rồi cầm y bát đi đến thành Vương Xá (Rājagaha). Tuần tự, vị ấy đã đến được Rājagaha. Lúc bấy giờ, Devadatta đã thay đổi hình dạng của mình và biến thành hình dạng một bé trai thân quần đầy rần xuất hiện ở trên bấp vế của hoàng tử Ajātasattu. Khi đó, hoàng tử Ajātasattu đã trở nên khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp. Rồi Devadatta đã nói với hoàng tử Ajātasattu rằng:

- Hoàng tử, ngài sợ tôi hay sao?

- Vâng, ta sợ lắm. Người là ai?

- Tôi là Devadatta.

- Thưa ngài, nếu người là ngài Devadatta, xin hãy hiện ra với hình dáng của chính ngài đi.

Sau khi đã thay đổi hình dạng đứa bé trai đó, Devadatta mang y hai lớp (saṅghāṭi) và y bát đã hiện ra trước hoàng tử Ajātasattu. Lúc bấy giờ, hoàng tử Ajātasattu vô cùng ngưỡng mộ thần thông kỳ diệu ấy của Devadatta nên sáng chiều đã đi đến phục vụ cùng với đoàn xe năm trăm chiếc và còn cho mang lại cúng dường năm trăm phần ăn là cơm nấu với sữa. Khi ấy, Devadatta với tâm đã bị ám ảnh và đã bị chế ngự bởi lợi lộc, vinh quang, và danh vọng khiến điều tham muốn như vậy đã khởi lên: "Ta sẽ quản trị hội chúng tỷ-kheo." Ngay khi ý nghĩ ấy sanh khởi, Devadatta đã bị mất đi thần thông của mình.

[350] Vào lúc bấy giờ, thị giả của đại đức Mục Kiền Liên (Mahāmoggallāna) tên là Kakudha con trai của Koliya vừa mới từ trần và tái sanh vào một thân khác do ý sanh. Vị ấy đạt được bản thể có hình dạng như là hai hay ba cánh đồng làng ở Magadha. Với sự thành tựu bản thể đó, vị ấy vẫn không làm tổn thương chính mình hay người khác. Khi ấy, thiên tử Kakudha đã đi đến gặp đại đức Mahāmoggallāna, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Mahāmoggallāna rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, thiên tử Kakudha đã nói với đại đức Mahāmoggallāna rằng:

- Bạch ngài, Devadatta với tâm đã bị ám ảnh và đã bị chế ngự bởi lợi lộc, vinh quang, và danh vọng chế ngự khiến điều tham muốn như vậy đã khởi lên: "Ta sẽ quản trị hội chúng tỷ-kheo." Ngay khi ý nghĩ ấy sanh khởi, Devadatta đã bị mất đi thần thông của mình.

Thiên tử Kakudha đã nói lên điều ấy. Nói điều ấy xong, vị ấy đã đánh lễ đại đức Mahāmoggallāna, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi biến mất ngay tại chỗ ấy.

[351] Sau đó, đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Mahāmoggallāna đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, thị giả của con tên là Kakudha con trai giòng Koliya vừa mới từ trần và tái sanh vào một thân khác do ý sanh. Vị ấy đạt được bản thể có hình

dạng như là hai hay ba cánh đồng làng ở Magadha. Với sự thành tựu bản thể đó, vị ấy vẫn không làm tổn thương chính mình hay người khác. Bạch ngài, khi ấy thiên tử Kakudha đã đi đến gặp con, sau khi đến đã đánh lễ con rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, thiên tử Kakudha đã nói với con rằng: "Bạch ngài, Devadatta với tâm đã bị ám ảnh và đã bị chế ngự bởi lợi lộc, vinh quang, và danh vọng chế ngự khiến điều tham muốn như vậy đã khởi lên: "Ta sẽ quản trị hội chúng tỳ-kheo." Ngay khi ý nghĩ ấy sanh khởi, Devadatta đã bị mất đi thần thông của mình." Thiên tử Kakudha đã nói lên điều ấy. Nói điều ấy xong, vị ấy đã đánh lễ con, hướng vai phải nhiều quanh, rồi biến mất ngay tại chỗ ấy.

- Nay Moggallāna, phải chăng tâm của người và tâm của thiên tử Kakudha hiểu biết lẫn nhau nên theo cách như thế bất cứ điều gì thiên tử Kakudha nói, người biết được tất cả các điều ấy, chứ không phải là cách khác?

- Bạch ngài, tâm của con và tâm của thiên tử Kakudha hiểu biết lẫn nhau nên theo cách như thế bất cứ điều gì thiên tử Kakudha nói, con biết được tất cả các điều ấy, chứ không phải là cách khác.

- Nay Moggallāna, hãy giữ kín điều vừa nói ấy. Nay Moggallāna, hãy giữ kín điều vừa nói ấy. Đã đến lúc kẻ rò rỉ này sẽ tự mình làm bộc lộ bản thân.

[352] Nay Moggallāna, đây là năm hạng đạo sư đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm? Ở đây, nay Moggallāna, có hạng đạo sư có giới không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta có giới thanh tịnh," "Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử của chính vị ấy biết rằng: "Vị đạo sư nổi tiếng này có giới không thanh tịnh lại tự cho rằng: 'Ta có giới thanh tịnh,' 'Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây chuyện cho ông ta bởi điều ấy. Và lại, ông ta đang được dâng cúng y áo, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Ông ta làm điều gì, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Nay Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ giới cho vị đạo sư, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ giới từ các đệ tử.

[353] Còn điều khác nữa, nay Moggallāna, ở đây có hạng đạo sư nuôi mạng không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta nuôi mạng thanh tịnh," "Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử của chính vị ấy biết rằng: "Vị đạo sư nổi tiếng này nuôi mạng không thanh tịnh lại tự cho rằng: 'Ta nuôi mạng thanh tịnh,' 'Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong

sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây chuyện cho ông ta bởi điều ấy. Và lại, ông ta đang được dâng cúng y áo, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Ông ta làm điều gì, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ việc nuôi mạng cho vị đạo sư, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ việc nuôi mạng từ các đệ tử.

[354] Còn điều khác nữa, này Moggallāna, ở đây có hạng đạo sư thuyết pháp không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta thuyết pháp thanh tịnh," "Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử của chính vị ấy biết rằng: "Vị đạo sư nổi tiếng này thuyết pháp không thanh tịnh lại tự cho rằng: ‘Ta thuyết pháp thanh tịnh,’ ‘Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây chuyện cho ông ta bởi điều ấy. Và lại, ông ta đang được dâng cúng y áo, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Ông ta làm điều gì, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ việc thuyết pháp cho vị đạo sư, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ việc thuyết pháp từ các đệ tử.

[355] Còn điều khác nữa, này Moggallāna, ở đây có hạng đạo sư có lời giải thích không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta có lời giải thích thanh tịnh," "Lời giải thích của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử của chính vị ấy biết rằng: "Vị đạo sư nổi tiếng này có lời giải thích không thanh tịnh lại tự cho rằng: ‘Ta có lời giải thích thanh tịnh,’ ‘Lời giải thích của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây chuyện cho ông ta bởi điều ấy. Và lại, ông ta đang được dâng cúng y áo, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Ông ta làm điều gì, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ lời giải thích cho vị đạo sư, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ lời giải thích từ các đệ tử.

[356] Còn điều khác nữa, này Moggallāna, ở đây có hạng đạo sư có tri kiến không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh," "Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử của chính vị ấy biết rằng: "Vị đạo sư nổi tiếng này có tri kiến không thanh tịnh lại tự cho rằng: ‘Ta có tri kiến thanh tịnh,’ ‘Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta

không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây chuyện cho ông ta bởi điều ấy. Và lại, ông ta đang được dâng cúng y áo, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Ông ta làm điều gì, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Nay Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ tri kiến cho vị đạo sư, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ tri kiến từ các đệ tử.

Này Moggallāna, năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời.

[357] Và này Moggallāna, ta có giới thanh tịnh và biết rằng: "Ta có giới thanh tịnh," "Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ giới cho ta, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ giới từ các đệ tử. Ta nuôi mạng thanh tịnh, ...(như trên)... Ta thuyết Pháp thanh tịnh, ...(như trên)... Ta có lối giải thích thanh tịnh, ...(như trên)... Ta có tri kiến thanh tịnh và biết rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh," "Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ tri kiến cho ta, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ tri kiến từ các đệ tử.

[358] Sau khi ngự tại Kosambī được như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường du hành đi đến Rājagaha. Lần lượt du hành ngài đã ngự đến Rājagaha. Ở đó, tại Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Trúc Lâm (Veluvana), nơi nuôi dưỡng các con sóc.

[359] Lúc bấy giờ, một số đông tỳ-kheo đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các tỳ-kheo ấy đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, hoàng tử Ajātasattu sáng chiều đã đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và còn cho mang lại cúng dường năm trăm phần ăn là cơm nấu với sữa.

- Nay các tỳ-kheo, chớ có ganh tỵ với Devadatta về lợi lộc, vinh quang, và danh vọng. Nay các tỳ-kheo, cho đến khi nào hoàng tử Ajātasattu còn sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và cho mang lại cúng dường năm trăm phần ăn là cơm nấu với sữa thì này các tỳ-kheo, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đến cho Devadatta, chớ không phải sự tiến triển.

Này các tỳ-kheo, cũng giống như làm vỡ túi mật ở mũi của một con chó dữ tợn; này các tỳ-kheo, bởi vì như vậy con chó ấy sẽ trở nên dữ tợn hơn trước. Tương tự như thế, này các tỳ-kheo, cho đến khi nào hoàng tử Ajātasattu còn

sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và cho mang lại cúng dường năm trăm phần ăn là cơm nấu với sữa thì này các tỳ-kheo, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đến cho Devadatta, chứ không phải sự tiến triển.

Này các tỳ-kheo, lợi lộc, vinh quang, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh quang, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại của bản thân. Này các tỳ-kheo, giống như cây chuối khi trổ quả thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi trổ quả thì đưa đến sự tiêu hoại của thân cây; tương tự như thế, lợi lộc, vinh quang, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh quang, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại của bản thân.

Này các tỳ-kheo, giống như cây tre khi ra hoa thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi ra hoa thì đưa đến sự tiêu hoại của thân cây; tương tự như thế, lợi lộc, vinh quang, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh quang, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại của bản thân.

Này các tỳ-kheo, giống như cây sậy khi ra hoa thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi ra hoa thì đưa đến sự tiêu hoại của thân cây; tương tự như thế, lợi lộc, vinh quang, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh quang, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại của bản thân.

Này các tỳ-kheo, giống như con lừa cái khi mang thai thì đưa đến sự hư hỏng của bản thân, khi mang thai thì đưa đến sự tiêu hoại của bản thân; tương tự như thế, lợi lộc, vinh quang, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh quang, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại của bản thân.

[360]

Quả hại chết cây chuối,
hoa hại chết cây tre,
hoa hại chết cây sậy,
bào thai hại chết lừa;
tương tự như thế ấy,
vinh quang giết kẻ ngu.

Dứt Tụng Phẩm thứ nhất.

[361] Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn ngồi giữa một hội chúng đông đảo và đang thuyết giảng Giáo Pháp đến đức vua và đoàn tùy tùng. Khi ấy, Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay xá đức Thế Tôn rồi nói rằng:

- Bạch ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, gần cuối cuộc đời. Bạch ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn sống gần bó và an trú trong pháp đã chứng, còn hội chúng tỳ-kheo hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng tỳ-kheo.

- Nay Devadatta, đủ rồi, người chớ có mong để được cai quản hội chúng tỳ-kheo.

Lần thứ nhì, Devadatta ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, Devadatta đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, gần cuối cuộc đời. Bạch ngài, giờ đây, xin đức Thế Tôn sống gần bó và an trú trong pháp đã chứng, còn hội chúng tỳ-kheo hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng tỳ-kheo.

- Nay Devadatta, ta còn không bàn giao hội chúng tỳ-kheo cho Xá Lợi Phất (Sāriputta) và Mục Kiền Liên (Moggallāna), tại sao lại bàn giao cho kẻ tồi tệ đáng phỉ nhổ như người.

Khi ấy, Devadatta (nghĩ rằng): "Đức Thế Tôn đã bôi nhọ ta bằng cách gọi là kẻ đáng phỉ nhổ trước hội chúng có cả nhà vua và còn ca tụng Sāriputta và Moggallāna nữa!" trở nên tức tối, không thỏa mãn, rồi đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, và ra đi. Như thế, đây mới ác cảm thứ nhất của Devadatta đối với đức Thế Tôn.

[362] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự công bố (pakāsanīyakamma□) về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân

hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta." Và này các tỳ-kheo, nên thực thi như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi một tỳ-kheo có kinh nghiệm đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta." Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng lắng nghe tôi. Hội chúng thực thi hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta." Đại đức nào đồng ý sự thực thi hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta," xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta" đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[363] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Sāriputta rằng:

- Này Sāriputta, như vậy thì người hãy công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha.

- Bạch ngài, trước đây ở trong thành Rājagaha con đã khen ngợi về Devadatta rằng: "Con trai của Godhi có đại thân lực, con trai của Godhi có đại năng lực." Bạch ngài, làm sao con có thể công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha được?

- Nay Sāriputta, khi người khen ngợi về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: "Con trai của Godhi có đại thân lực, con trai của Godhi có đại năng lực" phải chăng là đúng sự thật?

- Thưa vâng, bạch ngài.

- Nay Sāriputta, cũng tương tự như vậy, người hãy công bố đúng sự thật về Devadatta ở trong thành Rājagaha.

- Thưa vâng, bạch ngài. Đại đức Sāriputta đã đáp lời đức Thế Tôn.

[364] Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, nếu vậy thì hội chúng hãy chỉ định Sāriputta (làm công việc) công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta." Và nay các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước tiên, Sāriputta cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông qua bởi một tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Sāriputta (làm công việc) công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta." Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Sāriputta (làm công việc) công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta." Đại đức nào đồng ý sự chỉ định Sāriputta (làm công việc) công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta" xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hội chúng đã chỉ định Sāriputta (làm công việc) công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta." Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[365] Sau khi đã được chỉ định, đại đức Sāriputta cùng với số đông tỷ-kheo đã đi vào thành Rājagaha và công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta." Ở nơi ấy, những người không có đức tin, không hoan hỷ, kém trí tuệ nói rằng: "Các sa-môn Thích Tử này ganh tỵ. Họ ganh tỵ với lợi lộc và vinh quang của Devadatta." Còn những người có đức tin, hoan hỷ, trí tuệ thì nói như vậy: "Việc đức Thế Tôn cho công bố về Devadatta như thế này cũng chẳng có gì sai trái cả!"

[366] Khi ấy, Devadatta đã đi đến gặp hoàng tử Ajātasattu, đến rồi đã nói với hoàng tử Ajātasattu rằng:

- Tâu hoàng tử, trước đây người ta sống thọ, bây giờ yếu thọ. Điều thực tế cần được biết là ngài cũng có thể chết đi trong lúc vẫn còn là hoàng tử; tâu hoàng tử, chính vì thế ngài hãy giết cha và lên làm vua. Ta sẽ giết đức Thế Tôn và trở thành đức Phật.

Sau đó, hoàng tử Ajātasattu (nghĩ rằng): "Ngài Devadatta có đại thần lực, đại năng lực; ngài Devadatta biết," nên vào lúc sáng sớm đã thất một con dao găm ở đuôi, rồi (với vẻ) khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, đã xông vào hậu cung một cách vội vã. Các vị quan canh gác hậu cung đã thấy hoàng tử Ajātasattu vào lúc sáng sớm (với vẻ) khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, xông vào hậu cung vội vã; thấy rồi họ đã giữ lại. Trong lúc khám xét, họ thấy con dao găm thất ở đuôi nên đã hỏi hoàng tử Ajātasattu rằng:

- Tâu hoàng tử, ngài muốn làm gì vậy?

- Muốn giết cha ta thôi.

- Do ai xúi giục?

- Do ngài Devadatta.

Một số vị quan đã đưa ý kiến như vậy:

- Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các tỳ-kheo phải bị giết chết.

Một số vị quan khác đã đưa ý kiến như vậy:

- Các tỳ-kheo không phải chết. Các vị tỳ-kheo không làm gì tổn hại. Chỉ có hoàng tử phải bị giết chết và Devadatta phải bị giết chết.

Một số vị quan khác đã đưa ý kiến như vậy:

- Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các tỳ-kheo cũng không phải chết. Hãy trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh thế nào thì chúng ta sẽ làm theo.

[367] Sau đó, các vị quan đã đưa hoàng tử Ajātasattu đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha; đến rồi họ đã kể sự việc ấy đến đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha:

- Các khanh, các vị quan có ý kiến thế nào?

- Tâu bệ hạ, một số vị quan đã đưa ý kiến như vậy: "Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các tỳ-kheo phải bị giết chết." Một số vị quan khác đã đưa ý kiến như vậy: "Các tỳ-kheo không phải chết. Các vị tỳ-kheo không làm gì tổn hại. Chỉ có hoàng tử phải bị giết chết và Devadatta phải bị giết chết." Một số vị quan khác đã đưa ý kiến như vậy: "Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các tỳ-kheo cũng không phải chết. Hãy trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh thế nào thì chúng ta sẽ làm theo."

- Nay các khanh, đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng sẽ làm gì đây? Không phải trước đây đức Thế Tôn đã cho công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là của đức Phật, đức Pháp, hoặc đức Tăng mà nên xem điều ấy là của chính Devadatta." Trong trường hợp này, những vị quan nào đã đưa ý kiến như vậy: "Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các tỳ-kheo phải bị giết chết," những vị ấy sẽ bị mất chức. Những vị quan nào đã đưa ý kiến như

vậy: "Các tỳ-kheo không phải chết. Các vị tỳ-kheo không làm gì tổn hại. Chỉ có hoàng tử phải bị giết chết và Devadatta phải bị giết chết," những vị ấy sẽ bị giáng chức. Những vị quan nào đã đưa ý kiến như vậy: "Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các tỳ-kheo cũng không phải chết. Hãy trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh thế nào thì chúng ta sẽ làm theo," những vị ấy sẽ được thăng chức.

Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với hoàng tử Ajātasattu rằng:

- Này hoàng tử, tại sao con lại muốn giết ta?
- Tâu bệ hạ, con muốn được ngai vàng.
- Này hoàng tử, nếu con muốn được ngai vàng, thì ngai vàng này là của con.

và đã trao ngai vàng cho hoàng tử Ajātasattu.

[368] Khi ấy, Devadatta đã đi đến gặp hoàng tử Ajātasattu, đến rồi đã nói với hoàng tử Ajātasattu rằng:

- Tâu đại vương, hãy ra lệnh cho mọi người rằng: "Các người hãy đoạt mạng sống của sa-môn Gotama."

Khi ấy, hoàng tử Ajātasattu đã ra lệnh cho mọi người rằng:

- Này các khanh, các khanh hãy làm theo lời dạy của ngài Devadatta.

Sau đó, Devadatta đã ra lệnh cho một người đàn ông rằng: "Này anh bạn, sa-môn Gotama đang ở nơi đó; hãy đoạt mạng sống của ông ta rồi hãy trở về bằng con đường này." Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt hai người đàn ông (bảo rằng): "Người đàn ông nào một mình trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của hắn ta rồi hãy trở về bằng con đường này." Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt bốn người đàn ông (bảo rằng): "Hai người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này." Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt tám người đàn ông (bảo rằng): "Bốn người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này." Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt mười sáu người đàn ông (bảo rằng): "Tám người đàn ông nào trở về bằng con

đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này."

[369] Sau đó, người đàn ông ấy một mình cầm gươm và vỏ gươm, mang cung và túi tên đi đến gặp đức Thế Tôn; đến rồi đã đứng cách đức Thế Tôn một khoảng không xa và trở nên khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp với thân thể cứng đơ. Đức Thế Tôn đã thấy người đàn ông ấy (với vẻ) khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, và đang đứng với thân thể cứng đơ. Thấy thế, ngài đã nói với người đàn ông ấy rằng:

- Này đạo hữu, hãy đến đây, chớ có sợ hãi.

Khi đó, người đàn ông ấy đã bỏ gươm và vỏ gươm ở một góc, tháo cung và túi tên xuống, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn; đến rồi đã kê đầu ở hai chân của đức Thế Tôn rồi bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con vì con là một kẻ đàn độn, ngu si, không có đạo đức; con đến đây với tâm độc ác, với tâm giết hại. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn ghi nhận sự sai trái trong tội lỗi của con hầu để ngăn ngừa trong tương lai.

- Đúng như vậy, này đạo hữu, tội lỗi đã chiếm ngự lấy ngươi vì ngươi là một kẻ đàn độn, ngu si, không có đạo đức, đó là việc ngươi đến đây với tâm độc ác, với tâm giết hại. Chính từ việc đó, này đạo hữu, ngươi đã thấy được sự sai trái trong tội lỗi và chừa cải đúng theo Pháp, nay chúng ta nhận biết điều ấy cho ngươi. Này đạo hữu, điều này là sự tiến bộ trong giới luật của bậc Thánh: "Người nào sau khi thấy được sự sai trái trong tội lỗi và chừa cải đúng theo Pháp sẽ thực hành sự ngăn ngừa trong tương lai."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ tự đến người đàn ông ấy như là: thuyết về sự bố thí, thuyết về giới, thuyết về cõi trời, sự ô nhiễm hạ liệt đây tội lỗi của các dục, và ngài đã chỉ rõ lợi ích của việc xuất gia. Khi đức Thế Tôn biết được tâm của người ấy đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tĩnh lặng, ngài đã phô bày cho ông ta Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như một tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn, cũng như vậy ngay tại chỗ ngồi ấy, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến người đàn ông ấy: "Bất cứ điều gì có bản tánh được sanh khởi thì toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Và khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, người đàn ông ấy đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngựa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, thắp sáng cây đèn dầu ở trong bóng tối cho những ai có mắt thấy được các hình dạng; cũng như thế ấy, Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, đích thân con xin quy y đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội chúng chúng tử-kheo. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là cận sự nam đã được quy y kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với người đàn ông ấy rằng:

- Nay đạo hữu, chớ có đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.

và chỉ cho đi bằng một con đường khác.

[370] Sau đó đến phiên hai người đàn ông ấy (nghĩ rằng): "Gã đàn ông ấy một mình sao lại lâu đến quá vậy?" nên đã đi dọc theo con đường ấy và thấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới một gốc cây nọ. Thấy vậy, hai người đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ tự đến hai người ấy. ...(như trên)... vào Giáo Pháp của bậc đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, và họ đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! ...(như trên)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các cận sự nam đã được quy y kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với hai người đàn ông ấy rằng:

- Nay các đạo hữu, chớ có đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.

và chỉ cho đi bằng một con đường khác.

[371] Sau đó đến phiên bốn người đàn ông ấy...(như trên)... Sau đó đến phiên tám người đàn ông ấy ...(như trên)... Sau đó đến phiên mười sáu người đàn ông ấy (nghĩ rằng): "Tám gã đàn ông ấy sao lại lâu đến quá vậy?" nên đã đi dọc theo con đường ấy và thấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới một gốc cây nọ. Thấy vậy, họ đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ tự đến các người ấy...(như trên)... vào Giáo Pháp của bậc đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, và họ đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! ...(như trên)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các cận sự nam đã được quy y kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với các người đàn ông ấy rằng:

- Nay các đạo hữu, chớ có đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.

và chỉ cho đi bằng một con đường khác.

Sau đó, người đàn ông ấy một mình đã đi đến gặp Devadatta, đến rồi đã nói với Devadatta rằng:

- Bạch ngài, tôi không thể đoạt lấy mạng sống của đức Thế tôn. Đức Thế Tôn ấy có đại thần lực, đại năng lực.

- Đủ rồi, này ông bạn, người đã không chịu đoạt lấy mạng sống của sa-môn Gotama; thì chính ta sẽ đoạt lấy mạng sống của sa-môn Gotama vậy.

[372] Vào lúc bấy giờ, đức Thế tôn đang đi kinh hành ở bóng râm của ngọn núi Linh Thứu (Gijjhakūṭa). Khi ấy, Devadatta đã leo lên ngọn núi Gijjhakūṭa và xô xuống một tảng đá lớn (nghĩ rằng): "Ta sẽ đoạt lấy mạng sống của sa-môn Gotama bằng vật này." Hai đỉnh của hai ngọn núi đã giao nhau và chận tảng đá lại. Do đó, những mảnh vụn đã văng ra và làm chảy máu ở bàn chân của đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhìn lên phía trên và nói với Devadatta rằng:

- Này kẻ rồ dại kia, người đã gây nên điều bất thiện nghiêm trọng khi người với tâm độc ác, với tâm giết hại đã làm đức Như Lai chảy máu.

Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, đây là nghiệp vô gián đầu tiên mà Devadatta đã tích lũy; đó là việc đã làm đức Như Lai chảy máu với tâm độc ác, với tâm giết hại.

Các vị tỳ-kheo đã nghe rằng: "Nghe nói Devadatta mưu đồ giết hại đức Thế Tôn." Và các tỳ-kheo ấy đã đi kinh hành quanh trú xá của đức Thế Tôn tạo nên âm thanh to và âm thanh lớn trong khi đọc tụng để bảo vệ, che chở, và canh gác cho đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nghe được tiếng động to, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng. Nghe rồi, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, tiếng động to, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng này là gì vậy?

- Bạch ngài, các tỳ-kheo nghe rằng: "Nghe nói Devadatta mưu đồ giết hại đức Thế Tôn." Bạch ngài, các tỳ-kheo ấy đã đi kinh hành quanh trú xá của đức Thế Tôn tạo nên âm thanh to và âm thanh lớn trong khi đọc tụng để bảo vệ, che chở, và canh gác cho đức Thế Tôn. Bạch ngài, tiếng động to, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng ấy là như thế.

- Nay Ānanda, như vậy thì người nhân danh ta cho gọi các tỳ-kheo rằng: "Bạch Đạo Sư cho gọi các đại đức."

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Đại đức Ānanda đã nghe lời đức Thế Tôn đi đến gặp các tỳ-kheo, đến rồi đã nói với các tỳ-kheo rằng:

- Bạch Đạo Sư cho gọi các đại đức.

- Nay đại đức, xin vâng.

Rồi các tỳ-kheo ấy nghe lời đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với các tỳ-kheo đang ngồi một bên rằng:

- Nay các tỳ-kheo, việc đức Như Lai bị tước đoạt mạng sống bởi sự hãm hại của kẻ khác là việc không hợp lý và không có cơ sở. Nay các tỳ-kheo, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại.

Này các tỳ-kheo, đây năm hạng đạo sư đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các tỳ-kheo, có hạng đạo sư có giới không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta có giới thanh tịnh," "Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử của chính vị ấy biết rằng: "Vị đạo sư nổi tiếng này có giới không thanh tịnh lại tự cho rằng: 'Ta có giới thanh tịnh,' 'Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây chuyện cho ông ta bởi điều ấy. Và lại, ông ta đang được dâng cúng y áo, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Ông ta làm điều gì, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này các tỳ-kheo, như vậy là các đệ tử bảo vệ giới cho vị đạo sư, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ giới từ các đệ tử.

[373] Còn điều khác nữa, này các tỳ-kheo, ở đây có hạng đạo sư nuôi mạng không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta nuôi mạng thanh tịnh," "Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử của chính vị ấy biết rằng: "Vị đạo sư nổi tiếng này nuôi mạng không thanh tịnh lại tự cho rằng: 'Ta nuôi mạng thanh tịnh,' 'Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây chuyện cho ông ta bởi điều ấy. Và lại, ông ta đang được dâng cúng y áo, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Ông ta làm điều gì, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này các tỳ-kheo, như vậy là các đệ tử bảo vệ việc nuôi mạng cho vị đạo sư, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ việc nuôi mạng từ các đệ tử.

[374] Còn điều khác nữa, này các tỳ-kheo, ở đây có hạng đạo sư thuyết pháp không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta thuyết pháp thanh tịnh," "Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử của chính vị ấy biết rằng: "Vị đạo sư nổi tiếng này thuyết pháp không thanh tịnh lại tự cho rằng: 'Ta thuyết pháp thanh tịnh,' 'Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây chuyện cho ông ta bởi điều ấy. Và lại, ông ta đang được dâng cúng y áo, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Ông ta làm điều gì, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này các tỳ-kheo, như vậy là các đệ tử bảo vệ việc thuyết pháp cho vị đạo sư, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ việc thuyết pháp từ các đệ tử.

[375] Còn điều khác nữa, này các tử-kheo, ở đây có hạng đạo sư có lỗi giải thích không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta có lỗi giải thích thanh tịnh," "Lỗi giải thích của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử của chính vị ấy biết rằng: "Vị đạo sư nổi tiếng này có lỗi giải thích không thanh tịnh lại tự cho rằng: 'Ta có lỗi giải thích thanh tịnh,' 'Lỗi giải thích của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây chuyện cho ông ta bởi điều ấy. Và lại, ông ta đang được dâng cúng y áo, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Ông ta làm điều gì, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này các tử-kheo, như vậy là các đệ tử bảo vệ lỗi giải thích cho vị đạo sư, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ lỗi giải thích từ các đệ tử.

[376] Còn điều khác nữa, này các tử-kheo, ở đây có hạng đạo sư có tri kiến không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh," "Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử của chính vị ấy biết rằng: "Vị đạo sư nổi tiếng này có tri kiến không thanh tịnh lại tự cho rằng: 'Ta có tri kiến thanh tịnh,' 'Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.' Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây chuyện cho ông ta bởi điều ấy. Và lại, ông ta đang được dâng cúng y áo, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Ông ta làm điều gì, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này các tử-kheo, như vậy là các đệ tử bảo vệ tri kiến cho vị đạo sư, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ tri kiến từ các đệ tử.

Này các tử-kheo, ta có giới thanh tịnh và biết rằng: "Ta có giới thanh tịnh," "Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ giới cho ta, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ giới từ các đệ tử. Thêm nữa, này các tử-kheo, ta nuôi mạng thanh tịnh, ...(như trên)... Ta thuyết Pháp thanh tịnh, ...(như trên)... Ta có lỗi giải thích thanh tịnh, ...(như trên)... Ta có tri kiến thanh tịnh và biết rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh," "Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố." Các đệ tử không cần bảo vệ tri kiến cho ta, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ tri kiến từ các đệ tử.

Này các tử-kheo, việc đức Như Lai bị tước đoạt mạng sống bởi sự hãm hại của kẻ khác là việc không hợp lý và không có cơ sở. Này các tử-kheo, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại. Này các tử-kheo, các

ngươi hãy đi về trú xá của mỗi người. Nay các tỳ-kheo, các đức Như Lai không cần được bảo vệ.

[377] Vào lúc bảy giờ, ở trong thành Rājagaha có một con voi dữ tợn tên là Nālāgiri, là con thú giết người. Khi ấy, Devadatta đã đi vào thành Rājagaha đến chuồng voi và nói với những người quản tượng rằng:

- Nay các quản tượng, chúng tôi là thân tín của nhà vua, có quyền lực để đưa một kẻ có chức vụ thấp lên chức vụ cao và còn làm tăng thêm thực phẩm và lương bổng nữa. Chính vì lý do đó, nay các quản tượng, khi nào sa-môn Gotama đi vào con đường này, các ngươi hãy thả con voi Nālāgiri ra và cho nó đi theo con đường này.

- Thừa vâng, bạch ngài. Các gã quản tượng ấy đã trả lời Devadatta như thế.

Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn vào buổi sáng đã mặc y cầm y bát cùng với nhiều tỳ-kheo đi vào thành Rājagaha để khát thực. Rồi đức Thế Tôn đã bước vào con đường ấy. Các gã quản tượng ấy đã thấy đức Thế Tôn đi vào con đường ấy. Thấy rồi, những gã quản tượng ấy đã thả con voi Nālāgiri và cho nó đi theo con đường ấy. Con voi Nālāgiri đã thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại gần. Thấy thế, con voi đã vươn vòi lên, tai và đuôi dựng đứng lên chạy lại đức Thế Tôn. Các vị tỳ-kheo ấy đã thấy voi Nālāgiri từ đằng xa đang tiến đến. Thấy thế, các vị đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, voi Nālāgiri này dữ tợn, là con thú giết người, đã đi vào con đường này. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui.

- Nay các tỳ-kheo, hãy lại đây, chớ có sợ hãi. Nay các tỳ-kheo, việc đức Như Lai bị tước đoạt mạng sống bởi sự hãm hại của kẻ khác là việc không hợp lý và không có cơ sở. Nay các tỳ-kheo, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại.

Lần thứ nhì, các tỳ-kheo ấy ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, các tỳ-kheo ấy đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, voi Nālāgiri này dữ tợn, là con thú giết người, đã đi vào con đường này. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui.

- Nay các tử-kheo, hãy lại đây, chớ có sợ hãi. Nay các tử-kheo, việc đức Như Lai bị tước đoạt mạng sống bởi sự hãm hại của kẻ khác là việc không hợp lý và không có cơ sở là. Nay các tử-kheo, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại.

[378] Vào lúc bấy giờ, dân chúng trèo lên và nấp ở các lầu đài, ở các tòa nhà, ở các mái lá. Trong trường hợp này, những người không có đức tin, không hoan hỷ, kém trí tuệ nói rằng:

- Chắc chắn rằng ngài sa-môn đẹp trai này sẽ bị con long tượng gây thương tích.

Còn những người có đức tin, hoan hỷ, trí tuệ thì nói như vậy:

- Chốc nữa thôi, chắc chắn con long tượng này sẽ bị Tượng Chúa khuất phục.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã phóng một luồng tâm bác ác đến voi Nālāgiri. Và voi Nālāgiri bị tác động bởi luồng tâm bác ái của đức Thế Tôn nên đã hạ vòi xuống đi đến gần đức Thế Tôn, đến rồi đã đứng ở phía trước đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã dùng tay phải xoa ở trán của voi Nālāgiri rồi nói với voi Nālāgiri những câu kệ ngôn này:

[379]

Này voi, chớ đối đầu
với Tượng Chúa, này voi,
đối đầu Tượng Chúa khổ.
Này voi, không cỡi trời
cho kẻ giết Tượng Chúa,
từ đây, sanh cõi khác.
Và chớ có ngạo mạn,
và chớ có khinh thường,
vì những ai bất cần
không về được cõi trời.
Nếu ngươi không làm thế,
nhờ đó ngươi về trời.

[380] Khi ấy, voi Nālāgiri đã dùng vòi lấy bụi ở bàn chân của đức Thế Tôn rắc trên đầu nó, rồi khum người xuống chào, và quay lại bước đi trong lúc vẫn nhìn đức Thế Tôn. Sau đó, voi Nālāgiri về lại chuồng và đứng tại chỗ của nó. Từ đó, voi Nālāgiri trở nên dễ dạy.

[381] Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường ngâm nga bài kệ này:

Những kẻ được dạy dỗ
bằng (cách dùng) gậy gộc,
bằng (cách dùng) roi vọt,
bằng các gậy móc câu;
long trọng được điều phục
bởi vị Đại Ân Sĩ,
không cần đến gậy gộc,
không cần dùng vũ khí.

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Devadatta này thật là ác độc, không biết xấu hổ, bởi vì ở nơi đây lại dám âm mưu giết hại sa-môn Gotama là vị có đại thần lực, có đại năng lực như thế này.

Từ đó, lợi lộc và vinh quang của Devadatta bị mất mát. Lợi lộc và vinh quang của đức Thế Tôn tăng trưởng.

[382] Vào lúc bấy giờ, Devadatta do lợi lộc và vinh quang bị mất mát nên phải cùng phe cánh yêu cầu nhiều lần ở các gia đình rồi đến thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các sa-môn Thích Tử này lại yêu cầu nhiều lần ở các gia đình rồi đến thọ thực? Ai lại không thích sự sung túc? Ai lại không hài lòng với đồ ăn ngọt ngào?

Các tỷ-kheo đã nghe dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ... (như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao Devadatta cùng phe cánh lại yêu cầu nhiều lần ở các gia đình rồi đến thọ thực?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay Devadatta, nghe nói người cùng phe cánh yêu cầu nhiều lần ở các gia đình rồi đến thọ thực, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi đã khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì ta quy định vật thực không thọ lãnh quá ba vị ở các gia đình vì ba lý do: "Nhằm kiềm chế những kẻ tội tệ; vì sự sống an lạc của các tỳ-kheo hiền thiện, không để những kẻ có ý đồ xấu xa nương tựa vào phe cánh mà chia rẽ hội chúng; vì lòng trắc ẩn đối với các gia đình." Nên thực hành theo Pháp trong việc thọ thực thành nhóm.

[383] Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddadatto; đến rồi đã nói với Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddadatto rằng:

- Nay các đệ, hãy đi. Chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của sa-môn Gotama, tức là việc phá hoại tập thể.

Nghe nói vậy, Kokālika đã nói với Devadatta rằng:

- Nay đại đức, sa-môn Gotama thật sự có đại thần lực, đại năng lực. Làm thế nào chúng ta tiến hành việc chia rẽ hội chúng của sa-môn Gotama, tức là việc phá hoại tập thể được?

- Nay các đệ, hãy đi. Chúng ta sẽ đi đến gặp sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: "Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự hài lòng, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự hài lòng, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Lành thay, bạch ngài, các tỳ-kheo nên là vị sống ở rừng cho đến trọn đời; nếu vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị khát thực; vị nào hoan hỷ sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, vị nào hoan hỷ y của gia chủ thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời sống ở góc cây; vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội." Sa-môn Gotama sẽ không cho phép

năm sự việc này. Và chúng ta sẽ công bố cho dân chúng biết về năm sự việc này.

- Nay đại đức, có thể tiến hành việc chia rẽ hội chúng của sa-môn Gotama, tức là việc phá hoại tập thể với năm sự việc này. Nay đại đức, bởi vì dân chúng có niềm tin với khổ hạnh.

[384] Sau đó, Devadatta cùng phe cánh đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Devadatta đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự hài lòng, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự hài lòng, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Lành thay, bạch ngài, các tỳ-kheo nên là vị sống ở rừng cho đến trọn đời; nếu vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị khát thực; vị nào hoan hỷ sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, vị nào hoan hỷ y của gia chủ thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời sống ở gốc cây; vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.

- Đủ rồi, này Devadatta. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị sống ở rừng; vị nào muốn thì cứ cư ngụ ở trong làng. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị khát thực; vị nào muốn thì cứ hoan hỷ việc thỉnh mời. Vị nào muốn thì hãy là vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ; vị nào muốn thì cứ hoan hỷ y của gia chủ. Nay Devadatta, ta cho phép chỗ trú ngụ là gốc cây trong tám tháng. Cá thịt là thanh tịnh với ba điều kiện là: "Không thấy, không nghe, và không nghi ngờ."

Khi ấy, Devadatta (biết rằng): "Đức Thế Tôn đã không cho phép năm sự việc ấy," đã mừng rỡ, phấn chấn cùng phe cánh từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

[385] Sau đó, Devadatta đã cùng phe cánh đi vào thành Rājagaha công bố cho dân chúng biết về năm sự việc:

- Các đạo hữu, chúng tôi đã đi đến gặp sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: "Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, ...(như

trên)..., sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, ...(như trên)..., sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Lành thay, bạch ngài, các tỳ-kheo nên là vị sống ở rừng cho đến trọn đời; nếu vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội." Sa-môn Gotama đã không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi sẽ thọ trì và thực hành năm sự việc này.

[386] Trong vấn đề này, những người dân không có đức tin, không hoan hỷ, kém trí tuệ thì nói rằng:

- Các sa-môn Thích Tử này đúng là có sự từ bỏ, có sở hành đoạn trừ; còn sa-môn Gotama là kẻ xa hoa, có khuynh hướng xa hoa.

Còn những người có đức tin, hoan hỷ, trí tuệ, những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao Devadatta lại ra sức chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phá hoại tập thể?

Các tỳ-kheo đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao Devadatta lại ra sức chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phá hoại tập thể?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn...(như trên)...

- Này Devadatta, nghe nói người ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phá hoại tập thể, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

- Đủ rồi, này Devadatta. Người chớ có hoan hỷ việc chia rẽ hội chúng. Này Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng. Này Devadatta, kẻ nào chia rẽ hội chúng đang hòa hợp, kẻ ấy gây nên tội lỗi tồn tại trọn kiếp (trái đất) và bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp (trái đất). Và này Devadatta, người nào hàn gắn lại hội chúng đang bị chia rẽ người ấy tạo nên phước báu của Phạm Thiên và sẽ được an vui ở cõi trời trọn kiếp (trái đất). Đủ rồi, này

Devadatta. Người chớ có hoan hỷ việc chia rẽ hội chúng. Nay Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng.

[387] Sau đó, đại đức Ānanda vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành Rājagaha để khát thực. Devadatta đã thấy đại đức Ānanda đang đi khát thực ở trong thành Rājagaha. Thấy vậy, Devadatta đã đi đến gần đại đức Ānanda, đến rồi đã nói với đại đức Ānanda rằng:

- Nay đại đức Ānanda, từ nay trở đi tôi sẽ hành lễ Bồ Tát (Uposatha) và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng tỷ-kheo.

Sau khi đã đi khát thực ở trong thành Rājagaha xong, đại đức Ānanda trên đường đi khát thực trở về, sau bữa ăn đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, nơi đây, vào buổi sáng, sau khi mặc y, cầm y bát, con đã đi vào thành Rājagaha để khát thực. Bạch ngài, Devadatta đã thấy con đang đi khát thực ở trong thành Rājagaha. Thấy vậy, Devadatta đã đi đến gần con, đến rồi đã nói với con rằng: "Nay đại đức Ānanda, từ nay trở đi tôi sẽ hành lễ Bồ Tát (Uposatha) và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng tỷ-kheo." Bạch ngài, kể từ nay, Devadatta sẽ chia rẽ hội chúng.

Khi đó, đức Thế Tôn, sau khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đã thốt lên lời cảm hứng rằng:

[388]

(Điều) tốt người tốt dễ làm,
(điều) tốt kẻ xấu khó làm.
(Điều) ác kẻ xấu dễ làm,
(điều) ác thánh nhân khó làm.

Dứt Tụng Phẩm thứ nhì.

[389] Sau đó, vào ngày lễ Bồ Tát (Uposatha), Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy phân phát thẻ biểu quyết (nói rằng):

- Nay các sư đệ, chúng tôi đã đi đến gặp sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: "Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, ...(như trên)..., sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, ...(như trên)..., sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Lành thay, bạch ngài, các tỳ-kheo nên là vị sống ở rừng cho đến trọn đời; nếu vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. ...(như trên)... Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội." Sa-môn Gotama đã không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi sẽ thọ trì và thực hành năm sự việc này. Đại đức nào đồng ý với năm sự việc này xin nhận lãnh thẻ biểu quyết.

[390] Vào lúc bảy giờ, có năm trăm tỳ-kheo người xứ Vajji ở Vesalī vừa mới xuất gia, không hiểu biết rõ sự việc. Các tỳ-kheo ấy (nghĩ rằng): "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư," và nhận lấy thẻ biểu quyết. Sau đó, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm tỳ-kheo ra đi về phía đỉnh đồi Gayā.

[391] Khi ấy, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sāriputta đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm tỳ-kheo ra đi về phía đỉnh đồi Gayā.

- Nay Sāriputta và Moggallāna, không lẽ các người không có sự trặc ẩn đối với các tân thọ tỳ-kheo ấy hay sao? Nay Sāriputta và Moggallāna, hai người hãy ra đi trước khi các tỳ-kheo này bị rơi vào bất hạnh và hư hỏng.

- Thừa vâng, bạch ngài.

Rồi Sāriputta và Moggallāna nghe lời đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi đi về phía đỉnh đồi Gayā.

[392] Vào lúc bảy giờ, có một tỳ-kheo đứng không xa đức Thế Tôn đang khóc lóc. Khi đó, đức Thế Tôn đã nói với vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Nay tỳ-kheo, vì sao người khóc?

- Bạch ngài, ngay cả hai vị thượng thủ tinh văn của đức Thế Tôn là Sāriputta và Moggallāna cũng hoan hỷ với giáo lý của Devadatta và đã đi đến với Devadatta rồi.

- Nay tỳ-kheo, việc Sāriputta và Moggallāna cũng hoan hỷ với giáo lý của Devadatta là việc không hợp lý và không có cơ sở là; họ đi chính là để thu phục các tỳ-kheo.

[393] Vào lúc bấy giờ, Devadatta đang ngồi thuyết giảng Giáo Pháp giữa một hội chúng lớn. Devadatta đã thấy Sāriputta và Moggallāna đang từ đàn xa đi đến. Thấy vậy, Devadatta đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, hãy nhìn xem giáo lý của ta được khéo thuyết như thế nào; ngay cả thượng thủ tinh văn của sa-môn Gotama là Sāriputta và Moggallāna cũng hoan hỷ với giáo lý của ta và đi đến với ta nữa.

Khi được nói vậy, Kokālika đã nói với Devadatta rằng:

- Nay đại đức Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có ước muốn xấu xa và bị ảnh hưởng bởi những ước muốn xấu xa.

- Đủ rồi, đại đức. Hãy chào mừng bọn họ bởi vì họ đã hoan hỷ với giáo lý của ta.

Sau đó, Devadatta đã mời đại đức Sāriputta với một nửa chỗ ngồi (của mình):

- Nay đại đức Sāriputta, hãy lại đây, hãy ngồi chỗ này.

- Được rồi, đại đức.

Đại đức Sāriputta đã chọn một chỗ ngồi khác và ngồi xuống một góc. Đại đức Mahāmoggallāna cũng đã chọn một chỗ ngồi khác và ngồi xuống một góc. Khi ấy, Devadatta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi các tỳ-kheo bằng bài Pháp thoại gần như trọn đêm rồi đã bảo đại đức Sāriputta rằng:

- Nay đại đức Sāriputta, hội chúng tỳ-kheo đã hết dã dượi và buồn ngủ. Nay đại đức Sāriputta, hãy nghĩ đến điều gì đó là một bài Pháp thoại cho các tỳ-kheo; vì cái lưng tôi bị mỏi nên tôi phải nằm để duỗi lưng ra.

- Xin vâng, đại đức. Đại đức Sāriputta đã trả lời Devadatta.

Sau đó, Devadatta đã xếp y hai lớp (sa□ghāṭi) lại làm tư rồi thực hiện thế nằm ở phía bên hông phải. Trong khi mệt mỏi, thất niệm, không tỉnh giác nên chỉ một chốc lát, Devadatta đã chìm vào giấc ngủ.

[394] Khi ấy, đại đức Sāriputta đã sách tấn và giảng giải cho các tỳ-kheo bằng bài Pháp thoại phân tích về sự kỳ diệu của việc biết được ý nghĩ của người khác. Đại đức Mahāmoggallāna đã sách tấn và giảng giải cho các tỳ-kheo bằng bài Pháp thoại phân tích về sự kỳ diệu của thần thông. Sau đó, trong khi các tỳ-kheo ấy đã được đại đức Sāriputta sách tấn và giảng giải về sự kỳ diệu của việc biết được ý nghĩ của người khác và đại đức Mahāmoggallāna sách tấn và giảng giải về sự kỳ diệu của thần thông thì sự ly dục, sự không còn ô nhiễm, và sự thấy Pháp đã sanh khởi: "Bất cứ điều gì có bản tánh được sanh khởi thì toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Sau đó, đại đức Sāriputta đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các sư đệ, chúng ta hãy đi đến với đức Thế Tôn. Vị nào hoan hỷ với Giáo Pháp của đức Thế Tôn ấy thì hãy cùng đi.

Rồi, hai vị Sāriputta và Moggallāna đã dẫn năm trăm tỳ-kheo đi đến Veḷuvana. Lúc ấy, Kokālika đã đánh thức Devadatta dậy:

- Nay đại đức Devadatta, hãy dậy đi. Sāriputta và Moggallāna đã dẫn các tỳ-kheo ấy đi rồi. Nay đại đức Devadatta, không phải tôi đã nói với đại đức rằng: "Nay đại đức Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có ước muốn xấu xa và bị ảnh hưởng bởi những ước muốn xấu xa."

Lúc bấy giờ, ngay tại chỗ ấy, máu nóng đã ứa ra từ miệng của Devadatta.

[395] Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sāriputta đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, lành thay nếu các tỳ-kheo thuộc nhóm tách ly được tu lên bậc trên lại.

- Được rồi, này Sāriputta. Chớ có hoan hỷ với việc tu lên bậc trên lại của các tỳ-kheo thuộc nhóm tách ly. Này Sāriputta, như vậy thì người hãy cho các tỳ-kheo trong nhóm tách ly sám hối trọng tội (thullaccaya□). Này Sāriputta, Devadatta đã cư xử đòi với người như thế nào?

- Bạch ngài, cũng tương tự như đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi các tỳ-kheo bằng bài Pháp thoại gần như trọn đêm rồi đã bảo con rằng: "Này Sāriputta, hội chúng tỳ-kheo đã hết đã dưới và buồn ngủ. Này Sāriputta, hãy nghĩ đến điều gì đó là một bài Pháp thoại cho các tỳ-kheo; vì cái lưng ta bị mỏi nên ta phải nằm để đuổi lưng ra." Bạch ngài, Devadatta đã thực hành đúng y như vậy.

[396] Sau đó, đức Thế tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, vào thời trước đây, có một cái hồ lớn trong khu vực toàn là rừng. Có các con long tượng nương tựa và sống ở đó. Chúng lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhổ lên cọng sen đã được rửa sạch, sau khi rửa không còn bùn, chúng đã nhai và ăn đi. Điều ấy đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Không vì lý do đó mà chúng phải chết hoặc khổ như là chết. Nhưng này các tỳ-kheo, trong đám các con long tượng đã trưởng thành có những con còn nhỏ, trẻ, non nớt, đang học hỏi. Những con này đã lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhổ lên cọng sen đã không chịu rửa sạch, sau khi rửa vẫn còn bùn, chúng đã nhai và ăn đi. Điều ấy đã không đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Vì lý do đó mà chúng phải chết hoặc khổ như là chết. Này các tỳ-kheo, cũng giống như thế, Devadatta là kẻ tội nghiệp, lại bắt chước ta, sẽ phải tiêu hoại.

[397]

Trong khi ăn cọng sen,
con long tượng không lơ
xem xét các giòng sông
và lay chuyển trái đất.
Tương tự con voi con
chỉ ăn toàn đất bùn,
bắt chước cho giống ta,
kẻ tội nghiệp sẽ chết.

[398] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo hội đủ tám điều kiện xứng đáng để đi làm sứ giả. Tám điều kiện ấy là gì? Ở đây, này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo là người lắng nghe, là người làm cho kẻ khác lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho kẻ khác có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc tốt xấu, không phải là người gây ra tranh cãi. Nay các tỳ-kheo, hội đủ tám điều kiện này, vị tỳ-kheo xứng đáng để đi làm sứ giả.

[399] Nay các tỳ-kheo, Sāriputta hội đủ tám điều kiện xứng đáng để đi làm sứ giả. Tám điều kiện ấy là gì? Ở đây, này các tỳ-kheo, Sāriputta là người lắng nghe, là người làm cho kẻ khác lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho kẻ khác có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc tốt xấu, không phải là người gây ra tranh cãi. Nay các tỳ-kheo, hội đủ tám điều kiện này, Sāriputta xứng đáng để đi làm sứ giả.

[400]

Vị nào không sợ hãi
đi vào nơi hội chúng
đang tranh cãi ồn ào,
không bỏ dở lời nói,
không dấu giếm lời dạy,
lời nói có chủ đích,
bị chất vấn không sân;
vị tỳ-kheo như thế
xứng đi làm sứ giả.

[401] Nay các tỳ-kheo, Devadatta có tâm bị xâm chiếm, bị ngự trị bởi tám điều không đúng chánh Pháp là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Tám điều ấy là gì? Nay các tỳ-kheo, vì lợi lộc Devadatta là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Nay các tỳ-kheo, vì không có lợi lộc ... (như trên)... Nay các tỳ-kheo, vì danh vọng ... (như trên)... Nay các tỳ-kheo, vì không có danh vọng ... (như trên)... Nay các tỳ-kheo, vì vinh quang ... (như trên)... Nay các tỳ-kheo, vì không có vinh quang ... (như trên)... Nay các tỳ-kheo, vì ước muốn xấu xa ... (như trên)... Nay các tỳ-kheo, vì bạn bè xấu xa Devadatta là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Nay

các tử-kheo, với tám điều không đúng chánh Pháp này, Devadatta là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Này các tử-kheo, tốt đẹp thay nếu vị tử-kheo có thể sống hoàn toàn không màng đến lợi lộc đã được sanh khởi, ...(như trên)... không có lợi lộc đã được sanh khởi, danh vọng đã được sanh khởi, không có danh vọng đã được sanh khởi, vinh quang đã được sanh khởi, không có vinh quang đã được sanh khởi, ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(như trên)... có thể sống hoàn toàn không màng đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi.

Này các tử-kheo, tùy thuận lợi ích và ý định gì mà vị tử-kheo có thể sống hoàn toàn không màng đến lợi lộc đã được sanh khởi, ...(như trên)... không có lợi lộc đã được sanh khởi, danh vọng đã được sanh khởi, không có danh vọng đã được sanh khởi, vinh quang đã được sanh khởi, không có vinh quang đã được sanh khởi, ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(như trên)... có thể sống hoàn toàn không màng đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi?

Này các tử-kheo, chính vì vị ấy trong khi sống quan tâm đến lợi lộc đã được sanh khởi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt được sanh khởi; nếu vị ấy trong khi sống hoàn toàn không màng đến lợi lộc đã được sanh khởi, như thế ấy các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt ấy không thể hình thành được. Này các tử-kheo, chính vì vị ấy ...(như trên)... không có lợi lộc đã được sanh khởi, danh vọng đã được sanh khởi, không có danh vọng đã được sanh khởi, vinh quang đã được sanh khởi, không có vinh quang đã được sanh khởi, ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(như trên)... trong khi sống quan tâm đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt được sanh khởi; nếu vị ấy trong khi sống hoàn toàn không màng đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi, như thế ấy các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt ấy không thể hình thành được.

Này các tử-kheo, tùy thuận lợi ích và ý định này mà vị tử-kheo có thể sống hoàn toàn không màng đến lợi lộc đã được sanh khởi, ...(như trên)... không có lợi lộc đã được sanh khởi, danh vọng đã được sanh khởi, không có danh vọng đã được sanh khởi, vinh quang đã được sanh khởi, không có vinh quang đã được sanh khởi, ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(như trên)... vị ấy có thể sống hoàn toàn không màng đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi.

Do đó, ở đây, này các tỳ-kheo, chúng ta sẽ sống hoàn toàn không màng đến lợi lộc đã được sanh khởi, ...(như trên)... không có lợi lộc đã được sanh khởi, danh vọng đã được sanh khởi, không có danh vọng đã được sanh khởi, vinh quang đã được sanh khởi, không có vinh quang đã được sanh khởi, ...(như trên)... ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, chúng ta sẽ sống hoàn toàn không màng đến bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi. Này các tỳ-kheo, các người hãy học tập y như thế ấy.

[402] Này các tỳ-kheo, Devadatta có tâm bị xâm chiếm, bị ngự trị bởi ba điều không đúng chánh Pháp là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp (trái đất), không thể khác được. Ba điều ấy là gì? ước muốn xấu xa, bạn hữu xấu xa, sự dừng lại ở giữa pháp thiên và pháp siêu thế. Này các tỳ-kheo, Devadatta có tâm bị xâm chiếm, bị ngự trị bởi ba điều không đúng chánh Pháp này là kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, gánh chịu cảnh địa ngục, bị đọa trọn kiếp (trái đất), không thể khác được.

[403]

Ai sanh ở trên đời
chớ để ác dục sanh
hãy biết được điều ấy
ác dục sanh như thế.
Hãy biết kẻ trí tuệ,
bản thân đã chứng thiên,
được nổi danh sáng chói
là "Devadatta"
như tôi đã được nghe.
Kẻ ấy đã ra sức,
một cách không biếng nhác
để sánh với Như Lai,
để rồi vào địa ngục
Avīci bốn cửa
đầy những nỗi kinh hoàng
vì hại bậc hiền thiện,
là kẻ làm ác nghiệp.
Kẻ gây điều ác ấy,
tâm địa thật bất lương,
không còn lòng nhân ái,
nghĩ rằng sẽ đầu độc

hết cả một đại dương
bằng một hũ thuốc độc,
đã không làm gì được
đại dương thật hùng vĩ;
cũng y như thế ấy,
kẻ ấy dùng ngôn từ
quấy rối đấng Thiện Thệ
là bậc đã hoàn hảo,
tâm trí đã thanh tịnh
lời nói đã không còn
tác động đến người được.
Bậc trí hãy kết bạn
với người như thế ấy,
nên phục vụ người ấy.
Tỷ-kheo theo đường lối
của vị ấy sẽ đạt
sự chấm dứt khổ đau.

[404] Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, có điều nói rằng: "Sự bất đồng trong hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng." Bạch ngài, cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng? Cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng?

- Nay Upāli, một bên có một người, bên kia có hai người, và người thứ tư phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Nay Upāli, như vậy là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Nay Upāli, một bên có hai người, bên kia có hai người, và người thứ năm phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Nay Upāli, như vậy là sự bất đồng trong hội chúng mà không sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có hai người, bên kia có ba người, và người thứ sáu phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, như vậy là sự bất đồng trong hội chúng mà không sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có ba người, bên kia có ba người, và người thứ bảy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, như vậy là sự bất đồng trong hội chúng mà không sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có ba người, bên kia có bốn người, và người thứ tám phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, như vậy là sự bất đồng trong hội chúng mà không sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có bốn người, bên kia có bốn người, và người thứ chín phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, như vậy là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, chín hoặc hơn chín là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một tỷ-kheo ni không chia rẽ hội chúng, và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Một cô ni tu tập sự (sikkhamānā) không chia rẽ hội chúng, ... (như trên)... Một sa-di không chia rẽ hội chúng; một sa-di ni không chia rẽ hội chúng; một cận sự nam không chia rẽ hội chúng; một cận sự nữ không chia rẽ hội chúng, và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Này Upāli, một tỷ-kheo bình thường (pakatatto), là người cùng cộng trú, ở chung một ranh giới (sīmā), chia rẽ hội chúng.

[405] Bạch ngài, có điều nói rằng: "Sự chia rẽ hội chúng, sự chia rẽ hội chúng." Bạch ngài, cho đến như thế nào thì gọi là hội chúng bị chia rẽ?

- Ở đây, này Upāli, các tỷ-kheo tuyên bố phi Pháp là "Pháp;" tuyên bố Pháp là: "Phi Pháp;" tuyên bố phi Luật là: "Luật;" tuyên bố Luật là: "Phi Luật;" tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là:

"Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: "Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: "Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là: "Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là: "Điều đã được quy định bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là: "Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai;" tuyên bố vô tội là: "Phạm tội;" tuyên bố phạm tội là: "Vô tội;" tuyên bố tội nặng là: "Tội nhẹ;" tuyên bố tội nhẹ là: "Tội nặng;" tuyên bố tội đã đủ yếu tố là: "Tội chưa đủ yếu tố;" tuyên bố tội chưa đủ yếu tố là: "Tội đã đủ yếu tố;" tuyên bố tội không xấu xa là: "Tội xấu xa;" tuyên bố tội xấu xa là: "Tội không xấu xa." Với mười tám sự việc này, chúng tách ra và tách rời hẳn, chúng thực hiện lễ Bồ Tát (Uposatha) riêng rẽ, chúng thực hiện lễ Tự Tứ (Pavāraṇa) riêng rẽ, chúng thực hiện công việc của hội chúng riêng rẽ. Nay Upāli, cho đến như vậy thì gọi là hội chúng bị chia rẽ.

[406] Bạch ngài, có điều nói rằng: "Hòa hợp hội chúng, hòa hợp hội chúng." Bạch ngài, cho đến như thế nào thì gọi là hội chúng được hòa hợp?

Ở đây, nay Upāli, các tỷ-kheo tuyên bố phi Pháp là "Phi Pháp;" tuyên bố Pháp là: "Pháp;" tuyên bố phi Luật là: "Phi Luật;" tuyên bố Luật là: "Luật;" tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: "Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: "Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: "Điều không được thực hành bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: "Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là: "Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: "Điều đã được quy định bởi đức Như Lai;" tuyên bố vô tội là: "Vô tội;" tuyên bố phạm tội là: "Phạm tội;" tuyên bố tội nặng là: "Tội nặng;" tuyên bố tội nhẹ là: "Tội nhẹ;" tuyên bố tội đã đủ yếu tố là: "Tội đã đủ yếu tố;" tuyên bố tội chưa đủ yếu tố là: "Tội chưa đủ yếu tố;" tuyên bố tội không xấu xa là: "Tội không xấu xa;" tuyên bố tội xấu xa là: "Tội xấu xa." Với mười tám sự việc này, chúng không tách ra và không tách rời hẳn, chúng không thực hiện lễ Bồ Tát (Uposatha) riêng rẽ, chúng không thực hiện lễ Tự Tứ (Pavāraṇa) riêng rẽ, chúng không thực hiện công việc của hội chúng riêng rẽ. Nay Upāli, cho đến như vậy thì gọi là hội chúng được hòa hợp.

[407] Bạch ngài, sau khi chia rẽ hội chúng hòa hợp, kẻ ấy gây nên điều gì?

- Nay Upāli, sau khi chia rẽ hội chúng hòa hợp, kẻ ấy gây nên tội lỗi tồn tại trọn kiếp (trái đất) và sẽ bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp (trái đất).

[408]

Kẻ chia rẽ hội chúng
phải chịu sự bất hạnh,
vào địa ngục trọn kiếp.
Vui thích với phe nhóm,
lại sống không theo Pháp,
kẻ ấy bị xa rời
sự an tịnh của thiên.
Sau khi đã chia rẽ
hội chúng đang hòa hợp
kẻ ấy bị nung nấu
trong địa ngục trọn kiếp.

[409] - Bạch ngài, vị ấy tạo được điều gì sau khi làm hòa hợp hội chúng đã bị chia rẽ?

- Nay Upāli, sau khi làm hòa hợp hội chúng đã bị chia rẽ, vị ấy tạo được phước báu của Phạm Thiên và sẽ được an vui ở cõi trời trọn kiếp.

[410]

Thật là an lạc thay
sự hòa hợp hội chúng
và tán đồng cùng với
những ai sống hòa hợp.
Hoan hỷ trong hòa hợp,
và sống đúng theo Pháp,
vị ấy trú vào được
sự an tịnh của thiên.
Sau khi đã tiến hành
hòa hợp lại hội chúng,
vị ấy được vui hưởng
ở cõi trời trọn kiếp.

[411] Bạch ngài, phải chăng kẻ chia rẽ hội chúng phải gánh chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp (trái đất), không thể khác được?

- Nay Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng phải gánh chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

- Bạch ngài, có thể nào kẻ chia rẽ hội chúng không phải gánh chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được?

- Nay Upāli, cũng có thể một kẻ chia rẽ hội chúng không phải gánh chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

- Bạch ngài, thế nào là một kẻ chia rẽ hội chúng phải gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được?

- Ở đây, này Upāli, vị tỷ-kheo tuyên bố phi Pháp là: "Pháp." Với tri kiến phi Pháp trong điều ấy, với tri kiến phi Pháp trong việc chia rẽ, sau khi xác định làm tri kiến, xác định làm sự tùy thuận, xác định làm sự liên đới, xác định làm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng phải gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Lại nữa, này Upāli, vị tỷ-kheo tuyên bố phi Pháp là: "Pháp." Với tri kiến sai Pháp trong điều ấy, với tri kiến đúng Pháp trong việc chia rẽ, sau khi xác định làm tri kiến, xác định làm sự tùy thuận, xác định làm sự liên đới, xác định làm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng phải gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Lại nữa, này Upāli, vị tỷ-kheo tuyên bố phi Pháp là: "Pháp." Với tri kiến phi Pháp trong điều ấy, là vị hoài nghi trong việc chia rẽ, sau khi xác định làm tri kiến, xác định làm sự tùy thuận, xác định làm sự liên đới, xác định làm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng phải gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng phải gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Lại nữa, này Upāli, vị tỷ-kheo tuyên bố phi Pháp là: "Pháp." Với tri kiến đúng Pháp trong điều ấy, với tri kiến sai Pháp trong việc chia rẽ, ...(như trên)... Với tri kiến đúng Pháp trong điều ấy, là vị hoài nghi trong việc chia rẽ, ...(như trên)... Là vị hoài nghi trong điều ấy, với tri kiến sai Pháp trong việc chia rẽ. Là vị hoài nghi trong điều ấy, với tri kiến đúng Pháp trong việc chia rẽ. Là vị hoài nghi trong điều ấy, là vị hoài nghi trong sự chia rẽ, sau khi xác định làm tri kiến, xác định làm sự tùy thuận, xác định làm sự liên đới, xác định làm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng phải gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

Lại nữa, này Upāli, vị tỷ-kheo tuyên bố Pháp là "Phi Pháp;"...(như trên)... tuyên bố phi Luật là "Luật;" tuyên bố Luật là: "Phi Luật;" tuyên bố điều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: "Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: "Điều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: "Điều được thực hành bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là: "Điều không được thực hành bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là: "Điều đã được quy định bởi đức Như Lai;" tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: "Điều không được quy định bởi đức Như Lai;" tuyên bố vô tội là: "Phạm tội;" tuyên bố phạm tội là: "Vô tội;" tuyên bố tội nhẹ là: "Tội nặng;" tuyên bố tội nặng là: "Tội nhẹ;" tuyên bố tội đã đủ yếu tố là: "Tội chưa đủ yếu tố;" tuyên bố tội chưa đủ yếu tố là: "Tội đã đủ yếu tố;" tuyên bố tội xấu xa là: "Tội không xấu xa;" tuyên bố tội không xấu xa là: "Tội xấu xa;" Với tri kiến phi Pháp trong điều ấy, với tri kiến phi Pháp trong việc chia rẽ. Với tri kiến phi Pháp trong điều ấy, với tri kiến đúng Pháp trong việc chia rẽ. Với tri kiến phi Pháp trong điều ấy, là vị hoài nghi trong việc chia rẽ. Với tri kiến đúng Pháp trong điều ấy, với tri kiến phi Pháp trong việc chia rẽ. Với tri kiến đúng Pháp trong điều ấy, là vị hoài nghi trong việc chia rẽ. Là vị hoài nghi trong điều ấy, với tri kiến phi Pháp trong việc chia rẽ. Là vị hoài nghi trong điều ấy, với tri kiến đúng Pháp trong việc chia rẽ. Là vị hoài nghi trong điều ấy, là vị hoài nghi trong sự chia rẽ, sau khi xác định làm tri kiến, xác định làm sự tùy thuận, xác định làm sự liên đới, xác định làm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu

quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng phải gánh chịu sự bất hạnh, phải sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

[412] - Bạch ngài, thế nào là một kẻ chia rẽ hội chúng không phải gánh chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được?

- Ở đây, này Upāli, vị tỷ-kheo tuyên bố phi Pháp là: "Pháp." Với tri kiến đúng Pháp trong điều ấy, với tri kiến đúng Pháp trong việc chia rẽ, sau khi không xác định làm tri kiến, không xác định làm sự tùy thuận, không xác định làm sự liên đới, không xác định làm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng không phải gánh chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Lại nữa, này Upāli, vị tỷ-kheo tuyên bố Phi Pháp là: "Phi Pháp,"...(như trên)... tuyên bố tội ác xấu là: "Tội không ác xấu." Với tri kiến đúng Pháp trong điều ấy, với tri kiến đúng Pháp trong việc chia rẽ, sau khi không xác định làm tri kiến, không xác định làm sự tùy thuận, không xác định làm sự liên đới, không xác định làm bản chất rồi vị ấy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng không phải gánh chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được.

Dứt Tụng Phẩm thứ ba.

Dứt Chương Chia Rẽ Hội Chúng là chương thứ bảy.

Tóm Lược Chương này:

[413]

Các người danh tiếng ở
xứ Anupiyā,
vị mảnh mai không chịu,
cày, gieo hạt, dẫn nước,

tươi, nhỏ cỏ, gặt hái,
thâu hoạch, chất đống, đập,
tách rơm, sàng, nhập kho,
tương lai không ngừng nghỉ,
cả cha lẫn các ông.
Các vị giòng Thích Ca
(đức vua) Bhaddiya,
và Anuruddha,
Ānanda, Bhagu,
Kimila, ngã mạn.
Chuyện ở Kosambī,
thần thông bị mất hết,
thiên tử Kakudha,
Ngài giảng giải, của cha,
những sát thủ, hòn đá,
voi Nālāgiri.
Ba (lần mưu giết hại)
(yêu cầu) năm (điều kiện)
đều là việc trầm trọng.
Kẻ chia rẽ, trọng tội.
Ba rồi tám (phi Pháp),
lại ba (điều phi Pháp).
Bất đồng và chia rẽ,
có thể nào không tội?

----oOo----

VIII. Chương Phận Sự (Vattakkhandhakam)

1. Phận sự của tỳ-kheo vãng lai (Āgantuka)

[414] Vào lúc bảy giờ, đức Phật Thế tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc bảy giờ, các tỳ-kheo vãng lai đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, đi vào tu viện vẫn trùm đầu, đi vào tu viện với y quấn ở đầu, rửa chân với nước dùng để uống, không đánh lễ các tỳ-kheo thường trú thâm niên hơn, và cũng không hỏi chỗ trú ngụ. Một tỳ-kheo vãng lai đã mở chốt gài của một trú xá không có người ở, đẩy cánh cửa, rồi vội vã đi vào. Một con rắn ở trên đà ngang đã

roi xuống trên vai của vị ấy. Vị ấy hoảng sợ đã kêu thét lên. Các tỳ-kheo đã chạy lại và hỏi vị tỳ-kheo ấy rằng:

- Này sư đệ, có gì mà sư đệ kêu thét lên vậy?

Khi đó, vị tỳ-kheo ấy đã kể sự việc ấy đến các tỳ-kheo. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo vãng lai lại đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, đi vào tu viện vẫn trùm đầu, đi vào tu viện với y quần ở đầu, rửa chân với nước dùng để uống, không đánh lễ các tỳ-kheo thường trú thâm niên hơn, và cũng không hỏi chỗ trú ngụ?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự kiện ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo vãng lai đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, đi vào tu viện vẫn trùm đầu, đi vào tu viện với y quần ở đầu, rửa chân với nước dùng để uống, không đánh lễ các tỳ-kheo thường trú thâm niên hơn, và cũng không hỏi chỗ trú ngụ, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo vãng lai lại đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, đi vào tu viện vẫn trùm đầu, đi vào tu viện với y quần ở đầu, rửa chân với nước dùng để uống, không đánh lễ các tỳ-kheo thường trú thâm niên hơn, và cũng không hỏi chỗ trú ngụ? Này các tỳ-kheo, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, như vậy ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ-kheo vãng lai, các tỳ-kheo vãng lai cần thực hành đúng đắn y như thế.

[415] Này các tỳ-kheo, với vị tỳ-kheo vãng lai (nghĩ rằng): "Bây giờ ta sẽ vào tu viện này," vị ấy nên tháo dép ra để dưới tháp rữa sạch rồi cầm lên, hạ dù xuống, cởi đầu trần, lấy y che đầu để xuống ở vai, rồi đi vào tu viện một

cách nghiêm trang. Khi đang đi vào tu viện, nên quan sát xem: "Các tỷ-kheo thường trú tụ hội ở đâu?" Các tỷ-kheo thường trú tụ hội ở nơi nào: trong phòng hội họp, ở mái hiên, hay ở gốc cây, sau khi đi đến nơi ấy, nên để bát xuống một bên, nên để y xuống một bên, rồi chọn một chỗ ngồi thích hợp và ngồi xuống. Nên hỏi nước uống, nên hỏi nước rửa: "Nước nào là nước uống? Nước nào là nước rửa?" Nếu có nước uống, nên thọ lãnh rồi uống. Nếu có nước rửa, sau khi thọ lãnh rồi nên rửa chân. Khi rửa chân, nên dùng một tay xối nước, một tay kỳ cọ chân. Tay dùng để xối nước không nên dùng tay đó để kỳ cọ chân. Nên hỏi miếng giẻ lau dép rồi lau đôi dép. Khi lau đôi dép, trước tiên nên lau với miếng giẻ khô sau đó với miếng giẻ ướt. Sau khi giặt miếng giẻ lau dép rồi nên phơi ở một góc. Nếu vị tỷ-kheo thường trú thâm niên thì nên đánh lễ. Nếu là vị mới tu thì nên để vị ấy đánh lễ. Nên hỏi chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ nào dành cho tôi?" Nên hỏi (chỗ trú ngụ ấy) có người ở hay không có. Nên hỏi về khu vực đi khất thực, khu vực không thể đi khất thực. Nên hỏi về các gia đình được xác định là Thánh Hữu Học. Nên hỏi về chỗ đại tiện, nên hỏi về chỗ tiểu tiện, nên hỏi về (chỗ lấy) nước uống, nên hỏi về (chỗ lấy) nước rửa, nên hỏi về gậy để chống, nên hỏi về qui định của hội chúng: "Giờ nào có thể đi vào? Giờ nào có thể đi ra?"

Nếu trú xá không có người, nên gõ cửa lớn, chờ một chốc lát, rồi tháo chốt gài, mở cửa lớn ra, khi đứng bên ngoài nên nhìn vào bên trong. Nếu trú xá có bụi, hoặc là giường được chõng lên giường, hoặc là ghé được chõng lên ghé, và các đồ trải phủ ở trên cùng, nếu có khả năng nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên gỡ thảm trải nền đem ra ngoài rồi để ở một góc, nên lấy khung giường đem ra ngoài rồi để ở một góc, nên lấy nệm gối đem ra ngoài rồi để ở một góc, nên lấy tọa cụ và đồ trải giường đem ra ngoài rồi để ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài để ở một góc một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, nên hạ thấp cái ghé rồi đem ra ngoài để ở một góc một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, nên đem ống nhỏ ra ngoài rồi để ở một góc, nên đem tám ván kê đầu ra ngoài rồi để ở một góc. Nếu có mạng nhện ở trú xá, khi phát hiện nên dời chúng đi trước tiên, nên lau chùi ở các chỗ ráp nối và các góc có lỗ trống. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lỗ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen và bị đốm loang lỗ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được phủ sơn, nên rải nước rồi quét (nghĩ rằng): "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Sau khi đã gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc.

Nên phơi nắng thảm trải nền, lau sạch, đập vổ sạch, đem vào trong, rồi sắp đặt lại như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng khung giường, lau chùi, đem vào trong, rồi để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng giường, lau sạch, rũ sạch, hạ thấp xuống, đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ghế, lau sạch, rũ sạch, hạ thấp xuống, đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng nệm, lau sạch, rũ sạch, đem vào trong, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng tọa cụ và đồ trải giường, lau sạch, rũ sạch, đem vào trong, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ống nhỏ, lau chùi, đem vào trong, rồi để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng tấm ván gồi đầu, lau chùi, đem vào trong, rồi để lại ở vị trí như cũ. Nên đặt y và bình bát xuống. Khi đặt y và bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế, rồi hãy đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, rồi nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này rồi căng y ra.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có bụi bặm, nên quét phòng. Nếu cửa lớn có bụi, nên quét cửa lớn. Nếu phòng hội họp có bụi bặm, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có bụi bặm, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có bụi bặm, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Này các tỷ-kheo, đây là phận sự của các tỷ-kheo vắng lai, các tỷ-kheo vắng lai nên thực hành đúng đắn y như thế.

2. Phận sự của tỳ-kheo thường trú (Āvāsika)

[416] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo thường trú khi thấy các tỳ-kheo vắng lai không chịu sắp xếp chỗ ngồi. Họ không đem đến nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân; sau khi gặp gỡ, họ không rước y bát, không dâng nước uống, không dâng nước rửa; họ cũng không đánh lễ các tỳ-kheo vắng lai thâm niên hơn và không sắp xếp chỗ trú ngụ. Các tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo thường trú khi thấy các tỳ-kheo vắng lai lại không chịu sắp xếp chỗ ngồi, không đem đến nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân; sau khi gặp gỡ, họ không rước y bát, không dâng nước uống, không dâng nước rửa; họ cũng không đánh lễ các tỳ-kheo vắng lai thâm niên hơn và không sắp xếp chỗ trú ngụ?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự kiện ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói ...(như trên)... có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ-kheo thường trú, các tỳ-kheo thường trú cần thực hành đúng đắn y như thế.

[417] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo thường trú khi thấy vị tỳ-kheo vắng lai thâm niên hơn nên sắp xếp chỗ ngồi, nên đem đến nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân. Sau khi gặp gỡ, nên rước y bát, nên dâng nước uống, nên dâng nước rửa. Nếu có khả năng, (vị thường trú) nên lau đôi dép (của vị kia). Khi lau đôi dép, trước tiên nên lau với mảnh giẻ khô sau đó với mảnh giẻ ướt. Nên giặt mảnh giẻ lau dép, vắt ráo, rồi phơi ở một góc. Nên đánh lễ vị tỳ-kheo vắng lai thâm niên hơn. Nên sắp xếp chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ này được dành cho đại đức." Nên nói rõ (chỗ trú ngụ ấy) có người ở hay không có. Nên nói rõ về khu vực đi khát thực, khu vực nào không nên đi khát thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác định là Thánh Hữu Học. Nên nói rõ về chỗ đại tiện, nên nói rõ về chỗ tiểu tiện. Nên nói rõ về (chỗ lấy) nước uống, nên nói rõ về (chỗ lấy) nước rửa, nên nói rõ về gậy để chống,

nên nói rõ về qui định của hội chúng: "Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể ra đi."

Nếu (vị vãng lai) là vị mới tu, vị (thường trú) đang ngồi nên nói rõ: "Để bình bát chỗ này, để y chỗ này, ngồi ở chỗ ngồi này." Nên nói rõ chỗ nước uống, nên nói rõ chỗ nước rửa. Nên nói rõ về giẻ lau đôi dép. Nên để cho vị tỷ-kheo vãng lai mới tu đánh lễ. Nên nói rõ chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ này được dành cho đại đức." Nên nói rõ (chỗ trú ngụ ấy) có người ở hay không có. Nên nói rõ về khu vực đi khất thực, khu vực nào không nên đi khất thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác định là Thánh Hữu Học. Nên nói rõ về chỗ đại tiện, nên nói rõ về chỗ tiểu tiện. Nên nói rõ về (chỗ lấy) nước uống, nên nói rõ về (chỗ lấy) nước rửa, nên nói rõ về gậy để chống, nên nói rõ về qui định của hội chúng: "Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể ra đi."

Này các tỷ-kheo, đây là phận sự của các tỷ-kheo thường trú, các tỷ-kheo thường trú nên thực hành đúng đắn y như thế.

---o0o---

3. Phận sự của vị xuất hành (Gamika)

[418] Vào lúc bảy giờ, các tỷ-kheo xuất hành đã không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ gốm, không đóng cửa lớn cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi. Các đồ vật bằng gỗ và các đồ gốm bị mất mát. Chỗ trú ngụ không được bảo quản. Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo xuất hành lại không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ gốm, không đóng cửa lớn cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi khiến các đồ vật bằng gỗ và các đồ gốm bị mất mát, chỗ trú ngụ không được bảo quản?

Sau đó, các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự kiện ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỷ-kheo, nghe nói ...(như trên)... có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại, ngài rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ-kheo xuất hành, các tỳ-kheo xuất hành cần thực hành đúng đắn y như thế.

[419] Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo xuất hành trước khi ra đi nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ gốm, nên đóng cửa lớn cửa sổ, nên thông báo về chỗ trú ngụ. Nếu không có tỳ-kheo, nên thông báo đến sa-di. Nếu không có sa-di thì nên thông báo cho người ở chùa. Nếu không có người ở chùa thì thông báo cho nam cư sĩ. Nếu tỳ-kheo, hoặc sa-di, hoặc người ở chùa, hoặc nam cư sĩ đều không có, thì nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, và thực hiện chỗ trú ngụ thành một khối, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ gốm, nên đóng lại cửa lớn cửa sổ, rồi mới nên ra đi.

Nếu trú xá bị giột nước mưa, nếu có khả năng vị ấy nên lợp lại, nên thực hiện sự nỗ lực (nghĩ rằng): "Trú xá được lợp thế nào đây?" Nếu vị ấy làm được như thế thì đó là điều tốt; nếu không đạt được, thì chỗ nào không bị nước mưa giột thì ở chỗ đó nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, và thực hiện chỗ trú ngụ thành một khối, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ gốm, nên đóng lại cửa lớn cửa sổ, rồi mới nên ra đi. Nếu toàn bộ trú xá đều bị nước mưa giột, Nếu có nỗ lực vị ấy nên mang sàng tọa vào làng, nên thực hiện sự nỗ lực (nghĩ rằng): "Làm thế nào để sàng tọa được mang vào làng đây?" Nếu vị ấy làm được như thế thì đó là điều tốt; nếu không đạt được, thì nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá ở ngoài trời rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, và thực hiện chỗ trú ngụ thành một khối. Nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ gốm. Nên lấy cỏ và lá phủ lên, rồi mới nên ra đi (nghĩ rằng): "Có lẽ các thứ này sẽ được tồn tại."

Nay các tỳ-kheo, đây là phận sự của các tỳ-kheo xuất hành, các tỳ-kheo xuất hành nên thực hành đúng đắn y như thế.

---o0o---

4. Phận sự tùy hỷ

[420] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo không tùy hỷ ở chỗ thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai:

- Vì sao các sa môn Thích Tử không tùy hỷ ở chỗ thọ thực?

Các tỳ-kheo đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự kiện ấy lên đức Thế Tôn. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tùy hỷ ở chỗ thọ thực.

[421] Rồi các vị tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Vị nào sẽ tùy hỷ ở chỗ thọ thực?" Các vị đã trình sự kiện ấy lên đức Thế Tôn. Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo trưởng lão tùy hỷ ở chỗ thọ thực.

[422] Vào lúc bấy giờ, có một lần dâng vật thực đến hội chúng của một nhóm người. Đại đức Sāriputta là trưởng lão của hội chúng. Các vị tỳ-kheo (nghĩ rằng): "Đức Thế Tôn đã cho phép vị tỳ-kheo trưởng lão tùy hỷ ở chỗ thọ thực" rồi đã để đại đức Sāriputta lại mỗi một mình và ra đi. Khi ấy, đại đức Sāriputta đã làm nhóm người ấy được hoan hỷ rồi đã đi về một mình sau cùng. Đức Thế Tôn thấy đại đức Sāriputta mỗi một mình đang đi lại từ đằng xa. Thấy vậy, ngài đã nói với đại đức Sāriputta rằng:

- Nay Sāriputta, bữa thọ thực chắc là được tốt đẹp phải không?

- Bạch ngài, bữa thọ thực được tốt đẹp nhưng các tỳ-kheo đã để con lại mỗi một mình và ra đi.

Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép bốn hay năm vị tỳ-kheo trưởng lão hoặc các vị kế tiếp chờ đợi ở chỗ thọ thực.

[423] Vào lúc bấy giờ, trong lúc chờ đợi (để tùy hỷ) có một tỳ-kheo trưởng lão muốn đại tiện. Trong lúc cố nín phân lại, vị ấy đã bị choáng váng và ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép ra đi khi có việc cần làm sau khi đã thông báo cho vị tỳ-kheo kế bên.

---o0o---

5. Phận sự ở chỗ thọ thực

[424] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, sau khi rẽ sang một bên rồi đi lên phía trước các tỳ-kheo trưởng lão, chiếm luôn chỗ ngồi của các tỳ-kheo trưởng lão và ngồi xuống, lại còn xua đuổi các tỳ-kheo mới tu khỏi chỗ ngồi, và sau khi trải ra y hai lớp (sa□ghāṭi) rồi ngồi xuống ở giữa nhà. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách lại đi đến chỗ thọ thực, sau khi rẽ sang một bên lại đi lên phía trước các tỳ-kheo trưởng lão, lại chiếm luôn chỗ ngồi của các tỳ-kheo trưởng lão và ngồi xuống, lại còn xua đuổi các tỳ-kheo mới tu khỏi chỗ ngồi, và sau khi trải ra y hai lớp (sa□ghāṭi) lại ngồi xuống ở giữa nhà?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự kiện ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, sau khi rẽ sang một bên rồi đi lên phía trước các tỳ-kheo trưởng lão, chiếm luôn chỗ ngồi của các tỳ-kheo trưởng lão và ngồi xuống, lại còn xua đuổi các tỳ-kheo mới tu khỏi chỗ ngồi, sau khi trải ra y hai lớp (sa□ghāṭi) rồi ngồi xuống ở giữa nhà, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng: Nay các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ-kheo ở chỗ thọ thực, ở chỗ thọ thực, các tỳ-kheo cần thực hành đúng đắn y như thế.

[425] Nếu thời giờ được thông báo ở trong tu viện, vị (tỷ-kheo) nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn [*], buộc dây thắt lưng, sửa sang cho tề chỉnh, đắp y hai lớp (sa□ghāṭi) lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, nhận lãnh bình bát, rồi nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp.

[*] là lỗ rún và hai đầu gối - giải thích theo từ điển "A Dictionary of the Pali Language" của Robert Cæsar Childers, trang 506.

Không nên rẽ sang một bên rồi đi lên phía trước các tỷ-kheo trưởng lão. Nên đi ở khu vực có nhà với y được mặc tề chỉnh, Nên đi ở khu vực có nhà với (thái độ) khéo được thu thúc, nên đi ở khu vực có nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở khu vực có nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở khu vực có nhà với sự cười vang, nên đi ở khu vực có nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở khu vực có nhà với sự đu đưa của thân, không nên đi ở khu vực có nhà với sự đu đưa của tay, không nên đi ở khu vực có nhà với sự đu đưa của đầu, không nên đi ở khu vực có nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở khu vực có nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở khu vực có nhà với sự nhón gót.

Nên ngồi ở trong nhà với y được mặc tề chỉnh, Nên ngồi ở trong nhà khi khéo thu thúc, nên ngồi ở trong nhà với mắt nhìn xuống, không nên ngồi ở trong nhà với thân bị vén hở ra, không nên ngồi ở trong nhà với sự cười vang, nên ngồi ở trong nhà với tiếng động nhỏ, không nên ngồi ở trong nhà với sự đu đưa của thân, không nên ngồi ở trong nhà với sự đu đưa của tay, không nên ngồi ở trong nhà với sự đu đưa của đầu, không nên ngồi ở trong nhà với tay chống nạnh, không nên ngồi ở trong nhà với (đầu) được trùm lại, không nên ngồi ở trong nhà với thế chồm hồm, không nên chiếm chỗ ngồi của các tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống, không nên xua đuổi các tỷ-kheo mới tu khỏi chỗ ngồi, không nên trải ra y hai lớp (sa□ghāṭi) rồi ngồi xuống ở trong nhà.

Khi được dâng nước, nên cầm bình bát bằng hai tay và thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận không làm trầy sứt. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi chế nước vào trong vật chứa nước rửa (nghĩ rằng): "Không nên làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, không nên làm các tỷ-kheo bị nước văng nhằm, không nên làm y hai lớp (sa□ghāṭi) bị dính nước." Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống rồi tưới lên trên mặt đất (nghĩ rằng): "Không nên làm các tỷ-kheo xung quanh bị nước văng nhằm, không nên làm y hai lớp bị dính nước."

Khi được dâng cơm, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh cơm. Nên chừa chỗ cho súp. Nếu có bơ lỏng, hoặc dầu, hoặc thức ăn ngon, vị trưởng lão nên nói rằng: "Nên chia đều ra cho tất cả." Nên thọ lãnh vật thực một cách nghiêm chỉnh. Nên thọ lãnh vật thực với chú tâm ở bình bát. Nên thọ lãnh vật thực với súp vừa đủ. Nên thọ lãnh vật thực vừa đầy (bình bát).

Vị trưởng lão chưa nên ăn khi các vị khác chưa thọ lãnh cơm xong. Nên ăn vật thực một cách nghiêm chỉnh. Nên ăn vật thực với chú tâm ở bình bát. Nên ăn vật thực một cách đều đều (không gián đoạn). Nên ăn vật thực với phần súp tương xứng. Không nên vun thành đống rồi ăn vật thực. Không nên lấy cơm che lấp súp và thức ăn vì muốn có thêm. Vị không bệnh không nên hỏi cơm hoặc thức ăn cho lợi ích của chính mình rồi ăn. Không nên nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. Không nên làm vắt cơm quá lớn. Nên làm vắt cơm tròn đều. Không nên há miệng ra khi vắt cơm chưa đến. Không nên đưa hết bàn tay vào miệng trong khi ăn. Không nên nói chuyện với miệng còn vắt cơm. Không nên ném thức ăn vào miệng. Không nên ăn bằng cách cắn hai vắt cơm. Không nên ăn có sự làm phồng má. Không nên ăn có sự vung vẩy bàn tay. Không nên ăn có sự làm đổ cơm vung vãi. Không nên ăn có sự lè lưỡi ra. Không nên ăn với việc làm tiếng chép chép. Không nên ăn với việc làm tiếng rột rột. Không nên ăn có sự liếm tay. Không nên ăn có sự liếm bình bát. Không nên ăn có sự liếm mép.

Không nên nhận lãnh chén nước uống với tay còn dính thức ăn. Vị trưởng lão không nên thọ lãnh nước khi tất cả các vị chưa ăn xong. Khi được dâng nước, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận không làm trầy xước. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi chế nước vào trong vật chứa nước rửa (nghĩ rằng): "Không nên làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, không nên làm các tỷ-kheo bị nước văng nhằm, không nên làm y hai lớp (sa□ghāṭi) bị dính nước." Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống rồi tưới lên trên mặt đất (nghĩ rằng): "Không nên làm các tỷ-kheo xung quanh bị nước văng nhằm, không nên làm y hai lớp bị dính nước." Không nên đổ nước rửa bát có cơm ở khu vực có nhà ở.

Khi đi trở về, các tỷ-kheo mới tu nên đi về trước tiên, sau đó là các vị trưởng lão. Nên đi ở khu vực có nhà với y được mặc tề chỉnh, Nên đi ở khu vực có nhà với (thái độ) khéo được thu thúc, nên đi ở khu vực có nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở khu vực có nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở khu vực có nhà với sự cười vang, nên đi ở khu vực có nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở khu vực có nhà với sự đu đưa của thân, không nên đi ở

khu vực có nhà với sự đu đưa của tay, không nên đi ở khu vực có nhà với sự đu đưa của đầu, không nên đi ở khu vực có nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở khu vực có nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở khu vực có nhà với sự nhón gót.

Này các tỷ-kheo, đây là phận sự của các tỷ-kheo ở chỗ thọ thực, ở chỗ thọ thực các tỷ-kheo cần thực hành đúng đắn y như thế.

Dứt Tụng Phẩm thứ nhất.

---o0o---

6. Phận sự của vị đi khát thực

[426] Vào lúc bảy giờ, các tỷ-kheo mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách đi khát thực. Các vị đi đến các căn nhà không suy xét trước, rời các căn nhà không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gần, đứng lại quá lâu, và bỏ đi quá lẹ. Có vị tỷ-kheo đi khát thực đã không suy xét trước rồi đi vào một căn nhà. Vị ấy nghĩ rằng cửa lớn rồi đã bước vào một hậu phòng. Trong hậu phòng ấy, có một người đàn bà khóa thân đang nằm ngửa ra. Vị tỷ-kheo ấy đã thấy người đàn bà khóa thân đang nằm ngửa ra. Thấy thế, vị ấy (nghĩ rằng): "Đây không phải là cửa nhà, đây là hậu phòng," rồi đã từ hậu phòng ấy đi ra. Chồng của người đàn bà ấy đã thấy người đàn bà khóa thân đang nằm ngửa ra. Thấy vậy, người chồng (nghĩ rằng): "Gã tỷ-kheo này đã làm nhục vợ của ta," nên đã giữ vị tỷ-kheo ấy lại và đánh đòn. Khi ấy, người đàn bà ấy đã thức dậy vì tiếng động và nói với người chồng rằng:

- Phu quân, sao lại đánh đòn vị tỷ-kheo ấy vậy?

- Gã tỷ-kheo này đã làm nhục bà.

- Phu quân, thiếp không có bị vị tỷ-kheo này làm nhục. Vị tỷ-kheo ấy không có làm.

và đã thuyết phục chồng thả vị tỷ-kheo ấy đi. Rồi vị tỷ-kheo ấy khi về lại tu viện đã thuật lại sự việc ấy đến các tỷ-kheo. Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách lại đi khát thực, không suy xét trước lại đi đến các căn nhà, không suy xét trước lại rời các căn nhà, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng chỗ gần, đứng lại quá lâu, và bỏ đi quá lẹ?

Sau đó, các tỳ-kheo ấy đã trình sự kiện ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ-kheo đi khát thực, các tỳ-kheo đi khát thực cần thực hành đúng đắn y như thế.

[427] Nay các tỳ-kheo, với vị tỳ-kheo đi khát thực (nghĩ rằng): "Ta sẽ đi vào ngôi làng này," nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho tề chỉnh rồi đắp y hai lớp (sa□ghāṭi) lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, nhận lãnh bình bát, rồi nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp.

Nên đi ở khu vực có nhà với y được mặc tề chỉnh, Nên đi ở khu vực có nhà với (thái độ) khéo được thu thúc, nên đi ở khu vực có nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở khu vực có nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở khu vực có nhà với sự cười vang, nên đi ở khu vực có nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở khu vực có nhà với sự đu đưa của thân, không nên đi ở khu vực có nhà với sự đu đưa của tay, không nên đi ở khu vực có nhà với sự đu đưa của đầu, không nên đi ở khu vực có nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở khu vực có nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở khu vực có nhà với sự nhón gót.

Khi đi vào một căn nhà nên suy xét rằng: "Ta sẽ đi vào lối này và ra bằng lối này." Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên bỏ đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: "(Gia chủ) có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?" Nếu (gia chủ) ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc cầm lấy cái muống, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc

thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): "Gia chủ có ý muốn bố thí." Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp (sa□ghāṭi) lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực [*], nên suy xét rằng: "(Gia chủ) có ý muốn bố thí súp hay không có ý muốn bố thí?" Nếu (gia chủ) cầm lấy cái muỗng, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): "Gia chủ có ý muốn bố thí." Khi vật thực đã được bố thí, dùng y hai lớp (sa□ghāṭi) che bình bát lại rồi rời đi một cách nghiêm trang không hấp tấp.

[*] Buddhaghosa giải thích rằng: "là người nữ hay người nam, không nên nhìn vào mặt lúc họ đang bố thí vật thực."

Nên đi ở khu vực có nhà với y được mặc tề chỉnh, Nên đi ở khu vực có nhà với (thái độ) khéo được thu thúc, nên đi ở khu vực có nhà với mắt nhìn xuống, không nên đi ở khu vực có nhà với thân bị vén hở ra, không nên đi ở khu vực có nhà với sự cười vang, nên đi ở khu vực có nhà với tiếng động nhỏ, không nên đi ở khu vực có nhà với sự đu đưa của thân, không nên đi ở khu vực có nhà với sự đu đưa của tay, không nên đi ở khu vực có nhà với sự đu đưa của đầu, không nên đi ở khu vực có nhà với tay chống nạnh, không nên đi ở khu vực có nhà với (đầu) được trùm lại, không nên đi ở khu vực có nhà với sự nhón gót.

Vị nào đi khát thực từ làng trở về trước tiên nên sắp xếp chỗ ngồi; nên chuẩn bị nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân; nên rửa chậu đựng đồ thừa rồi đem lại; nên đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khát thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, vị ấy nên ăn nếu muốn. Nếu không muốn, nên đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật. Vị ấy nên chông lại tọa cụ, dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân; nên rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi; nên dọn dẹp nước uống, nước rửa, và nên quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, lu nước rửa, lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, nên đổ nước vào. Nếu vị ấy không làm nổi, nên ra hiệu bằng tay mời vị khác lại; nên nhờ (vị kia) với hành động bằng tay và không vì lý do đó mà nói ra bằng lời.

Này các tỳ-kheo, đây là phận sự của các tỳ-kheo đi khát thực, các tỳ-kheo khi đi khát thực cần thực hành đúng đắn y như thế.

7. Phận sự của vị ngụ ở rừng

[428] Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tử-kheo cư ngụ ở trong rừng. Các vị ấy không dự trữ nước uống, không dự trữ nước rửa, không dự trữ lửa, không dự trữ vật tạo lửa, không biết về vị trí của các ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực. Bọn trộm cướp đi đến nơi ấy và nói với các tử-kheo ấy rằng:

- Bạch ngài có nước uống không?
- Anh bạn à, không có.
- Bạch ngài có nước rửa không?
- Anh bạn à, không có.
- Bạch ngài có lửa không?
- Anh bạn à, không có.
- Bạch ngài có vật tạo lửa không?
- Anh bạn à, không có.
- Bạch ngài, hôm nay liên quan đến ngôi sao gì?
- Anh bạn à, tôi không biết.
- Bạch ngài, hướng này là hướng gì?
- Anh bạn à, tôi không biết.

Khi ấy, bọn trộm cướp ấy (nghĩ rằng): "Những người này không có nước uống, không có nước rửa, không có lửa, không có vật tạo lửa, không biết vị trí của các ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực; những người này là trộm cướp, những người này không phải là tử-kheo," nên đã đánh đập rồi bỏ đi. Sau đó, các vị tử-kheo ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tử-kheo. Các vị tử-kheo đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tử-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ-kheo ở rừng, các tỳ-kheo ở rừng cần thực hành đúng đắn y như thế.

[429] Nay các tỳ-kheo, với vị tỳ-kheo ở rừng sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm nên dùng áo bát bọc bình bát lại, đeo lên vai, đắp y lên người, mang dép vào, thu xếp các đồ vật bằng gỗ, và các đồ gốm lại, đóng cửa lớn cửa sổ, rồi rời chỗ trú ngụ (nghĩ rằng): "Bây giờ, ta sẽ đi vào làng." Nên tháo dép ra, để ở chỗ thấp rửa sạch rồi bỏ vào túi xách đeo ở vai. Nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho tề chỉnh, đắp y hai lớp (sa□ghāṭi) lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, nhận lãnh bình bát, rồi nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở khu vực có nhà với y được mặc tề chỉnh, ...(như trên)..., không nên đi ở khu vực có nhà với sự nhón gót.

Khi đi vào một căn nhà nên suy xét rằng: "Ta sẽ đi vào lối này và ra bằng lối này." Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên bỏ đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: "(Gia chủ) có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?" Nếu (gia chủ) ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc cầm lấy cái muống, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): "Gia chủ có ý muốn bố thí." Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp (sa□ghāṭi) lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực [*], nên suy xét rằng: "(Gia chủ) có ý muốn bố thí súp hay không có ý muốn bố thí?" Nếu (gia chủ) cầm lấy cái muống, hoặc cầm lấy cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): "Gia chủ có ý muốn bố thí." Khi vật thực đã được bố thí, dùng y hai lớp (sa□ghāṭi) che bình bát lại rồi rời đi một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở khu vực có nhà với y được mặc tề chỉnh, ...(như trên)..., không nên đi ở khu vực có nhà với sự nhón gót. Khi đã đi ra khỏi làng, vị ấy nên dùng áo bát bọc bình bát lại, đeo lên vai, cuộn tròn y lại đội lên đầu, mang dép vào rồi đi về.

[*] Buddhaghosa giải thích rằng: "là người nữ hay người nam, không nên nhìn vào mặt lúc họ đang bố thí vật thực."

Nay các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ở rừng nên dự trữ nước uống, nên dự trữ nước rửa, nên dự trữ lửa, nên dự trữ vật tạo lửa, nên dự trữ một cây gậy để chống, nên học về vị trí của các ngôi sao toàn bộ hoặc một phần, nên rành rẽ về các phương hướng.

Này các tỳ-kheo, đây là phận sự của các tỳ-kheo ở rừng, các tỳ-kheo ở rừng cần thực hành đúng đắn y như thế.

---o0o---

8. Phận sự ở nơi cư ngụ

[430] Vào lúc bảy giờ, có nhiều vị tỳ-kheo đang may y ở ngoài trời. Các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đập võ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Các vị tỳ-kheo bị lâm bụi. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Lục Sư lại đập võ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên khiến các tỳ-kheo bị lâm bụi?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đập võ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên khiến các tỳ-kheo bị lâm bụi, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ-kheo ở nơi cư ngụ, các tỳ-kheo ở nơi cư ngụ cần thực hành đúng đắn y như thế.

[431] Trong trú xá nào vị ấy ở, nếu trú xá ấy có rác và vị ấy có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Khi làm sạch sẽ, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem tọa cụ và đồ lót giường ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để ở một góc; nên hạ thấp cái giường, đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, rồi để ở một góc; nên hạ thấp cái ghế, đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, rồi để ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem tấm ván gối đầu ra ngoài rồi để ở một góc; nên

suy xét tấm trải nên được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để ở một góc; nếu có mạng nhện ở trú xá, khi phát hiện trước tiên nên dời chúng đi, nên lau chùi ở các chỗ ráp nối và các góc có lỗ trống. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lỗ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen và bị đốm loang lỗ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được phủ sơn, nên rải nước rồi quét: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Sau khi đã gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc.

Không nên đập võ sàng tọa ở gần các tỷ-kheo. Không nên đập võ sàng tọa ở gần các trú xá. Không nên đập võ sàng tọa ở gần nước uống. Không nên đập võ sàng tọa ở gần nước rửa. Không nên đập võ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Nên đập võ sàng tọa ở phía dưới gió.

Sau khi phơi nắng tấm trải nên ở một góc, làm sạch sẽ, đập võ, rồi đem vào trong và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng khung giường ở một góc, lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng giường, làm sạch sẽ, đập võ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ghế, làm sạch sẽ, đập võ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng nệm gối, làm sạch sẽ, đập võ, rồi đem vào trong và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng tọa cụ và đồ trải giường ở một bên góc, làm sạch sẽ, đập võ, rồi đem vào trong và nên sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ống nhỏ ở một bên góc, lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng tấm ván gối đầu ở một bên góc, lau chùi, rồi đem vào trong để lại ở vị trí như cũ. Nên đặt y và bình bát xuống. Khi đặt y và bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, rồi nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này rồi căng y ra.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào

ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác rưởi, nên quét phòng. Nếu cửa lớn có rác rưởi, nên quét cửa lớn. Nếu cống có bụi bặm, nên quét cống. Nếu phòng hội họp có rác rưởi, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rưởi, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rưởi, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu ở trong trú xá với vị thâm niên, khi chưa xin phép vị thâm niên không nên đọc tụng, không nên đưa ra các câu hỏi điều tra, không nên học bài, không nên giảng Pháp, không nên thắp đèn, không nên thổi tắt đèn, không nên mở cửa sổ, không nên đóng cửa sổ. Nếu đi kinh hành cùng với vị thâm niên trên cùng một đường kinh hành, nên quay trở lui cùng lúc với vị thâm niên và không nên va chạm vị thâm niên dù là một góc y hai lớp (sa□ghāṭi).

Này các tỷ-kheo, đây là phận sự của các tỷ-kheo ở nơi cư ngụ, các tỷ-kheo ở nơi cư ngụ nên thực hành đúng đắn y như thế.

---o0o---

9. Phận sự ở nhà tắm

[432] Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo nhóm Lục Sư khi bị cản trở bởi các tỷ-kheo trưởng lão ở trong nhà tắm do không kính trọng nên đã đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào, và ngồi ở cửa ra vào. Các vị tỷ-kheo bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được nên đã ngất đi và té xuống. Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỷ-kheo nhóm Lục Sư khi bị cản trở bởi các tỷ-kheo trưởng lão ở trong nhà tắm do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào, và ngồi ở cửa ra vào khiến các tỷ-kheo bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được nên đã ngất đi và té xuống?

Sau đó, các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói các tỷ-kheo nhóm Lục Sư khi bị cản trở bởi các tỷ-kheo trưởng lão ở trong nhà tắm do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào, và ngồi ở cửa ra vào khiến các tỷ-kheo bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được nên đã ngất đi và té xuống, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỷ-kheo, khi bị cản trở bởi các tỷ-kheo trưởng lão ở trong nhà tắm, do không kính trọng không nên đem lại nhiều củi và đốt lửa. Vị nào đốt thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỷ-kheo, không nên đóng cửa ra vào rồi ngồi ở cửa ra vào. Vị nào ngồi thì phạm tội tác ác.

Này các tỷ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phận sự cho các tỷ-kheo ở nhà tắm, các tỷ-kheo ở nhà tắm cần thực hành đúng đắn y như thế.

[433] Vị đi vào trong nhà tắm đầu tiên, nếu tro đã tích lũy nhiều thì nên đem tro đi đổ. Nếu nhà tắm có rác thì nên quét nhà tắm. Nếu sàn nhà có rác thì nên quét sàn nhà. Nếu căn phòng có rác thì nên quét căn phòng. Nếu cổng lớn có rác thì nên quét cổng lớn. Nếu gian phòng lớn của nhà tắm có rác thì nên quét gian phòng lớn của nhà tắm.

Nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét, nên đổ nước vào máng nước. Khi đi vào nhà tắm, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm. Không nên chiếm chỗ của các tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên giành chỗ ngồi của các tỷ-kheo mới tu. Nếu có nỗ lực, ở trong nhà tắm nên kỳ cọ cho các tỷ-kheo trưởng lão. Khi rời khỏi nhà tắm, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm. Nếu có nỗ lực, ngay lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho các tỷ-kheo trưởng lão. Không nên tắm ở ngay phía trước cũng không nên tắm ở ngay phía trên các tỷ-kheo trưởng lão. Vị đã tắm xong đi ra nên nhường đường cho vị đi vào. Vị nào rời nhà tắm sau cùng, nếu nhà tắm bị bùn lầy nên xối sạch. Nên rửa sạch máng đất sét, nên dọn dẹp ghế ngồi của nhà tắm, nên dập tắt lửa, nên đóng cửa rồi ra đi.

Này các tỷ-kheo, đây là phận sự của các tỷ-kheo ở nhà tắm, các tỷ-kheo ở nhà tắm nên thực hành đúng đắn y như thế.

---o0o---

10. Phận sự ở nhà vệ sinh

[434] Vào lúc bảy giờ, có một tử-kheo nọ giòng dõi Bà La Môn đại tiện xong không muốn rửa sạch: "Ai lại đụng đến đồ hôi hám hạ tiện này?" Một con giun đũa còn nằm ở hậu môn của vị ấy. Sau đó, vị tử-kheo ấy đã kể lại sự việc ấy đến các tử-kheo.

- Này sư đệ, có phải sư đệ đại tiện xong không chịu rửa sạch?

- Đúng vậy, chư đại đức.

Các vị tử-kheo ít ham muốn ...(như trên)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tử-kheo đại tiện xong lại không chịu rửa sạch?

Sau đó, các tử-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này tử-kheo, nghe nói người đại tiện xong không chịu rửa sạch, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tử-kheo rằng:

- Này các tử-kheo, sau khi đại tiện xong nếu có nước không nên không rửa sạch. Vị nào không rửa sạch thì phạm tội tác ác (dukkata).

[435] Vào lúc bảy giờ, các tử-kheo đi đại tiện ở nhà vệ sinh theo thứ tự thâm niên. Các tử-kheo mới tu đến trước tiên phải đợi để được đại tiện. Các vị ấy trong lúc cố nín phân lại đã bị choáng váng và ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tử-kheo, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, việc đại tiện ở nhà vệ sinh không nên thực hành theo thứ tự thâm niên. Vị nào thực hành thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thực hiện việc đại tiện theo thứ tự đi đến.

[436] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã, chưa đến phiên vẫn đi vào, rặn thành tiếng lúc đại tiện, nhai cây gỗ chà răng lúc đại tiện, đại tiện ra ngoài máng đựng phân, tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu, khạc nhổ vào máng nước tiểu, xát mạnh bạo với khúc cây chùi, làm rơi khúc cây chùi vào hố phân, đi ra vô cùng vội vã, giành lối đi lúc đi ra, rửa ráy gây nên tiếng động ồn ào, chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Lục Sư lại đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã, chưa đến phiên vẫn đi vào, rặn thành tiếng lúc đại tiện, nhai cây gỗ chà răng lúc đại tiện, đại tiện ra ngoài máng đựng phân, tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu, khạc nhổ vào máng nước tiểu, chùi với khúc cây chùi bị sần sùi, làm rơi khúc cây chùi vào hố phân, đi ra vô cùng vội vã, giành lối đi lúc đi ra, rửa ráy gây nên tiếng động ồn ào, chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay tỳ-kheo, nghe nói ...(như trên)..., có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ-kheo ở nhà vệ sinh, các tỳ-kheo ở nhà vệ sinh cần thực hành đúng đắn y như thế.

[437] Khi đi đến nhà vệ sinh đứng ở bên ngoài nên tăng hắng. Vị ngồi bên trong cũng nên tăng hắng. Nên máng y lên sào treo y hoặc dây phơi y rồi nên đi vào nhà vệ sinh một cách cẩn thận không hấp tấp. Không nên đi vào quá vội vã. Không nên chen lấn rồi đi vào. Khi đứng trên bệ nhà vệ sinh, nên kéo

y lên. Không nên rặn thành tiếng lúc đại tiện. Không nên nhai cây gỗ chà răng lúc đại tiện. Không nên đại tiện ra ngoài máng đựng phân. Không nên tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu. Không nên khạc nhổ vào máng nước tiểu. Không nên chùi với khúc cây chùi bị sần sùi. Không nên làm rơi khúc cây chùi vào hố phân. Khi đứng trên bệ nhà vệ sinh, nên che lại kín đáo. Không nên đi ra vô cùng vội vã. Không nên chen lấn rồi đi ra. Khi đứng ở sàn rửa, nên vén y lên. Không nên rửa ráy với sự gây nên tiếng động ồn ào. Không nên chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Khi đứng ở sàn rửa, nên trùm y kín đáo.

Nếu nhà vệ sinh bị dơ nên xối sạch. Nếu thùng đựng khúc cây chùi đầy, nên đổ bỏ các khúc cây chùi. Nếu nhà vệ sinh có rác, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nền nhà có rác nên quét nền nhà. Nếu căn phòng có rác, nên quét căn phòng. Nếu cửa lớn có rác, nên quét cửa lớn. Nếu lu nước rửa không có nước, nên đổ nước vào lu nước rửa.

Này các tỷ-kheo, đây là phạm sự của các tỷ-kheo ở nhà vệ sinh, các tỷ-kheo ở nhà vệ sinh nên thực hành đúng đắn y như thế.

---o0o---

11. Phạm sự đối với thầy tế độ

[438] Vào lúc bấy giờ, các vị đệ tử (saddhivihārikā – các vị ở chung trú xá) không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ. Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ... (như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các vị đệ tử lại không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ?

Sau đó, các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Này các tỷ-kheo, nghe nói các vị đệ tử không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay các tử-kheo, vì sao các vị đệ tử lại không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ? Nay các tử-kheo, điều này không đem lại niềm tin cho những kẻ không có đức tin, ...(như trên)...

Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tử-kheo rằng:

- Nay các tử-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phạm sự đối với các vị thầy tế độ cho các vị đệ tử, các vị đệ tử cần thực hành đúng đắn đối với các vị thầy tế độ y như thế.

[439] Nay các tử-kheo, vị đệ tử nên thực hành phạm sự đúng đắn đối với thầy tế độ. Đây là phạm sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng lên gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, và nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi dâng cháo. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô để ở chỗ thấp, rửa một cách khéo léo không gây tiếng động, rồi đem cất. Khi thầy tế độ đứng dậy, nên thu xếp đi chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy tế độ có ý muốn đi vào làng, nên đưa y lót trong, và nhận lại y lót trong (khác từ vị thầy), nên đưa dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp (sa□ghāṭi) gọn gàng rồi dâng lên, sau khi rửa sạch nên trao bình bát có chứa nước (patta saudako). Nếu thầy tế độ muốn có thị giả đi theo, thì vị ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho tề chỉnh rồi đắp y hai lớp (sa□ghāṭi) lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, cầm lấy bình bát, rồi nên đi theo làm thị giả cho thầy tế độ. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần, nên nhận lại vật đã được đặt vào trong bình bát (của thầy). Khi thầy tế độ đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy tế độ có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên nhắc nhở.

Khi quay trở về, nên đi về trước tiên. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ lau chân. Nên quay trở lại rước y và bình bát. Nên đem lại y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng một chốc lát. Và không nên phơi y quá lâu ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Khi gấp y lại nên vuốt thẳng chéo y ở bốn góc rồi hãy gấp y lại (nghĩ rằng): "Không nên có nếp nhăn ở phía trong." Nên đặt dây thắt lưng ở phía trong rồi gấp lại.

Nếu có đồ ăn khát thực và thầy tế độ có ý muốn ăn thì nên dâng nước (rửa) và nên đem đồ ăn khát thực để gần bên. Nên dâng thầy tế độ nước uống. Khi thầy ăn xong nên dâng nước (rửa). Nên nhận lại bình bát rồi đem để ở chỗ thấp, rửa một cách khéo léo không gây tiếng động, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Không nên phơi bình bát quá lâu ở chỗ nắng. Nên đem cát y và bình bát. Khi đem cát y và bình bát, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, rồi nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra. Khi thầy tế độ đứng dậy, nên thu xếp đi chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, giẻ chùi chân. Nếu khu vực ấy bị có rác thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy tế độ có ý muốn tắm, nên sắp xếp việc tắm. Nếu (thầy tế độ) thích nước lạnh thì chuẩn bị nước lạnh. Nếu thích nước nóng thì chuẩn bị nước nóng. Nếu thầy tế độ có ý muốn đi vào nhà tắm, nên trộn bột tắm. Nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm, đi đến phía sau, trao ghế ngồi của nhà tắm cho thầy tế độ, nhận lấy y và để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm. Không nên chiếm chỗ của các tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên giành chỗ ngồi của các tỷ-kheo mới tu. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Khi rời khỏi nhà tắm, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm. Ngay khi còn ở trong nước nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Khi tắm xong nên đi ra trước, lau khô nước ở thân thể của mình, mặc y, rồi nên lau khô nước ở cơ thể của thầy tế độ. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp (sa□ghāṭi). Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm, đi về trước, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, giẻ chùi chân. Nên dâng nước uống đến thầy tế độ. Nếu thầy có ý muốn đọc tụng, nên thỉnh (thầy) đọc tụng. Nếu thầy có ý muốn vấn đạo thì nên vấn đạo.

Ở trú xá nào thầy tế độ cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác và nếu vị ấy có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Khi làm sạch sẽ, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem tọa cụ và đồ lót giường ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để ở một góc; nên hạ thấp cái giường, đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, rồi để ở một góc; nên hạ thấp cái ghế, đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, rồi

để ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem ống nhỏ ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem tấm ván gối đầu ra ngoài rồi để ở một góc; nên suy xét tấm trải nên được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để ở một góc; nếu có mạng nhện ở trú xá, khi phát hiện trước tiên nên dời chúng đi, nên lau chùi ở các chỗ ráp nối và các góc có lỗ trống. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lổ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen và bị đốm loang lổ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được phủ sơn, nên rải nước rồi quét: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Sau khi đã gom rác lại rồi nên đem đồ bỏ ở một góc.

Nên phơi nắng tấm trải nền ở một góc, làm sạch sẽ, đập võ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng khung giường ở một góc, lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng giường, làm sạch sẽ, đập võ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ghế, làm sạch sẽ, đập võ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng nệm gối, làm sạch sẽ, đập võ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng tọa cụ và đồ trải giường ở một bên góc, làm sạch sẽ, đập võ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ống nhỏ ở một bên góc, lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng tấm ván gối đầu ở một bên góc, lau chùi, rồi đem vào trong để lại ở vị trí như cũ. Nên đặt y và bình bát xuống. Khi đặt y và bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, rồi nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này rồi căng y ra.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác rưởi, nên quét phòng. Nếu cửa lớn có rác rưởi, nên quét cửa lớn. Nếu cổng có bụi bặm, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác rưởi, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rưởi, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rưởi, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu sự không hoan hỷ sanh khởi ở thầy tế độ, vị đệ tử nên làm cho đi đi hoặc nhờ vị khác làm cho đi đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu mối nghi ngờ sanh khởi ở thầy tế độ, vị đệ tử nên làm cho tan biến hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy tế độ, vị đệ tử nên phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu thầy tế độ bị phạm tội nặng, xứng đáng hành phạt parivāsa, vị đệ tử nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng ban hành phạt parivāsa cho thầy tế độ?" Nếu thầy tế độ xứng đáng (thực hành) trở lại từ đâu, vị đệ tử nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng cho thầy tế độ (thực hành) trở lại từ đâu?" Nếu thầy tế độ xứng đáng hành phạt mānatta, vị đệ tử nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng ban hành phạt mānatta cho thầy tế độ?" Nếu thầy tế độ xứng đáng sự giải tội, vị đệ tử nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng giải tội cho thầy tế độ?" Nếu hội chúng có ý muốn thực thi một hành sự đối với thầy tế độ như là: khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hoà giải, hoặc án treo, vị đệ tử nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng không tiến hành hành sự đối với thầy tế độ, hoặc đổi sang một (hành phạt) nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hoà giải, hoặc án treo đối với vị thầy tế độ, vị đệ tử nên nỗ lực: "Làm thế nào để thầy tế độ có thể làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, và hội chúng có thể thâm hồi hành sự này?"

Nếu y của thầy tế độ cần phải giặt, vị đệ tử nên giặt hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ có thể được giặt đây?" Nếu y của thầy tế độ cần phải may, vị đệ tử nên may hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ có thể được may đây?" Nếu thầy tế độ cần nấu thuốc nhuộm, vị đệ tử nên nấu hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy tế độ có thể được nấu đây?" Nếu y của thầy tế độ cần được nhuộm, vị đệ tử nên nhuộm hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ có thể được nhuộm đây?" Khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Khi nước nhỏ giọt chưa ngừng thì không nên bỏ đi.

Không có phép của thầy tế độ, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đến người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cạo người khác. Không nên bảo người khác kỳ cạo. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm thị giả người khác. Không nên nhận người khác làm thị giả. Không nên mang đồ ăn khát thực của người khác về giùm. Không nên nhờ người khác mang đồ ăn khát thực về giùm. Chưa xin phép thầy tế độ không nên đi vào làng. Không nên đi đến mộ địa. Không bỏ đi hướng khác. Nếu thầy tế độ bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời hoặc chờ đến khi vị thầy khỏe lại.

Này các tỳ-kheo, đây là phạm sự của các đệ tử đối với các vị thầy tế độ, các đệ tử nên thực hành đúng đắn y như thế đối với các vị thầy tế độ.

---o0o---

12. Phạm sự đối với đệ tử (saddhivihārika)

[440) Vào lúc bảy giờ, các vị thầy tế độ không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các đệ tử. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các vị thầy tế độ lại không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các đệ tử?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các vị thầy tế độ không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các đệ tử, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phạm sự đối với các đệ tử cho các vị thầy tế độ, các vị thầy tế độ cần thực hành đúng đắn đối với các đệ tử y như thế.

[441] Nay các tỳ-kheo, vị thầy tế độ nên thực hành phạm sự đúng đắn đối với đệ tử. Đây là phạm sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nay các tỳ-kheo, đối với đệ tử, thầy tế độ nên quan tâm, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự hỏi han, bằng sự giáo huấn, bằng sự chỉ dạy. Nếu thầy tế độ có bình bát và vị đệ tử không có bình bát, thầy tế độ nên cho bình bát đến đệ tử, hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến đệ tử?" Nếu thầy tế độ có y và vị đệ tử không có y, thầy tế độ nên cho y đến đệ tử, hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đến đệ tử?" Nếu thầy tế độ có vật dụng và vị đệ tử không có vật dụng, thầy tế độ nên cho vật dụng đến đệ tử, hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến đệ tử?"

Nếu vị đệ tử bị bệnh, (vị thầy tế độ) nên thức dậy vào lúc sáng sớm và nên đưa cho gối chà răng. Nên đưa nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi nên đem cháo lại. Khi vị đệ tử đã uống cháo xong, nên cho nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách khéo léo, không gây tiếng động, rồi đem cất. Khi vị đệ tử đứng dậy, nên thu xếp đi chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy bị có rác thì nên quét khu vực ấy.

Nếu vị đệ tử có ý muốn đi vào làng, nên đưa y lót trong, và nhận lại y lót trong (khác từ vị đệ tử). Nên đưa dây thắt lưng. Nên gấp y hai lớp (sa□ghāṭi) gọn gàng rồi đưa cho. Sau khi rửa sạch, nên đưa cho bình bát có chứa nước (patto saudako). (Nghĩ rằng): "Đến lúc vị ấy sắp trở về," nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ lau chân. Nên đi ra nhận y và bình bát. Nên đưa cho y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng một chốc lát. Và không nên phơi y quá lâu ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Khi gấp y lại nên vuốt thẳng chéo y ở bốn góc rồi hãy gấp y lại: "Không nên tạo nếp nhăn ở phía trong." Nên đặt dây thắt lưng ở phía trong rồi gấp lại.

Nếu có đồ ăn khát thực và vị đệ tử có ý muốn ăn thì nên đem nước (rửa) lại, và nên đem đồ ăn khát thực để gần bên. Nên đưa cho đệ tử nước uống. Khi vị đệ tử ăn xong nên đưa nước (rửa). Nhận lại bình bát, đem để ở chỗ thấp, rửa một cách khéo léo không gây tiếng động, nên làm ráo nước rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Không nên phơi bát quá lâu ở chỗ nắng. Nên đem

cát y và bình bát. Khi đem cát y và bình bát, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi hãy đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, rồi nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này rồi căng y ra. Khi vị đệ tử đứng dậy, nên thu xếp đi chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân. Nếu khu vực ấy bị có rác thì nên quét khu vực ấy.

Nếu vị đệ tử có ý muốn tắm, nên sắp xếp việc tắm. Nếu (đệ tử) thích nước lạnh thì chuẩn bị nước lạnh. Nếu thích nước nóng thì chuẩn bị nước nóng. Nếu vị đệ tử có ý muốn đi vào nhà tắm, nên trộn bột tắm. Nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm, đi đến, đưa cho ghế ngồi của nhà tắm, nhận lấy y, rồi nên đem để ở một bên. Nên đưa bột tắm. Nên đưa đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm. Không nên chiếm chỗ của các tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên giành chỗ ngồi của các tỷ-kheo mới tu. Ở trong nhà tắm nên kỳ cọ cho đệ tử. Khi rời khỏi nhà tắm, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm, sau khi che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm. Ngay khi còn ở trong nước nên kỳ cọ cho đệ tử. Khi tắm xong nên đi ra trước, lau khô nước ở thân thể của mình, sau khi mặc y, nên lau khô nước ở cơ thể của đệ tử. Nên đưa y lót trong. Nên đưa y hai lớp (sa□ghāṭi). Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân. Nên đem nước uống đến cho đệ tử.

Ở trú xá nào vị đệ tử cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác, nếu có khả năng nên làm sạch sẽ. Khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y và bình bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. ... (như trên)... Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu có sự không hoan hỷ sanh khởi ở đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho dịu đi hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu mối nghi ngờ sanh khởi ở đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho tan biến hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở đệ tử, vị thầy tế độ nên phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu vị đệ tử bị phạm tội nặng, xứng đáng hành phạt parivāsa, vị thầy tế độ nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng ban hành phạt parivāsa cho đệ tử?" Nếu vị đệ tử xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, vị thầy tế độ nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng cho đệ tử (thực hành) trở lại từ đầu?" Nếu vị đệ tử xứng đáng

hành phạt m \bar{a} natta, vị thầy tế độ nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng ban hành phạt m \bar{a} natta cho đệ tử?" Nếu vị đệ tử xứng đáng sự giải tội, vị thầy tế độ nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng giải tội cho đệ tử?" Nếu hội chúng có ý muốn thực thi một hành sự đối với đệ tử như là: khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hoà giải, hoặc án treo, vị thầy tế độ nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng không tiến hành hành sự đối với đệ tử, hoặc đổi sang một (hành phạt) nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hoà giải, hoặc án treo đối với đệ tử, vị thầy tế độ nên nỗ lực: "Làm thế nào để đệ tử có thể làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, và hội chúng có thể thâm hời hành sự này?"

Nếu y của đệ tử cần phải giặt, vị thầy tế độ nên hướng dẫn: "Người nên giặt như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử có thể được giặt đây?" Nếu y của đệ tử cần phải may, vị thầy tế độ nên hướng dẫn: "Người nên may như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử có thể được may đây?" Nếu đệ tử cần nấu thuốc nhuộm, vị thầy tế độ nên hướng dẫn: "Người nên nấu như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của đệ tử có thể được nấu đây?" Nếu y của đệ tử cần phải nhuộm, vị thầy tế độ nên hướng dẫn: "Người nên nhuộm như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử có thể được nhuộm đây?" Khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo, khi nước nhỏ giọt chưa ngừng, thì không nên bỏ đi. Nếu vị đệ tử bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời hoặc chờ đến khi vị đệ tử khỏe lại.

Này các tỷ-kheo, đây là phạm sự của các vị thầy tế độ đối với các đệ tử. Các vị thầy tế độ nên thực hành đúng đắn đối với các đệ tử y như thế.

Dứt Tụng Phẩm thứ hai.

---o0o---

13. Phạm sự đối với thầy dạy học

[442] Vào lúc bảy giờ, các học trò (antevāsikā) không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học. Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các học trò lại không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học?

Sau đó, các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn...(như trên)...

- Nay các tỷ-kheo, nghe nói các học trò không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỷ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phạm sự đối với các vị thầy dạy học của các học trò, các học trò cần thực hành đúng đắn y như thế.

[443] Nay các tỷ-kheo, học trò nên thực hành phạm sự đúng đắn đối với thầy dạy học. Đây là phạm sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng lên gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, và nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi dâng cháo. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô để ở chỗ thấp, rửa một cách khéo léo không gây tiếng động, rồi đem cất. Khi thầy dạy học đứng dậy, nên thu xếp đi chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy dạy học có ý muốn đi vào làng, nên đưa y lót trong, và nhận lại y lót trong (khác từ vị thầy), nên đưa dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp (sa□ghāṭi) gọn gàng rồi dâng lên, sau khi rửa sạch nên trao bình bát có chứa nước (patto saudako). Nếu thầy dạy học muốn có thị giả đi theo, thì vị ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho tề chỉnh rồi đắp y hai lớp (sa□ghāṭi) lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, cầm lấy bình bát, rồi nên đi theo làm thị giả cho thầy dạy học. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần, nên nhận lại vật đã được đặt vào trong bình bát (của thầy). Khi thầy dạy học đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy dạy học có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên nhắc nhở.

Khi quay trở về, nên đi về trước tiên. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ lau chân. Nên quay trở lại rước y và bình bát. Nên đem lại y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng một chốc lát. Và không nên phơi y quá lâu ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Khi gấp y lại nên vuốt thẳng chéo y ở

bốn góc rồi hãy gấp y lại (nghĩ rằng): "Không nên có nếp nhăn ở phía trong." Nên đặt dây thắt lưng ở phía trong rồi gấp lại.

Nếu có đồ ăn khát thực và thầy dạy học có ý muốn ăn thì nên dâng nước (rửa) và nên đem đồ ăn khát thực để gần bên. Nên dâng thầy dạy học nước uống. Khi thầy ăn xong nên dâng nước (rửa). Nên nhận lại bình bát rồi đem để ở chỗ thấp, rửa một cách khéo léo không gây tiếng động, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Không nên phơi bình bát quá lâu ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Khi đem cất y và bình bát, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, rồi nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra. Khi thầy dạy học đứng dậy, nên thu xếp đi chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân. Nếu khu vực ấy bị có rác thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy dạy học có ý muốn tắm, nên sắp xếp việc tắm. Nếu (thầy dạy học) thích nước lạnh thì chuẩn bị nước lạnh. Nếu thích nước nóng thì chuẩn bị nước nóng. Nếu thầy dạy học có ý muốn đi vào nhà tắm, nên trộn bột tắm. Nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm, đi đến phía sau, trao ghế ngồi của nhà tắm cho thầy dạy học, nhận lấy y và để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm. Không nên chiếm chỗ của các tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên giành chỗ ngồi của các tỷ-kheo mới tu. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi rời khỏi nhà tắm, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm. Ngay khi còn ở trong nước nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi tắm xong nên đi ra trước, lau khô nước ở thân thể của mình, mặc y, rồi nên lau khô nước ở cơ thể của thầy dạy học. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp (sa□ghāṭi). Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm, đi về trước, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, giẻ chùi chân. Nên dâng nước uống đến thầy dạy học. Nếu thầy có ý muốn đọc tụng, nên thỉnh (thầy) đọc tụng. Nếu thầy có ý muốn vấn đạo thì nên vấn đạo.

Ở trú xá nào thầy dạy học cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác và nếu vị ấy có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Khi làm sạch sẽ, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem tọa cụ và đồ lót giường ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để ở một góc; nên hạ thấp cái giường, đem ra

ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, rồi để ở một góc; nên hạ thấp cái ghế, đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, rồi để ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem ống nhỏ ra ngoài rồi để ở một góc; nên đem tấm ván gối đầu ra ngoài rồi để ở một góc; nên suy xét tấm trải nên được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để ở một góc; nếu có mạng nhện ở trú xá, khi phát hiện trước tiên nên dời chúng đi, nên lau chùi ở các chỗ ráp nối và các góc có lỗ trống. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lổ nên thấm khăn ướt chà sát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen và bị đốm loang lổ nên thấm khăn ướt chà sát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được phủ sơn, nên rải nước rồi quét: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Sau khi đã gom rác lại rồi nên đem đồ bỏ ở một góc.

Nên phơi nắng tấm trải nền ở một góc, làm sạch sẽ, đập vỗ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng khung giường ở một góc, lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng giường, làm sạch sẽ, đập vỗ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ghế, làm sạch sẽ, đập vỗ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng nệm gối, làm sạch sẽ, đập vỗ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng tọa cụ và đồ trải giường ở một bên góc, làm sạch sẽ, đập vỗ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Nên phơi nắng ống nhỏ ở một bên góc, lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên phơi nắng tấm ván gối đầu ở một bên góc, lau chùi, rồi đem vào trong để lại ở vị trí như cũ. Nên đặt y và bình bát xuống. Khi đặt y và bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, rồi nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này rồi căng y ra.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào

ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác rưởi, nên quét phòng. Nếu cửa lớn có rác rưởi, nên quét cửa lớn. Nếu cổng có bụi bặm, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác rưởi, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rưởi, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rưởi, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu sự không hoan hỷ sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho dịu đi hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu mối nghi ngờ sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho tan biến hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu thầy dạy học bị phạm tội nặng, xứng đáng hành phạt parivāsa, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng ban hành phạt parivāsa cho thầy dạy học?" Nếu thầy dạy học xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng cho thầy dạy học (thực hành) trở lại từ đầu?" Nếu thầy dạy học xứng đáng hành phạt mānatta, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng ban hành phạt mānatta cho thầy dạy học?" Nếu thầy dạy học xứng đáng sự giải tội, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng giải tội cho thầy dạy học?" Nếu hội chúng có ý muốn thực thi một hành sự đối với thầy dạy học như là: khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hoà giải, hoặc án treo, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng không tiến hành hành sự đối với thầy dạy học, hoặc đổi sang một (hành phạt) nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hoà giải, hoặc án treo đối với vị thầy dạy học, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để thầy dạy học có thể làm bỏn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bỏn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thâm hồi hành sự này?"

Nếu y của thầy dạy học cần phải giặt, người học trò nên giặt hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học có thể được giặt đây?" Nếu y của thầy dạy học cần phải may, người học trò nên may hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học có thể được may đây?" Nếu thầy dạy học cần nấu thuốc nhuộm, người học trò nên nấu hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy dạy học có thể được nấu đây?" Nếu y của thầy dạy

học cần được nhuộm, người học trò nên nhuộm hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học có thể được nhuộm đây?" Khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Khi nước nhỏ giọt chưa ngừng thì không nên bỏ đi.

Không có phép của thầy dạy học, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đến người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cọ người khác. Không nên bảo người khác kỳ cọ. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm thị giả người khác. Không nên nhận người khác làm thị giả. Không nên mang đồ ăn khát thực của người khác về giùm. Không nên nhờ người khác mang đồ ăn khát thực về giùm. Chưa xin phép thầy dạy học không nên đi vào làng. Không nên đi đến mộ địa. Không bỏ đi hương khác. Nếu thầy dạy học bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời hoặc chờ đến khi vị thầy khỏe lại.

Này các tỷ-kheo, đây là phận sự của các học trò đối với các vị thầy dạy học, các học trò nên thực hành đúng đắn đối với các vị thầy dạy học y như thế.

14. Phận sự đối với học trò (antevāsika):

[444] Vào lúc bảy giờ, các vị thầy dạy học không thực hành phận sự đúng đắn đối với các học trò (antevāsikā). Các vị tỷ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các vị thầy dạy học lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các học trò?

Rồi các vị tỷ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự việc ấy đã triệu tập hội chúng tỷ-kheo lại và hỏi các tỷ-kheo rằng:

- Này các tỷ-kheo, nghe nói các vị thầy dạy học không thực hành phận sự đúng đắn đối với các học trò, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỷ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, như vậy thì ta sẽ quy định phận sự của các thầy dạy học đối với các học trò, các vị thầy dạy học cần thực hành đúng đắn y như thế đối với các học trò.

[445] Nay các tỳ-kheo, vị thầy dạy học nên thực hành phận sự đúng đắn đối với học trò. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nay các tỳ-kheo, đối với học trò, thầy dạy học nên quan tâm, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự hỏi han, bằng sự giáo huấn, bằng sự chỉ dạy. Nếu thầy dạy học có bình bát và người học trò không có bình bát, thầy dạy học nên cho bình bát đến học trò, hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến học trò?" Nếu thầy dạy học có y và người học trò không có y, thầy dạy học nên cho y đến học trò, hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đến học trò?" Nếu thầy dạy học có vật dụng và người học trò không có vật dụng, thầy dạy học nên cho vật dụng đến học trò, hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến học trò?"

Nếu người học trò bị bệnh, (vị thầy dạy học) nên thức dậy vào lúc sáng sớm và nên đưa cho gỗ chà răng. Nên đưa nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi nên đem cháo lại. Khi người học trò đã uống cháo xong, nên cho nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách khéo léo, không gây tiếng động, rồi đem cất. Khi người học trò đứng dậy, nên thu xếp đi chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy bị có rác thì nên quét khu vực ấy.

Nếu người học trò có ý muốn đi vào làng, nên đưa y lót trong, và nhận lại y lót trong (khác từ người học trò). Nên đưa dây thắt lưng. Nên gấp y hai lớp (sa□ghāṭi) gọn gàng rồi đưa cho. Sau khi rửa sạch, nên đưa cho bình bát có chứa nước (patta saudako). (Nghĩ rằng): "Đến lúc vị ấy sắp trở về," nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, giẻ lau chân. Nên đi ra nhận y và bình bát. Nên đưa cho y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng một chốc lát. Và không nên phơi y quá lâu ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Khi gấp y lại nên vuốt thẳng chéo y ở bốn góc rồi hãy gấp y lại: "Không nên tạo nếp nhăn ở phía trong." Nên đặt dây thắt lưng ở phía trong rồi gấp lại.

Nếu có đồ ăn khát thực và người học trò có ý muốn ăn thì nên đem nước (rửa) lại, và nên đem đồ ăn khát thực để gần bên. Nên đưa cho học trò nước uống. Khi người học trò ăn xong nên đưa nước (rửa). Nhận lại bình bát, đem để ở chỗ thấp, rửa một cách khéo léo không gây tiếng động, nên làm ráo

nước rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Không nên phơi bát quá lâu ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Khi đem cất y và bình bát, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi hãy đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, rồi nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này rồi căng y ra. Khi người học trò đứng dậy, nên thu xếp đi chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, giẻ chùi chân. Nếu khu vực ấy bị có rác thì nên quét khu vực ấy.

Nếu người học trò có ý muốn tắm, nên sắp xếp việc tắm. Nếu (học trò) thích nước lạnh thì chuẩn bị nước lạnh. Nếu thích nước nóng thì chuẩn bị nước nóng. Nếu người học trò có ý muốn đi vào nhà tắm, nên trộn bột tắm. Nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm, đi đến, đưa cho ghế ngồi của nhà tắm, nhận lấy y, rồi nên đem để ở một bên. Nên đưa bột tắm. Nên đưa đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm. Không nên chiếm chỗ của các tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên giành chỗ ngồi của các tỷ-kheo mới tu. Ở trong nhà tắm nên kỳ cọ cho học trò. Khi rời khỏi nhà tắm, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm, sau khi che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm. Ngay khi còn ở trong nước nên kỳ cọ cho học trò. Khi tắm xong nên đi ra trước, lau khô nước ở thân thể của mình, sau khi mặc y, nên lau khô nước ở cơ thể của học trò. Nên đưa y lót trong. Nên đưa y hai lớp (sa□ghāṭi). Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, giẻ chùi chân. Nên đem nước uống đến cho học trò.

Ở trú xá nào người học trò cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác, nếu có khả năng nên làm sạch sẽ. Khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y và bình bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. ... (như trên)... Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu có sự không hoan hỷ sanh khởi ở học trò, vị thầy dạy học nên làm cho dịu đi hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu mối nghi ngờ sanh khởi ở học trò, vị thầy dạy học nên làm cho tan biến hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở học trò, vị thầy dạy học nên phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu người học trò bị phạm tội nặng, xứng đáng hành phạt parivāsa, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng ban hành

phạt parivāsa cho học trò?" Nếu người học trò xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng cho học trò (thực hành) trở lại từ đầu?" Nếu người học trò xứng đáng hành phạt mānatta, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng ban hành phạt mānatta cho học trò?" Nếu người học trò xứng đáng sự giải tội, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng giải tội cho học trò?" Nếu hội chúng có ý muốn thực thi một hành sự đối với học trò như là: khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hoà giải, hoặc án treo, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng không tiến hành hành sự đối với học trò, hoặc đổi sang một (hành phạt) nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hoà giải, hoặc án treo đối với học trò, vị thầy dạy học nên nỗ lực: "Làm thế nào để học trò có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thâm hoi hành sự này?"

Nếu y của học trò cần phải giặt, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: "Người nên giặt như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò có thể được giặt đây?" Nếu y của học trò cần phải may, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: "Người nên may như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò có thể được may đây?" Nếu học trò cần nấu thuốc nhuộm, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: "Người nên nấu như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của học trò có thể được nấu đây?" Nếu y của học trò cần phải nhuộm, vị thầy dạy học nên hướng dẫn: "Người nên nhuộm như vậy," hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò có thể được nhuộm đây?" Khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo, khi nước nhỏ giọt chưa ngừng, thì không nên bỏ đi. Nếu người học trò bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời hoặc chờ đến khi người học trò khỏe lại.

Này các tỷ-kheo, đây là phận sự của các vị thầy dạy học đối với các học trò. Các vị thầy dạy học nên thực hành đúng đắn đối với các học trò y như thế.

Dứt Chương Phận Sự là chương thứ tám.

Trong chương này có 21 câu chuyện, 14 phận sự.

Tóm lược chương này:

[446]

Mang dép và che dù,
y quần đầu, nước uống,

không đánh lễ (vị lớn),
không dâng (nước), con rắn,
các vị tốt phân nân.
Hạ dù, y đắp vai,
đi đến nơi tụ hội,
đặt y và bát xuống,
hỏi han điều thích hợp.
Nên xối với nước rửa,
giày lau khô rồi ướt,
hỏi vị lớn hoặc nhỏ,
phòng trống, chỗ đi bát,
gia đình Thánh Hữu Học,
nhà tiêu, chỗ lấy nước,
gậy chống, điều qui định,
thời biểu, trong chốc lát,
rác, đem ra thăm nền,
khung giường, và tấm nệm,
giường nằm, ghé, ống nhỏ,
ván, mạng nhện, các khe,
sơn đỏ, đen, không sơn,
rác rưởi, thăm trái nền,
khung giường, giường và ghé,
nệm nằm với tọa cụ,
ống nhỏ, ván kê đầu,
y bát và nền nhà,
mép y ở bên kia,
phần gấp lại bên này.
Từ hướng đông, hướng tây,
hướng bắc rồi hướng nam,
lạnh nóng, và đêm ngày,
phòng ốc và cửa lớn,
phòng hội, nhà đốt lửa,
phận sự ở nhà tiêu,
nước uống, nước để rửa,
và hũ nước súc miệng.
phận sự vị vãng lai
quy định không sai khác.
Không chỗ ngồi, nước rửa,
không chào hỏi, nước uống,
không đánh lễ, sắp xếp,

các vị tốt phàn nàn.
Với vị thâm niên hơn,
chỗ ngồi và nước rửa,
đến gập dướng nước uống,
đôi dép để một bên,
đánh lễ và sắp chỗ,
phòng bện, chỗ đi bát,
và nhà Thánh Hữu Học,
chỗ nước uống, nước rửa,
cây gậy, thời khoá biểu.
Vị tân thọ, cứ ngồi,
chào hỏi và chỉ rõ,
đường lối như dưới đây,
đó là phân phận sự
của các vị thường trú
chỉ dạy bởi Đạo Sư.
Vị xuất hành ra đi
đồ đạc gọn, gọn sứ,
không đóng cửa, không báo,
bị mất, không bảo vệ,
các vị tốt phàn nàn.
Hãy sắp đặt, đóng cửa,
thông báo rồi ra đi,
tỷ-kheo hoặc sa-di,
người ở chùa, cư sĩ.
Một khối trên các đá,
nên sắp xếp, đóng cửa,
nếu có được khả năng,
nơi không giột như thế,
nếu bị giột toàn bộ,
(nên gởi) ở trong làng,
để ngoài trời như vậy:
"Mong các thứ tồn tại,"
đây là phân phận sự
của tỷ-kheo xuất hành.
Trưởng lão không tùy hỷ,
bỏ đi, bốn năm vị,
nín phẫn, bị choáng váng,
đây phận sự tùy hỷ.
Các vị nhóm Lục Sư

thường mặc y luộm thuộm,
lại trùm y luộm thuộm,
không theo đúng quy cách
và còn đi rẽ ngang
chiếm chỗ các vị lớn,
các vị tân tỷ-kheo,
và y sa□ghāṭi,
tỷ-kheo tốt phàn nàn.
Mặc y tròn ba điều,
thân tề chỉnh, dây buộc,
không rẽ ngang, che kín,
thu thúc, mắt nhìn xuống,
không nên vén y lên,
và cười vang lớn tiếng,
thêm ba phần đưng đưa.
chống nạnh, phủ, nhón gót,
chiếm chỗ, không cho ngồi,
trái y ra, và nước,
hạ thấp xuống, nước văng,
xung quanh, y hai lớp,
và việc thọ lãnh cơm,
canh, thức ăn hảo hạng,
chia đều phần tất cả.
Nghiêm trang, tâm ở bát,
đều đều, canh vừa đủ,
trưởng lão chờ chưa ăn
và cơm vừa miệng bát
nghiêm trang, tâm chú bát,
vừa cơm và đủ canh
không vun cơm che giấu,
không xin thêm, tìm lỗi,
lớn, tròn đều, há miệng,
cả tay, không nói chuyện,
ném, cắn hai, phòng má,
rảy tay, cơm vung vãi,
le lưỡi, tiếng chép chép,
tiếng rột rột, liếm tay,
liếm bình bát, liếm môi,
thọ lãnh bằng tay dơ,
chờ tất cả, nước rửa,

hạ thấp, và văng nước,
đồ đựng nước, xung quanh,
y hai lớp, thấp xuống,
mặt đất, nước có cơm.
Trong khi đi trở về,
khéo trùm y, nhón gót,
đây phận sự nhà ăn,
bậc Pháp Vương quy định.
Mặc y phục luộm thuộm,
không theo đúng quy cách,
không suy xét, vội vã,
quá xa, (hay) quá gần,
quá lâu, (hoặc) quá mau,
như thế hành khát thực.
Nên trùm kín rồi đi,
thu thúc, mắt nhìn xuống,
vén hở thân, cười lớn,
tiếng ồn, và còn nữa,
ba vật không đung đưa,
chống nạnh, trùm, nhón gót,
không suy xét, vội vã,
quá xa, (hay) quá gần,
quá lâu, (hoặc) quá mau,
(rời) chỗ ngồi, cái muống,
cái đĩa, hoặc thỉnh chờ,
giở lên và mở ra,
thọ lãnh không nhìn mặt,
các món súp cũng vậy.
Vị tử-kheo che giấu
bằng y sa□ghāṭi,
trùm kín rồi mới đi,
thu thúc, mắt nhìn xuống,
không nên vén y lên,
và cười vang lớn tiếng,
chỉ gây tiếng động nhỏ,
ba sự việc đung đưa,
chống nạnh, trùm, nhón gót,
về trước tiên, chỗ ngồi,
chậu đựng các đồ thừa,
nước uống, nước rửa ráy,

về sau, muốn, hãy ăn,
đổ xuống, rồi cất đi,
dọn dẹp xong, quét nền,
đổ vào lu hết nước,
trống trơn, ra hiệu tay,
không gây thành tiếng động,
đó phận sự khát thực.
Nước uống, nước rửa, lửa,
vật tạo lửa, các sao,
phương hướng, và bọn trộm,
"Tất cả đều không có,"
đánh đập, vai mang bát,
y ca-sa, từ đó,
bây giờ, mang ở vai,
đều đặn ba vòng tròn,
giống phận sự khát thực,
các vị sống ở rừng
cũng hành theo lối ấy,
vai bát, y trên đầu,
mang vào, và nước uống,
nước rửa, và ngọn lửa,
vật tạo lửa, cây gậy,
lại nữa các ngôi sao,
toàn bộ hoặc một phần,
và thiện xảo các hướng,
đây phận sự ở rừng,
Tối Thượng Sư quy định.
Ở ngoài trời, lấm bụi,
các vị tốt phận nản,
nếu trú xá bị dơ,
trước tiên là y bát,
nệm nằm, giường, gối kê,
ghế ngồi, và ống nhỏ,
ván kê đầu, khe hở,
chưa được sơn đỏ đen,
rác rưởi, gân tử-kheo,
sàng tọ, trú xá, nước,
ở gần nước rửa ráy,
ngược gió và mái hiên,
dưới gió, thảm trải nền,

khung giường và giường ngủ,
ghế ngồi, nệm, tọa cụ,
ông nhỏ, ván kê đầu,
và y bát trên đất,
mép y ở bên kia,
y gấp lại hướng này,
hướng đông và hướng tây,
hướng bắc và hướng nam,
lạnh nóng và đêm ngày,
phòng ốc và cửa lớn,
phòng hội, và nhà lửa,
nhà tiêu và nước uống,
hũ nước để súc miệng,
và các vị thâm niên,
đọc tụng, hỏi, học bài,
giảng Pháp, thổi ngọn đèn,
không mở cũng không đóng,
quay lại theo vị lớn,
không chạm dầu góc y,
đó phận sự chỗ ngụ,
bậc đại nhân quy định.
Bị cản, cửa ra vào,
rời vị bị ngắt đi,
các vị tốt phần nàn,
nên đồ tro, nhà tắm,
nền nhà, và như vậy,
phòng, cửa lớn, sảnh đường,
bột thoa, sét, máng nước,
ở phía trước, khuôn mặt,
không (chiếm chỗ) trưởng thượng,
vị tân thọ, nếu được,
phía trước, trên, lối đi,
đọng nước, sét, ghế ngồi,
tắt lửa, và đóng cửa,
là phận sự nhà tắm.
Không rửa, theo thâm niên,
theo phiên, và vôi vãi,
chen, rạn, gỗ chà răng,
đại, tiểu tiện, khắc nhỏ,
sần sùi, hồ phân, vôi,

lần, chép miệng, bỏ đi.
Ngoài, và trong tầng hấng,
giây treo, không hấp tấp,
vội vã, vén y, đứng,
rặn, gỗ chà răng, phân,
tiểu, khắc nhỏ, sần sùi,
hố phân, bệ nhà tiêu,
không vội vã, kéo lên,
sàn rửa, tiếng chép chép,
không chừa nước, che đậy,
dơ và thùng chứa rác,
nhà vệ sinh, nền nhà,
phòng ốc, và cửa lớn,
và nước để rửa ráy,
đó phân sự nhà tiêu.
Đôi dép, gỗ chà răng,
nước súc miệng, chỗ ngồi,
cháo, nước uống, rửa sạch,
dọn dẹp, rác, vào làng,
y lót, dây thắt lưng,
xếp y, bát có nước,
thị giả, ba sự tròn,
mặc đều đặn, dây lưng,
buộc dây, rửa, phía sau,
không xa lắm, nhận lãnh,
khi vị nói, lỗi lầm,
về trước tiên, chỗ ngồi,
nước, ghé kê, ghé lau,
quay trở lại, y lót,
ở chỗ nắng, phơi lâu,
nếp nhăn, phân gấp lại,
muốn ăn, nên đem lại,
nước uống, rửa, chỗ thấp,
một chốc, chẳng phơi lâu,
y bát và mặt đất,
mép y phía bên kia,
phía này y gấp lại,
cất đi và dọn dẹp,
rác rến và muốn tắm,
lạnh, nóng, và nhà tắm,

bột tắm, sét, phía sau,
và ghế, y, bột tắm,
đất sét, nếu có thể,
khuôn mặt, ở phía trước,
trường lão, và mới tu,
kỳ cọ, và đi ra,
phía trước, trong nước, tắm,
mặc y, thầy tế độ,
y lót, y hai lớp,
ghế nhà tắm, chỗ ngồi,
chân, ghế kê, giẻ lau,
nước uống, muốn đọc tụng,
và hỏi về Giáo Pháp,
rác rến, nên làm sạch,
trước tiên là y bát,
tắm tắm để lót ngồi,
nệm nằm và các gối,
giường, ghế ngồi, khung gỗ,
ống nhỏ, ván kê đầu,
nền nhà, màn lưới nhện,
và khe hở, đỏ, đen,
chỗ còn chưa sơn phết,
thảm trải nền, khung gỗ,
giường, ghế, và, gối kê,
đồ lót ngồi, ống nhỏ,
ván kê đầu, y bát,
hướng đông và hướng tây,
hướng bắc và hướng nam,
lạnh nóng, và đêm ngày,
phòng ốc và cửa lớn,
phòng họp, và nhà lửa,
nhà tiêu, nước uống, rửa,
nước súc miệng, không vui,
nổi nghi hoặc, tà kiến,
và tội nặng, từ đầu,
mànatta, giải tội,
khiển trách, việc chỉ dạy,
xua đuổi, và hoà giải,
rời hành sự treo tội
nếu đã được thực hành.

Giặt, nhuộm nên thực hiện,
khi nhuộm, việc trộn đều,
và bình bát, y nữa,
đồ phụ tùng, cạo (tóc),
kỳ cọ, việc hầu hạ,
thị giả, đồ khát thực,
không đi vào mộ địa,
và quay sang hướng khác,
đến hết đời, phục vụ,
vớ đệ tử việc này.
Các điều phạm sự ấy
của vị thầy tế độ,
giáo huấn, tụng Giáo Pháp,
vấn hỏi, và bát y,
vật phụ tùng, vị bệnh,
không là vị thị giả,
cho đến thầy tế độ,
cũng tương tự như thế,
ở các thầy dạy học.
Các phạm sự đệ tử
cũng giống vị học trò.
Phạm sự vị vãng lai,
các vị thường trú nữa,
vị xuất hành, tùy hỷ,
ở trong nhà thọ thực,
và vị đi hành khát,
phạm sự của các vị
ở rừng, các chỗ ngụ,
ở nhà tắm, nhà tiêu,
thầy tế độ, đệ tử,
phạm sự của thầy dạy,
cũng giống như học trò,
có mười chín sự việc,
mười bốn việc phạm sự
ở trong chương Phạm Sự.
Phạm sự không tròn đủ,
không hoàn hảo về giới,
giới không sạch, tuệ kém,
không thấy được nhất tâm,
vớ tâm bị xáo trộn,

không trụ vào một điểm,
không thấy được Chánh Pháp,
khi không thấy Chánh Pháp,
không thoát khỏi khổ đau.
Vị hoàn thành phận sự,
giới cũng được tròn đủ,
giới trong sạch, có tuệ,
lại đạt được nhất tâm,
tâm không bị xáo trộn,
trụ vào được một điểm,
vị ấy thấy Chánh Pháp,
chứng ngộ được Diệu Pháp,
vị ấy thoát khỏi đau,
do đó, nên thành tựu
phận sự đệ tử Phật
thấy rõ ràng lời dạy
của đức Phật tối thượng,
từ đó đạt Niết Bàn.

----oOo----

IX. Chương Đỉnh Chỉ Giới bốn Pātimokkha (Pātimokkhaṭṭhapanakkhandhakaṃ)

[447] Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Đông Phương tỳ (Pubbārāma), nơi Lộc Mẩu giảng đường (Migāramātu pāsāda). Vào lúc bảy giờ, nhằm ngày Bố Tát (Uposatha) vào ngày mười lăm, đức Thế Tôn đang ngồi, được hội chúng tỳ-kheo vây quanh. Khi ấy, trong lúc đêm khuya canh một đã tàn, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên hướng về đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch ngài, đêm đã khuya, canh một đã tàn, hội chúng tỳ-kheo ngồi đã lâu. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn Pātimokkha cho các tỳ-kheo.

Khi được nói như vậy, đức Thế tôn đã im lặng.

Đến lần thứ nhì, trong lúc đêm khuya canh giữa đã tàn, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên hướng về đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch ngài, đêm đã khuya, canh giữa đã tàn, hội chúng tỳ-kheo ngồi đã lâu. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn Pātimokkha cho các tỳ-kheo.

Lần thứ nhì, đức Thế tôn đã im lặng.

Đến lần thứ ba, trong lúc đêm khuya canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, đêm lộ nét hân hoan (nandimukhiyā rattiya), đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên hướng về đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch ngài, đêm đã khuya canh một đã tàn, bình minh đã rạng, đêm lộ nét hân hoan, hội chúng tỳ-kheo ngồi đã lâu. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn Pātimokkha cho các tỳ-kheo.

- Nay Ānanda, hội chúng không thanh tịnh.

[448] Khi ấy, đại đức Mahāmogallāna khởi ý rằng: "Đức Thế Tôn ám chỉ đến nhân vật nào lại nói như vậy: ‘Nay Ānanda, hội chúng không thanh tịnh’?" Sau đó, đại đức Mahāmogallāna chăm chú dùng tâm quán xét tâm của toàn thể hội chúng tỳ-kheo. Và đại đức Mahāmogallāna đã thấy được nhân vật ấy là kẻ ác giới, ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi sa-môn, giả mạo sa-môn, phi phạm hạnh, giả mạo phạm hạnh, nội tâm thối nát, chứa đầy dục vọng, có bản chất dơ bẩn, đang ngồi giữa hội chúng tỳ-kheo. Thấy thế, đại đức đã đi đến gần nhân vật ấy, đến rồi đã nói với nhân vật ấy rằng:

- Nay ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn biết rồi. Ngươi không được cộng trú với các tỳ-kheo.

Khi được nói như vậy, nhân vật ấy đã im lặng.

Lần thứ nhì, đại đức Mahāmogallāna đã nói với nhân vật ấy rằng:

- Nay ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn biết rồi. Ngươi không được cộng trú với các tỳ-kheo.

Lần thứ nhì, nhân vật ấy đã im lặng.

Đến lần thứ ba, đại đức Mahāmogallāna đã nói với nhân vật ấy rằng:

- Nay ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn biết rồi. Ngươi không được cộng trú với các tỳ-kheo.

Lần thứ ba, nhân vật ấy đã im lặng.

Khi ấy, đại đức Mahāmogallāna đã nắm lấy nhân vật ấy ở cánh tay đẩy ra ngoài cánh cửa lớn và gài chốt cửa lại sau đó đã đi đến gần đức Thế Tôn, đến rồi đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, nhân vật ấy đã bị con đẩy ra ngoài rồi; hội chúng đã được thanh tịnh. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn Pātimokkha cho các tỳ-kheo.

- Nay Moggallāna, thật kỳ lạ thay! Nay Moggallāna thật khác thường thay! Gã rô đại ấy lại chờ cho đến lúc bị nắm lấy cánh tay.

Sau đó, đức Thế tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

[449] Nay các tỳ-kheo, đây là tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả mà các A Tu La sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong biển cả. Tám điều ấy là gì?

Này các tỳ-kheo, biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột. Nay các tỳ-kheo, bởi vì biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột; cho nên, này các tỳ-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất trong biển cả mà các A Tu La sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong biển cả.

[450] Lại nữa, này các tỳ-kheo, biển cả có bản chất ổn định, không tràn qua khỏi bờ. Nay các tỳ-kheo, bởi vì biển cả có bản chất ổn định, không tràn qua khỏi bờ; cho nên, này các tỳ-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ hai trong biển cả mà các A Tu La sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong biển cả.

[451] Lại nữa, này các tỳ-kheo, biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết vào bờ và hất lên trên đất liền. Này các tỳ-kheo, bởi vì biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết vào bờ và hất lên trên đất liền; cho nên, này các tỳ-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba trong biển cả mà các A Tu La sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong biển cả.

[452] Lại nữa, này các tỳ-kheo, các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì bỏ tên họ trước đây và hòa chung lại gọi là "Biển cả." Này các tỳ-kheo, bởi vì các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì bỏ tên họ trước đây và hòa chung lại gọi là "Biển cả;" cho nên, này các tỳ-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư trong biển cả mà các A Tu La sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong biển cả.

[453] Lại nữa, này các tỳ-kheo, cho dù các giòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ trên trời rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vơi đi hoặc tràn đầy. Này các tỳ-kheo, bởi vì cho dù các giòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ trên trời rơi xuống nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vơi đi hoặc tràn đầy; cho nên, này các tỳ-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm trong biển cả mà các A Tu La sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong biển cả.

[454] Lại nữa, này các tỳ-kheo, biển cả có mỗi một vị là vị của muối. Này các tỳ-kheo, bởi vì biển cả chỉ có một vị là vị của muối; cho nên, này các tỳ-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu trong biển cả mà các A Tu La sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong biển cả.

[455] Lại nữa, này các tỳ-kheo, biển cả có nhiều vật quý, vô số vật quý. Ở đó, các vật quý ấy như là: ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, vỏ sò, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo. Này các tỳ-kheo, bởi vì biển cả có nhiều vật quý, vô số vật quý; ở đó, các vật quý ấy như là: ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, vỏ sò, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo; cho nên, này các tỳ-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy trong biển cả mà các A Tu La sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong biển cả.

[456] Lại nữa, này các tỳ-kheo, biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn. Ở đó, các chúng sanh ấy là: cá ông (timi), cá voi (timi-galo), cá ông voi

(timitimi□galo), A Tu La, các loài rồng (nāga), Cán Thát Bà (gandhabba). Tồn tại trong biển cả có những sinh vật lớn đến trăm do tuần, có những sinh vật lớn đến hai trăm do tuần, có những sinh vật lớn đến ba trăm do tuần, có những sinh vật lớn đến bốn trăm do tuần, có những sinh vật lớn đến năm trăm do tuần. Đây các tử-kheo, bởi vì biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là: cá ông (timi), cá voi (timi□galo), cá ông voi (timitimi□galo), A Tu La, các loài rồng (nāgā), Cán Thát Bà (gandhabba). Tồn tại trong biển cả có những sinh vật lớn đến trăm do tuần, ... (như trên)... có những sinh vật lớn đến năm trăm do tuần; cho nên, đây các tử-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tám trong biển cả mà các A Tu La sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong biển cả.

[457] Tương tự như thế, đây các tử-kheo, trong Pháp và Luật này có tám pháp kỳ diệu phi thường mà các tử-kheo sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong Pháp và Luật này. Tám điều ấy là gì?

Này các tử-kheo, giống như biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột; tương tự như vậy, đây các tử-kheo, trong Pháp và Luật này có các điều học theo thứ lớp, có các sự thực hành theo thứ lớp, có các sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác. Đây các tử-kheo, bởi vì trong Pháp và Luật này có các điều học theo thứ lớp, có các sự thực hành theo thứ lớp, có các sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác; cho nên, đây các tử-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất trong Pháp và Luật này mà các tử-kheo sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[458] Đây các tử-kheo, giống như biển cả có bản chất ổn định, không tràn qua khỏi bờ; tương tự như vậy, đây các tử-kheo, điều học nào đã được ta quy định cho các đệ tử, các đệ tử của ta không vi phạm điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống. Đây các tử-kheo, bởi vì điều học nào đã được ta quy định cho các đệ tử, các đệ tử của ta không vi phạm điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống; cho nên, đây các tử-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ hai trong Pháp và Luật này mà các tử-kheo sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[459] Đây các tử-kheo, giống như biển cả không sống chung với xác chết nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ và hất lên trên đất liền; tương tự như vậy, đây các tử-kheo, nhân vật nào là kẻ ác giới, ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che

giấu, phi sa-môn, giả mạo sa-môn, phi phạm hạnh, giả mạo phạm hạnh, nội tâm thối nát, chứa đầy dục vọng, có bản chất dơ bẩn, hội chúng không sống chung với nhân vật ấy, mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng tỳ-kheo nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy. Nay các tỳ-kheo, bởi vì nhân vật nào là kẻ ác giới, ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi sa-môn, giả mạo sa-môn, phi phạm hạnh, giả mạo phạm hạnh, nội tâm thối nát, chứa đầy dục vọng, có bản chất dơ bẩn, hội chúng không sống chung với nhân vật ấy, mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng tỳ-kheo nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy; cho nên, này các tỳ-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba trong Pháp và Luật này mà các tỳ-kheo sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[460] Nay các tỳ-kheo, giống như các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì bỏ tên họ trước đây và hòa chung lại gọi là "Biển cả;" tương tự như vậy, này các tỳ-kheo, bốn loại giai cấp này: Sát Đế Ly (Khattiya), Bà La Môn (Brāhmaṇa), Vệ Xá (Vessa), và Thủ Đà La (Sudda), khi họ đã rời nhà xuất gia sống đời không nhà và đi đến với đức Như Lai trong Pháp và Luật này thì bỏ tên họ trước đây và hòa chung lại gọi là "Các sa-môn Thích Tử." Nay các tỳ-kheo, bởi vì bốn loại giai cấp này: Sát Đế Ly (Khattiya), Bà La Môn (Brāhmaṇa), Vệ Xá (Vessa), và Thủ Đà La (Sudda), khi họ đã rời nhà xuất gia sống đời không nhà đến với đức Như Lai trong Pháp và Luật này thì bỏ tên họ trước đây và hòa chung lại gọi là "Các sa-môn Thích Tử;" cho nên, này các tỳ-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư trong Pháp và Luật này mà các tỳ-kheo sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[461] Nay các tỳ-kheo, giống như các giòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ trên trời rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vui đi hoặc tràn đầy; tương tự như vậy, này các tỳ-kheo, cho dù một số đông tỳ-kheo Vô Dư Niết Bàn trong cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết Bàn được xem là vui đi hoặc tràn đầy. Nay các tỳ-kheo, bởi vì cho dù một số đông tỳ-kheo Vô Dư Niết Bàn trong cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết Bàn được xem là vui đi hoặc tràn đầy; cho nên, này các tỳ-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm trong Pháp và Luật này mà các tỳ-kheo sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[462] Đây các tử-kheo, giống như biển cả có mỗi một vị là vị của muối; tương tự như vậy, đây các tử-kheo, Pháp và Luật này có mỗi một vị là vị của giải thoát. Đây các tử-kheo, bởi vì Pháp và Luật này có mỗi một vị là vị của giải thoát; cho nên, đây các tử-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu trong Pháp và Luật này mà các tử-kheo sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[463] Đây các tử-kheo, giống như biển cả có nhiều vật quý, vô số vật quý; ở đó, các vật quý ấy như là: ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, vỏ sò, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo; tương tự như vậy, đây các tử-kheo, Pháp và Luật này có nhiều vật quý, vô số vật quý. Ở đây, các vật quý ấy như là: Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Năm Quyền, Năm Lực, Bảy Pháp đưa đến Giác Ngộ, Thánh Đạo Tám Ngành. Đây các tử-kheo, bởi vì Pháp và Luật này có nhiều vật quý, vô số vật quý; ở đây, các vật quý ấy như là: Bốn Niệm Xứ, ... (như trên)... , Thánh Đạo Tám Ngành; cho nên, đây các tử-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy trong Pháp và Luật này mà các tử-kheo sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[464] Đây các tử-kheo, giống như biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là: cá ông (timi), cá voi (timi□galo), cá ông voi (timitimi□galo), A Tu La, các loài rồng (nāga), Cán Thát Bà (gandhabba). Tồn tại trong biển cả có những sinh vật lớn đến trăm do tuần, có những sinh vật lớn đến hai trăm do tuần, có những sinh vật lớn đến ba trăm do tuần, có những sinh vật lớn đến bốn trăm do tuần, có những sinh vật lớn đến năm trăm do tuần. Tương tự như vậy, đây các tử-kheo, Pháp và Luật này cũng là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại. Ở đây, các chúng sanh ấy là: vị Nhập Lưu, vị đang thực hành để chứng ngộ quả vị Nhập Lưu, vị Nhất Lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả vị Nhất Lai, vị Bất Lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả vị Bất Lai, vị A La Hán, vị đang thực hành để chứng ngộ quả vị A La Hán. Đây các tử-kheo, bởi vì Pháp và Luật này cũng là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là: vị Nhập Lưu, vị đang thực hành để chứng ngộ quả vị Nhập Lưu, ... (như trên)... , vị A La Hán, vị đang thực hành để chứng ngộ quả vị A La Hán; cho nên, đây các tử-kheo, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tám trong Pháp và Luật này mà các tử-kheo sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong Pháp và Luật này.

Đây các tử-kheo đây là tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này mà các tử-kheo sau khi xem xét kỹ lưỡng đã thỏa thích trong Pháp và Luật này.

[465] Rồi sau khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, chính vào lúc ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng rằng:

Nước mưa bị văng lại
ở vật đã che đây.
Nước mưa không văng lại
ở vật được mở ra.
Do đó, hãy mở ra
vật đã được che đây,
như vậy, ở vật ấy
nước mưa không văng lại.

[466] Sau đó, đức Thế tôn đã bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, kể từ hôm nay, ta sẽ không tiến hành một lễ Bố Tát (Uposatha) nào khác, ta sẽ không tuyên đọc giới bốn nữa. Chính các người, kể từ hôm nay, các người hãy tiến hành lễ Uposatha, các người hãy tuyên đọc giới bốn Pātimokkha. Nay các tỳ-kheo, sự việc này không hợp lý và không có cơ sở khi đức Như Lai lại tiến hành lễ Uposatha, và tuyên đọc giới bốn Pātimokkha trước một hội chúng không được thanh tịnh. Nay các tỳ-kheo, vị phạm tội không nên nghe giới bốn Pātimokkha. Vị nào nghe thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, vị nào phạm tội mà lắng nghe giới bốn Pātimokkha, ta cho phép đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy. Và nay các tỳ-kheo, nên đình chỉ như vậy: Vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) là vị phạm tội, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tuyên đọc trong sự hiện diện của vị ấy," giới bốn Pātimokkha đã bị đình chỉ.

[467] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): "Không ai biết chúng ta đâu!" là những vị phạm tội mà vẫn nghe giới bốn Pātimokkha. Các tỳ-kheo trưởng lão biết được tâm của người khác nên báo cho các tỳ-kheo rằng:

- Nay các sư đệ, vị tên (như vậy) và vị tên (như vậy) là các tỳ-kheo nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): "Không ai biết chúng ta đâu!" là những vị phạm tội mà vẫn nghe giới bốn Pātimokkha.

Các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã nghe được rằng: "Nghe nói các tỳ-kheo trưởng lão biết được tâm của người khác nên báo cho các tỳ-kheo rằng: 'Này các sư đệ, vị tên (như vậy) và vị tên (như vậy) là các tỳ-kheo nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): 'Không ai biết chúng ta đâu!' là những vị phạm tội mà vẫn nghe giới bổn Pātimokkha'." Các vị ấy (nghĩ rằng): "Trước tiên, các tỳ-kheo trong sạch sẽ đình chỉ giới bổn Pātimokkha của chúng ta," rồi theo đó đã đình chỉ giới bổn Pātimokkha của các tỳ-kheo trong sạch không phạm tội (cho dù không có cơ sở, không có nguyên nhân. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ...(như trên)... Các vị ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã đình chỉ giới bổn Pātimokkha của các tỳ-kheo trong sạch không có phạm tội cho dù không có cơ sở, không có nguyên nhân?

Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Này các tỳ-kheo, nghe nói các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã đình chỉ giới bổn Pātimokkha của các tỳ-kheo trong sạch không có phạm tội cho dù không có cơ sở, không có nguyên nhân, có đúng không vậy?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, không nên đình chỉ giới bổn Pātimokkha của các tỳ-kheo trong sạch, không có phạm tội mà không có cơ sở, không có nguyên nhân. Vị nào đình chỉ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[468] Này các tỳ-kheo, một sự đình chỉ giới bổn Pātimokkha sai Pháp, một đúng Pháp; hai sự đình chỉ giới bổn Pātimokkha sai Pháp, hai đúng Pháp; ba sự đình chỉ giới bổn Pātimokkha sai Pháp, ba đúng Pháp; bốn sự đình chỉ giới bổn Pātimokkha sai Pháp, bốn đúng Pháp; năm sự đình chỉ giới bổn Pātimokkha sai Pháp, năm đúng Pháp; sáu sự đình chỉ giới bổn Pātimokkha sai Pháp, sáu đúng Pháp; bảy sự đình chỉ giới bổn Pātimokkha sai Pháp, bảy đúng Pháp; tám sự đình chỉ giới bổn Pātimokkha sai Pháp, tám đúng Pháp; chín sự đình chỉ giới bổn Pātimokkha sai Pháp, chín đúng Pháp; mười sự đình chỉ giới bổn Pātimokkha sai Pháp, mười đúng Pháp.

[469] Thế nào là một sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới không có cơ sở. Đây là một sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp.

[470] Thế nào là một sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới có cơ sở. Đây là một sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp.

[471] Thế nào là hai sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới không có cơ sở và vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành không có cơ sở. Đây là hai sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp.

[472] Thế nào là hai sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới có cơ sở và vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành có cơ sở. Đây là hai sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp.

[473] Thế nào là ba sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến không có cơ sở. Đây là ba sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp.

[474] Thế nào là ba sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến có cơ sở. Đây là ba sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp.

[475] Thế nào là bốn sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến không có cơ sở. Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về nuôi mạng không có cơ sở. Đây là bốn sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp.

[476] Thế nào là bốn sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới

bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về nuôi mạng có cơ sở. Đây là bốn sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp.

[477] Thế nào là năm sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội Bất cộng trụ (pārājika) không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội Ứng đối trị (pācittiya) không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội Ứng phát lộ (pāṭidesanīya) không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội tác ác (dukkata) không có cơ sở. Đây là năm sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp.

[478] Thế nào là năm sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội Bất cộng trụ (pārājika) có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội Tăng tàng (Saṅghādisesa) có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội Ứng đối trị (pācittiya) có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội Ứng phát lộ (pāṭidesanīya) có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội tác ác (dukkata) có cơ sở. Đây là năm sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp.

[479] Thế nào là sáu sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành chưa được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành đã được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện không có cơ sở. Đây là sáu sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp.

[480] Thế nào là sáu sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành chưa được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành đã được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện có cơ sở, vị ấy

đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện có cơ sở. Đây là sáu sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp.

[481] Thế nào là bảy sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội bất cộng trụ (pārājika) không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội Tăng tàng (Sa□ghādisesa) không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với trọng tội (thullaccaya) không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội ung đối trị (pācittiya) không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội ung phát lộ (pāṭidesanīya) không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội tác ác (dukkata) không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội ác khẩu (dubbhāsita) không có cơ sở. Đây là bảy sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp.

[482] Thế nào là bảy sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội bất cộng trụ (pārājika) có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội Tăng tàng (Sa□ghādisesa) có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với trọng tội (thullaccaya) có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội ung đối trị (pācittiya) có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội ung phát lộ (pāṭidesanīya) có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội tác ác (dukkata) có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với tội ác khẩu (dubbhāsita) có cơ sở. Đây là bảy sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp.

[483] Thế nào là tám sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành chưa được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành đã được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về nuôi mạng đã được thực hiện không có cơ sở. Đây là tám sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp.

[484] Thế nào là tám sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện có

cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành chưa được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành đã được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về nuôi mạng đã được thực hiện có cơ sở. Đây là tám sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp.

[485] Thế nào là chín sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện và chưa được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành chưa được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành đã được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện không có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện và chưa được thực hiện không có cơ sở. Đây là chín sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp.

[486] Thế nào là chín sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp? Vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới chưa được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về giới đã được thực hiện và chưa được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành chưa được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành đã được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về sở hành đã được thực hiện và chưa được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến chưa được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến đã được thực hiện có cơ sở, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha với sự hư hỏng về tri kiến đã

được thực hiện và chưa được thực hiện có cơ sở. Đây là chín sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp.

[487] Thế nào là mười sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp? Vị phạm Bất cộng trụ (pārājika) không ngồi trong tập thể đó; sự thảo luận về (sự vi phạm) pārājika chưa được dứt điểm; vị đã xả bỏ điều học không ngồi trong tập thể đó; sự thảo luận về (trường hợp) xả bỏ điều học chưa được dứt điểm; vị ấy phục tùng thỏa ước đúng Pháp (dhammikam- sāmaggim- upeti); vị ấy không bác bỏ thỏa ước đúng Pháp (na dhammikam- sāmaggim- paccādiyati); sự thảo luận về việc bác bỏ thỏa ước đúng Pháp chưa được dứt điểm; vị bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới không có hiện diện; vị bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về sở hành không có hiện diện; vị bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến không có hiện diện. Đây là mười sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp.

[488] Thế nào là mười sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp? Vị phạm Bất cộng trụ (pārājika) ngồi trong tập thể đó; sự thảo luận về (sự vi phạm) pārājika đã được dứt điểm; vị đã xả bỏ điều học ngồi trong tập thể đó; sự thảo luận về (trường hợp) xả bỏ điều học đã được dứt điểm; vị ấy không phục tùng thỏa ước đúng Pháp (dhammikam- sāmaggim- na upeti); vị ấy bác bỏ thỏa ước đúng Pháp (dhammikam- sāmaggim- paccādiyati); sự thảo luận về việc bác bỏ thỏa ước đúng Pháp đã được dứt điểm; vị bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới có hiện diện; vị bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về sở hành có hiện diện; vị bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến có hiện diện. Đây là mười sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp.

[489] Thế nào là vị phạm Bất cộng trụ (Pārājika) ngồi trong tập thể đó?

Trong trường hợp này, này các tỷ-kheo, sự phạm tội Pārājika sanh khởi với những hình thức nào, với những đặc tính nào, với những dấu hiệu nào, và vị tỷ-kheo thấy vị tỷ-kheo (khác) đang phạm tội Pārājika với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỷ-kheo ấy không thấy vị tỷ-kheo (khác) đang phạm tội Pārājika nhưng lại có vị tỷ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỷ-kheo tên (như vậy) đã phạm tội Pārājika!" Cho dù vị tỷ-kheo ấy không thấy vị tỷ-kheo (khác) đang phạm tội Pārājika và cũng không có vị tỷ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỷ-kheo tên (như vậy) đã phạm tội Pārājika!" nhưng chính vị tỷ-kheo (phạm tội) đã nói với vị tỷ-kheo ấy rằng: "Này đại đức, tôi đã phạm tội Pārājika!" Này các tỷ-kheo, do nghe được điều ấy, do thấy được

điều ấy, hoặc do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nếu muốn thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) là vị phạm tội Pārājika, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tuyên đọc trong sự hiện diện của vị ấy."

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

[490] Trong khi giới bốn Pātimokkha của vị tỳ-kheo bị đình chỉ, nếu tập thể giải tán do một trong mười sự nguy hiểm: sự nguy hiểm từ đức vua, sự nguy hiểm vì trộm cướp, sự nguy hiểm vì hỏa hoạn, sự nguy hiểm vì nước ngập, sự nguy hiểm vì loài người, sự nguy hiểm vì phi nhân, sự nguy hiểm vì thú dữ, sự nguy hiểm vì rắn, sự nguy hiểm vì mạng sống, sự nguy hiểm vì phạm hạnh. Nay các tỳ-kheo, tại trú xứ ấy hoặc một trú xứ khác, vị tỳ-kheo (nguyên cáo) nếu muốn thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về tội Pārājika của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc này."

Nếu sự việc ấy có thể đạt được như vậy, sự việc ấy như thế là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được, thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về tội Pārājika của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tuyên đọc trong sự hiện diện của vị ấy."

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

[491] Thế nào là vị đã xả bỏ điều học ngồi trong tập thể đó?

Trong trường hợp này, nay các tỳ-kheo, điều học được xả bỏ với những hình thức nào, với những đặc tính nào, với những dấu hiệu nào, và vị tỳ-kheo thấy vị tỳ-kheo (khác) đang xả bỏ điều học với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ-kheo ấy không thấy vị tỳ-kheo (khác) đang xả bỏ điều học nhưng lại có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên (như vậy) đã xả bỏ điều

học!" Cho dù vị tỳ-kheo ấy không thấy vị tỳ-kheo (khác) đang xả bỏ điều học và cũng không có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên (như vậy) đã xả bỏ điều học!" nhưng chính vị tỳ-kheo (xả bỏ điều học) đã nói với vị tỳ-kheo ấy rằng: "Này đại đức, tôi đã xả bỏ điều học!" Này các tỳ-kheo, do nghe được điều ấy, do thấy được điều ấy, hoặc do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nếu muốn thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) là vị đã xả bỏ điều học, tôi định chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tuyên đọc trong sự hiện diện của vị ấy."

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

[492] Trong khi giới bốn Pātimokkha của vị tỳ-kheo bị đình chỉ, nếu tập thể giải tán do một trong mười sự nguy hiểm: sự nguy hiểm từ đức vua, sự nguy hiểm vì trộm cướp, sự nguy hiểm vì hỏa hoạn, sự nguy hiểm vì nước ngập, sự nguy hiểm vì loài người, sự nguy hiểm vì phi nhân, sự nguy hiểm vì thú dữ, sự nguy hiểm vì rắn, sự nguy hiểm vì mạng sống, sự nguy hiểm vì phạm hạnh. Này các tỳ-kheo, tại trú xứ ấy hoặc một trú xứ khác, vị tỳ-kheo (nguyên cáo) nếu muốn thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ điều học của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc này."

Nếu sự việc ấy có thể đạt được như vậy, sự việc ấy như thế là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được, thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ điều học của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi định chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tuyên đọc trong sự hiện diện của vị ấy."

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

[493] Thế nào là vị không phục tùng thỏa ước đúng Pháp (dhammikam-sāmaggi- na upeti)?

Trong trường hợp này, này các tỳ-kheo, việc không phục tùng thỏa ước đúng Pháp sanh lên với những hình thức nào, với những đặc tính nào, với những dấu hiệu nào, và vị tỳ-kheo thấy vị tỳ-kheo khác không phục tùng thỏa ước đúng Pháp với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ-kheo ấy không thấy vị tỳ-kheo (khác) không phục tùng thỏa ước đúng Pháp nhưng lại có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên (như vậy) không phục tùng thỏa ước đúng Pháp!" Cho dù vị tỳ-kheo ấy không thấy vị tỳ-kheo (khác) không phục tùng thỏa ước đúng Pháp và cũng không có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên (như vậy) không phục tùng thỏa ước đúng Pháp!" nhưng chính vị tỳ-kheo (không phục tùng) đã nói với vị tỳ-kheo ấy rằng: "Này đại đức, tôi không phục tùng thỏa ước đúng Pháp!" Này các tỳ-kheo, do nghe được điều ấy, do thấy được điều ấy, hoặc do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nếu muốn thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) không phục tùng thỏa ước đúng Pháp, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tuyên đọc trong sự hiện diện của vị ấy."

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

[494] Thế nào là vị bác bỏ thỏa ước đúng Pháp (dhammikam- sāmaggim-paccādiyati)?

Trong trường hợp này, này các tỳ-kheo, việc bác bỏ thỏa ước đúng Pháp sanh lên với những hình thức nào, với những đặc tính nào, với những dấu hiệu nào, và vị tỳ-kheo thấy vị tỳ-kheo khác đang bác bỏ thỏa ước đúng Pháp với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ-kheo ấy không thấy vị tỳ-kheo (khác) đang bác bỏ thỏa ước đúng Pháp nhưng lại có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên (như vậy) bác bỏ thỏa ước đúng Pháp!" Cho dù vị tỳ-kheo ấy không thấy vị tỳ-kheo (khác) đang bác bỏ thỏa ước đúng Pháp và cũng không có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên (như vậy) bác bỏ thỏa ước đúng Pháp!" nhưng chính vị tỳ-kheo (bác bỏ thỏa ước) đã nói với vị tỳ-kheo ấy rằng: "Này đại đức, tôi bác bỏ thỏa ước đúng Pháp!" Này các tỳ-kheo, do nghe được điều ấy, do thấy được điều ấy, hoặc do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nếu muốn thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy

lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bác bỏ thỏa ước đúng Pháp, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tuyên đọc trong sự hiện diện của vị ấy."

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

[495] Trong khi giới bốn Pātimokkha của vị tỳ-kheo bị đình chỉ, nếu tập thể giải tán do một trong mười sự nguy hiểm: sự nguy hiểm từ đức vua, ... (như trên)..., sự nguy hiểm vì phạm hạnh. Nay các tỳ-kheo, tại trú xứ ấy hoặc một trú xứ khác, vị tỳ-kheo (nguyên cáo) nếu muốn thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc bác bỏ thỏa ước đúng Pháp của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc ấy."

Nếu sự việc ấy có thể đạt được như vậy, sự việc ấy như thế là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được, thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc bác bỏ thỏa ước đúng Pháp của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tuyên đọc trong sự hiện diện của vị ấy."

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

[496] Thế nào là vị bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới?

Trong trường hợp này, này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, và vị tỳ-kheo biết được một vị tỳ-kheo (khác) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới bởi những hình thức ấy, bởi những đặc tính ấy, bởi những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ-kheo ấy không biết được vị tỳ-kheo (khác) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới nhưng lại có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên (như vậy) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!" Cho dù vị tỳ-kheo ấy không biết được vị tỳ-kheo (khác) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới và cũng không có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên

(như vậy) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!" nhưng chính vị tỳ-kheo (can phạm) đã nói với vị tỳ-kheo rằng: "Này đại đức, tôi bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!" Này các tỳ-kheo, do nghe được điều ấy, do thấy được điều ấy, hoặc do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nếu muốn thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tuyên đọc trong sự hiện diện của vị ấy."

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

[497] Thế nào là vị bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về sở hành?

Trong trường hợp này, này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về sở hành do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, và vị tỳ-kheo biết được vị tỳ-kheo (khác) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về sở hành bởi những hình thức ấy, bởi những đặc tính ấy, bởi những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ-kheo ấy không biết được vị tỳ-kheo (khác) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về sở hành nhưng lại có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên (như vậy) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về sở hành!" Cho dù vị tỳ-kheo ấy không biết được vị tỳ-kheo (khác) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về sở hành và cũng không có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên (như vậy) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về sở hành!" nhưng chính vị tỳ-kheo (can phạm) đã nói với vị tỳ-kheo ấy rằng: "Này đại đức, tôi bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về sở hành!" Này các tỳ-kheo, do nghe được điều ấy, do thấy được điều ấy, hoặc do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nếu muốn thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về sở hành, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tuyên đọc trong sự hiện diện của vị ấy."

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

[498] Thế nào là vị bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến?

Trong trường hợp này, này các tỳ-kheo, vị tỳ-kheo bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, và vị tỳ-kheo biết được vị tỳ-kheo (khác) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến bởi những hình thức ấy, bởi những đặc tính ấy, bởi những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ-kheo ấy không biết được vị tỳ-kheo (khác) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến nhưng lại có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên (như vậy) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!" Cho dù vị tỳ-kheo ấy không biết được vị tỳ-kheo (khác) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến và cũng không có vị tỳ-kheo khác (thứ ba) nói với vị ấy rằng: "Này đại đức, vị tỳ-kheo tên (như vậy) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!" nhưng chính vị tỳ-kheo (bị nghi ngờ) đã nói với vị tỳ-kheo ấy rằng: "Này đại đức, tôi bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!" Này các tỳ-kheo, do nghe được điều ấy, do thấy được điều ấy, hoặc do nghi ngờ điều ấy, vị tỳ-kheo ấy nếu muốn thì vào ngày Uposatha tức là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bị thấy, bị nghe, hoặc bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tuyên đọc trong sự hiện diện của vị ấy."

Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

Dứt Tụng Phạm thứ nhất.

[499] Lúc bấy giờ, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, vị tỳ-kheo có ý muốn áp dụng sự hành xử (attādānam-ādātukāmena bhikkhunā) thì nên áp dụng sự hành xử khi được hội đủ bao nhiêu điều kiện?

- Này Upāli, vị tỳ-kheo có ý muốn áp dụng sự hành xử nên áp dụng sự hành xử khi được hội đủ năm điều kiện:

Này Upāli, vị tỳ-kheo có ý muốn áp dụng sự hành xử nên quán xét như sau: "Việc ta có ý muốn áp dụng sự hành xử này là đúng thời điểm để áp dụng sự hành xử này hay không đúng thời điểm?" Này Upāli, nếu vị tỳ-kheo trong lúc quán xét biết rõ như vậy: "Sái thời điểm để áp dụng sự hành xử này, không phải đúng thời điểm." Này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ-kheo trong lúc quán xét biết rõ rằng: "Đúng thời điểm để áp dụng sự hành xử này, không phải sái thời điểm;" này Upāli, vị tỳ-kheo ấy nên quán xét thêm rằng: "Việc ta có ý muốn áp dụng sự hành xử này, nhưng sự hành xử này có hợp lý hay không có hợp lý?" Này Upāli, nếu vị tỳ-kheo trong lúc quán xét biết rõ rằng: "Sự hành xử này của mình vô lý, không có hợp lý;" này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ-kheo trong lúc quán xét biết rõ rằng: "Sự hành xử này hợp lý, không có vô lý;" này Upāli, vị tỳ-kheo ấy nên quán xét thêm rằng: "Việc ta có ý muốn áp dụng sự hành xử này, nhưng sự hành xử này có đem sự lợi ích hay không đem lại sự lợi ích?" Này Upāli, nếu vị tỳ-kheo trong lúc quán xét biết rõ rằng: "Sự hành xử này đem lại sự vô ích, không phải sự lợi ích;" này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ-kheo trong lúc quán xét biết rõ rằng: "Sự hành xử này đem lại sự lợi ích, không phải đem lại sự vô ích;" này Upāli, vị tỳ-kheo ấy nên quán xét thêm rằng: "Trong khi áp dụng sự hành xử này, ta sẽ được các tỳ-kheo cùng nhóm, có cùng tri kiến, có cùng quan điểm, theo đúng Pháp, theo đúng Luật tán thành hay sẽ không được tán thành?" Này Upāli, nếu vị tỳ-kheo trong lúc quán xét biết rõ rằng: "Sự hành xử này không được các tỳ-kheo cùng nhóm, có cùng tri kiến, có cùng quan điểm, theo đúng Pháp, theo đúng Luật tán thành;" này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ-kheo trong lúc quán xét biết rõ rằng: "Trong khi áp dụng sự hành xử này, ta sẽ được các tỳ-kheo cùng nhóm, có cùng tri kiến, có cùng quan điểm, theo đúng Pháp, theo đúng Luật tán thành;" này Upāli, vị tỳ-kheo ấy nên quán xét thêm rằng: "Trong khi sự hành xử này của ta được thừa nhận, do nguyên nhân ấy, hội chúng có xảy ra tranh cãi, cãi cọ, xung đột, tranh luận, chia rẽ hội chúng, bất đồng trong hội chúng, phân loại trong hội chúng, đa dạng sở hành trong hội chúng hay không có xảy ra?" Này Upāli, nếu vị tỳ-kheo trong lúc quán xét biết rõ rằng: "Trong khi sự hành xử này của ta được thừa nhận, do nguyên nhân ấy, hội chúng có xảy ra tranh cãi, cãi cọ, xung đột, tranh luận, chia rẽ hội chúng, bất đồng trong hội chúng,

phân loại trong hội chúng, đa dạng sở hành trong hội chúng;" này Upāli, không nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli nếu vị tỷ-kheo trong lúc quán xét biết rõ rằng: "Trong khi sự hành xử này của ta được thừa nhận, do nguyên nhân ấy, hội chúng không có xảy ra tranh cãi, cãi cọ, xung đột, tranh luận, chia rẽ hội chúng, bất đồng trong hội chúng, phân loại trong hội chúng, đa dạng sở hành trong hội chúng;" này Upāli, nên áp dụng sự hành xử ấy.

Này Upāli, sự hành xử được hội đủ năm điều kiện như thế là sự hành xử nên được áp dụng; sau này sẽ không đem lại sự ân hận.

[500] Bạch ngài, vị tỷ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân (ajjhatta□) bao nhiêu pháp trước khi khiển trách vị khác?

Này Upāli, vị tỷ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân năm pháp trước khi khiển trách vị khác.

Này Upāli, vị tỷ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vậy: "Ta có sở hành về thân trong sạch hay không? Ta có hội đủ sở hành về thân trong sạch, không sai sót không lỗi lầm hay không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không được tìm thấy?" Này Upāli, nếu vị tỷ-kheo không có sở hành về thân trong sạch, không hội đủ sở hành về thân trong sạch không sai sót không lỗi lầm, sẽ có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến thân." Như thế là những người nói về vị ấy.

[501] Lại nữa, này Upāli, vị tỷ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vậy: "Ta có sở hành về khẩu trong sạch hay không? Ta có hội đủ sở hành về khẩu trong sạch, không sai sót không lỗi lầm hay không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không được tìm thấy?" Này Upāli, nếu vị tỷ-kheo không có sở hành về khẩu trong sạch, không hội đủ sở hành về khẩu trong sạch không sai sót không lỗi lầm, sẽ có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến khẩu." Như thế là những người nói về vị ấy.

[502] Lại nữa, này Upāli, vị tỷ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vậy: "Từ tâm của ta tức là tâm không ác cảm đối với các vị đồng phạm hạnh có hiện khởi hay không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không được tìm thấy?" Này Upāli, nếu từ tâm của vị tỷ-kheo là tâm

không ác cảm đối với các vị đồng phạm hạnh không có hiện khởi, sẽ có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc đại đức nên rãi tâm từ đến các vị đồng phạm hạnh." Như thế là những người nói về vị ấy.

[503] Lại nữa, này Upāli, vị tỷ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vậy: "Ta có phải là vị nghe nhiều, ghi nhớ được điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe hay không? Những Pháp tốt đẹp ở phần đầu, tốt đẹp ở phần giữa, tốt đẹp ở phần cuối, tuyên thuyết về phạm hạnh thanh tịnh, hoàn toàn đầy đủ về ý nghĩa và về văn tự; các Pháp có hình thức tương tự như thế có được ta nghe nhiều, ghi nhớ bằng cách đọc lại đầy đủ, dụng tâm quán xét, thâm nhập bằng tri kiến hay không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không được tìm thấy?" Này Upāli, nếu vị tỷ-kheo không phải là vị nghe nhiều, ghi nhớ được điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe. Những Pháp nào có sự tốt đẹp ở phần đầu, tốt đẹp ở phần giữa, tốt đẹp ở phần cuối, tuyên thuyết về phạm hạnh thanh tịnh, hoàn toàn đầy đủ về ý nghĩa và về văn tự; các Pháp có hình thức tương tự như thế không được vị ấy nghe nhiều, không được ghi nhớ bằng cách đọc lại đầy đủ, không được dụng tâm quán xét, không được thâm nhập bằng tri kiến, sẽ có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc đại đức nên học tập kinh điển." Như thế là những người nói về vị ấy.

[504] Lại nữa, này Upāli, vị tỷ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vậy: "Hai bộ giới bốn Pātimokkha có được truyền lại một cách đầy đủ, khéo được phân tích, khéo được áp dụng, khéo được xác định bởi ta theo từng phần hoặc từng từ ngữ hay không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không được tìm thấy?" Này Upāli, nếu hai bộ giới bốn Pātimokkha không được truyền lại một cách đầy đủ, không khéo được phân tích, không khéo được áp dụng, không khéo được xác định bởi vị tỷ-kheo theo từng phần hoặc từng từ ngữ, sẽ có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc đại đức nên học tập về Luật." Như thế là những người nói về vị ấy.

Này Upāli, vị tỷ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân năm pháp này trước khi khiển trách vị khác.

[505] Bạch ngài, vị tỷ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên chuẩn bị bản thân (ajjhattam- upaṭṭhāpetvā) bao nhiêu pháp trước khi khiển trách vị khác?

Này Upāli, vị tỷ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên chuẩn bị bản thân năm pháp trước khi khiển trách vị khác:

- Ta sẽ nói hợp thời, không phải sai thời; ta sẽ nói với sự thật, không phải với sự sai trái; ta sẽ nói với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ; ta sẽ nói có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích; ta sẽ nói với từ tâm, không phải với nội tâm có sân hận.

Này Upāli, vị tỷ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên chuẩn bị bản thân năm pháp này trước khi khiển trách vị khác.

[506] Bạch ngài, đối với vị tỷ-kheo khiển trách không đúng Pháp, sự ân hận có thể xảy ra cho vị ấy dưới bao nhiêu hình thức?

- Này Upāli, đối với vị tỷ-kheo khiển trách không đúng Pháp, sự ân hận có thể xảy ra cho vị ấy dưới năm hình thức: (Ai đó có thể nói rằng): "Đại đức khiển trách sai thời, không hợp thời, thế là đủ để đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự sai trái, không phải với sự thật, thế là đủ để đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách bằng cách thô lỗ, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách không liên hệ đến lợi ích, không phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với nội tâm có sân hận, không phải với từ tâm, thế là đủ để đưa đến ân hận cho ngài."

Này Upāli, đối với vị tỷ-kheo khiển trách không đúng Pháp, sự ân hận dưới năm hình thức này có thể xảy ra cho vị ấy.

Lý do của điều ấy là thế nào? Là vì không có vị tỷ-kheo nào khác có thể nghĩ đến là nên khiển trách với việc sai trái như thế.

[507] - Bạch ngài, đối với vị tỷ-kheo bị khiển trách không đúng Pháp, sự không có ân hận có thể xảy ra cho vị ấy dưới bao nhiêu hình thức?

- Này Upāli, đối với vị tỷ-kheo bị khiển trách không đúng Pháp, sự không có ân hận có thể xảy ra cho vị ấy dưới năm hình thức: (Ai đó có thể nói rằng): "Đại đức bị khiển trách sai thời, không hợp thời, thế là đủ để không đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách với sự sai trái, không phải với sự thật, thế là đủ để không đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bằng cách thô lỗ, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để không đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách không liên hệ đến lợi ích, không

phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để không đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bởi nội tâm có sân hận, không phải bởi từ tâm, thế là đủ để không đưa đến ân hận cho ngài."

Này Upāli, đối với vị tỷ-kheo bị khiển trách không đúng Pháp, sự không ân hận dưới năm hình thức này có thể xảy ra cho vị ấy.

[508] - Bạch ngài, đối với vị tỷ-kheo khiển trách đúng Pháp, sự không ân hận có thể xảy ra cho vị ấy dưới bao nhiêu hình thức?

- Này Upāli, đối với vị tỷ-kheo khiển trách đúng Pháp, sự không ân hận có thể xảy ra cho vị ấy dưới năm hình thức: (Ai đó có thể nói rằng): "Đại đức khiển trách hợp thời, không sai thời, thế là đủ để không đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để không đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ, thế là đủ để không đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để không đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với từ tâm, không phải với nội tâm có sân hận, thế là đủ để không đưa đến ân hận cho ngài."

Này Upāli, đối với vị tỷ-kheo khiển trách đúng Pháp, sự không ân hận dưới năm hình thức này có thể xảy ra cho vị ấy.

Lý do của điều ấy là gì? Là vì cũng có vị tỷ-kheo khác sẽ nghĩ đến nên khiển trách với sự thật như thế.

[509] - Bạch ngài, đối với vị tỷ-kheo bị khiển trách đúng Pháp, sự ân hận có thể xảy ra cho vị ấy dưới bao nhiêu hình thức?

- Này Upāli, đối với vị tỷ-kheo bị khiển trách đúng Pháp, sự ân hận có thể xảy ra cho vị ấy dưới năm hình thức: (Ai đó có thể nói rằng): "Đại đức bị khiển trách hợp thời, không sai thời, thế là đủ để đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ, thế là đủ để đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bởi từ tâm, không phải bởi nội tâm có sân hận, thế là đủ để đưa đến ân hận cho ngài."

Này Upāli, đối với vị tỳ-kheo bị khiển trách đúng Pháp, sự ân hận dưới năm hình thức này có thể xảy ra cho vị ấy.

[510] - Bạch ngài, vị tỳ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm bao nhiêu pháp trước khi khiển trách vị khác?

- Này Upāli, vị tỳ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp trước khi khiển trách vị khác: với lòng bi mẫn, vì tầm cầu lợi ích, vì lòng thương xót, vì sự thoát khỏi tội, vì sự tôn trọng Luật.

Này Upāli, vị tỳ-kheo nguyên cáo có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp ấy trước khi khiển trách vị khác.

[511] - Bạch ngài, vị tỳ-kheo bị khiển trách nên an trú trong bao nhiêu pháp?

- Này Upāli, vị tỳ-kheo bị khiển trách nên an trú trong hai pháp: chân thật và không nổi giận.

Dứt Tụng phẩm thứ nhì.

Dứt Chương Đỉnh Chỉ Giới bốn Pātimokkha là chương thứ chín.
Trong chương này có ba mươi sự việc, hai tụng phẩm.

Tóm lược chương này:

[512]

Trong ngày lễ Bồ Tát,
cho đến lần thứ ba
ác tỳ-kheo không ra
cũng đã bị kéo ra
ngài Moggallāna.
Diệu kỳ trong Pháp Phật:
điều học theo thứ lớp
ổn định, không vượt qua,
hội chúng chê xác thối,
các sông bỏ (tên gọi)
và trôi chảy, Niết Bàn
chỉ một vị giải thoát,
Pháp và Luật có nhiều

thú lớn, tám Thánh nhân,
Ngài đã dùng ví dụ
biên cả để phô bày
tính chất của Giáo Pháp.
Giới bốn ngày Bố Tát,
"Không ai biết chúng ta!"
vì sửa chữa, chúng hủy
một, hai, ba, bốn, năm,
sáu, bảy, tám, chín, mười:
Giới, sở hành, tri kiến,
nuôi mạng là bốn phần,
Bất cộng trụ, Tăng tàng
Ứng đối trị, phát lộ,
tác ác thuộc năm phần.
Giới, sở hành hư hỏng,
chưa làm và đã làm,
theo cách này sáu phần.
Bất cộng trụ, Tăng tàng,
Trọng tội, Ứng đối trị,
Ứng phát lộ, tác ác,
và lời nói sai quấy.
Giới, sở hành hư hỏng,
tri kiến, nuôi mạng sai.
tám điều làm, chưa làm.
Giới, sở hành, tri kiến,
chưa làm, và đã làm,
đã làm và chưa làm,
như vậy là chín cách
đã được đề cập đến,
theo phương pháp như thật.
Kẻ bị Bất cộng trụ,
các chuyện còn chưa quyết,
vị hoàn tục giống y,
vị phục tùng, bác bỏ,
và thảo luận bác bỏ.
Sự hư hỏng về giới
và sở hành, cũng vậy
sự hư hỏng tri kiến.
được thấy, nghe, nghi ngờ,
người biết rõ điều ấy,

cả thầy có mười cách.
Tỷ-kheo thấy tỷ-kheo,
vị khác nói điều ấy,
trong sạch, vị ấy khai
và đình chỉ giới bốn
Pātimokkha lại.

Giải tán vì nguy hiểm:
vua, cướp, lửa, và nước,
người, phi nhân, thú, rắn,
mạng sống và phạm hạnh,
chỉ một điều của mười,
hoặc trong các điều khác.
Đúng Pháp và phi Pháp,
biết đường lối như vậy:
về thời gian, sự thật,
có liên hệ lợi ích,
ta sẽ đạt hoặc có,
thuộc thân, khẩu, từ tâm,
học nhiều, hai bộ phái,
đúng thời, theo sự thật,
lời mềm mỏng, lợi ích,
tâm từ, vị khiển trách.
ân hận bởi phi Pháp
như thế sẽ xoá đi.

Với vị khi khiển trách
và vị bị khiển trách,
theo Pháp không ân hận,
vì bị mất, lợi ích,
thương xót, muốn thoát khỏi,
vì tôn vinh (Giáo Pháp),
hành động vị khiển trách
đáng Toàn Giác đã giảng
còn vị bị khiển trách
chân thật, không sân hận.

-----oOo-----

X. Chương Tỷ-Kheo Ni (Bhikkhunīkhandhakam)

[513] Vào lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự ở lãnh thổ của giòng Thích Ca (Sākya) trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng ở một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, tốt đẹp thay nếu người nữ được phép rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay Gotamī, đủ rồi, chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Lần thứ nhì, ... (như trên) ...

Lần thứ ba, bà Mahāpajāpati Gotamī đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, tốt đẹp thay nếu người nữ được phép rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay Gotamī, đủ rồi, chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī (nghĩ rằng): "Đức Thế Tôn không cho phép việc người nữ rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố," trở nên khô sở, buồn rầu, mặt mày ủ dột, vừa khóc lóc, vừa đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

[514] Sau khi ngự tại thành Kapilavatthu theo như ý thích, đức Thế Tôn đã du hành đi về Vesālī. Tuần tự du hành, ngài đã ngự đến Vesālī. Ở nơi ấy, trong thành Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại khu Đại Lâm (Mahāvana), giảng đường Kūṭāgāra. Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nhờ người cạo tóc, khoác y phục màu ca-sa cùng với nhiều công nương giòng Sākya đi đến Vesālī, tuần tự đã đi đến Vesālī, khu Đại Lâm (Mahāvana), giảng đường Kūṭāgāra. Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khô sở, buồn rầu, mặt mày ủ dột, đang đứng khóc lóc ở bên ngoài cánh cửa của cổng ra vào. Đại đức Ānanda đã thấy bà Mahāpajāpati Gotamī với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm,

khô sớ, buồn rầu, mặt mày ủ dột, đang đứng khóc lóc ở bên ngoài cánh cửa của cổng ra vào. Thấy vậy, đại đức đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamī điều này:

- Nay bà Gotamī, tại sao bà lại có hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khô sớ, buồn rầu, mặt mày ủ dột, đang đứng khóc lóc ở bên ngoài cánh cửa của cổng ra vào?

- Bạch ngài Ānanda, bởi vì chuyện như thế này: Đức Thế Tôn không chấp thuận việc người nữ rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay bà Gotamī, nếu vì chuyện đó thì hãy ở đây trong chốc lát để tôi cầu xin đức Thế Tôn chấp thuận việc người nữ rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

[515] Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, bà Mahāpajāpati Gotamī với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khô sớ, buồn rầu, mặt mày ủ dột, đang đứng khóc lóc ở bên ngoài cánh cửa của cổng ra vào (nghĩ rằng): "Đức Thế Tôn không cho phép việc người nữ rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố." Bạch ngài, tốt đẹp thay nếu người nữ được phép rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay Ānanda, đủ rồi, chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Lần thứ nhì, đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, tốt đẹp thay nếu người nữ được phép rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay Ānanda, đủ rồi, chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Lần thứ ba, đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch ngài, tốt đẹp thay nếu người nữ được phép rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

- Nay Ānanda, đủ rồi, chớ có nghĩ đến việc nữ nhân rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.

Khi ấy, đại đức Ānanda (nghĩ rằng): "Đức Thế Tôn không cho phép việc người nữ rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố; như vậy ta nên cầu xin đức Thế Tôn việc người nữ rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố bằng một phương thức khác." Rồi đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, người nữ có thể chứng đạt quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, hoặc quả vị A La Hán hay không?

- Nay Ānanda, sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, người nữ có thể chứng đạt quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, hoặc quả vị A La Hán.

- Bạch ngài, nếu người nữ sau khi rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, có thể chứng đạt quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, ngay cả quả vị A La Hán nữa; như vậy bạch ngài, bà Mahāpajāpati Gotamī đã làm nhiều công đức đối với Thế Tôn, là di ruột, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời; thật tốt đẹp thay, bạch ngài, nếu người nữ được phép rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.

[516] Nay Ānanda, nếu Mahāpajāpati Gotamī thọ trì tám Trọng Pháp thì chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà:

- Tỷ-kheo ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hành phận sự thích hợp là sự đánh lễ, đứng dậy chào, chấp tay đến vị tỷ-kheo vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

- Tỷ-kheo ni không được an cư mùa mưa ở trú xứ không có tỷ-kheo. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

- Tỷ-kheo ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỗi hai việc từ hội chúng tỷ-kheo: việc hỏi ngày Uposatha và việc đi đên (để nghe) giáo giới. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

- Tỷ-kheo ni sau khi mãn mùa an cư nên yêu cầu [*] ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: hoặc do thấy, hoặc do nghe, hoặc vì nghi ngờ. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

[*] Phận sự thực hành trong lễ Tỳ Tứ - Pavāraṇā sau khi an cư mùa mưa (Chú thích của người dịch).

- Tỷ-kheo ni vi phạm giới nghiêm trọng nên thực hành hành phạt mātta nửa tháng ở cả hai hội chúng. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

- Vị ni tập sự (sikkhamānā) cần rèn luyện sáu pháp trong hai năm và nên cầu xin sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

- Tỷ-kheo ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép mắng chửi hoặc gièm pha tỷ-kheo. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

- Kể từ hôm nay, việc khuyến bảo của các tỷ-kheo ni đến các tỷ-kheo bị ngăn cấm, việc khuyến bảo của các tỷ-kheo đến các tỷ-kheo ni không bị ngăn cấm. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Này Ānanda, nếu Mahāpajāpati Gotamī thọ trì tám Trọng Pháp này thì chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà.

[517] Khi ấy, đại đức Ānanda đã học tám Trọng Pháp từ đức Thế Tôn rồi đi đến gặp Mahāpajāpati Gotamī, sau khi đến đã nói với Mahāpajāpati Gotamī điều này:

- Nay bà Gotamī, nếu bà có thể thọ trì tám Trọng Pháp thì chính điều ấy sẽ là pháp tu lên bậc trên đối với bà:

Tỷ-kheo ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hành phận sự thích hợp là sự đánh lễ, đứng dậy chào, chấp tay đến vị tỷ-kheo vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỷ-kheo ni không được an cư mùa mưa ở trú xứ không có tỷ-kheo. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỷ-kheo ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỗi hai việc từ hội chúng tỷ-kheo: việc hỏi ngày Uposatha và việc đi đến (để nghe) giáo giới. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỷ-kheo ni sau khi mãn mùa an cư nên yêu cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: hoặc do thấy, hoặc do nghe, hoặc vì nghi ngờ. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỷ-kheo ni vi phạm giới nghiêm trọng nên thực hành mātta nửa tháng ở cả hai hội chúng. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Vị ni tập sự (sikkhamānā) cần rèn luyện sáu pháp trong hai năm và nên cầu xin sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỷ-kheo ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép mắng chửi hoặc gièm pha tỷ-kheo. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Kể từ hôm nay, việc khuyến bảo của các tỷ-kheo ni đến các tỷ-kheo bị ngăn cấm, việc khuyến bảo của các tỷ-kheo đến các tỷ-kheo ni không bị ngăn cấm. Pháp này cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính, và không được vi phạm cho đến trọn đời.

Này bà Gotamī, nếu bà có thể thọ trì tám Trọng Pháp này thì chính điều ấy sẽ là pháp tu lên bậc trên đối với bà.

- Bạch đại đức Ānanda, cũng giống như một người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu, có được tràng hoa sen, hoặc tràng hoa nhài, hoặc tràng hoa đủ loại, thường thọ lãnh bằng hai tay và đặt lên ở đỉnh đầu; cũng tương tự như vậy, bạch đại đức Ānanda, tôi sẽ thọ trì tám Trọng Pháp này cho đến trọn đời không vi phạm.

[518] Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, bà Mahāpajāpati Gotamī đã thọ trì tám Trọng Pháp; như vậy người di của đức Thế Tôn đã được tu lên bậc trên.

- Này Ānanda, nếu nữ nhân không được phép rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, phạm hạnh này sẽ được tồn tại lâu dài, Thánh Pháp (saddhamma) có thể tồn tại một ngàn năm. Này Ānanda, bởi vì nữ nhân được phép rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, nay phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài, này Ānanda, nay Thánh Pháp sẽ tồn tại chỉ có năm trăm năm.

Này Ānanda, cũng giống như những gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thường dễ bị các kẻ cướp, các kẻ trộm đột nhập; cũng tương tự như thế, này Ānanda, trong Pháp và Luật mà nữ nhân được phép rời nhà xuất gia sống không nhà, thì phạm hạnh không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như một thửa ruộng lúa đang phát triển có loại bệnh gọi là mốc trắng xuất hiện, như thế thì ruộng lúa ấy không tồn tại lâu dài; cũng tương tự như thế, này Ānanda, trong Pháp và Luật mà nữ nhân được phép rời nhà xuất gia sống không nhà, thì phạm hạnh không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như một ruộng mía đường đang phát triển có loại bệnh gọi là rệp cây xuất hiện, như thế thì ruộng mía ấy không tồn tại lâu dài; cũng tương tự như thế, này Ānanda, trong Pháp và Luật mà nữ nhân được phép rời nhà xuất gia sống không nhà, thì phạm hạnh không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như một người đàn ông lo xa nên củng cố bờ đê của một cái hồ lớn để nước không tràn ra được; cũng tương tự như thế, này Ānanda, theo như cách ấy tám Trọng Pháp của các tỳ-kheo ni đã được ta quy định, không được vi phạm cho đến trọn đời.

Dứt Tám Trọng Pháp của các tỳ-kheo ni.

[519] Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, con thực hành như thế nào đối với các công nương giòng Sākya này?

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpati Gotamī bằng bài Pháp thoại. Và bà Mahāpajāpati Gotamī sau khi được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự việc ấy đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Này các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo được ban phép tu lên bậc trên đến các tỳ-kheo ni.

[520] Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamī điều này:

- Bà chưa được tu lên bậc trên, và chính chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: "Các tỳ-kheo được ban phép tu lên bậc trên đến các tỳ-kheo ni."

Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Bạch đại đức Ānanda, các tỳ-kheo ni này đã nói với tôi như vậy: "Bà chưa được tu lên bậc trên, và chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: 'Các tỳ-kheo được ban phép tu lên bậc trên đến các tỳ-kheo ni'."

Khi ấy, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, bà Mahāpajāpati Gotamī nói như vậy: "Bạch đại đức Ānanda, các tỳ-kheo ni này đã nói với tôi như vậy: 'Bà chưa được tu lên bậc trên, và chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: 'Các tỳ-kheo được ban phép tu lên bậc trên đến các tỳ-kheo ni'."

- Nay Ānanda, kể từ lúc bà Mahāpajāpati Gotamī thọ trì tám Trọng Pháp, chính điều ấy là đã được tu lên bậc trên đối với bà.

[521] Sau đó, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Bạch đại đức Ānanda, con cầu xin đức Thế Tôn một đặc ân này. Bạch đại đức, thật tốt đẹp thay nếu đức Thế Tôn cho phép các tỳ-kheo và tỳ-kheo ni thực hành phạm sự thích hợp là sự đánh lễ, đứng dậy chào, chấp tay tính theo thâm niên (yathāvu□□ha□).

Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, bà Mahāpajāpati Gotamī nói như vậy: "Bạch đại đức Ānanda, con cầu xin đức Thế Tôn một đặc ân này. Bạch đại đức, thật tốt đẹp thay nếu đức Thế Tôn cho phép các tỳ-kheo và tỳ-kheo ni thực hành phạm sự thích hợp là sự đánh lễ, đứng dậy chào, chấp tay tính theo thâm niên."

- Nay Ānanda, việc đức Như Lai cho phép thực hành phạm sự thích hợp là sự đánh lễ, đứng dậy chào, chấp tay đến nữ nhân là điều không được hợp tình hợp lý. Với những việc này, này Ānanda, các ngoại đạo khác có kỷ luật không nghiêm khắc còn không thực hành phạm sự thích hợp là sự đánh lễ,

đứng dậy chào, chấp tay đến nữ nhân; vậy lý do gì đức Như Lai lại cho phép việc thực hành phạm sự thích hợp là sự đánh lễ, đứng dậy chào, chấp tay đến nữ nhân?

Rồi đức Thế tôn nhân lý do ấy, nhân sự việc ấy đã thuyết Pháp thoại và bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, không nên thực hành phạm sự thích hợp là sự đánh lễ, đứng dậy chào, chấp tay đến nữ nhân. Vị nào thực hành thì phạm tội tác ác (dukkaṃa).

[522] Sau đó, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch ngài, có những điều học của các tỳ-kheo ni tương đương với các tỳ-kheo, chúng con sẽ thực hành như thế nào đối với những điều học ấy?

- Nay Gotamī, có những điều học của các tỳ-kheo ni tương đương với các tỳ-kheo, các tỳ-kheo thực hành như thế nào thì các ni hãy thực hành như thế ấy đối với những điều học ấy.

- Bạch ngài, có những điều học của các tỳ-kheo ni không tương đương với các tỳ-kheo, chúng con sẽ thực hành như thế nào đối với những điều học ấy?

- Nay Gotamī, có những điều học của các tỳ-kheo ni không tương đương với các tỳ-kheo, các ni hãy học tập những điều học ấy như đã được quy định.

[523] Sau đó, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpati Gotamī đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

- Lành thay, bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng Pháp một cách vắn tắt cho con, để khi con đã được nghe Pháp của đức Thế Tôn rồi có thể sống một mình, cách ly hội chúng, không biếng nhác, tinh tấn, có sự quyết tâm.

- Nay Gotamī, bà nên biết rằng các Pháp nào (có đặc tính như vậy): Các pháp này đưa đến tham ái mà không đưa đến ly tham ái, đưa đến sự ràng buộc mà không đưa đến sự thoát ly, đưa đến sự tích lũy mà không đưa đến

sự xả bỏ, đưa đến sự ham muốn nhiều mà không đưa đến sự ham muốn ít, đưa đến sự bực bội mà không đưa đến sự hoan hỷ, đưa đến sự tụ mà không đưa đến sự đơn độc, đưa đến sự biếng nhác mà không đưa đến sự khởi công tinh tấn, đưa đến sự khó nuôi dưỡng mà không đưa đến sự dễ nuôi dưỡng; này Gotamī, bà cần xác định dứt khoát rằng: "Điều này không phải là Pháp, điều này không phải là Luật, điều này không phải là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư."

Này Gotamī, bà nên hiểu biết các Pháp nào (có đặc tính như vậy): Các pháp này đưa đến ly tham ái mà không đưa đến tham ái, đưa đến sự thoát ly mà không đưa đến sự ràng buộc, đưa đến sự xả bỏ mà không đưa đến sự tích lũy, đưa đến sự ham muốn ít mà không đưa đến sự ham muốn nhiều, đưa đến sự hoan hỷ mà không đưa đến sự bực bội, đưa đến sự đơn độc mà không đưa đến sự tụ hội, đưa đến sự khởi công tinh tấn mà không đưa đến sự biếng nhác, đưa đến sự dễ nuôi dưỡng mà không đưa đến sự khó nuôi dưỡng; này Gotamī, bà cần xác định dứt khoát rằng: "Điều này là Pháp, điều này là Luật, điều này là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư."

[524] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo không đọc tụng giới bốn Pātimokkha cho các tỳ-kheo ni. ... (như trên)... Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn, ... (như trên)...

- Này các tỳ-kheo, ta cho phép đọc tụng giới bốn Pātimokkha cho các tỳ-kheo ni.

Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Nhu vậy ai sẽ đọc giới bốn Pātimokkha cho các tỳ-kheo ni?" Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Này các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo đọc tụng giới bốn Pātimokkha cho các tỳ-kheo ni.

[525] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đã đi đến chỗ ngụ của các tỳ-kheo ni để đọc tụng giới bốn Pātimokkha cho các tỳ-kheo ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này với những bà này sẽ cùng nhau hưởng lạc.

Các tỳ-kheo đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo không nên đọc tụng giới bốn Pātimokkha cho các tỳ-kheo ni. Vị nào đọc tụng thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo ni đọc tụng giới bốn Pātimokkha cho các tỳ-kheo ni.

Các tỳ-kheo ni không biết: "Nên đọc tụng giới bốn Pātimokkha như thế nào?" ...(như trên)... Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo chỉ dẫn các tỳ-kheo ni: "Các vị nên đọc tụng giới bốn Pātimokkha như thế này."

[526] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni không sám hối tội. ...(như trên)... Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, tội của các tỳ-kheo ni không nên không được sám hối. Vị ni nào không sám hối thì phạm tội tác ác (dukkata).

Các tỳ-kheo ni không biết: "Tội nên được sám hối tội như thế nào? ...(như trên)... Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)..."

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo chỉ dẫn các tỳ-kheo ni: "Các vị hãy sám hối tội như thế này."

Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Nhu vậy ai sẽ ghi nhận tội cho các tỳ-kheo ni?" ...(như trên)... Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)..."

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo ghi nhận tội cho các tỳ-kheo ni.

[527] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni khi gặp tỳ-kheo trên đường đi, ở ngõ hẻm, nơi giao lộ đã đặt bình bát trên mặt đất, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, rồi sám hối tội. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Hồi hôm họ đã gây gỗ nên giờ phải xin lỗi.

...(như trên)... Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo không nên ghi nhận tội của các tỳ-kheo ni. Vị nào ghi nhận thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo ni ghi nhận tội của các tỳ-kheo ni.

Các tỳ-kheo ni không biết: "Tội nên được ghi nhận như thế nào?" Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo chỉ dẫn các tỳ-kheo ni: "Các vị hãy ghi nhận tội như thế này."

[528] Vào lúc bấy giờ, hành sự cho các tỳ-kheo ni đã không được thực thi. ...(như trên)... Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thực thi hành sự cho các tỳ-kheo ni.

Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Như vậy ai sẽ thực thi hành sự cho các tỳ-kheo ni?" Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo thực thi hành sự cho các tỳ-kheo ni.

[529] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni đã hoàn tất hành sự khi gặp tỳ-kheo trên đường đi, ở ngõ hẻm, nơi giao lộ đã đặt bình bát trên mặt đất, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, rồi xin xả bỏ tội, trong khi nghĩ rằng: "Chắc là nên được thực hiện như thế này." Cũng y như thế, dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Hồi hôm họ đã gây gỗ nên giờ phải xin lỗi.

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo không nên thực thi hành sự cho các tỳ-kheo ni. Vị nào thực thi thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo ni thực thi hành sự cho các tỳ-kheo ni.

Các tỳ-kheo ni không biết: "Hành sự nên được thực thi như thế nào?" Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo chỉ dẫn các tỳ-kheo ni: "Các vị hãy thực thi hành sự như thế này."

[530] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni sinh hoạt trong hội chúng đã nảy sinh ra các sự xung đột, đã nảy sinh ra gây gổ, đã đưa đến tranh cãi và làm tổn thương lẫn nhau bằng các vũ khí miệng lưỡi. Họ đã không thể làm lắng dịu được tranh sự ấy. ...(như trên)... Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo làm lắng dịu tranh sự của các tỳ-kheo ni.

[531] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo làm lắng dịu tranh sự của các tỳ-kheo ni. Trong một tranh sự nọ, các tỳ-kheo trong khi xem xét thấy rằng các tỳ-kheo ni đều phạm tội và đáng nhận hành sự. Các tỳ-kheo ni đã nói như sau:

- Bạch các ngài, thật tốt lành thay xin các ngài hãy thực thi hành sự cho các tỳ-kheo ni, xin các ngài hãy ghi nhận tội của các tỳ-kheo ni, bởi vì điều đã được đức Thế Tôn quy định là các tỳ-kheo nên làm lắng dịu tranh sự của các tỳ-kheo ni.

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo sau khi xác định hành sự của các tỳ-kheo ni rồi bàn giao lại cho các tỳ-kheo ni, và các tỳ-kheo ni sẽ thực thi hành sự cho các tỳ-kheo ni; sau khi xác định tội của các tỳ-kheo ni rồi bàn giao lại cho các tỳ-kheo ni, và các tỳ-kheo ni sẽ ghi nhận tội cho các tỳ-kheo ni.

[532] Vào lúc bấy giờ, một tỳ-kheo ni đệ tử của tỳ-kheo ni Uppalavannā đã theo đức Thế tôn bảy năm để học tập về Luật. Cô ấy có trí nhớ bị lộn xộn nên càng học càng quên. Và tỳ-kheo ni ấy đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn có ý muốn đi Sāvatti." Lúc bấy giờ, tỳ-kheo ni ấy khởi ý rằng: "Ta đã theo đức Thế Tôn bảy năm để học tập về Luật. Nhưng ta có trí nhớ bị lộn xộn nên càng học càng quên. Thật khó khăn cho người nữ để đi theo bậc Đạo Sư cho đến trọn đời; vậy ta nên thực hành thế nào đây?" Sau đó, tỳ-

kheo ni ấy đã trình sự việc ấy đến các tỳ-kheo ni. Các tỳ-kheo ni đã trình sự việc ấy đến các tỳ-kheo. Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo giảng về Luật cho các tỳ-kheo ni.

Dứt Tụng phẩm thứ nhất.

[533] Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn sau khi đã ngự tại Vesāli theo như ý thích rồi đã lên đường du hành đến Sāvatti. Tuần tự du hành, ngài đã ngự đến Sāvatti. Tại nơi ấy, trong thành Sāvatti, đức Thế Tôn đã ngự tại Kỳ Viên (Jetavana), tu viện của ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã rắc nước bùn lên các tỳ-kheo ni (nghĩ rằng): "Đề các ni chú ý đến chúng ta." ...(như trên)... Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo không nên rắc nước bùn lên các tỳ-kheo ni. Vị nào rắc thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thực thi hành phạt đối với vị tỳ-kheo ấy.

Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Hành phạt nên được thực thi như thế nào?" Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, hội chúng tỳ-kheo ni không cần thực hiện việc đánh lễ đối với vị tỳ-kheo ấy.

[534] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo nhóm Lục Sư đã vén hở thân rồi chỉ cho các tỳ-kheo ni thấy, đã vén hở đùi rồi chỉ cho các tỳ-kheo ni thấy, đã vén hở chỗ kín rồi chỉ cho các tỳ-kheo ni thấy, trò chuyện với các tỳ-kheo ni, giao lưu với các tỳ-kheo ni (nghĩ rằng): "Đề các ni chú ý đến chúng ta." ...(như trên)... Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo không nên vén hở thân rồi chỉ cho các tỳ-kheo ni thấy, không nên vén hở đùi rồi chỉ cho các tỳ-kheo ni thấy, không nên vén hở chỗ kín và chỉ cho các tỳ-kheo ni thấy, không nên trò chuyện với các tỳ-kheo ni, không nên giao lưu với các tỳ-kheo ni. Vị nào giao lưu thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thực thi hành phạt đối với vị tỳ-kheo ấy.

Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Hành phạt nên được thực thi như thế nào?" Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, hội chúng tỳ-kheo ni không cần thực hiện việc đánh lễ đối với vị tỳ-kheo ấy.

[535] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đã rắc nước bùn lên các vị tỳ-kheo (nghĩ rằng): "Đề các vị chú ý đến chúng ta." Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên rắc nước bùn lên các tỳ-kheo. Vị ni nào rắc thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thực thi hành phạt đối với tỳ-kheo ni ấy.

Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Hành phạt nên được thực thi như thế nào?" Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thực thi việc ngăn cấm (đi vào trú xứ của tỳ-kheo).

Khi việc ngăn cấm được thực thi, họ đã không chấp hành. Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép đình chỉ việc giáo giới.

[536] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư đã vén hở thân rồi chỉ cho các tỳ-kheo thấy, vén hở ngực rồi chỉ cho các tỳ-kheo thấy, vén hở đùi rồi chỉ cho các tỳ-kheo thấy, vén hở chỗ kín rồi chỉ cho các tỳ-kheo thấy, trò chuyện với các tỳ-kheo, giao lưu với các tỳ-kheo (nghĩ rằng): "Đề các vị chú ý đến chúng ta." ...(như trên)... Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên vén hở thân rồi chỉ cho các tỳ-kheo thấy, không nên vén hở ngực rồi chỉ cho các tỳ-kheo thấy, không nên vén hở đùi rồi chỉ cho các tỳ-kheo thấy, không nên vén hở chỗ kín rồi chỉ cho các tỳ-kheo thấy, không nên trò chuyện với các tỳ-kheo, không nên giao lưu với các tỳ-kheo. Vị ni nào giao lưu thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thực thi hành phạt đối với vị tỳ-kheo ni ấy.

Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Hành phạt nên được thực thi như thế nào?" Các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thực thi việc ngăn cấm (đi vào trú xứ của tỳ-kheo).

Khi việc ngăn cấm được thực thi, họ đã không chấp hành. Các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép đình chỉ việc giáo giới.

[537] Khi ấy, các tỳ-kheo đã khởi ý rằng: "Lễ Uposatha chung với tỳ-kheo ni bị đình chỉ giáo giới được cho phép hay không được cho phép?" Các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, lễ Uposatha chung với tỳ-kheo ni bị đình chỉ giáo giới không được thực thi cho đến khi nào tranh sự này chưa được giải quyết.

[538] Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới đã lên đường du hành. Các tỳ-kheo ni phản nản, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao ngài Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới lại lên đường du hành?

...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, sau khi đình chỉ việc giáo giới rồi không nên lên đường du hành. Vị nào lên đường thì phạm tội tác ác (dukkata).

[539] Vào lúc bấy giờ, các vị ngu dốt, không có khả năng đã đình chỉ việc giáo giới. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, việc giáo giới không nên bị đình chỉ bởi một vị ngu dốt, không có khả năng. Vị nào đình chỉ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[540] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đã đình chỉ việc giáo giới không có lý lẽ, không có nguyên do. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, việc giáo giới không nên bị đình chỉ không có lý lẽ, không có nguyên do. Vị nào đình chỉ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[541] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo sau khi đình chỉ việc giáo giới đã không tuyên bố quyết định. ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, sau khi đình chỉ việc giáo giới, không thể không tuyên bố quyết định. Vị nào không tuyên bố thì phạm tội tác ác (dukkata).

[542] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni không đi (để được) giáo giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên không đi (để nghe) giáo giới. Vị ni nào không đi thì hành xử theo Pháp.

[543] Vào lúc bấy giờ, toàn bộ hội chúng tỳ-kheo ni đều đi (để nghe) giáo giới. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này với những bà này sẽ cùng nhau hưởng lạc.

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên đi (để nghe) giáo giới toàn bộ hội chúng tỳ-kheo ni. Nếu đi thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép đi (để nghe) giáo giới bốn hay năm tỳ-kheo ni.

[544] Vào lúc bấy giờ, bốn hay năm tỳ-kheo ni đi (để nghe) giáo giới. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này với những bà này sẽ cùng nhau hưởng lạc.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên đi (để nghe) giáo giới bốn hay năm tỳ-kheo ni. Nếu đi thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép hai hay ba tỳ-kheo ni đi (để nghe) giáo giới.

Nên đi đến gặp một vị tỳ-kheo, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân, ngồi chồm hòm, chấp tay lên, rồi nên nói với vị ấy như vậy: "Bạch ngài, hội chúng tỳ-kheo ni đánh lễ dưới chân của hội chúng tỳ-kheo và cầu xin việc đến gần (để nghe) giáo giới; bạch ngài, xin ban cho hội chúng tỳ-kheo ni việc đến gần (để nghe) giáo giới."

Tỳ-kheo ấy nên đi đến gặp vị đọc tụng giới bốn Pātimokkha và nói với vị ấy như vậy: "Bạch ngài, hội chúng tỳ-kheo ni đánh lễ dưới chân của hội chúng tỳ-kheo và cầu xin việc đến gần (để nghe) giáo giới; bạch ngài, xin ban cho hội chúng tỳ-kheo ni việc đến gần (để nghe) giáo giới."

Vị đọc tụng giới bốn Pātimokkha nên nói rằng: "Có vị tỳ-kheo nào đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ-kheo ni?" Nếu có vị tỳ-kheo đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ-kheo ni, thì vị đọc tụng giới bốn Pātimokkha nên nói rằng: "Vị Tỳ-kheo tên (như vậy) đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ-kheo ni, hội chúng tỳ-kheo ni hãy đi đến gặp vị ấy." Nếu không có vị tỳ-kheo nào đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ-kheo ni, thì vị đọc tụng giới bốn Pātimokkha nên nói rằng: "Vị đại đức nào đủ khả năng để giáo giới tỳ-kheo ni?" Nếu có vị đủ khả năng để giáo giới và vị ấy hội đủ tám điều kiện thì sau khi chỉ định xong nên nói rằng: "Vị tỳ-kheo tên (như vậy) đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ-kheo ni, hội chúng tỳ-kheo ni hãy đi đến gặp vị ấy." Nếu không có vị nào đủ khả năng để giáo giới tỳ-kheo ni, thì vị đọc tụng giới bốn Pātimokkha nên nói rằng: "Không có tỳ-kheo nào được chỉ định là vị giáo giới tỳ-kheo ni, mong rằng hội chúng tỳ-kheo ni đạt được sự hoan hỷ vậy."

[545] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đã không nhận lãnh việc giáo giới. ... (như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không thể không nhận lãnh việc giáo giới. Vị nào không nhận lãnh thì phạm tội tác ác (dukkata).

[546] Vào lúc bấy giờ, có một tỳ-kheo nọ là người ngu dốt. Các tỳ-kheo ni đã đến gần vị ấy và nói điều này:

- Bạch ngài, hãy nhận lãnh việc giáo giới.

- Các bà chị ơi, tôi ngu dốt lắm, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

- Bạch ngài, ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: "Các tỳ-kheo nên nhận lãnh việc giáo giới cho các tỳ-kheo ni."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trừ ra vị ngu dốt các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.

[547] Vào lúc bấy giờ, có một tỳ-kheo nọ bị bệnh. Các tỳ-kheo ni đã đến gần vị ấy và nói điều này:

- Bạch ngài, hãy nhận lãnh việc giáo giới.

- Các bà chị ơi, tôi thì bị bệnh, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

- Bạch ngài, ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: "Trừ ra vị ngu dốt, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.

[548] Vào lúc bấy giờ, có một tỳ-kheo nọ là vị ra đi. Các tỳ-kheo ni đã đến gần vị ấy và nói điều này:

- Bạch ngài, hãy nhận lãnh việc giáo giới.

- Các bà chị ơi, tôi là vị ra đi, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

- Bạch ngài, ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: "Trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vị ra đi, các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.

[549] Vào lúc bấy giờ, có tỳ-kheo nọ cư ngụ ở trong rừng. Các tỳ-kheo ni đã đến gần vị ấy và nói điều này:

- Bạch ngài, hãy nhận lãnh việc giáo giới.

- Các bà chị ơi, tôi thì cư ngụ ở trong rừng, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

- Bạch ngài, ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: "Trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vị ra đi, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tỳ-kheo ngụ ở rừng nhận lãnh việc giáo giới và quy định điểm hẹn: "Tôi sẽ thực hiện ở chỗ này."

[550] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo sau khi nhận lãnh việc giáo giới đã không thông báo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, không thể không thông báo việc giáo giới. Vị nào không thông báo thì phạm tội tác ác (dukkata).

[551] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo sau khi nhận lãnh việc giáo giới đã không thực hiện (paccāharati). ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, việc giáo giới không thể không thực hiện. Vị nào không thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkata).

[552] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni đã không đến điểm hẹn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không thể không đi đến điểm hẹn. Vị ni nào không đi thì phạm tội tác ác (dukkata).

[553] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni mang dây buộc thân loại dài và buộc thành dải tua với chúng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên mang dây buộc thân loại dài. Vị ni nào mang thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tỳ-kheo ni (sử dụng) dây buộc thân được thực hiện một vòng, và không được làm thành dải tua với nó. Vị ni nào làm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[554] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni buộc thành dải tua bằng sợi tre chẻ mỏng, buộc thành dải tua bằng sợi da thú, buộc thành dải tua bằng vải dệt, buộc thành dải tua bằng vải dệt tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng vải dệt viền ren, buộc thành dải tua bằng sợi vải, buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt viền ren, buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng chỉ viền ren. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên buộc thành dải tua bằng sợi tre chẻ mỏng, không nên buộc thành dải tua bằng sợi da thú, không nên buộc thành dải tua bằng vải dệt, không nên buộc thành dải tua bằng vải dệt tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng vải dệt viền ren, không nên buộc thành dải tua bằng sợi vải, không nên buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt viền ren, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ viền ren. Vị ni nào buộc thành dải tua thì phạm tội tác ác (dukkata).

[555] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni sai bảo người chà xát vùng hông bằng khúc xương bò, sai bảo người xoa bóp vùng hông bằng xương hàm con bò, sai bảo người xoa bóp cánh tay, sai bảo người xoa bóp phần sau của cánh tay, sai bảo người xoa bóp bàn chân, sai bảo người xoa bóp phần dưới bàn chân, sai bảo người xoa bóp đùi, sai bảo người xoa bóp mặt, sai bảo người xoa bóp nướu răng.

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên sai bảo người chà xát vùng hông bằng khúc xương bò, không nên sai bảo người xoa bóp vùng hông bằng xương hàm con bò, không nên sai bảo người xoa bóp cánh tay, không nên sai bảo người xoa bóp phần sau của cánh tay, không nên sai bảo người xoa bóp bàn chân, không nên sai bảo người xoa bóp phần dưới bàn chân, không nên sai bảo người xoa bóp đùi, không nên sai bảo người xoa bóp mặt, không nên sai bảo người xoa bóp nướu răng. Vị ni nào sai bảo người xoa bóp thì phạm tội tác ác (dukkata).

[556] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư thoa dầu ở mặt, chà xát mặt, đánh phấn ở mặt, đắp mặt bằng phấn đỏ, tô màu ở cơ thể, tô màu ở mặt, tô màu ở mặt và ở cơ thể. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên thoa dầu ở mặt, không nên chà xát mặt, không nên đánh phấn ở mặt, không nên đắp mặt bằng phấn đỏ, không nên tô màu ở cơ thể, không nên tô màu ở mặt, không nên tô màu ở mặt và ở cơ thể. Vị ni nào làm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[557] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư kẻ mí mắt, làm dầu ở trán, mở cửa sổ nhìn ra đường phố, đứng tựa ở cửa lớn nhìn ra đường phố, sai bảo người nhảy múa, hỗ trợ gái điếm, lập quán bán giải khát, lập tiệm bán thịt, trưng bày hàng hóa, tiến hành việc cho vay lấy lãi, tiến hành việc thương mãi, nuôi tôi trai, nuôi tớ gái, nuôi trai làm mướn, nuôi gái làm thuê, nuôi thú vật, buôn đi bán lại đủ loại, mang mảnh da mài dao cạo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên kẻ mí mắt, không nên làm dấu ở trán, không nên mở cửa sổ nhìn ra đường phố, không nên đứng tựa ở cửa lớn nhìn ra đường phố, không nên sai bảo người nhảy múa, không nên hỗ trợ gái điếm, không nên lập quán bán giải khát, không nên lập tiệm bán thịt, không nên trưng bày hàng hóa, không nên tiến hành việc cho vay lấy lãi, không nên tiến hành việc thương mãi, không nên nuôi tôi trai, không nên nuôi tớ gái, không nên nuôi trai làm mướn, không nên nuôi gái làm thuê, không nên nuôi thú vật, không nên buôn đi bán lại đủ loại, không nên mang mảnh da mài dao cạo. Vị ni nào mang thì phạm tội tác ác (dukkata).

[558] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư mặc y toàn màu xanh đậm, mặc y toàn màu vàng, mặc y toàn màu đỏ, mặc y toàn màu đỏ sậm, mặc y toàn màu đen, mặc y toàn màu vàng nâu, mặc y toàn màu vàng cam, mặc y không cắt đường viền, mặc y có đường viền rộng, mặc y có đường viền vẽ bông hoa, mặc y có đường viền có vẽ trái cây, mặc áo choàng, mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị tỳ-kheo ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên mặc y toàn màu xanh đậm, không nên mặc y toàn màu vàng, không nên mặc y toàn màu đỏ, không nên mặc y toàn màu đỏ sậm, không nên mặc y toàn màu đen, không nên mặc y toàn màu vàng nâu, không nên mặc y toàn màu vàng cam, không nên mặc y không cắt đường viền, không nên mặc y có đường viền rộng, không nên mặc y có đường viền vẽ bông hoa, không nên mặc y có đường viền có vẽ trái cây, không nên mặc áo choàng, không nên mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây. Vị ni nào mặc thì phạm tội tác ác (dukkata).

[559] Vào lúc bảy giờ, có một tỳ-kheo ni nọ khi lâm chung nói như vậy:

- Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi sẽ thuộc về hội chúng.

Ở nơi ấy, các tỳ-kheo và các tỳ-kheo ni đã cãi cọ nhau:

- Thuộc về chúng tôi, thuộc về chúng tôi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, nếu một tỳ-kheo ni khi lâm chung nói như vậy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi sẽ thuộc về hội chúng," trong trường hợp này, hội chúng tỳ-kheo không được hưởng phần, vật dụng ấy thuộc về hội chúng tỳ-kheo ni.

Nay các tỳ-kheo, nếu một vị ni tập sự (sikkhamānā), ...(như trên)...

Nay các tỳ-kheo, nếu một vị sa di ni khi lâm chung nói như vậy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi sẽ thuộc về hội chúng," trong trường hợp này, hội chúng tỳ-kheo không được hưởng phần, vật dụng ấy thuộc về hội chúng tỳ-kheo ni.

Nay các tỳ-kheo, nếu một tỳ-kheo khi lâm chung nói như vậy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi sẽ thuộc về hội chúng," trong trường hợp này, hội chúng tỳ-kheo ni không được hưởng phần, vật dụng ấy thuộc về hội chúng tỳ-kheo.

Nay các tỳ-kheo, nếu một vị sa di, ...(như trên)...

Nay các tỳ-kheo, nếu vị cận sự nam, ...(như trên)...

Nay các tỳ-kheo, nếu vị cận sự nữ, ...(như trên)...

Nay các tỳ-kheo, nếu một ai khác khi lâm chung nói như vậy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi sẽ thuộc về hội chúng," trong trường hợp này, hội chúng tỳ-kheo ni không được hưởng phần, vật dụng ấy thuộc về hội chúng tỳ-kheo.

[560] Vào lúc bấy giờ, có một phụ nữ nọ trước đây là người xứ Malla đã xuất gia làm tỳ-kheo ni. Cô ni ấy khi gặp một tỳ-kheo yếu đuối trên đường đã dùng phần trên bả vai thúc vị ấy té nhào. Các tỳ-kheo đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Tại sao một tỳ-kheo ni lại cho vị tỳ-kheo cái thúc?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên cho vị tỳ-kheo cái thúc. Vị ni nào thúc thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tỳ-kheo ni

bước sang (một bên) nhường lối đi khi nhìn thấy vị tỳ-kheo, cho dù (vị ấy) còn ở đằng xa.

[561] Vào lúc bấy giờ, có một người đàn bà nọ khi chồng đi vắng đã mang thai với tình nhân. Cô ấy đã làm cho sẩy thai rồi đã nói với vị tỳ-kheo ni quen thuộc rằng:

- Quý ni, xin hãy dùng cái bình bát mang cái bào thai này đi giùm.

Lúc bấy giờ, vị tỳ-kheo ni ấy đã bỏ cái bào thai ấy vào trong bình bát rồi choàng y hai lớp (sa \square ghāṭi) và ra đi. Vào lúc bấy giờ, có một tỳ-kheo nọ đi khát thực với dự tính rằng: "Phần vật thực ta thọ lãnh đầu tiên nếu chưa được dâng đến tỳ-kheo hoặc tỳ-kheo ni thì ta chưa thọ thực." Khi vị tỳ-kheo nọ thấy được vị tỳ-kheo ni ấy liền nói rằng:

- Này chị ơi, hãy nhận lãnh phần vật thực.

- Bạch ngài, đã đủ rồi.

Đến lần thứ nhì, vị tỳ-kheo nọ đã nói với vị tỳ-kheo ni ấy rằng:

- Này chị ơi, hãy nhận lãnh phần vật thực.

- Bạch ngài, đã đủ rồi.

Đến lần thứ ba, vị tỳ-kheo nọ đã nói với vị tỳ-kheo ni ấy rằng:

- Này chị ơi, hãy nhận lãnh phần vật thực.

- Bạch ngài, đã đủ rồi.

- Này chị ơi, tôi đã có dự tính rằng: "Phần vật thực ta thọ lãnh đầu tiên nếu chưa được dâng đến tỳ-kheo hoặc tỳ-kheo ni thì ta chưa thọ thực." Này chị ơi, hãy nhận lãnh phần vật thực giùm.

Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy trong lúc bị quấy rầy bởi vị tỳ-kheo đó đã đưa bình bát ra và chỉ cho thấy:

- Bạch ngài, hãy xem cái bào thai trong bình bát nè, nhưng đừng có nói với ai cả.

Khi ấy, tỳ-kheo nọ đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ-kheo ni lại dùng bình bát mang đi cái bào thai vậy?

Sau đó, vị tỳ-kheo ấy đã trình lại sự việc ấy đến các tỳ-kheo. Các vị tỳ-kheo ít ham muốn, ... (như trên)... Các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ-kheo ni lại dùng bình bát mang đi cái bào thai vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên dùng bình bát mang đi bào thai. Vị ni nào mang đi thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tỳ-kheo ni khi gặp vị tỳ-kheo thì lấy ra bình bát đưa cho xem.

[562] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư khi gặp tỳ-kheo đã lật úp (bình bát) lại và cho xem phần dưới của bình bát. Các tỳ-kheo đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư khi gặp tỳ-kheo thì lật úp (bình bát) lại và cho xem phần dưới của bình bát vậy?

Sau đó, các vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ... (như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni khi gặp tỳ-kheo thì không nên lật úp (bình bát) lại và cho xem phần dưới của bình bát. Vị nào cho xem thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tỳ-kheo ni khi gặp một tỳ-kheo thì để ngay ngắn bình bát rồi đưa cho xem. Và bất cứ vật thực gì trong bình bát thì nên thỉnh mời vị tỳ-kheo bằng vật ấy.

[563] Vào lúc bấy giờ, trên đường phố ở Sāvatti có một vật biểu tượng nam tánh bị quăng bỏ. Một tỳ-kheo ni đã nhìn chăm chú vào vật ấy. Dân chúng đã cười rộ lên. Tỳ-kheo ni ấy bị xấu hổ. Sau đó, khi về lại ni viện, tỳ-kheo ni ấy đã trình sự việc ấy đến các tỳ-kheo ni. Các vị tỳ-kheo ni ít ham muốn, ... (như trên)... Các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao tỳ-kheo ni lại nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh?

Sau đó, các tỳ-kheo ni ấy đã trình sự việc ấy đến các tỳ-kheo. ... (như trên)...
Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh. Vị nào nhìn chăm chú thì phạm tội tác ác (dukkata).

[564] Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo cho đến các tỳ-kheo ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các ngài lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân, không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân. Vị nào cho thì phạm tội tác ác (dukkata).

[565] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo có được vật thực dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép cúng dường đến hội chúng.

Sự dồi dào lại còn nhiều hơn trước nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép bố thí đến cá nhân.

[566] Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các tỳ-kheo được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni nhận lãnh vật tích trữ của tỳ-kheo rồi thọ dụng.

[567] Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các tỳ-kheo ni. Các tỳ-kheo ni cho đến các tỳ-kheo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các tỳ-kheo ni lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân? Không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân. Vị ni nào cho thì phạm tội tác ác (dukkata).

[568] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni có được vật thực dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép cúng dường đến hội chúng.

Sự dồi dào lại còn nhiều hơn trước nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép bố thí đến cá nhân.

[569] Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các tỳ-kheo ni được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni được thọ lãnh vật tích trữ của tỳ-kheo ni rồi thọ dụng.

[570] Vào lúc bấy giờ, sàng tọa của các tỳ-kheo thì dư dả, sàng tọa của các tỳ-kheo ni thì không có. Các tỳ-kheo ni đã gửi sứ giả đến gặp các tỳ-kheo:

- Bạch các ngài, thật tốt đẹp thay nếu các ngài trao cho chúng tôi sàng tọa trong một thời gian.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trao sàng tọa cho các tỳ-kheo ni trong một thời gian.

[571] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni có kinh nguyệt đã ngồi và nằm trên giường, ghé được bọc nệm. Chỗ nằm và ngồi bị lấm lem bởi máu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên ngồi hoặc nằm trên giường, ghé được bọc nệm. Vị ni nào ngồi hoặc nằm thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) y nội trợ (āvasathacīvara□).

Y nội trợ bị lấm lem bởi máu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) kim gài và mảnh vải (āṇicolaka□).

Mảnh vải bị rơi xuống Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép khâu lại bằng chỉ và buộc ở đuôi.

Chỉ bị đứt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) khổ (sam-velliya□), hay băng vải buộc ở hông (kaṭisuttaka□).

[572] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư mang băng vải buộc ở hông một cách thường xuyên. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống các người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên mang băng vải buộc ở hông một cách thường xuyên. Vị ni nào mang thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) băng vải buộc ở hông đối với vị ni có kinh nguyệt.

Đứt Tụng phẩm thứ hai.

[573] Vào lúc bảy giờ, các người nữ đã tu lên bậc trên có dáng vẻ: không có hiện tướng (người nữ), không có đủ hiện tướng (người nữ), không có kinh nguyệt (alohitā), máu bị ứ đọng (dhuvalohitā), thường xuyên mang vải lót (dhuvacolā), bị rong kinh (paggharantī), bị dị tướng (sikhariṇī), người nữ bị thiếu (itthipaṇḍakā), bị lại đực (vepurisikā), không xác định được giới tính (sambhinnā), người nữ lưỡng tánh (ubhatobyañjanā). ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép hỏi hai mươi bốn pháp chướng ngại trong khi cho tu lên bậc trên. Và này các tỳ-kheo nên hỏi như vậy: "Cô không phải là người không có hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có đủ hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có kinh nguyệt

(alohitā)? Cô không phải là người có máu bị ứ đọng (dhuvalohitā)? Cô không phải là người thường xuyên mang vảy loét (dhuvacoḷā)? Cô không phải là người bị rong kinh (paggharantī)? Cô không phải là người bị dị tướng (sikharinī)? Cô không phải là người người nữ bị thiếu (itthipaṇḍakā)? Cô không phải là người bị lại đực (vepurisikā)? Cô không phải là người không xác định được giới tính (sambhinnā)? Cô không phải là người người nữ lưỡng tính (ubhatobyañjanā)? Cô có bị các bệnh như thế này hay không: bệnh cùi (kuṭṭha□)? bệnh mụn nhọt (gaṇḍo)? bệnh chàm (kilāso)? bệnh lao phổi (soso)? bệnh động kinh (apamāro)? Cô là loài người? Cô là người nữ? Cô là người được tự do (không phải nô lệ)? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cha mẹ cho phép, chồng cho phép? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Vị ni tế độ (pavattinī) tên gì?"

[574] Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo hỏi các pháp chương ngại của các tỷ-kheo ni. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên đã bối rối, bị mắc cỡ, nên không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép người nữ tu lên bậc trên được tu lên bậc trên từ một phía, sau khi được trong sạch ở hội chúng tỷ-kheo ni rồi (tiếp tục) ở hội chúng tỷ-kheo.

[575] Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo ni hỏi các pháp chương ngại đến các cô có ý muốn tu lên bậc trên. Vì chưa được học tập trước nên các cô có ý muốn tu lên bậc trên đã bối rối, bị mắc cỡ, nên không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép giảng giải trước rồi hỏi các pháp chương ngại sau.

Các vị đã giảng giải ngay tại chỗ ấy, ở giữa hội chúng. Như thế ấy, các cô có ý muốn tu lên bậc trên đã bối rối, bị mắc cỡ, nên không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép giảng giải ở một góc rồi hỏi các pháp chương ngại ở giữa hội chúng. Và này các tỷ-kheo, nên giảng giải như vậy:

Trước tiên, nên bảo chọn vị thầy tế độ. Sau khi đã bảo chọn vị thầy tế độ rồi nên chỉ y bát: "Đây là bát của cô, đây là y hai lớp (sa□ghāṭi) của cô, đây là

thượng y của cô, đây là y nội của cô, đây là áo lót, đây là vải choàng tắm. Hãy đi đến đứng ở chỗ trống đằng kia."

Các vị ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm đã giảng giải. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên do được giảng giải tồi nên đã bối rối, bị mắc cỡ, và không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, vị ni ngu dốt thiếu kinh nghiệm không nên giảng giải. Vị nào giảng giải thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỷ-kheo, ta cho phép giảng giải đối với tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực.

Những ni không được chỉ định đã giảng giải. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, vị ni không được chỉ định không nên giảng giải. Vị ni nào giảng giải thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỷ-kheo, ta cho phép giảng giải đối với vị ni đã được chỉ định. Và này các tỷ-kheo, nên chỉ định như vậy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

[576] Thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình?

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ giảng giải cho cô ni tên (như vậy).

Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình.

[577] Thế nào là người khác chỉ định cho người khác?

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị ni tên (như vậy) sẽ giảng giải cho cô ni tên (như vậy).

Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

[578] Tỷ-kheo ni đã được chỉ định ấy nên đi đến gần cô có ý muốn tu lên bậc trên và nên nói như vậy:

- Này cô tên (như vậy), hãy lắng nghe. Đối với cô, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: "Đúng;" nếu không đúng, nên nói: "Không đúng." Không nên bối rối, không nên mắc cỡ. Các vị sẽ hỏi cô như vậy: "Cô không phải là người không có hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có đủ hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có kinh nguyệt (alohitā)? Cô không phải là người có máu bị ứ đọng (dhuvalohitā)? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót (dhuvacolā)? Cô không phải là người bị rong kinh (paggharantī)? Cô không phải là người bị dị tướng (sikhariṇī)? Cô không phải là người người nữ bị thiếu (itthipandakā)? Cô không phải là người bị lại đực (vepurisikā)? Cô không phải là người không xác định được giới tính (sambhinnā)? Cô không phải là người người nữ lưỡng tánh (ubhatobyañjanā)? Cô có bị các bệnh như thế này hay không: Bệnh cùi? Bệnh mụn nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Cô là loài người? Cô là người nữ? Cô là người được tự do (không phải nô lệ)? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cha mẹ cho phép, chồng cho phép? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Vị ni tế độ (pavattinī) tên gì?

Họ đi đến từ một phía. Không nên đi đến chung (cùng một lúc). Vị giảng giải đi đến trước và thông báo đến hội chúng: "Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã giảng giải cho cô ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, nên cho cô tên (như vậy) đi đến." và nên nói rằng: "Hãy đi đến."

Cô ấy nên đáp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỷ-kheo ni, ngồi chồm hỏm, chấp tay lên, và nên cầu xin sự tu lên bậc trên: "Bạch chư đại đức ni, tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy vì lòng thương xót mà tế độ tôi. Lần thứ nhì, bạch chư đại đức ni, tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy vì lòng thương xót mà tế độ tôi. Lần thứ ba, bạch chư đại đức ni, tôi cầu

xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy vì lòng thương xót mà tế độ tôi."

Hội chúng nên được thông báo bởi một tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực: Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi các pháp chương ngại đến cô ni tên (như vậy)."

"Này cô tên (như vậy), hãy lắng nghe. Đối với cô, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: "Đúng;" nếu không đúng, nên nói: "Không đúng." Cô không phải là người không có hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có đủ hiện tướng (người nữ)? ... (như trên)... Cô tên gì? Vị ni tế độ (pavattinī) tên gì?"

Hội chúng nên được thông báo bởi một tỷ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) là người trong sạch về các pháp chương ngại. Cô ta có đầy đủ y bát. Cô ta cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) là người trong sạch về các pháp chương ngại. Cô ta có đầy đủ y bát. Cô ta cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) sự tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Đại đức ni nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với đại đức ni tên (như vậy) là thầy tế độ xin im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ... (như trên) ...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) là người trong sạch về các pháp chương ngại. Cô ta có

đầy đủ y bát. Cô ta cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Đại đức ni nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị đại đức ni tên (như vậy) là thầy tế độ xin im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Cô ni tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

[579] Ngay sau khi hoàn tất việc trên, cô ni ấy nên đi đến hội chúng tỷ-kheo, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỷ-kheo, ngồi chồm hóm, chấp tay lên và nên cầu xin sự tu lên bậc trên:

"Bạch chư đại đức, tôi tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỷ-kheo ni, và được trong sạch. Bạch chư đại đức, tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy vì lòng thương xót mà tế độ tôi.

Bạch chư đại đức, tôi tên (như vậy) cầu có ý muốn tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỷ-kheo ni, và được trong sạch. Lần thứ nhì, bạch chư đại đức, tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy vì lòng thương xót mà tế độ tôi.

Bạch chư đại đức, tôi tên (như vậy) cầu có ý muốn tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỷ-kheo ni, và được trong sạch. Lần thứ ba, bạch chư đại đức, tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy vì lòng thương xót mà tế độ tôi."

[580] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỷ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỷ-kheo ni, và được trong sạch. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô ni tên (như vậy) được tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ-kheo ni, và được trong sạch. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) được tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ-kheo ni, và được trong sạch. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) được tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Cô ni tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

[581] Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày (giờ) nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, các tỳ-kheo ni nên được nói rằng:

- Hãy chỉ dạy cô ni này ba điều nương nhờ và tám điều không nên làm.

[582] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni trong khi xác định chỗ ngồi trong nhà ăn đã bị quá giờ (thọ thực). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (chỗ ngồi) của tám tỳ-kheo ni tính theo thâm niên, (chỗ ngồi) của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến.

[583] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni (nghĩ rằng): "Đức Thế Tôn đã cho phép (chỗ ngồi) của tám tỳ-kheo ni tính theo thâm niên, (chỗ ngồi) của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến," nên ở khắp mọi nơi đã chừa lại tám chỗ

cho các tỳ-kheo ni tính theo thâm niên và các chỗ còn lại thì theo thứ tự đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép trong nhà ăn (chỗ ngồi của) tám tỳ-kheo ni tính theo thâm niên và (chỗ ngồi) của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến, còn ở những nơi khác không nên chừa lại theo thứ tự thâm niên. Vị nào chừa lại thì phạm tội tác ác (dukkata).

[584] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni không hành lễ Tỳ Tứ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên không hành lễ Tỳ Tứ. Vị ni nào không hành lễ Tỳ Tứ thì nên hành xử theo Pháp.

[585] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni sau khi hành lễ Tỳ Tứ nơi hội chúng tỳ-kheo ni rồi đã không hành lễ Tỳ Tứ nơi hội chúng tỳ-kheo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni sau khi hành lễ Tỳ Tứ nơi hội chúng tỳ-kheo ni rồi không nên không hành lễ Tỳ Tứ nơi hội chúng tỳ-kheo. Vị ni nào không hành lễ Tỳ Tứ thì nên hành xử theo Pháp.

[586] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni trong khi hành lễ Tỳ Tứ chỉ một phía với các tỳ-kheo đã tạo nên sự xáo trộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, các tỳ-kheo ni không nên hành lễ Tỳ Tứ chỉ một phía với các tỳ-kheo. Vị ni nào hành lễ Tỳ Tứ (chỉ một phía) thì phạm tội tác ác (dukkata).

[587] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni trong khi hành lễ Tỳ Tứ trước bữa ăn trưa nên đã bị quá giờ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép hành lễ Tỳ Tứ sau bữa ăn trưa.

Trong khi hành lễ Tỳ Tứ sau bữa ăn trưa, các vị đã bị trời tối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép hành lễ Tỳ Tứ với hội chúng tỳ-kheo ni ngày hôm nay và hành lễ Tỳ Tứ với hội chúng tỳ-kheo vào ngày kế.

[588] Vào lúc bấy giờ, toàn bộ hội chúng tỳ-kheo ni trong lúc hành lễ Tự Tứ đã gây nên sự xáo trộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép chỉ định một tỳ-kheo ni có kinh nghiệm đủ năng lực đến hành lễ Tự Tứ nơi hội chúng tỳ-kheo vì lợi ích của hội chúng tỳ-kheo ni. Và nay các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước tiên, tỳ-kheo ni ấy cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định tỳ-kheo ni tên (như vậy) đến hành lễ Tự Tứ nơi hội chúng tỳ-kheo vì lợi ích của hội chúng tỳ-kheo ni. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ-kheo ni tên (như vậy) đến hành lễ Tự Tứ nơi hội chúng tỳ-kheo vì lợi ích của hội chúng tỳ-kheo ni. Đại đức ni nào đồng ý sự chỉ định tỳ-kheo ni tên (như vậy) đến hành lễ Tự Tứ nơi hội chúng tỳ-kheo vì lợi ích của hội chúng tỳ-kheo ni xin im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tỳ-kheo ni tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định đến hành lễ Tự Tứ nơi hội chúng tỳ-kheo vì lợi ích của hội chúng tỳ-kheo ni. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

[589] Vị tỳ-kheo ni đã được chỉ định ấy dẫn theo hội chúng tỳ-kheo ni đi đến hội chúng tỳ-kheo, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

- Bạch các ngài, hội chúng tỳ-kheo ni xin hành Tự Tứ nơi hội chúng tỳ-kheo. Bạch các ngài, do thấy, do nghe, hoặc do nghi ngờ, vì lòng thương xót đối với hội chúng tỳ-kheo ni xin hội chúng tỳ-kheo hãy nói lên; khi thấy (lỗi) rồi sẽ sửa đổi.

Lần thứ nhì, bạch các ngài ...(như trên)...

Lần thứ ba, bạch các ngài, hội chúng tỳ-kheo ni xin hành Tự Tứ nơi hội chúng tỳ-kheo. Bạch các ngài, do thấy, do nghe, hoặc do nghi ngờ, lên vì lòng bi mẫn đối với hội chúng tỳ-kheo ni xin hội chúng tỳ-kheo hãy nói lên; khi thấy (lỗi) rồi sẽ sửa đổi.

[590] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni đình chỉ lễ Bố Tát (uposatha) của các tỳ-kheo, đình chỉ lễ Tự Tứ, ban hành mệnh lệnh, thiết lập quyền hạn, bảo nhường chỗ, quở trách, nhắc nhở, ...(như trên)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(như trên)...

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên đình chỉ lễ Bố Tát của tỳ-kheo; nếu đã bị đình chỉ thì cũng như không bị đình chỉ và vị ni cho lệnh đình chỉ thì phạm tội tác ác (dukkata). Không nên đình chỉ lễ Tự Tứ; nếu đã bị đình chỉ thì cũng như không bị đình chỉ, và vị ni cho lệnh đình chỉ thì phạm tội tác ác (dukkata). Không nên ban hành mệnh lệnh; nếu đã ban hành thì cũng không được xem là đã ban hành, và vị ni ban hành thì phạm tội tác ác (dukkata). Không nên thiết lập quyền hạn, nếu đã thiết lập thì cũng không được xem là đã thiết lập, và vị ni thiết lập thì phạm tội tác ác (dukkata). Không nên bảo nhường chỗ, nếu đã bảo thì cũng xem như không bảo, và vị ni bảo thì phạm tội tác ác (dukkata). Không nên quở trách, nếu đã quở trách thì cũng xem như không quở trách, và vị ni quở trách thì phạm tội tác ác (dukkata). Không nên nhắc nhở, nếu đã nhắc nhở thì cũng xem như không nhắc nhở, và vị ni nhắc nhở thì phạm tội tác ác (dukkata).

[591] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đình chỉ lễ Bố Tát (uposatha) của các tỳ-kheo ni, đình chỉ lễ Tự Tứ, ban hành mệnh lệnh, thiết lập quyền hạn, bảo nhường chỗ, quở trách, nhắc nhở. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tỳ-kheo được đình chỉ lễ Bố Tát của tỳ-kheo ni; nếu đã được đình chỉ thì đã được đình chỉ đúng đắn và vị cho lệnh đình chỉ vô tội. Được đình chỉ lễ Tự Tứ; nếu đã được đình chỉ thì đã được đình chỉ đúng đắn và vị cho lệnh đình chỉ vô tội. Được ban hành mệnh lệnh; nếu đã được ban hành thì đã được ban hành đúng đắn và vị ban hành vô tội. Được thiết lập quyền hạn, nếu đã được thiết lập thì đã được thiết lập đúng đắn và vị thiết lập vô tội. Được bảo nhường chỗ, nếu đã được bảo thì đã được bảo đúng đắn và vị bảo vô tội. Được quở trách, nếu đã được quở trách thì đã được quở trách đúng đắn và vị quở trách vô tội. Được nhắc nhở, nếu đã được nhắc nhở thì đã được nhắc nhở đúng đắn và vị nhắc nhở vô tội.

[592] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe được kéo bởi bò cái với con bò đực ở giữa, hoặc được kéo bởi bò đực với con bò cái ở giữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như lễ hội ở vùng Gaṅgā và Mahī vậy.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên di chuyển bằng xe. Vị nào di chuyển thì hành xử theo Pháp.

[593] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ bị bệnh, không thể bước đi bằng chân được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) xe đối với vị ni bị bệnh.

Khi ấy, các tỳ-kheo ni đã khởi ý rằng: "Vậy được kéo bởi bò cái? Hay được kéo bởi bò đực?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) toa xe được kéo bởi bò cái hoặc được kéo bởi bò đực.

[594] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ bị khó chịu dẫm dội vì xe bị dẫn xóc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) ổ rơm và ghé lót nệm.

[595] Vào lúc bấy giờ, một cô gái điếm hạng sang tên Aḍḍhakāsī đã xuất gia giữa các tỳ-kheo ni. Cô ấy có ý muốn đi đến Sāvatti: "Ta sẽ tu lên bậc trên với đức Thế Tôn." Những kẻ bất lương đã nghe được rằng: "Nghe nói gái điếm hạng sang Aḍḍhakāsī có ý muốn đi đến Sāvatti." Bọn họ đã bao vây các ngõ đường. Và cô gái điếm hạng sang Aḍḍhakāsī đã nghe được rằng: "Nghe nói những kẻ bất lương đã bao vây các ngõ đường," nên đã phái sứ giả đi đến gặp đức Thế Tôn: "Chính tôi có ước muốn tu lên bậc trên, làm thế nào để tôi có thể tiến hành đây?" Rồi đức Thế Tôn nhân sự kiện ấy, nhân lý do ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện.

Các vị đã cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là tỳ-kheo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, không nên cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là tỳ-kheo. Vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội tác ác (dukkata).

Các vị đã cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là vị ni tập sự (sikkhamānā) ... (như trên)... Các vị đã cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là sa-di ... (như trên)... Các vị đã cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là sa-di ni ... (như trên)... Các vị đã cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô ni ngu dốt thiếu kinh nghiệm.

- Nay các tỳ-kheo, không nên cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô ni ngu dốt thiếu kinh nghiệm. Vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép được cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là một tỳ-kheo ni có kinh nghiệm, đủ năng lực.

Người tỳ-kheo ni đại diện ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ-kheo, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, rồi nói với hội chúng tỳ-kheo như vậy:

"Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ-kheo ni, và được trong sạch. Cô ni không đến được chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy vì lòng thương xót mà tế độ cô ấy.

Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ-kheo ni, và được trong sạch. Cô ni không đến được chính vì có sự chướng ngại. Lần thứ nhì, bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy vì lòng thương xót mà tế độ cô ấy.

Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ-kheo ni, và được trong sạch. Cô ni không đến được chính vì có sự chướng ngại. Lần thứ ba, bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy vì lòng thương xót mà tế độ cô ấy."

[596] Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ-kheo ni, và được trong sạch. Cô ấy không đến được

chính vì có sự nguy hiểm. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ-kheo ni, và được trong sạch. Cô ấy không đến được chính vì có sự nguy hiểm. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(như trên)...

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ-kheo ni, và được trong sạch. Cô ấy không đến được chính vì có sự nguy hiểm. Cô ni tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Cô ni tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là thầy tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày (giờ) nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, các tỳ-kheo ni nên được nói rằng:

- Hãy chỉ dạy cô ni này ba điều nương nhờ và tám điều không nên làm.

[597] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo ni cư ngụ ở trong rừng. Những kẻ bắt lương làm hõn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên cư ngụ ở trong rừng. Vị ni nào cư ngụ thì phạm tội tác ác (dukkata).

[598] Vào lúc bấy giờ, một kho chứa đồ đã được một cận sự nam nọ cúng dường đến hội chúng tỳ-kheo ni. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (cư ngụ ở) kho chứa đồ.

Kho chứa đồ không làm hài lòng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) một căn nhà.

Căn nhà không làm hài lòng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (xây dựng) công trình mới.

Công trình mới không làm hài lòng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép xây dựng theo cá nhân.

[599] Vào lúc bấy giờ, có người phụ nữ nọ đã mang thai xuất gia nơi các tỳ-kheo ni. Khi cô đã xuất gia, cái thai đã phát triển. Khi ấy, vị tỳ-kheo ni ấy đã khởi ý rằng: "Ta nên thực hành như thế nào liên quan đến đứa bé trai này?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép nuôi dưỡng cho đến khi đứa bé ấy đạt được sự hiểu biết.

Sau đó, vị tỳ-kheo ni ấy đã khởi ý rằng: "Ta không thể sống một mình, và một tỳ-kheo ni khác không thể sống với đứa bé trai, vậy ta nên thực hành như thế nào đây?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép chỉ định một tỳ-kheo ni để cho làm cộng sự với tỳ-kheo ni kia. Nay các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước tiên, vị tỳ-kheo ni cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo ni có kinh nghiệm đủ năng lực:

"Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định tỳ-kheo ni tên (như vậy) là cộng sự với tỳ-kheo ni tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ-kheo ni tên (như vậy) là cộng sự với tỳ-kheo ni tên (như vậy). Đại đức ni nào đồng ý sự chỉ định tỳ-kheo ni tên (như vậy) là cộng sự với tỳ-kheo ni tên (như vậy) xin im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tỳ-kheo ni tên (như vậy) là cộng sự với tỳ-kheo ni tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Khi ấy, tỳ-kheo ni cộng sự ấy đã khởi ý rằng: "Ta nên thực hành như thế nào liên quan đến đứa bé trai này?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thực hành liên quan đến đứa bé trai này tương tự như là thực hành liên quan đến người đàn ông khác ngoài trừ việc ngụ chung nhà.

[600] Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ-kheo ni nọ bị phạm tội nặng và là vị đang thực hành hành phạt m \bar{a} natta. Khi đó, tỳ-kheo ni đã ấy khởi ý rằng: "Ta không thể sống một mình, và một tỳ-kheo ni khác không thể sống với ta, vậy ta nên thực hành như thế nào đây?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, ta cho phép chỉ định một tỳ-kheo ni để cho làm cộng sự với tỳ-kheo ni kia. Nay các tỳ-kheo, nên chỉ định như vậy: Trước tiên, vị tỳ-kheo ni cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ-kheo ni có kinh nghiệm đủ năng lực:

"Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định tỳ-kheo ni tên (như vậy) là cộng sự với tỳ-kheo ni tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ-kheo ni tên (như vậy) là cộng sự với tỳ-kheo ni tên (như vậy). Đại đức ni nào đồng ý sự chỉ định tỳ-kheo ni tên (như vậy) là cộng sự với tỳ-kheo ni tên (như vậy) xin im lặng; vị ni nào không đồng ý, có thể nói lên.

Tỷ-kheo ni tên (như vậy) là cộng sự với tỷ-kheo ni tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

[601] Vào lúc bấy giờ, có vị tỷ-kheo ni nọ bỏ đi khi chưa từ bỏ học giới. Sau đó, cô ta quay trở lại và cầu xin các tỷ-kheo ni sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, không có việc từ bỏ học giới đối với tỷ-kheo ni; chính khi cô ta bỏ đi thì khi ấy cô ta không còn là tỷ-kheo ni nữa.

[602] Vào lúc bấy giờ, có một tỷ-kheo ni nọ, vẫn mang y ca-sa, chuyển sang sinh hoạt trong khu vực của ngoại đạo. Sau đó, cô ta quay trở lại và cầu xin các tỷ-kheo ni sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, tỷ-kheo ni ấy mang y ca-sa đã chuyển sang sinh hoạt trong khu vực của ngoại đạo khi quay trở lại thì không nên cho tu lên bậc trên nữa.

[603] Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo ni do ngại ngừng nên không thừa nhận việc đánh lễ, việc cạo tóc, việc cắt móng, việc băng bó vết thương bởi những người đàn ông. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép thừa nhận (những việc ấy).

[604] Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo ni ngồi kiết già thỏa thích với sự xúc chạm ở gót chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, tỷ-kheo ni không nên ngồi kiết già. Vị ni nào ngồi thì phạm tội tác ác (dukkata).

[605] Vào lúc bấy giờ, có vị tỷ-kheo ni nọ bị bệnh. Vị ấy nếu không xếp chân thế kiết già thì không được an lạc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỷ-kheo, ta cho phép thế bán già đối với tỷ-kheo ni.

[606] Vào lúc bấy giờ, các tỷ-kheo ni đại tiện ở nhà vệ sinh. Các tỷ-kheo ni nhóm Lục Sư đã trực bào thai ở tại chỗ ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni đại tiện không nên thực hiện việc đại tiện ở trong nhà vệ sinh. Vị ni nào thực hiện thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép thực hiện việc đại tiện ở chỗ trống trải ở bên dưới và che kín ở phía trên.

[607] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tắm với bột phấn thoa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên tắm với bột phấn thoa. Vị ni nào tắm thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) cám thô và đất sét.

[608] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tắm với đất sét có mùi thơm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên tắm với đất sét có mùi thơm. Vị ni nào tắm thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép (sử dụng) đất sét loại bình thường.

[609] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni nhóm Lục Sư trong khi tắm ở nhà tắm hơi đã gây nên cảnh lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên tắm ở nhà tắm hơi. Vị ni nào tắm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[610] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tắm ở luồng nước chảy. Các vị ni đã thỏa thích với sự xúc chạm của giòng nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên tắm ở luồng nước chảy. Vị ni nào tắm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[611] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tắm ở chỗ không phải là bãi tắm. Những kẻ bất lương đã làm hỗn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên tắm ở chỗ không phải là bãi tắm. Vị ni nào tắm thì phạm tội tác ác (dukkata).

[612] Vào lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ni tắm ở bãi tắm dành cho người nam. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- ...(như trên)... giống như người nữ tại gia hưởng dục vậy?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni không nên tắm ở bãi tắm dành cho người nam. Vị ni nào tắm thì phạm tội tác ác (dukkata). Nay các tỳ-kheo, ta cho phép tắm ở bãi tắm dành cho phụ nữ.

Dứt Tụng phẩm thứ ba.

Dứt Chương Tỳ-Kheo Ni là chương thứ mười.
Trong chương này có một trăm lẻ sáu sự việc.

Tóm Lược Chương này:

[613]

Gotamī xin tu,
đáng Thiên Thệ không cho,
vị Lãnh Đạo đã rời
Kapilavatthu
đi đến Vesālī.
Bà đầy bụi, ở cửa,
Ananda biết đến,
rời ngài đã yêu cầu
bằng phương thức: "Có thể?"
"Là mẹ," và "Bảo mẫu."
Trăm năm và hôm nay,
không tỳ-kheo, mong mỏi,
Tự Tử và Trọng Pháp,

hai năm, không được mắng,
bị cấm và tước pháp,
thực hành đến trọn đời,
việc thọ trì Trọng Pháp,
chính là việc cho bà
được tu lên bậc trên.
Ngàn năm còn năm trăm,
trộm cướp, bệnh mốc trắng,
tương tự bệnh rệp cây,
việc tổn hại chánh Pháp.
người cần phải đắp đê,
tương tự như là việc
tồn tại của chánh Pháp.
Bà được tu bậc trên,
đánh lễ theo thâm niên.
không thực hành, tại sao?
tương đương, không tương đương,
giáo giới và giới bản,
"Ai sẽ đến chỗ ni?"
Họ không biết, chỉ dạy,
không làm với tỷ-kheo,
cho phép các tỷ-kheo
được phép ghi nhận tội,
do các tỷ-kheo ni,
việc ghi nhận (được hành).
Vị ấy đã chỉ dẫn,
hành sự với tỷ-kheo,
dân chúng thì phàn nàn,
hoặc do tỷ-kheo ni,
chỉ dạy, sự xung đột,
sau khi bàn giao lại,
Uppalavannā.
Ở thành Sāvatti,
nước bùn, không đánh lễ,
(khoe) thân thể và đùi,
chỗ kín và trò chuyện,
họ giao lưu nhóm bọn,
không nên lễ, hành phạt,
các vị tỷ-kheo ni
cũng giống y như thế.

Việc ngăn cấm, giáo giới,
được phép? Vị bỏ đi,
ngu dốt, không lý lẽ,
không tuyên bố quyết định,
việc giáo giới, hội chúng,
với năm ni, hai ni,
ba ni, không thọ lãnh,
vị dốt, bệnh, ra đi,
vị ở rừng, không báo,
và họ không trở lại.
Dài, tre chẻ, da thú,
vải dệt, tết đuôi sam,
sợi vải tết đuôi sam,
chỉ sợi tết đuôi sam
và viên ren, khúc xương,
và xương hàm con bò,
phần sau của cánh tay,
cũng như thế ở chân,
ở đùi, mặt, nướu răng,
thoa dầu, xát, đánh phấn,
đắp mặt, tô cơ thể,
và tô màu ở mặt,
cũng như thế là hai,
kẻ mí mắt, dấu trán,
nhìn ra, ở cửa lớn,
và việc nhảy múa chung,
gái điếm, quán giải khát,
tiệm bán thịt, bày hàng,
lấy lãi, làm thương mãi,
tớ trai, gái, nhân công,
gái làm thuê nuôi nấng,
thú vật, rồi buôn bán,
da mài dao họ mang.
Màu xanh đậm, vàng, đỏ,
y đỏ sậm, màu đen,
màu vàng nâu, vàng cam,
không cắt, viên quá rộng,
hoa, cây trái, áo choàng,
và mặc vải sợi cây.
Tỷ-kheo ni, học nữ,

sai-di ni chết đi,
để lại các vật dụng,
tỷ-kheo ni có phần.
Của tỷ-kheo, sa-di,
của thiện nam, tín nữ,
vật người khác để lại,
các tỷ-kheo là chủ.
Cô ni người Malla,
bào thai, chân kê bát,
dương vật, và thức ăn,
dồi dào và nhiều nữa,
vật thực để tích trữ,
của các vị tỷ-kheo,
đến cuối cùng giống vậy,
làm tương tự như thế
đối với tỷ-kheo ni.
Chỗ ngồi, ni vào tháng,
bị dơ, và mảnh vải,
bị đứt, và mọi lúc,
lại không có hiện tượng,
có dáng vẻ, các tướng,
và các kỳ kinh nguyệt,
cũng vậy, máu ứ đọng,
thường xuyên phải mang vải,
bị rong kinh, dị tướng,
bị thiếu, bị lại đực,
và không rõ giới tính,
và có luôn hai tính.
Điều này như ở dưới,
bệnh cùi, nhọt, bệnh chàm,
lao, động kinh, là người,
là nữ, và tự do,
không nợ, không lính vua,
được phép, và hai mươi,
đủ (y bát), tên gì?
Ni tế độ tên gì?
Hai bốn điều chương ngại,
sau khi đã hỏi xong,
việc thành cụ túc giới,
các cô bị bối rối,

khi chưa được chỉ dạy,
giữa hội chúng, cũng vậy.
Chọn thầy, y hai lớp,
thượng y, và hạ y.
áo lót, và vải choàng,
sau khi được chỉ dạy,
thì nên được sử dụng.
Ngu dốt, chưa chỉ định,
được làm, vị cầu xin,
hỏi các pháp chương ngại,
cô ni đã được tu
lên bậc trên một phía,
ở hội chúng tỳ-kheo
lại cũng y như thế,
bóng nắng, mùa tiết, ngày,
điều đã được kết tập,
ba vật được nương nhờ,
tám điều chẳng nên làm.
(Trễ) giờ, ở mọi nơi
đều được chừa tám chỗ,
tỳ-kheo ni không hành
lễ Pavāraṇā,
và cũng y như thế
nơi hội chúng tỳ-kheo.
Xáo trộn trước bữa ăn,
xáo trộn vì tội trời,
lễ Bố Tát, Tụ Tứ,
mệnh lệnh và quyền hạn,
giành chỗ, trách, nhắc nhở,
đại Ân Sĩ ngăn cấm,
cũng như thế tỳ-kheo
đối với tỳ-kheo ni,
vị đại Ân Sĩ cho phép.
Đi xe, bệnh, buộc vào,
xe thì bị dẫn xóc,
chuyện Adḍhakāsī,
tỳ-kheo, ni tập sự,
sa-di, sa-di ni,
và bởi ni ngu dốt.
Trong rừng, bởi thiện nam,

kho chứa đồ, nhà ở,
công trình mới chẳng màng.
Vị ni ở một mình,
đã có thai từ trước,
chung nhà, và trọng pháp,
chưa xả bỏ (điều học)
và ni ấy đến gần.
Việc đánh lễ, cạo tóc,
cắt móng, băng vết thương.
Thế kiết già, vị bệnh,
đại tiện, và bột tắm,
tắm hương thơm, nhà tắm,
ở nơi giòng nước chảy,
không phải là bãi tắm,
và (tắm) với người nam.
Gotamī cầu xin,
Ananda khôn khéo,
đã có được tứ chúng.
Các vị đã xuất gia
trong Giáo Pháp của Phật,
có trí óc bén nhạy
vì lợi ích chúng sanh,
và phát triển Chánh Pháp,
giống như thuốc người bệnh,
cũng thế Phật dạy rồi.
Được hướng dẫn như thế
ở ngay trong chánh Pháp,
các cô người nữ khác
cũng đạt đến Bát Tử,
đến được nơi ấy rồi
không còn sầu khổ nữa.

----oOo----

XI. Chương Liên Quan Năm Trăm Vị (Pañcasatikakkhandhakaṃ)

[614] Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã nói với các tỷ-kheo rằng:

- Nay chư sư đệ, vào lúc ấy ta đang thực hiện cuộc hành trình đường xa từ Pāvā đi Kusinārā cùng với đại chúng tỳ-kheo có số lượng năm trăm vị tỳ-kheo. Nay chư sư đệ, khi ấy, ta đã rời đường lộ đến ngồi ở một góc cây. Vào lúc bấy giờ, một đạo sĩ lỏa thể nọ, sau khi nhận được hoa Mạn Đà La (Mandārava) ở Kusinārā, đang thực hiện cuộc hành trình đường xa đi Pāvā. Nay chư sư đệ, ta đã thấy vị đạo sĩ lỏa thể ấy đang đi đến từ đằng xa; thấy rồi, ta đã nói với vị đạo sĩ lỏa thể ấy điều này: "Này ông bạn, ông bạn có biết bậc Đạo Sư của chúng tôi không?" "Ồ ông bạn, tôi biết. Hôm nay sa-môn Gotama đã Vô Dư Niết Bàn được bảy ngày rồi. Do đó, tôi mới có được hoa Mạn Đà La này." Nay chư sư đệ, tại nơi ấy, những tỳ-kheo nào chưa đoạn tận ái dục thì một số đưa tay lên khóc lóc, một số khuyu chân ngã xuống lăn qua lăn lại: "Đức Thế Tôn Vô Dư Niết Bàn quá sớm, đáng Thiện Thệ Vô Dư Niết Bàn quá sớm, bậc Trí Tuệ đã biến mất trên đời quá sớm." Còn những tỳ-kheo đã đoạn tận ái dục thì có sự suy niệm và tỉnh táo thời chấp nhận: "Các Pháp hữu vi là vô thường, nhưng sao chuyện ấy lại có thể xảy ra?" Khi ấy, nay các sư đệ, ta đã nói với các tỳ-kheo điều này: "Này chư sư đệ, đủ rồi, chớ có buồn rầu, chớ có than vãn nữa. Nay chư sư đệ, không phải đức Thế Tôn thường nhân mạnh khi nói đến điều ấy sao? Bởi vì chính ngay tất cả các vật thân yêu vừa ý đều có bản chất đa dạng, có bản chất không thật, và có bản chất thay đổi. Do đâu có được điều ấy? Nay chư sư đệ, ở đây điều có thể xảy ra là vật gì sanh lên, được tồn tại, thay đổi, và thuận theo pháp thế gian, (nếu nghĩ rằng): ‘Mong sao vật ấy chớ có bị hư hoại;’ sự kiện này không thể có được!" Nay chư sư đệ, vào lúc bấy giờ, có vị xuất gia lúc đã già tên Subhadda đang ngồi trong tập thể ấy. Nay chư sư đệ, khi ấy vị xuất gia lúc đã già Subhadda đã nói với các tỳ-kheo ấy rằng: "Này các vị, đủ rồi, chớ có buồn rầu, chớ có than vãn nữa. Chúng ta được hoàn toàn tự do rồi, chúng ta đã bị làm khó khăn bởi vị đại sa-môn ấy (khi vị đại sa-môn ấy nói rằng): ‘Điều này thích hợp cho các người, điều này không thích hợp cho các người.’ Giờ đây, điều gì chúng ta thích chúng ta sẽ làm điều ấy, điều gì chúng ta không thích chúng ta sẽ không làm điều ấy." Nay chư sư đệ, vậy chúng ta hãy trùng tụng Pháp và Luật trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp phát triển mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật phát triển mạnh và những người nói về Luật yếu đi.

[615] - Bạch ngài, như vậy xin vị trưởng lão hãy chọn ra các tỳ-kheo.

Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã chọn ra bốn trăm chín mươi chín vị A La Hán. Các vị tỳ-kheo đã nói với đại đức Mahākassapa rằng:

- Bạch ngài, vị đại đức Ānanda này tuy còn là bậc hữu học nhưng không bị chi phối bởi tham, sân, si mê, sợ hãi. Và vị này thuộc lòng nhiều Pháp và Luật từ đức Thế Tôn. Bạch ngài, như vậy xin vị trưởng lão hãy chọn đại đức Ānanda.

Rồi đại đức Mahākassapa đã chọn luôn đại đức Ānanda nữa.

Sau đó, các vị trưởng lão tỳ-kheo đã khởi ý rằng:

- Nhưng chúng ta có thể trùng tụng Pháp và Luật ở nơi nào?

Khi ấy, các vị trưởng lão tỳ-kheo đã khởi ý rằng:

- Thành Rājagaha đúng là nơi vật thực dồi dào và có nhiều chỗ trú ngụ; như vậy, chúng ta có thể trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở Rājagaha, các tỳ-kheo khác không được đi đến an cư mùa mưa ở thành Rājagaha.

Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Nay chư sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định năm trăm vị tỳ-kheo này trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha và "Các tỳ-kheo khác không được an cư mùa mưa trong thành Rājagaha." Đây là lời đề nghị.

Này chư sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Năm trăm tỳ-kheo này được chỉ định trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha và "Các tỳ-kheo khác không được an cư mùa mưa trong thành Rājagaha." Vị nào thỏa thuận với việc chỉ định năm trăm tỳ-kheo này trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha và "Các tỳ-kheo khác không được an cư mùa mưa trong thành Rājagaha," xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Năm trăm tỳ-kheo này đã được hội chúng chỉ định trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, và "Các tỳ-kheo khác không được an cư mùa mưa trong thành Rājagaha." Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[616] Sau đó, các tỳ-kheo trưởng lão đã đi đến thành Rājagaha để trùng tụng Pháp và Luật. Khi ấy, các tỳ-kheo trưởng lão đã khởi ý rằng:

- Nay chur su đê, việc sửa chữa những nơi bị hư hỏng đã được đức Thế Tôn khen ngợi. Nay các su đê, vào tháng thứ nhất chúng ta hãy sửa chữa những nơi bị hư hỏng; vào tháng giữa, chúng ta sẽ tụ họp lại rồi trùng tụng Pháp và Luật.

Rồi vào tháng thứ nhất, các tỳ-kheo trưởng lão đã sửa chữa những nơi bị hư hỏng.

[617] Khi ấy, đại đức Ānanda (nghĩ rằng): "Ngày mai là đại hội, ta không thể ở trong tình trạng này, bởi vì ta còn là bậc hữu học làm sao có thể đi đến đại hội được?" rồi đã trải qua trọn đêm với niệm trú ở thân cho đến lúc rạng đông (mới khởi ý rằng): "Ta sẽ nằm xuống" rồi nghiêng thân hình. Vào lúc đầu chưa chạm gối, hai chân vừa mới giở lên khỏi mặt đất, và trong khoảng thời gian ấy, tâm đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ. Rồi đại đức Ānanda đã đi đến đại hội với tư cách là vị A La Hán.

[618] Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Nay chur su đê, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Upāli về Luật.

Đại đức Upāli đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được đại đức Mahākassapa hỏi về Luật tôi sẽ trả lời.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli điều này:

- Nay su đê Upāli, điều Bất cộng trụ (pārājika) thứ nhất đã được quy định ở đâu?

- Bạch ngài ở Vesālī.

- Liên quan đến ai?

- Liên quan đến Sudinna con trai của Kalanda.

- Về sự việc gì?

- Về việc hành dâm.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều pārajika thứ nhất.

- Nay sư đệ Upāli, điều pārajika thứ hai đã được quy định ở đâu?

- Bạch ngài ở Rājagaha.

- Liên quan đến ai?

- Liên quan đến Dhaniya con trai người thợ đồ gốm.

- Về sự việc gì?

- Về việc lấy vật không được cho.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều pārajika thứ hai.

- Nay sư đệ Upāli, điều pārajika thứ ba đã được quy định ở đâu?

- Bạch ngài ở Vesālī.

- Liên quan đến ai?

- Liên quan đến nhiều vị tỷ-kheo.

- Về sự việc gì?

- Về việc tước đoạt mạng người.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định

thêm, đã hỏi về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều pārajika thứ ba.

- Nay sư đệ Upāli, điều pārajika thứ tư đã được quy định ở đâu?

- Bạch ngài ở Vesālī.

- Liên quan đến ai?

- Liên quan đến các tỷ-kheo ở bờ sông Vaggumudā.

- Về sự việc gì?

- Về pháp của bậc cao nhân.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều pārajika thứ tư.

Bằng chính phương thức ấy, đại đức Mahākassapa đã hỏi về phần Luật của cả hai phái (tỷ-kheo và tỷ-kheo ni). Đại đức Upāli đã trả lời mỗi khi được hỏi.

[619] Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Nay chư sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Ānanda về Pháp.

Đại đức Ānanda đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được đại đức Mahākassapa hỏi về Pháp tôi sẽ trả lời.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda điều này:

- Nay sư đệ Ānanda, kinh Phạm Võng (Brahmajāla) đã được thuyết ở đâu?

- Bạch ngài, ở nhà nghỉ của vua tại Ambala □ □ hikā, ở khoảng giữa Rājagaha và Nālanda.

- Liên quan đến ai?

- Đến du sĩ ngoại đạo Suppiya và thanh niên Brahmadata.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của kinh Brahmajāla.

- Nay sư đệ Ānanda, kinh Sa Môn Quả (Sāmaññaphala) đã được thuyết ở đâu?

- Bạch ngài, ở Rājagaha nơi vườn xoài của Jīvaka.

- Với ai?

- Với Ajātasattu con trai của Videhi.

Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của kinh Sāmaññaphala.

Bằng phương thức ấy, đại đức Mahākassapa đã hỏi về năm bộ kinh (nikāya). Đại đức Ānanda đã trả lời mỗi khi được hỏi.

[620] Khi ấy, đại đức Ānanda đã nói với các tỷ-kheo trưởng lão điều này:

- Bạch các ngài, vào thời điểm Vô Dư Niết Bàn đức Thế Tôn có nói với tôi như vậy: "Này Ānanda, khi ta không còn, nếu muốn hội chúng có thể bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng."

- Nay sư đệ Ānanda, người có hỏi đức Thế Tôn: "Bạch ngài, các điều học nào là điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng?" không?

- Bạch các ngài, tôi không có hỏi đức Thế Tôn: "Bạch ngài, các điều học nào là điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng?"

Một số trưởng lão nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều Bất cộng trụ (Pārājika), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.

Một số trưởng lão nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều Bất cộng trụ (Pārājika), giữ lại mười ba điều Tăng tàng (Sa□ghādisesa), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.

Một số trưởng lão nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều Bất cộng trụ (Pārājika), giữ lại mười ba điều Tăng tàng (Sa□ghādisesa), giữ lại hai điều Bất định (Aniyata), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.

Một số trưởng lão nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều Bất cộng trụ (Pārājika), giữ lại mười ba điều Tăng tàng (Sa□ghādisesa), giữ lại hai điều Bất định (Aniyata), giữ lại ba mươi điều Ứng xả đối trị (Nissaggiya Pācittiya), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.

Một số trưởng lão nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều Bất cộng trụ (Pārājika), giữ lại mười ba điều Tăng tàng (Sa□ghādisesa), giữ lại hai điều Bất định (Aniyata), giữ lại ba mươi điều (Ứng xả đối trị (Nissaggiya Pācittiya), giữ lại chín mươi hai điều Ứng đối trị (Pācittiya), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.

Một số trưởng lão nói như vậy:

- Giữ lại bốn điều Bất cộng trụ (Pārājika), giữ lại mười ba điều Tăng tàng (Sa□ghādisesa), giữ lại hai điều Bất định (Aniyata), giữ lại ba mươi điều (Ứng xả đối trị (Nissaggiya Pācittiya), giữ lại chín mươi hai điều Ứng đối trị (Pācittiya), giữ lại bốn điều Ứng phát Lộ (Pā□idesanīya), các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.

[621] Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Nay chư sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có một số điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia và hàng tại gia cũng biết rằng: "Điều này là được phép đối với các sa-môn Thích tử chúng ta, điều này là không được phép." Nếu chúng ta bỏ đi các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: "Sa-môn Gotama chỉ quy định các điều học cho các

đệ tử đến lúc người được hoả táng. Khi mà bậc đạo sư của họ còn tồn tại thì khi ấy họ còn học tập các điều học. Bởi vì bậc đạo sư của họ đã Vô Dur Niết Bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa." Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng không nên quy định thêm những điều chưa được quy định và không nên bỏ đi những điều đã được quy định, hội chúng nên thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Đây là lời đề nghị.

Này chư sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có một số điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia. Hàng tại gia cũng biết rằng: "Điều này là được phép đối với các sa-môn Thích tử chúng ta, điều này là không được phép." Nếu chúng ta bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: "Sa-môn Gotama chỉ quy định các điều học cho các đệ tử đến lúc người được hoả táng. Khi mà bậc đạo sư của họ còn tồn tại thì khi ấy họ đã học tập các điều học. Bởi vì bậc đạo sư của họ đã Vô Dur Niết Bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa." Hội chúng không quy định thêm những điều chưa được quy định và không bỏ đi những điều đã được quy định, hội chúng thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Vị nào thỏa thuận với việc không quy định thêm những điều chưa được quy định, việc không bỏ đi những điều đã được quy định, việc thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định, xin im lặng; vị nào không thỏa thuận, có thể nói lên.

Hội chúng không quy định thêm những điều chưa được quy định và không bỏ đi những điều đã được quy định, hội chúng thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Sự việc được hội chúng thỏa thuận nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[622] Khi ấy, các tỷ-kheo trưởng lão đã nói với đại đức Ānanda như vậy:

- Này sư đệ Ānanda, đây là tội tác ác (dukkaṭṭa) cho người vì người không hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch ngài, các điều học nào là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng?" Người hãy sám hối tội tác ác (dukkaṭṭa) ấy.

- Bạch các ngài, vì không lưu ý nên tôi đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch ngài, các điều học nào là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng?" Tôi không thấy được điều ấy là tội tác ác (dukkaṭṭa), nhưng vì niềm tin với các đại đức nên tôi xin sám hối tội tác ác (dukkaṭṭa) ấy.

- Nay sư đệ Ānanda, đây là một tội tác ác (dukkaṃa) cho người nữa vì người đã đập lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi khâu nó. Người hãy sám hối tội tác ác (dukkaṃa) ấy.

- Bạch các ngài, không phải vì thiếu kính trọng mà tôi đã đập lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi khâu nó. Tôi không thấy được điều ấy là tội tác ác (dukkaṃa), nhưng vì niềm tin với các đại đức nên tôi xin sám hối tội tác ác (dukkaṃa) ấy.

- Nay sư đệ Ānanda, đây là một tội tác ác (dukkaṃa) cho người nữa vì người đã cho phép phụ nữ đánh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên; trong khi họ khóc lóc nhục thân của đức Thế Tôn đã bị lấm lem bởi nước mắt. Người hãy sám hối tội tác ác (dukkaṃa) ấy.

- Bạch các ngài, (nghĩ rằng): "Những người nữ này không nên ở lại vào ban đêm," nên tôi đã cho phép phụ nữ đánh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên. Tôi không thấy được điều ấy là tội tác ác (dukkaṃa), nhưng vì niềm tin với các đại đức nên tôi xin sám hối tội tác ác (dukkaṃa) ấy.

- Nay sư đệ Ānanda, đây là một tội tác ác (dukkaṃa) cho người nữa bởi vì trong khi đức Thế Tôn ra dấu hiệu rõ ràng, làm biểu hiện rõ rệt, người lại không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: "Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại một kiếp, xin đấng Thiện Thệ hãy tồn tại một kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, sự lợi ích, sự an lạc của chư thiên và nhân loại." Người hãy sám hối tội tác ác (dukkaṃa) ấy.

- Bạch các ngài, vì tâm đã bị Ác ma ám ảnh nên tôi đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: "Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại một kiếp, xin đấng Thiện Thệ hãy tồn tại một kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, sự lợi ích, sự an lạc của chư thiên và nhân loại." Tôi không thấy được điều ấy là tội tác ác (dukkaṃa), nhưng vì niềm tin với các đại đức nên tôi xin sám hối tội tác ác (dukkaṃa) ấy.

- Nay sư đệ Ānanda, đây là một tội tác ác (dukkaṃa) cho người nữa vì người đã nỗ lực làm cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật này được tuyên bố bởi đức Thế Tôn. Người hãy sám hối tội tác ác (dukkaṃa) ấy.

- Bạch các ngài, (nghĩ rằng): "Bà Mahāpajāpati Gotamī này là dì ruột của đức Thế Tôn, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời," nên tôi đã nỗ lực làm cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật này được tuyên bố bởi đức Thế Tôn. Tôi không thấy được điều ấy là tội tác ác (dukkaṃa), nhưng vì niềm tin với các đại đức nên tôi xin sám hối tội tác ác (dukkaṃa) ấy.

[623] Vào lúc bấy giờ, đại đức Purāṃa đi du hành ở ngọn núi ở phía nam cùng với đại chúng tỳ-kheo có số lượng năm trăm vị tỳ-kheo. Khi ấy, trong lúc Pháp và Luật đang được các tỳ-kheo trưởng lão trùng tụng, còn đại đức Purāṃa sau khi đã trú ở ngọn núi ở phía nam theo như ý thích rồi đã đi đến Rājagaha, Trúc Lâm (Veḷuvana), nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vị ấy đã đi đến gặp các tỳ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đã thân thiện chào hỏi các tỳ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Các tỳ-kheo trưởng lão đã nói với đại đức Purāṃa đang ngồi một bên như vậy:

- Nay sư đệ Purāṃa, Pháp và Luật đã được các vị trưởng lão trùng tụng. Người hãy hành theo sự trùng tụng ấy.

- Nay các vị, Pháp và Luật đã được các vị trưởng lão trùng tụng một cách tốt đẹp. Tuy nhiên, tôi chỉ ghi nhận chính những gì tôi đã được nghe từ miệng và đã được thọ lãnh từ miệng của đức Thế Tôn thôi.

[624] Khi ấy, đại đức Ānanda đã nói với các vị trưởng lão tỳ-kheo rằng:

- Bạch các ngài, vào thời điểm Vô Dư Niết Bàn đức Thế Tôn có nói với tôi như vậy: "Này Ānanda, như vậy thì khi ta không còn, hội chúng hãy áp đặt hình phạt Brahma đối với tỳ-kheo Channa."

- Nay sư đệ Ānanda, vậy người có hỏi đức Thế Tôn: "Bạch ngài, hình phạt Brahma là như thế nào?" không?

- Bạch các ngài, thật sự tôi có hỏi đức Thế Tôn: "Bạch ngài, hình phạt Brahma là như thế nào?" "Này Ānanda, tỳ-kheo Channa muốn điều gì thì có thể nói điều ấy, còn các tỳ-kheo thì không được nói chuyện, không được nhắc nhở, không được chỉ dạy tỳ-kheo Channa."

- Nay sư đệ Ānanda, nếu vậy thì đích thân sư đệ hãy áp đặt hình phạt Brahma đối với tỳ-kheo Channa.

- Bạch các ngài, tỳ-kheo Channa nóng nảy và thô lỗ, làm thế nào tôi áp đặt hình phạt Brahma đối với vị tỳ-kheo ấy được?

- Nay sư đệ Ānanda, như vậy thì hãy cùng đi với nhiều vị tỳ-kheo.

- Xin vâng, bạch các ngài.

Rồi đại đức Ānanda nghe theo các tỳ-kheo trưởng lão đã cùng với đại chúng tỳ-kheo có số lượng năm trăm tỳ-kheo đáp thuyền ngược dòng nước đi Kosambī. Sau khi rời thuyền, đại đức Ānanda đã ngồi nghỉ ở một gốc cây không xa vườn thượng uyển của đức vua Udena.

[625] Vào lúc bấy giờ, đức vua Udena ngự tại vườn thượng uyển cùng với đám hầu thiếp tùy tùng. Đám hầu thiếp của đức vua Udena đã nghe được rằng: "Nghe nói giáo thọ sư của chúng ta là ngài Ānanda đang ngồi nghỉ ở một gốc cây không xa vườn thượng uyển lắm." Khi ấy, đám hầu thiếp của đức vua Udena đã tâu với đức vua Udena điều này:

- Tâu chúa thượng, nghe nói giáo thọ sư của chúng tôi là ngài Ānanda đang ngồi nghỉ ở một gốc cây không xa vườn thượng uyển lắm. Tâu chúa thượng, chúng tôi muốn viếng thăm ngài Ānanda.

- Như vậy thì các người hãy thăm viếng sa-môn Ānanda đi.

Khi ấy, đám hầu thiếp của đức vua Udena đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, đại đức Ānanda bằng bài Pháp thoại đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đám hầu thiếp của đức vua Udena đang ngồi một bên. Rồi đám hầu thiếp của đức vua Udena, sau khi đã được đại đức Ānanda chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đã dâng lên đại đức Ānanda năm trăm thượng y. Sau khi đã được hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đại đức Ānanda, đám hầu thiếp của đức vua Udena đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đại đức Ānanda, hướng vai phải nhiều quanh, rồi trở về lại bên đức vua Udena.

[626] Khi ấy, đức vua Udena đã thấy đám hầu thiếp đang đi lại từ đằng xa. Khi gặp lại, đức vua đã hỏi đám hầu thiếp điều này:

- Thế các ái khanh có viếng thăm sa-môn Ānanda không vậy?

- Tâu chúa thượng, các thần thiếp đã có viếng thăm ngài Ānanda.
- Thế các ái khanh có dâng vật gì cho sa-môn Ānanda không vậy?
- Tâu chúa thượng, các thần thiếp đã dâng cho ngài Ānanda năm trăm thượng y.

Đức vua Udena đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao sa-môn Ānanda lại thọ lãnh quá nhiều y như vậy? Không lẽ sa-môn Ānanda sẽ làm thương buôn vải hay bày ra sạp tơ lụa đây?

Sau đó, đức vua Udena đã đi đến gặp đại đức Ānanda; sau khi đến, đã bày tỏ sự thân thiện với đại đức Ānanda, sau khi trao đổi lời chào hỏi xã giao thân thiện rồi đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Udena đã nói với đại đức Ānanda rằng:

- Nay đại đức Ānanda, đám hầu thiếp của chúng tôi đã đến đây chưa?
- Tâu đại vương, đám hầu thiếp của ngài đã có đến đây.
- Vậy chớ họ có dâng gì đến ngài Ānanda không?
- Tâu đại vương, họ có dâng đến tôi năm trăm thượng y.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với nhiều y đến thế?
- Tâu đại vương, tôi sẽ chia sẻ với các tỷ-kheo có y bị tàn tạ.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những y ấy khi chúng bị cũ và tàn tạ đi?
- Tâu đại vương, tôi sẽ dùng chúng làm khăn trải.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những khăn trải ấy khi chúng bị cũ đi?
- Tâu đại vương, tôi sẽ dùng chúng làm vải bọc nệm.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những vải bọc nệm ấy khi chúng bị cũ đi?

- Tâu đại vương, tôi sẽ dùng chúng làm thảm lót sàn.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những thảm lót sàn ấy khi chúng bị cũ đi?
- Tâu đại vương, tôi sẽ dùng chúng làm giẻ chùi chân.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những giẻ chùi chân ấy khi chúng bị cũ đi?
- Tâu đại vương, tôi sẽ dùng chúng làm giẻ lau bụi.
- Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với những giẻ lau bụi ấy khi chúng bị cũ đi?
- Tâu đại vương, tôi sẽ cắt chúng ra trộn với bùn đất rồi trét làm nền.

Khi ấy đức vua Udena (khởi ý rằng): "Tất cả các sa-môn Thích tử này xử sự hợp lý, không phung phí kiêu trương giả," rồi đã dâng lên đại đức Ānanda năm trăm xấp vải y khác nữa. Như vậy, đây là lần đầu tiên y cúng dường được phát sanh đến đại đức Ānanda một ngàn bộ.

[627] Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến tu viện Ghosita, đến rồi đã ngồi ở chỗ ngồi đã được xếp đặt sẵn. Khi ấy, đại đức Channa đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, đại đức Ānanda đã nói với đại đức Channa đang ngồi một bên rằng:

- Nay sư đệ Channa, hội chúng đã áp đặt hình phạt Brahma đối với sư đệ.
- Bạch huynh Ānanda, vậy chớ hình phạt Brahma được áp đặt như thế nào?
- Nay sư đệ Channa, sư đệ muốn điều gì với các tỷ-kheo thì có thể nói điều ấy. Nhưng các tỷ-kheo sẽ không được nói chuyện, không được nhắc nhở, không được chỉ dạy sư đệ nữa.
- Bạch sư huynh Ānanda, như vậy thì đâu khác gì giết chết sư đệ, bởi vì các tỷ-kheo không được nói chuyện, không được nhắc nhở, không được chỉ dạy sư đệ nữa.

Và đại đức Channa đã ngắt xiu té ngã ngay tại chỗ ấy.

Rồi đại đức Channa trở nên buồn rầu, xấu hổ, hối hận bởi hình phạt Brahma, rồi tách riêng một mình, và sống không lười biếng, nỗ lực, quyết tâm nên chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, đã tự mình nhận thức, chứng đạt, và an trú vào thẳng trí, mục đích tối thượng của phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh sống không nhà. Vị ấy biết rằng: "Sự tái sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm, từ bỏ thân này không còn thân khác nữa." Và thêm một vị nữa là đại đức Channa đã thể nhập trạng thái A La Hán.

Sau khi chứng đạt trạng thái A La Hán, đại đức Channa đã đi đến gặp đại đức Ānanda, đến rồi đã nói với đại đức Ānanda điều này:

- Bạch sư huynh Ānanda, hôm nay xin hãy thu hồi hình phạt Brahma cho đệ.
- Nay sư đệ Channa, kể từ khi sư đệ chứng đạt quả vị A La Hán, kể từ thời điểm ấy hình phạt Brahma đã hết hiệu lực đối với sư đệ.

[628] Trong cuộc kết tập về Luật này đã có năm trăm vị tỷ-kheo hiện diện, không thiếu một cũng không hơn. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là "Liên quan năm trăm vị."

Dứt Chương Liên Quan Năm Trăm Vị là chương thứ mười một.
Trong chương này gồm có hai mươi ba sự kiện.

Tóm Lược Chương này:

[629]

Bởi vì đáng Toàn Giác
chúng Vô Dư Niết Bàn,
và có vị trưởng lão
tên là Kassapa,
nói với nhóm tỷ-kheo
việc bảo vệ chánh Pháp,
trên đường từ Pāvā,
điều đã được nói lên
bởi vị Subhadda.

Chúng ta hãy trùng tụng
về Chánh Pháp trước khi
phi Pháp phát triển mạnh.
Năm trăm còn thiếu một,
vị ấy chọn A nan,
cuộc kết tập Pháp, Luật,
cư trú hang hạng nhất.
Vị ấy hỏi về Luật
đến vị Upāli,
vị ấy hỏi về Kinh
đến bậc trí A nan,
đệ tử bậc Chiến Thắng
các vị đã tiến hành
việc kết tập Tam Tạng.
Các điều học nhỏ nhặt,
ít quan trọng, nhiều loại,
hành như đã quy định.
Không hỏi, đập lên trên,
cho đánh lễ, không xin,
việc xuất gia người nữ,
các tác ác của tôi
vì niềm tin (nên nhận).
Rời vị Purāṇa
và hình phạt Brahma,
hầu thiếp Udena,
quá nhiều, và hư hoại,
khăn trải, và bọc nệm,
thảm lót, giẻ chùi chân,
lau bụi, nhồi vớ đất,
vị ấy được phát sanh
một ngàn y lần đầu
tên gọi Ānanda.
Sợ hành phạt Brahma,
đạt được bốn Chân Lý.
Năm trăm được tuyển chọn,
nên gọi "Năm Trăm Vị."

XII. Chương Liên Quan Bảy Trăm Vị (Sattasatikkhandhakam)

[630] Vào lúc bảy giờ, khi đức Thế Tôn Vô Đur Niết Bàn được một trăm năm, các tỳ-kheo giòng dõi Vajji ở Vesālī công bố trong thành Vesālī mười sự việc: Được phép cất giữ muối trong ống sừng (kappati si□gilonakappo), được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay (kappati dva□gulakappo), được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa (kappati gāmantarakappo), được phép hành Uposatha riêng rẽ (kappati āvāsakappo), được phép hành sự không đủ tỳ-kheo (kappati anumatikappo), được phép thực hành theo tập quán (kappati āciṇṇakappo), được phép uống sữa chua lúc quá Ngọ (kappati amathitakappo), được phép uống nước trái cây lên men (kappati jalogimpātu□), được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh (kappati adasakamnisīdana□), được phép tích trữ vàng bạc (kappati jātarūparajata□).[Mười điều này được dịch theo nghĩa, được giải thích rõ hơn ở phần dưới.]

[631] Vào lúc bảy giờ, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka trong khi du hành ở xứ Vajji đã đến trú tại Vesālī. Tại đó, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã trú tại Đại Lâm (Mahāvana) nơi giảng đường Kūṭāgāra ở Vesālī.

[632] Vào lúc bảy giờ, các tỳ-kheo giòng dõi Vajji ở Vesālī vào ngày Bồ Tát (Uposatha) sau khi đổ đầy nước vào một cái chậu đồng đặt ở giữa hội chúng tỳ-kheo rồi nói với các cư sĩ ở Vesālī đang đi qua lại như sau:

- Nay các đạo hữu, hãy bố thí đến hội chúng một kahāpaṇa, hoặc một nūa, hoặc một pāda, hoặc một đồng māsaka. hội chúng sẽ có việc phải làm về vật dụng.

Nghe vậy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã nói với các cư sĩ ở Vesālī rằng:

- Nay các đạo hữu, chớ có bố thí đến hội chúng một kahāpaṇa, hoặc một nūa, hoặc một pāda, hoặc một đồng māsaka. Vàng bạc không được cho phép đối với các vị sa-môn Thích tử; các vị sa-môn Thích tử không thích thú vàng

bạc; các vị sa-môn Thích tử không thọ lãnh vàng bạc; các vị sa-môn Thích tử là người đã từ bỏ châu báu vàng ròng và tránh xa vàng bạc.

Mặc dù đã được đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka nói như vậy, các cư sĩ ở Vesālī cũng vẫn bố thí đến hội chúng một kahāpaṇa, hoặc một nũa, hoặc một pāda, hoặc một đồng māsaka.

Rồi các tỳ-kheo giòng dôi Vajji ở Vesālī khi đêm ấy tàn đã chia số của cải ấy thành từng phần tùy theo số lượng tỳ-kheo rồi phân phát. Khi ấy, các tỳ-kheo giòng dôi Vajji ở Vesālī đã nói với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka điều này:

- Nay đại đức Yasa, phần chia của cải này thuộc về đại đức.
- Nay đại đức, phần chia của cải này không thuộc về tôi, tôi không thích thú của cải.

[633] Khi ấy, các tỳ-kheo giòng dôi Vajji ở Vesālī (bàn bạc rằng): "Này các vị, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka này quở trách, chỉ trích, làm giảm niềm tin của những người có niềm tin đã được an trú, vậy chúng ta hãy thực thi hành sự hòa giải (paṭisāraṇīya) đến vị ấy." Họ đã thực thi hành sự hòa giải (paṭisāraṇīya) đến vị ấy. Rồi đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã nói với các tỳ-kheo giòng dôi Vajji ở Vesālī điều này:

- Nay các vị, đức Thế Tôn có quy định: "Vị sứ giả cùng đi nên được ban đến vị tỳ-kheo thực thi hành sự hòa giải (paṭisāraṇīya)." Nay các vị, hãy cho tôi một tỳ-kheo làm sứ giả cùng đi.

Khi ấy, các tỳ-kheo giòng dôi Vajji ở Vesālī đã chỉ định một vị tỳ-kheo và cho làm sứ giả cùng đi với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka. Rồi đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka cùng với vị tỳ-kheo sứ giả cùng đi đã vào thành Vesālī và nói với các cư sĩ ở Vesālī điều này:

- Có lời nói rằng: "Tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm niềm tin của các vị là những cư sĩ có niềm tin đã được an trú, bởi vì tôi nói sai Pháp là: "Phi Pháp," đúng Pháp là: "Đúng Pháp," sai Luật là: "Phi Luật," đúng Luật là: "Đúng Luật."

[634] Nay các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Nay các đạo hữu, ở nơi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các tỳ-kheo rằng:

- "Này các tỳ-kheo, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời bởi vì khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi. Bốn điều ấy là gì?

Mây, này các tỳ-kheo, là điều làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời bởi vì khi bị ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Sương mù, này các tỳ-kheo, là điều làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời bởi vì khi bị ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Khói bụi, này các tỳ-kheo, là điều làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời bởi vì khi bị ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Rāhu chúa loài asura (hiện tượng nguyệt và nhật thực), này các tỳ-kheo, là điều làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời bởi vì khi bị ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Này các tỳ-kheo, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời bởi vì khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Cũng tương tự như vậy, này các tỳ-kheo, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với sa-môn và Bà La Môn; vì khi bị làm ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà La Môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi. Bốn điều ấy là gì?

Này các tỳ-kheo, có những sa-môn và Bà La Môn uống rượu, uống men say, không chừa bỏ việc uống rượu và men say. Nay các tỳ-kheo, đây là điều làm ô nhiễm thứ nhất của sa-môn và Bà La Môn; vì khi bị làm ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà La Môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Còn một điều khác nữa, này các tử-kheo, có những sa-môn và Bà La Môn thực hành pháp dâm dục, không chừa bỏ pháp dâm dục. Này các tử-kheo, đây là điều làm ô nhiễm thứ hai của sa-môn và Bà La Môn; vì khi bị làm ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà La Môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Còn một điều khác nữa, này các tử-kheo, có những sa-môn và Bà La Môn thích thú vàng bạc, không chừa bỏ việc thọ lãnh vàng bạc. Này các tử-kheo, đây là điều làm ô nhiễm thứ ba của sa-môn và Bà La Môn; vì khi bị làm ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà La Môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Còn một điều khác nữa, này các tử-kheo, có những sa-môn và Bà La Môn chấp nhận cuộc sống bằng sự nuôi mạng không chân chánh, không chừa bỏ sự nuôi mạng không chân chánh. Này các tử-kheo, đây là điều làm ô nhiễm thứ tư của sa-môn và Bà La Môn; vì khi bị làm ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà La Môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Này các tử-kheo, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với sa-môn và Bà La Môn; vì khi bị làm ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các sa-môn và Bà La Môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi."

Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã nói điều ấy; đáng Thiện Thệ đã nói điều ấy; rồi bậc đạo sư còn nói thêm điều này nữa:

[635]

Có những vị sa-môn
và những Bà La Môn
ô nhiễm do dục sân,
còn có những nam nhân
bị vô minh che áng
thoả thích điều khoái lạc,
uống rượu và men say,
thực hành điều dâm dục,
thích thú bạc và vàng,
là những kẻ khờ si.
Có những vị sa-môn

và những Bà La Môn
sống bằng sự tà mạng,
những điều ô nhiễm này
được nói lên bởi Phật
vị giòng dõi mặt trời.
Có những vị sa-môn
và những Bà La Môn
đã bị làm ô nhiễm
bởi những ô nhiễm ấy,
không sáng, không rực rỡ,
không còn được thanh tịnh
bởi tham ái dục tình.
Chúng đã bị che lấp
bởi màn đêm bóng tối,
nô lệ của ái tình,
bám víu cuộc đời này,
chúng làm cho tăng trưởng
tử thân thật ghê sợ,
chết rồi chúng tái sanh.

[636] Có lời nói như vậy: "Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, và làm giảm niềm tin của các vị là những cư sĩ có niềm tin đã được an trú là việc tôi nói sai Pháp là: "Phi Pháp," đúng Pháp là: "Đúng Pháp," sai Luật là: "Phi Luật," đúng Luật là: "Đúng Luật."

[637] Nay các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại Rājagaha, Trúc Lâm (Veluvana), nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, ở nơi hậu cung, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau, có câu chuyện qua lại này sanh khởi: "Vàng bạc được cho phép đổi với các vị sa-môn Thích tử; các vị sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các vị sa-môn Thích tử thọ lãnh vàng bạc."

Chính vào lúc ấy, này các đạo hữu, vị thôn trưởng Mañicūlaka là một vị đang ngồi trong nhóm người ấy. Khi ấy, này các đạo hữu, vị thôn trưởng Mañicūlaka đã nói với nhóm người ấy điều này: "Các ngài chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đổi với các vị sa-môn Thích tử; các vị sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các vị sa-môn Thích tử không thọ lãnh vàng bạc; các vị sa-môn Thích tử là người đã từ bỏ châu báu và

tránh xa vàng bạc." Khi ấy, này các đạo hữu, vị thôn trưởng Mañicūlaka đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy.

Này các đạo hữu, sau khi thuyết phục được nhóm người ấy, vị thôn trưởng Mañicūlaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, này các đạo hữu, vị thôn trưởng Mañicūlaka đã bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Ở đây, bạch ngài, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này sanh khởi: "Vàng bạc được cho phép đối với các vị sa-môn Thích tử; các vị sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các vị sa-môn Thích tử thọ lãnh vàng bạc." Bạch ngài, khi được nói vậy, con đã nói với nhóm người ấy điều này: "Các ngài chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đối với các vị sa-môn Thích tử; các vị sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các vị sa-môn Thích tử không thọ lãnh vàng bạc; các vị sa-môn Thích tử là người đã từ bỏ châu báu và tránh xa vàng bạc." Bạch ngài, khi ấy con đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy. Bạch ngài, trong khi nói như thế, có phải con là người đã nói đúng lời của đức Thế Tôn và không phải là người đã vu khống đức Thế Tôn một cách sai trái? Có phải con đã nói theo lý lẽ của Giáo Pháp? Và có phải một người nói đúng theo Giáo Pháp có lời nói hợp với giáo lý sẽ không rơi vào vị thế đáng bị chê trách?

- Đúng vậy, này Thôn trưởng, trong khi nói như thế, ngươi là người đã nói đúng lời của ta, ngươi không phải là người đã vu khống ta một cách sai trái, ngươi đã nói theo lý lẽ của Giáo Pháp, và một người nói đúng theo Giáo Pháp có lời nói hợp với giáo lý sẽ không rơi vào vị thế đáng bị chê trách. Bởi vì, này Thôn trưởng, vàng bạc không được cho phép đối với các vị sa-môn Thích tử, các vị sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc, các vị sa-môn Thích tử không thọ lãnh vàng bạc, các vị sa-môn Thích tử là người đã từ bỏ châu báu và tránh xa vàng bạc. Này Thôn trưởng, kẻ nào chấp nhận vàng bạc cũng sẽ chấp nhận luôn năm điều đem lại dục lạc. Này Thôn trưởng, kẻ nào chấp nhận năm điều đem lại dục lạc, ngươi có thể biết chắc chắn rằng: "Đây không phải là Pháp của sa-môn, đây không phải là Pháp của Thích Tử." Và này Thôn trưởng, ta có nói như vậy: "Người mong muốn cõ thì tầm cầu cõ, người mong muốn củi thì tầm cầu củi, người mong muốn xe cộ thì tầm cầu xe cộ, người mong muốn đàn ông thì tầm cầu đàn ông." Nhưng này Thôn trưởng, ta không có nói rằng: "Bằng bất cứ phương tiện gì, vàng bạc nên được thích thú, nên được tầm cầu."

Có lời nói như vậy: "Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm niềm tin của các vị là những cư sĩ có niềm tin đã được an trú là việc tôi nói về sai Pháp là: "Phi Pháp," đúng Pháp là: "Đúng Pháp," sai Luật là: "Phi Luật," đúng Luật là: "Đúng Luật."

[638] Nay các đạo hữu, vào một thời gian nọ, tại Rājagaha đức Thế Tôn đã từ chối vàng bạc và quy định điều học có liên quan đến đại đức Upananda giòng dõi Sākya.

Có lời nói như vậy: "Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm niềm tin của các vị là những cư sĩ có niềm tin đã được an trú là việc tôi nói về sai Pháp là: "Phi Pháp," đúng Pháp là: "Đúng Pháp," sai Luật là: "Phi Luật," đúng Luật là: "Đúng Luật."

Khi được nói vậy, các cư sĩ ở Vesālī đã nói với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka điều này:

- Bạch ngài, chỉ có một mình ngài Yasa con trai của Kākaṇḍaka là sa-môn Thích Tử, tất cả các vị kia đều không phải là sa-môn, không phải là Thích Tử. Bạch ngài, xin ngài Yasa con trai của Kākaṇḍaka hãy ngụ tại Vesālī. Chúng tôi sẽ nỗ lực về vật dụng cần thiết như y phục, đồ ăn khát thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh đến đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka.

Sau khi giải thích cho các cư sĩ ở Vesālī xong, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã cùng với vị tỷ-kheo sứ giả cùng đi trở về lại tu viện.

[639] Sau đó, các tỷ-kheo giòng dõi Vajji ở Vesālī đã hỏi vị tỷ-kheo sứ giả cùng đi rằng:

- Nay sư đệ, các cư sĩ ở Vesālī đã hòa giải với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka chưa vậy?

- Chúng ta gặp điều xúi quẩy với các cư sĩ rồi. Chỉ một mình Yasa con trai của Kākaṇḍaka được xem là sa-môn Thích Tử. Còn tất cả chúng ta đã bị xem không phải là sa-môn, không phải là Thích Tử.

Khi ấy, các tỷ-kheo giòng dõi Vajji ở Vesālī (đã bàn bạc rằng): "Này các vị, Yasa con trai của Kākaṇḍaka này chưa được chúng ta cho phép đã giải thích cho hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực thi hành sự án treo (ukkhepanīya) đối với vị ấy." Họ đã tụ họp lại với ý định thực thi hành sự án treo

(ukkhepanīya) đối với vị ấy. Khi ấy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã bay lên không trung và xuất hiện ở Kosambī.

Khi ấy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã phái sứ giả đi đến các tỷ-kheo ở Pāvā (Pāṭheyyaka), Avanti, và khu vực phía nam: "Xin các đại đức hãy đến, chúng ta cần giải quyết sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều Phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói phi Pháp phát triển mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói Phi Luật phát triển mạnh và những người nói về Luật yếu đi."

[640] Vào lúc bấy giờ, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đang ngụ tại núi Ahogaṅga. Khi ấy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã đi đến gặp đại đức Sambhūta Sāṇavāsī ở núi Ahogaṅga, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Sambhūta Sāṇavāsī rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã nói với đại đức Sambhūta Sāṇavāsī điều này:

- Bạch ngài, các tỷ-kheo này giồng dãi Vajji ở Vesālī công bố trong thành Vesālī mười sự việc: "Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa, được phép hành Uposatha riêng rẽ, được phép hành sự không đủ tỷ-kheo, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá Ngọ, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc." Như vậy, bạch ngài, chúng ta cần giải quyết sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều Phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói phi Pháp phát triển mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói Phi Luật phát triển mạnh và những người nói về Luật yếu đi."

- Nay đại đức, hãy như vậy đi. Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã trả lời đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka.

Khi ấy, một số lượng tỷ-kheo gồm sáu mươi vị ở Pāvā (Pāṭheyyakā bhikkhū), tất cả là những vị sống trong rừng, hành hạnh khát thực, mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, chỉ sử dụng ba tấm y, toàn bộ đều là A La Hán, đã đến tụ họp tại núi Ahogaṅga. Một số lượng tỷ-kheo gồm tám mươi tám vị ở Avanti và khu vực phía nam, một số trong các vị là những vị sống trong rừng, một số trong các vị hành hạnh khát thực, một số trong các vị mặc y

(may bằng) vải bị quăng bỏ, một số trong các vị chỉ sử dụng ba tấm y, nhưng tất cả đều là A La Hán, đã đến tụ họp tại núi Ahogaga.

[641] Khi ấy, trong lúc các tỷ-kheo trưởng lão hội ý, điều này đã khởi lên: "Tranh sự này khó khăn và tế nhị. Làm thế nào chúng ta có thể có được một nhóm, bởi vì trong sự tranh tụng này chúng ta phải là lực lượng mạnh hơn?"

Vào lúc bấy giờ, đại đức Revata ngụ tại Soreyya, là vị đa văn, sở hành được truyền thừa, là vị nắm giữ Pháp, là vị nắm giữ Luật, là vị thuộc lòng các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là vị ưa thích các học giới. Khi ấy, các tỷ-kheo trưởng lão đã khởi ý rằng: "Chính vị đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị đa văn, sở hành được truyền thừa, là vị nắm giữ Pháp, là vị nắm giữ Luật, là vị thuộc lòng các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là vị ưa thích các học giới. Nếu chúng ta có được đại đức Revata chung nhóm, như thế trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn." Trong khi các tỷ-kheo trưởng lão đang hội ý, đại đức Revata đã nghe được nhờ vào thiên nhĩ thông thanh tịnh vượt trội loài người. Khi nghe thế, vị ấy khởi ý rằng: "Tranh sự này thật sự khó khăn và tế nhị. Trong sự tranh tụng như thế này nếu ta tránh né là điều không hợp lý. Và giờ đây, các tỷ-kheo ấy sẽ đến, nhưng bị lấn cấn bởi các vị ấy thì ta sẽ an trú không thoải mái. Hay là ta nên đi trước?" Sau đó, đại đức Revata Soreyya đã đi đến Sa□kassa.

Khi ấy, các vị trưởng lão tỷ-kheo đã đi đến Soreyya hỏi rằng:

- Đại đức Revata đang ở đâu?

Người ta nói như vậy:

- Vị đại đức Revata ấy đã đi Sa□kassa rồi.

Khi ấy, đại đức Revata từ Sa□kassa đã đi Kaṇṇakujja. Rồi các tỷ-kheo trưởng lão đã đi đến Sa□kassa hỏi rằng:

- Đại đức Revata đang ở đâu?

Người ta nói như vậy:

- Vị đại đức Revata ấy đã đi Kaṇṇakujja rồi.

Khi ấy, đại đức Revata từ Kaṇṇakujja đã đi Udumbara. Rồi các tỷ-kheo trưởng lão đã đi đến Kaṇṇakujja hỏi rằng:

- Đại đức Revata đang ở đâu?

Người ta nói như vậy:

- Vị đại đức Revata ấy đã đi Udumbara rồi.

Khi ấy, đại đức Revata từ Udumbara đã đi thành phố Aggaḷa. Rồi các tỷ-kheo trưởng lão đã đi đến Udumbara hỏi rằng:

- Đại đức Revata đang ở đâu?

Người ta nói như vậy:

- Vị đại đức Revata ấy đã đi thành phố Aggaḷa rồi.

Khi ấy, đại đức Revata từ thành phố Aggaḷa đã đi Sahajāti. Rồi các tỷ-kheo trưởng lão đã đi đến thành phố Aggaḷa hỏi rằng:

- Đại đức Revata đang ở đâu?

Người ta nói như vậy:

- Vị đại đức Revata ấy đã đi Sahajāti rồi.

Cuối cùng, các tỷ-kheo trưởng lão đã gặp được đại đức Revata ở Sahajāti.

[642] Khi ấy, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã nói với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka điều này:

- Nay đệ, đại đức Revata này là vị đa văn, sở hành được truyền thừa, là vị nắm giữ Pháp, là vị nắm giữ Luật, là vị thuộc lòng các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là vị ưa thích các học giới. Nếu chúng ta hỏi đại đức Revata một câu hỏi, đại đức Revata có khả năng trình bày trọn vẹn chỉ với một câu hỏi ấy. Và giờ đây, đại đức Revata sẽ gọi một tỷ-kheo đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Khi vị tỷ-kheo ấy chấm dứt phần đọc tụng về âm từ, đệ nên đi đến gặp đại đức Revata và hỏi về mười sự việc ấy.

- Xin vâng, bạch ngài. Đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã trả lời đại đức Sambhūta Sāṇavāsī.

Lúc bấy giờ, đại đức Revata đã gọi một tỷ-kheo đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Khi vị tỷ-kheo ấy chấm dứt phần đọc tụng về âm từ, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã đi đến gặp đại đức Revata, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Revata rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã hỏi đại đức Revata rằng:

- Bạch ngài, quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép?

- Nay sư đệ, quy định cất giữ muối trong ống sừng là như thế nào?

- Bạch ngài, là mang theo muối bằng ống sừng (nghĩ rằng): "Món nào không có muối, ta sẽ thưởng thức món ấy," có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Bạch ngài, quy định hai ngón tay là được phép?

- Nay sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là như thế nào?

- Bạch ngài, là ăn vật thực sái giờ khi bóng nắng mặt trời (chiếu ở trên đất) đã dài hai ngón tay, có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Bạch ngài, quy định trong làng là được phép?

- Nay sư đệ, quy định trong làng ấy là như thế nào?

- Bạch ngài, là vị đã ăn xong, đã được thỏa mãn (nghĩ rằng): "Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng," rồi thọ dụng thức ăn không phải còn thừa, có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Bạch ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép?

- Nay sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là như thế nào?
- Bạch ngài là nhiều trú xứ có chung ranh giới (sīmā) thực hiện nhiều lễ Bố Tát (Uposatha), có được phép không?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- Bạch ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép?
- Nay sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là như thế nào?
- Bạch ngài là thực thi hành sự với hội chúng không đủ số lượng (nghĩ rằng): "Chúng ta sẽ thuyết phục các tỷ-kheo đi đến," có được phép không?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- Bạch ngài, thực hành theo tập quán là được phép?
- Nay sư đệ, thực hành theo tập quán là như thế nào?
- Bạch ngài là (vị nghĩ rằng): "Điều này thường được thực hành bởi thầy tế độ của ta, điều này thường được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta," rồi thực hành theo, có được phép không?
- Nay sư đệ, thực hành theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép.
- Bạch ngài, quy định chưa được khuấy là được phép?
- Nay sư đệ, quy định chưa được khuấy ấy là như thế nào?
- Bạch ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhưng chưa ở vào trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã được thỏa mãn, lại uống loại sữa ấy không phải còn thừa lại (từ bữa ăn), có được phép không?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- Bạch ngài, quy định uống nước trái cây lên men là được phép?
- Nay sư đệ, quy định uống nước trái cây lên men là như thế nào?

- Bạch ngài, là uống loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh.

- Này sư đệ, không có được phép.

- Bạch ngài, quy định tọa cụ không có viền quanh là được phép?

- Này sư đệ, không có được phép.

- Bạch ngài, vàng bạc là được phép?

- Này sư đệ, không có được phép.

- Bạch ngài, các tỷ-kheo giòng đôi Vajji ấy ở Vesālī công bố trong thành Vesālī mười sự việc này. Bạch ngài, chúng ta cần giải quyết sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều Phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói phi Pháp phát triển mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói Phi Luật phát triển mạnh và những người nói về Luật yếu đi.

- Đúng vậy, này sư đệ.

Đại đức Revata đã trả lời đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka như thế.

Dứt Tụng phẩm thứ nhất.

[643] Các tỷ-kheo giòng đôi Vajji ở Vesālī đã nghe được rằng: "Nghe nói Yasa con trai của Kākaṇḍaka có ý muốn giải quyết sự tranh tụng này nên quy tụ một nhóm, và nghe nói đã có được một nhóm." Khi ấy, các tỷ-kheo giòng đôi Vajji ở Vesālī đã khởi ý rằng: "Tranh sự này khó khăn và tế nhị. Làm thế nào chúng ta có thể có được một nhóm, bởi vì trong sự tranh tụng này chúng ta phải là lực lượng mạnh hơn?"

Sau đó, các tỷ-kheo giòng đôi Vajji ở Vesālī đã khởi ý rằng: "Chính vị đại đức Revata này là vị đa văn, sở hành được truyền thừa, là vị nắm giữ Pháp, là vị nắm giữ Luật, là vị thuộc lòng các đầu đề, là bậc trí tuệ, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, chu đáo, là vị ưa thích các học giới. Nếu chúng ta có được đại đức Revata chung nhóm, như thế trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn."

Khi ấy, các tỳ-kheo giòng dôi Vajji ở Vesālī đã chuẩn bị nhiều vật dụng cần thiết của sa-môn: bình bát, y phục, tọa cụ, ống đựng kim, dây buộc thân, đồ lọc nước, và bình lọc nước. Sau đó, các tỳ-kheo giòng dôi Vajji ở Vesālī đã đem theo vật dụng cần thiết của sa-môn (đã chuẩn bị) ấy với vã đáp thuyền đi Sahajāti. Sau khi rời thuyền, họ đã chia nhau thức ăn ở dưới một gốc cây nọ.

[644] Lúc bấy giờ, đại đức Sālha trong lúc độc cư thiền tịnh đã có một tư tưởng suy tầm khởi lên như vậy: "Những ai là người nói đúng Pháp: là các tỳ-kheo ở về hướng đông hay là các tỳ-kheo ở Pāvā?" Sau đó, đại đức Sālha trong khi quán xét về Pháp và Luật đã khởi ý rằng: "Các tỳ-kheo ở về hướng đông là các vị nói phi Pháp, các tỳ-kheo ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp."

Khi ấy, một vị trời ở cõi Tịnh Cư Thiên dùng tâm biết được tư tưởng suy tầm của đại đức Sālha, rồi giống như một người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, cũng tương tự như thế, vị ấy đã biến mất ở cõi Tịnh Cư Thiên và hiện ra trước mặt đại đức Sālha. Rồi vị trời ấy đã nói với đại đức Sālha điều này:

- Đúng rồi, bạch ngài Sālha, các tỳ-kheo ở về hướng đông là các vị nói phi Pháp, các tỳ-kheo ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp. Như vậy, bạch ngài Sālha, hãy duy trì theo đúng Pháp.

- Nay vị trời, ngay cả trước đây và bây giờ ta luôn duy trì theo đúng Pháp; nhưng ta sẽ không bộc lộ quan điểm trong sự tranh tụng này cho đến khi nào ta được chỉ định.

[645] Sau đó, các tỳ-kheo giòng dôi Vajji ở Vesālī đã đem vật dụng cần thiết của sa-môn (đã đem theo) ấy đi đến gặp đại đức Revata, sau khi đến đã nói với đại đức Revata điều này:

- Bạch ngài, xin vị trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết của sa-môn là bình bát, y phục, tọa cụ, ống đựng kim, dây buộc thân, đồ lọc nước, và bình lọc nước.

- Nay các đại đức, ta đã có đầy đủ ba y rồi.

và ngài đã không muốn thọ lãnh.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỷ-kheo hai mươi tuổi hạ tên Uttara là thị giả của đại đức Revata. Khi ấy, các tỷ-kheo giòng dõi Vajji ở Vesālī đã đi đến gặp đại đức Uttara, đến rồi đã nói với đại đức Uttara điều này:

- Xin đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết của sa-môn là bình bát, y phục, tọa cụ, ống đựng kim, dây buộc thân, đồ lọc nước, và bình lọc nước.

- Các đại đức, ta đã có đầy đủ ba y rồi.

và đại đức đã không muốn thọ lãnh.

- Nay đại đức Uttara, dân chúng thường dâng đến đức Thế Tôn vật dụng cần thiết của sa-môn. Nếu đức Thế Tôn thọ lãnh thì chính vì điều ấy mà họ được hoan hỷ. Nếu đức Thế Tôn không thọ lãnh, họ dâng đến đại đức Ānanda: "Bạch ngài, xin vị trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết của sa-môn là bình bát, y phục, tọa cụ, ống đựng kim, dây buộc thân, đồ lọc nước, và bình lọc nước. Như thế sẽ được xem như là vật ấy đã được đức Thế Tôn thọ lãnh." Xin đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết của sa-môn; như thế sẽ xem như vật ấy đã được ngài trưởng lão thọ lãnh.

Khi ấy đại đức Uttara bị ép buộc bởi các tỷ-kheo giòng dõi Vajji ở Vesālī đã nhận lấy một y (nói rằng):

- Nay các đại đức, hãy nói lý do về việc này.

- Xin đại đức Uttara hãy nói với ngài trưởng lão chỉ có một điều này: "Bạch ngài, xin ngài trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này: "Các vị Phật Thế Tôn đều sanh lên ở các quốc độ ở hướng đông. Các tỷ-kheo ở về hướng đông là các vị nói đúng Pháp, còn các tỷ-kheo ở Pāvā là các vị nói phi Pháp."

- Được rồi, này các đại đức.

Sau đó, đại đức Uttara nghe theo các tỷ-kheo giòng dõi Vajji ở Vesālī đã đi đến gặp đại đức Revata, sau khi đến đã nói với đại đức Revata điều này:

- Bạch ngài, xin ngài trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này: "Các vị Phật Thế Tôn đều sanh lên ở các quốc độ ở hướng đông. Các tỷ-kheo ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các tỷ-kheo ở Pāvā là các vị nói phi Pháp."

- Nay tỳ-kheo, người xúi giục ta trong việc phi Pháp.

Rồi vị trưởng lão đã đuổi đại đức Uttara đi.

Khi ấy, các tỳ-kheo giòng đôi Vajji ở Vesālī đã nói với đại đức Uttara điều này:

- Nay đại đức Uttara, ngài trưởng lão đã nói gì?

- Nay các đại đức, chúng ta đã làm điều tầm bậy. Ngài trưởng lão đã đuổi tôi đi (nói rằng): "Nay tỳ-kheo, người xúi giục ta trong việc phi Pháp."

- Nay đại đức Uttara, không phải đại đức đã thâm niên hai mươi năm rồi hay sao?

- Đúng vậy, nay các đại đức. Nhưng chúng ta cũng cần sự nương tựa vào vị thầy.

[646] Lúc bấy giờ, hội chúng có ý muốn dàn xếp sự tranh tụng ấy đã tụ hội lại. Khi ấy đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu chúng ta giải quyết sự tranh tụng này ở nơi đây, các tỳ-kheo là những vị khởi sự có thể nêu lại vấn đề một lần nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này ở ngay tại nơi mà sự tranh tụng này đã sanh khởi.

Sau đó, các tỳ-kheo trưởng lão có ý muốn dàn xếp sự tranh tụng ấy đã đi đến Vesālī.

Vào lúc bấy giờ, vị trưởng lão của hội chúng trên trái đất có tên là Sabbakāmī đã tu lên bậc trên được một trăm hai mươi năm, là đệ tử của đại đức Ānanda, đang trú ở Vesālī. Khi ấy, đại đức Revata đã nói với đại đức Sambhūta Sānavāsī điều này:

- Nay đại đức, tôi sẽ đi đến trú xá nơi trưởng lão Sabbakāmī đang trú ngụ; vậy đại đức có thể đi đến đại đức Sabbakāmī đúng lúc ấy để hỏi về mười quy định ấy.

- Xin vâng, bạch ngài. Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đáp lại đại đức Revata.

Sau đó, đại đức Revata đã đi đến trú xá nơi trưởng lão Sabbakāmi đang trú ngụ. Chỗ nằm ngồi của đại đức Sabbakāmi được sắp đặt ở phòng trong, còn của đại đức Revata ở trước phòng. Khi ấy đại đức Revata (nghĩ rằng): "Vị trưởng lão vĩ đại này không nằm," nên cũng không nằm xuống. Đại đức Sabbakāmi (nghĩ rằng): "Vị tỷ-kheo khách này dầu đang mệt vẫn không nằm," nên cũng không nằm xuống.

[647] Sau đó, trong đêm vào lúc gần sáng, đại đức Sabbakāmi đã trở ra và nói với đại đức Revata điều này:

- Nay sư đệ mến, hiện nay người thường xuyên an trú vào sự an trú nào?

- Bạch ngài, hiện nay tôi thường xuyên an trú vào sự an trú tâm từ.

- Nay sư đệ mến, nghe nói hiện nay người thường xuyên an trú vào sự an trú tâm rộng lượng. Nay sư đệ mến, sự an trú tâm rộng lượng ấy tức là tâm từ.

- Bạch ngài, trước đây khi tôi còn là người tại gia, tâm từ đã được thực hành. Chính vì thế, ngay cả hiện nay tôi thường xuyên an trú vào sự an trú tâm từ, và tôi đã chứng đạt quả vị A La Hán lâu nay. Bạch ngài, ngài trưởng lão thường xuyên an trú vào sự an trú nào?

- Nay sư đệ mến, hiện nay ta thường xuyên an trú vào sự an trú trong trạng thái không (suññatā)?

- Bạch ngài, nghe nói hiện nay ngài trưởng lão thường xuyên an trú vào sự an trú của bậc đại nhân. Bạch ngài, sự an trú của bậc đại nhân tức là trạng thái không.

- Nay sư đệ mến, trước đây khi ta còn là người tại gia, trạng thái không đã được thực hành. Chính vì thế, ngay cả hiện nay ta thường xuyên an trú vào sự an trú trong trạng thái không, và ta đã chứng đạt quả vị A La Hán lâu nay.

[648] Trong khi cuộc nói chuyện trao đổi này của hai vị tỷ-kheo trưởng lão chưa chấm dứt thì đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đến. Khi ấy, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đi đến gần đại đức Sabbakāmi, sau khi đến đã đánh lễ

đại đức Sabbakāmi rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã nói với đại đức Sabbakāmi điều này:

- Bạch ngài, các tỳ-kheo này giòng dõi Vajji ở Vesālī công bố trong thành Vesālī mười sự việc: "Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa, được phép hành Uposatha riêng rẽ, được phép hành sự không đủ tỳ-kheo, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá Ngọ, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc." Bạch ngài, ngài trưởng lão đã học tập được nhiều Pháp và Luật từ nơi thầy tế độ; bạch ngài, khi ngài trưởng lão quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp: Các tỳ-kheo ở về hướng đông hay là các tỳ-kheo ở Pāvā?

- Nay sư đệ, người cũng đã học tập được nhiều Pháp và Luật từ nơi thầy tế độ; nay sư đệ, khi người quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp: Các tỳ-kheo ở về hướng đông hay là các tỳ-kheo ở Pāvā?

- Bạch ngài, khi quán xét về Pháp và Luật thì tôi khởi ý thế này: "Các tỳ-kheo ở về hướng đông là các vị nói phi Pháp, các tỳ-kheo ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp;" nhưng tôi sẽ không bộc lộ quan điểm cho đến khi nào tôi được chỉ định trong sự tranh tụng này.

- Nay đệ, khi quán xét về Pháp và Luật thì ta cũng khởi ý thế này: "Các tỳ-kheo ở về hướng đông là các vị nói phi Pháp, các tỳ-kheo ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp;" nhưng ta sẽ không bộc lộ quan điểm cho đến khi nào ta được chỉ định trong sự tranh tụng này.

[649] Lúc bấy giờ, hội chúng có ý muốn dàn xếp sự tranh tụng ấy đã tụ hội lại. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được xem xét, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không một lời phát biểu nào có ý nghĩa. Khi ấy, đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không một lời phát biểu nào có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng đã chọn bốn tỳ-kheo ở hướng đông, bốn tỳ-kheo ở Pāvā. Đại đức Sabbakāmi, đại đức Sālha, đại đức ujjasobhita, đại đức Vāsabhaḡamika là

(đại biểu) của các tỳ-kheo ở hướng đông, đại đức Revata, đại đức Sambhūta Sāṅavāsī, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka, và đại đức Sumana là (đại biểu) của các tỳ-kheo ở Pāvā.

Sau đó, đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không một lời phát biểu nào có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định bốn tỳ-kheo ở hướng đông, bốn tỳ-kheo ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi bất tận được sanh khởi nhưng không một lời phát biểu nào có ý nghĩa. Hội chúng chỉ định bốn tỳ-kheo ở hướng đông, bốn tỳ-kheo ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đại đức nào thỏa thuận với sự chỉ định bốn tỳ-kheo ở hướng đông, bốn tỳ-kheo ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu, xin im lặng; đại đức nào không đồng ý có thể nói lên.

Bốn tỳ-kheo ở hướng đông, bốn tỳ-kheo ở Pāvā đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng thỏa thuận nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[650] Vào lúc bảy giờ, có vị tỳ-kheo tên Ajita được mười năm thâm niên là vị đọc tụng giới bốn Pātimokkha. Khi ấy, hội chúng đã chỉ định đại đức Ajita là vị sắp xếp chỗ ngồi cho các tỳ-kheo trưởng lão. Lúc bảy giờ, các tỳ-kheo trưởng lão đã khởi ý rằng: "Chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở đâu?" Khi ấy, các tỳ-kheo trưởng lão đã khởi ý rằng: "Tu viện Vālika này xinh xắn ít tiếng động, ít ồn ào; như vậy chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở tu viện Vālika."

Sau đó, các tỳ-kheo trưởng lão có ý muốn dàn xếp cuộc sự tranh tụng ấy đã đi đến tu viện Vālika.

[651] Khi ấy, đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin hỏi đại đức Sabbakāmī về Luật.

Đại đức Sabbakāmi cũng đã thông báo đến hội chúng rằng:

- Nay các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được đại đức Revata hỏi về Luật, tôi sẽ trả lời.

[652] Rồi đại đức Revata đã hỏi đại đức Sabbakāmi điều này:

- Bạch ngài, quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép?

- Nay sư đệ, quy định cất giữ muối trong ống sừng là như thế nào?

- Bạch ngài, là mang theo muối bằng ống sừng (nghĩ rằng): "Món nào không có muối, ta sẽ thưởng thức món ấy," có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Việc ấy được phủ quyết ở đâu?

- Ở Sāvatti, trong phần Suttavibhaṅga.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội Ưng đối trị (pācittiya) trong vấn đề vị (tỷ-kheo) cất giữ vật thực.

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ nhất đã được hội chúng giải quyết xong. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thể thứ nhất này.

[653] - Bạch ngài, quy định hai ngón tay là được phép?

- Nay sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là như thế nào?

- Bạch ngài, là ăn vật thực sai giờ khi bóng nắng mặt trời (chiếu ở trên đất) đã dài hai ngón tay, có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Việc ấy được phủ quyết ở đâu?

- Ở thành Rājagaha, trong phần Suttavibhaṅga.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội Ưng đối trị (pācittiya) trong vấn đề vật thực sai giờ.

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ hai đã được hội chúng giải quyết xong. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thẻ thứ hai này.

[654] - Bạch ngài, quy định trong làng là được phép?

- Nay sư đệ, quy định trong làng ấy là như thế nào?

- Bạch ngài, là vị đã ăn xong, đã được thỏa mãn (nghĩ rằng): "Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng," rồi thọ dụng thức ăn không phải còn thừa, có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Việc ấy được phủ quyết ở đâu?

- Ở Sāvatti, trong phần Suttavibhaṅga.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội Ưng đối trị (pācittiya) trong vấn đề vật thực không phải còn thừa lại.

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ ba đã được hội chúng giải quyết xong. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thẻ thứ ba này.

[655] - Bạch ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép?

- Nay sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là như thế nào?

- Bạch ngài là nhiều trú xứ có chung ranh giới (sīmā) thực hiện nhiều lễ Bô Tát (Uposatha), có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.
- Việc ấy được phủ quyết ở đâu?
- Ở Rājagaha, trong chương về Uposatha.
- (Làm việc ấy) phạm tội gì?
- Phạm tội tác ác (dukkata) trong vấn đề vi phạm Luật.
- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ tư đã được hội chúng giải quyết xong. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ tư này.

[656] - Bạch ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép?

- Nay sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là như thế nào?
- Bạch ngài là thực thi hành sự với hội chúng không đủ số lượng (nghĩ rằng): "Chúng ta sẽ thuyết phục các tỷ-kheo đi đến," có được phép không?
- Nay sư đệ, không có được phép.
- Việc ấy được phủ quyết ở đâu?
- Ở trong câu chuyện về Luật của các vị ở Campā.
- (Làm việc ấy) phạm tội gì?
- Phạm tội tác ác (dukkata) trong vấn đề vi phạm Luật.
- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ năm đã được hội chúng giải quyết xong. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ năm này.

[657] - Bạch ngài, thực hành theo tập quán là được phép?

- Nay sư đệ, thực hành theo tập quán là như thế nào?

- Bạch ngài là (vị nghĩ rằng): "Điều này thường được thực hành bởi thầy tế độ của ta, điều này thường được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta," rồi thực hành theo, có được phép không?

- Nay sư đệ, thực hành theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép.

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ sáu đã được hội chúng giải quyết xong. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thẻ thứ sáu này.

[658] - Bạch ngài, quy định chưa được khuấy là được phép?

- Nay sư đệ, quy định chưa được khuấy ấy là như thế nào?

- Bạch ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhưng chưa ở vào trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã được thỏa mãn, lại uống loại sữa ấy không phải còn thừa lại (từ bữa ăn), có được phép không?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Việc ấy được phủ quyết ở đâu?

- Ở Sāvatti, trong phần Suttavibhaṅga.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội Ưng đối trị (pācittiya) trong vấn đề vật thực không phải còn thừa lại.

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ bảy đã được hội chúng giải quyết xong. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thẻ thứ bảy này.

[659] - Bạch ngài, quy định uống nước trái cây lên men là được phép?

- Nay sư đệ, quy định uống nước trái cây lên men là như thế nào?

- Bạch ngài, là uống loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh.

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Việc ấy được phủ quyết ở đâu?

- Ở Kosambī, trong phần Suttavibhaṅga.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội Ưng đối trị (pācittiya) trong vấn đề uống rượu và chất say.

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ tám đã được hội chúng giải quyết xong. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thẻ thứ tám này.

[660] - Bạch ngài, quy định tọa cụ không có viền quanh là được phép?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Việc ấy được phủ quyết ở đâu?

- Ở Sāvatti, trong phần Suttavibhaṅga.

- (Làm việc ấy) phạm tội gì?

- Phạm tội Ưng đối trị (pācittiya) trong phần cần được cất bỏ.

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ chín đã được hội chúng giải quyết xong. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thẻ thứ chín này.

[661] - Bạch ngài, vàng bạc là được phép?

- Nay sư đệ, không có được phép.

- Việc ấy được phủ quyết ở đâu?

- Ở Rājagaha, trong phần Suttavibhaṅga.

- Làm việc ấy phạm tội gì?

- Phạm tội Ưng đối trị (pācittiya) trong vấn đề thọ lãnh vàng bạc.

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, vấn đề thứ mười đã được hội chúng giải quyết xong. Như thế, sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thế thứ mười này.

[662] Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, mười vấn đề này đã được hội chúng giải quyết xong. Như thế, mười sự việc này không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư.

[663] Nay sư đệ, sự tranh tụng này đã được kết thúc, được yên lặng, được ổn thỏa, khéo được ổn thỏa. Nay sư đệ, sư đệ có thể hỏi ta về mười sự việc này trước hội chúng để các tỷ-kheo ấy cùng nhau hiểu rõ.

Sau đó, đại đức Revata đã hỏi đại đức Sabbakāmi về mười quy định ấy trước hội chúng. Đại đức Sabbakāmi đã trả lời mỗi khi được hỏi.

Trong cuộc kết tập về Luật có bảy trăm tỷ-kheo không thiếu và không dư; cho nên cuộc kết tập về Luật này được gọi là "Liên quan bảy trăm vị."

Chương Liên Quan Bảy Trăm Vị là chương thứ mười hai.
Trong chương này có hai mươi lăm sự việc.

Tóm Lược Chương này:

[664]

Mười vấn đề, đầy nước,
hành sự, cùng sứ giả,
đi vào, bốn điều nữa,
và vàng, Kosambī
và vị ở Pāvā,
đường đi Soreyya,
khu vực Sa□kassa,
vùng Kaṇṇakujja,
vùng Udumbara,
và Sahajāti,
rồi yêu cầu, đã nghe,
"Chúng ta nên làm gì?"

Thuyền ngược giòng, bình bát,
vị ở xa thanh vắng,
đem cho, vị thầy dạy,
hội chúng, và Vệ Xá,
tâm bác ái, hội chúng,
các đại biểu (giải quyết).

Tiểu Phẩm được đầy đủ.

-----oOo-----
Hết